

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH



LÊ VĂN THẮNG

**THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO
NGƯỜI NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG
CỬU LONG, VIỆT NAM**

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Mã số: 9380106

HÀ NỘI – 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH



LÊ VĂN THẮNG

**THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO
NGƯỜI NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG
CỬU LONG, VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Người hướng dẫn:

1. PGS.TS. Trương Hồ Hải

2. TS. Ngô Văn Vịnh

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả



Lê Văn Thắng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	10
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	10
1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	10
1.2. CÂU HỎI NGHIÊN CỨU VÀ GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU	29
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT	32
VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO	32
2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO	32
2.2. CHỦ THỂ, NỘI DUNG PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO	44
2.3. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO	57
2.4. KINH NGHIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO ĐỐI VỚI VIỆT NAM	62
Chương 3. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, VIỆT NAM	83
3.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ NHU CẦU TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, VIỆT NAM	83

3.2. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, VIỆT NAM.....	95
Chương 4. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO THỰC HIỆN PHÁP LUẬT.....	139
VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN... 139	
CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, VIỆT NAM.....	139
4.1. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, VIỆT NAM.....	139
4.2. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, VIỆT NAM.....	156
KẾT LUẬN	198
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	200

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Đồng bằng sông Cửu Long	ĐBSCL
Dân tộc thiểu số	DTTS
Trợ giúp pháp lý	TGPL
Thực hiện pháp luật	THPL
Kinh tế - xã hội	KT-XH
Quản lý nhà nước	QLNN
Quan hệ xã hội	QHXH
Quy phạm pháp luật	QPPL
Ủy ban nhân dân	UBND
Xã hội chủ nghĩa	XHCN

DANH MỤC CÁC BẢNG

Trang

Bảng 3.1: Thống kê một số văn bản về Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực TGPL thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp trên địa bàn một số tỉnh thuộc ĐBSCL năm 2023	112
Bảng 3.2: Số lượng tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện TGPL tại các tỉnh ĐBSCL trong năm 2025.....	119

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Trang

Biểu đồ 3.1: Số lượng vụ việc TGPL tham gia tố tụng trên tổng số vụ việc TGPL tại một số tỉnh thuộc ĐBSCL năm 2025	98
Biểu đồ 3.2: Số lượng vụ việc TGPL tham gia tố tụng tại ĐBSCL trong tháng 06/2025.....	99
Biểu đồ 3.3: Tương quan số lượng các vụ việc TGPL năm 2021 trên cả nước dưới các hình thức: tham gia tố tụng, tư vấn pháp luật và đại diện ngoài tố tụng	100
Biểu đồ 3.4: Tỷ lệ vụ việc TGPL cho người thuộc hộ nghèo trên tổng số vụ việc TGPL năm 2025 tại các tỉnh ĐBSCL.....	101
Biểu đồ 3.5: Thống kê số lượng Trợ giúp viên pháp lý tại các tỉnh ĐBSCL tính đến hết năm 2025	118

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trợ giúp pháp lý (TGPL) đối với người nghèo là một trong những chính sách xã hội quan trọng của Việt Nam, thể hiện bản chất Nhà nước "của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân", luôn được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm, nhằm bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật, góp phần giảm nghèo bền vững. Trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam, việc bảo đảm cho người nghèo và các nhóm yếu thế được tiếp cận dịch vụ pháp lý miễn phí, kịp thời và hiệu quả không chỉ mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc mà còn góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào pháp luật và các thiết chế công quyền.

Với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, các Bộ, ngành, địa phương, công tác TGPL cho người nghèo, người yếu thế đến nay đã có nhiều văn bản Quy pháp pháp luật (QPPL) của Nhà nước quy định về TGPL, đặc biệt là thực hiện pháp luật (THPL) về TGPL cho người nghèo, bắt đầu từ Quyết định 734/TTg (1997), sau đó được thể chế hóa bằng Luật TGPL (2006) và Luật TGPL lý sửa đổi (2017). Từ khi hệ thống TGPL được thành lập (1997) tới nay, hàng trăm nghìn người nghèo đã được hưởng dịch vụ TGPL miễn phí thông qua nhiều hình thức như: Được tư vấn pháp luật, được người thực hiện TGPL tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Bên cạnh đó, được tham gia các buổi truyền thông về cơ sở để hướng dẫn các chính sách, pháp luật có liên quan đến đời sống của người dân (pháp luật đất đai, pháp luật bảo hiểm, lao động, an sinh xã hội,...), được cung cấp tờ gấp pháp luật, cẩm nang hướng dẫn yêu cầu TGPL,... Tuy nhiên, trong thực tiễn không ít các địa phương vẫn đối mặt với một số hạn chế và thách thức hạn chế trong hoạt động TGPL cho người nghèo. Vì vậy, việc nghiên cứu để làm rõ những vấn đề lý luận, thực tiễn THPL về TGPL luôn là vấn đề có tính thời sự.

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng kinh tế – xã hội (KT-XH) đặc thù, giữ vai trò quan trọng trong phát triển nông nghiệp, an ninh lương thực và xuất khẩu của cả nước (từ ngày 01/7/2025, sau khi sáp nhập các tỉnh vùng ĐBSCL còn 5 tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Cà Mau. Tuy nhiên, đây cũng là khu vực còn nhiều khó khăn về điều kiện KT-XH, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo ở một số địa phương còn cao, trình độ dân trí và hiểu biết pháp luật của một bộ phận người dân còn hạn chế. Bên cạnh đó, các vấn đề pháp lý phát sinh trong đời sống của người dân ĐBSCL ngày càng đa dạng và phức tạp, đặc biệt trong các lĩnh

vực như đất đai, hôn nhân và gia đình, lao động, chính sách xã hội, khiếu nại, tố cáo và tác động của biến đổi khí hậu, di dân, sinh kế khó khăn.

Thực tiễn triển khai THPL về TGPL trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL trong thời gian qua đã đạt được những kết quả nhất định, song vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế như: mức độ tiếp cận TGPL của người nghèo chưa đồng đều giữa các địa phương; chất lượng và hiệu quả TGPL trong một số vụ việc chưa cao; nguồn nhân lực làm công tác TGPL còn thiếu và chưa đồng bộ; công tác truyền thông, phổ biến về TGPL chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu của người dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS).

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện THPL về TGPL đối với người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL là hết sức cần thiết. Nghiên cứu không chỉ góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của thực hiện pháp luật TGPL cho người nghèo, mà còn đánh giá đúng thực trạng, chỉ ra những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của những hạn chế trong quá trình thực hiện. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp, kiến nghị phù hợp nhằm bảo đảm thực hiện TGPL cho người nghèo, bảo đảm tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người nghèo, góp phần thúc đẩy công bằng xã hội và phát triển bền vững vùng ĐBSCL trong giai đoạn cách mạng mới cả về phương diện lý luận và thực tiễn có ý nghĩa sâu sắc và cấp thiết hiện nay.

Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu sinh đã chọn đề tài: ***“Thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long, Việt Nam”*** làm luận án tiến sĩ luật học, chuyên ngành Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận án là trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn THPL về TGPL cho người nghèo, đánh giá thực trạng THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL, từ đó nêu và đề xuất những quan điểm cơ bản và hệ thống giải pháp mang tính đặc thù nhằm bảo đảm THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích trên, luận án có nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án, đánh giá những giá trị của các công trình đó và những vấn đề luận án cần tiếp tục làm sáng tỏ.

- Phân tích và làm rõ thêm các vấn đề lý luận như: xây dựng khái niệm THPL về TGPL cho người nghèo; Phân tích các đặc điểm và vai trò của THPL về TGPL cho người nghèo, các hình thức THPL, các điều kiện bảo đảm THPL và chủ thể THPL về TGPL cho người nghèo.

- Phân tích những yếu tố tác động tới THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL.

- Phân tích các kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế trong việc THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL và nguyên nhân.

- Phân tích, luận chứng các quan điểm và đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm bảo đảm THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Luận án đi sâu nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn vấn đề THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL dưới góc độ của chuyên ngành Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung: Luận án tập trung vào việc nghiên cứu tổng thể các cơ sở lý luận, chính sách và quy định liên quan đến THPL về TGPL cho người nghèo. Cụ thể, nghiên cứu bao gồm:

- Các quan điểm của Đảng và Nhà nước về THPL về TGPL cho người nghèo.
- Thực trạng THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL.
- Một số quan điểm và đề xuất giải pháp nhằm bảo đảm THPL về TGPL cho người nghèo.

- Phạm vi về thời gian: Nghiên cứu chủ yếu tập trung vào giai đoạn kể từ khi Luật TGPL năm 2006 được ban hành cho đến các văn bản pháp luật và chính sách mới nhất (đặc biệt trong bối cảnh các chương trình, kế hoạch giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021–2025). Từ ngày 01/7/2025, sau khi sáp nhập các tỉnh vùng ĐBSCL còn 5 tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Cà Mau. Tuy nhiên, Luận án chỉ tập trung phân tích, đánh giá đúng thực trạng về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL đến ngày 31/06/2025.

- Phạm vi về không gian:

Luận án nghiên cứu thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Trong bối cảnh thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết của Quốc hội, từ ngày 01/07/2025, vùng ĐBSCL đã chính thức chuyển đổi mô hình từ 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xuống còn 06 đơn vị hành chính cấp tỉnh mới.

Để đảm bảo tính khoa học và thực tiễn, phạm vi không gian của đề tài được khoanh vùng theo hướng: Xác lập nghiên cứu trên ranh giới địa lý toàn vùng ĐBSCL hiện nay, với trọng tâm là phân tích sự chuyển dịch và vận hành của hệ thống TGPL trong giai đoạn chuyển tiếp. Luận án thực hiện việc kế thừa, đối chiếu số liệu thực chứng từ 13 tỉnh, thành phố trước thời điểm sáp nhập để làm nền tảng so sánh, từ đó tập trung nhận diện những thách thức và giải pháp thực hiện pháp luật TGPL dựa trên cấu trúc hành chính mới của 06 tỉnh thành hiện hữu. Cách tiếp cận này giúp luận án bao quát được tính liên tục của dữ liệu và tính thời sự của bối cảnh tái cấu trúc bộ máy nhà nước tại địa phương.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên những cơ sở lý luận sau đây:

Thứ nhất, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, là những học thuyết nền tảng của triết học đóng vai trò quan trọng trong việc phân tích và giải thích quá trình phát triển của xã hội, bao gồm cả sự vận hành của pháp luật. Theo quan điểm của Chủ nghĩa duy vật biện chứng, Học thuyết này khẳng định rằng thế giới vật chất khách quan tồn tại độc lập với nhận thức con người và mọi sự thay đổi trong tự nhiên cũng như xã hội đều được thúc đẩy bởi những mâu thuẫn nội tại. Theo đó, sự phát triển của các hiện tượng, bao gồm cả hệ thống pháp luật, là kết quả của sự đấu tranh giữa các mặt đối lập, dẫn đến sự chuyển hóa từ lượng thành chất. Cách tiếp cận này giúp luận án phân tích các mâu thuẫn, điểm mạnh – điểm yếu của hệ thống pháp luật về TGPL cho người nghèo, từ đó chỉ ra những khoảng trống và đề xuất cải tiến nhằm tạo ra những bước đột phá trong quá trình hoàn thiện pháp luật.

Theo quan điểm của Chủ nghĩa duy vật lịch sử, dựa trên cơ sở của chủ nghĩa duy vật biện chứng, học thuyết này tập trung vào việc giải thích lịch sử phát triển của xã hội qua các giai đoạn khác nhau, nhấn mạnh mối liên hệ mật thiết giữa cơ sở kinh tế (nền tảng vật chất) và kiến trúc thượng tầng (chính trị, pháp luật, văn hóa). Theo đó, sự thay đổi của hệ thống pháp luật, bao gồm cả các quy định về TGPL cho người nghèo, có thể được hiểu là một phần của quá trình chuyển biến lịch sử, phản ánh sự phát triển của lực lượng sản xuất, cũng như mâu thuẫn và xung đột giữa các lực lượng kinh tế – chính trị trong xã hội.

Thứ hai, Lý luận về nhà nước pháp quyền XHCN bắt nguồn từ học thuyết Mác – Lênin và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhấn mạnh Nhà nước phải là của dân, do dân và vì dân. Quan điểm của Đảng khẳng định, quyền lực nhà nước phải thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa lập pháp, hành

pháp và tư pháp, đảm bảo pháp luật giữ vị trí tối thượng và Nhà nước hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Nguyên tắc này được cụ thể hóa trong Hiến pháp 2013 và các nghị quyết của Đảng. Khi nghiên cứu trợ giúp pháp lý, lý luận này gợi mở rằng dịch vụ TGPL phải được tổ chức bởi Nhà nước, có sự lãnh đạo của Đảng và bảo đảm thượng tôn hiến pháp, pháp luật; hệ thống TGPL phải hoạt động công khai, minh bạch, bảo đảm người nghèo và người yếu thế được tiếp cận như một quyền hiến định. Việc phân công trách nhiệm giữa cơ quan lập pháp (xây dựng luật TGPL), hành pháp (tổ chức mạng lưới TGPL) và tư pháp (giám sát chất lượng TGPL) giúp tạo cơ chế vận hành hiệu quả và tránh xung đột lợi ích

Thứ ba, Lý luận về quyền con người và quyền cơ bản của công dân: Quyền con người là giá trị phổ quát, được hình thành qua quá trình đấu tranh của nhân loại và được ghi nhận trong Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền năm 1948 cùng các công ước quốc tế. Ở Việt Nam, quyền con người và quyền công dân được hiến định, bao gồm nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật và quyền được pháp luật bảo vệ. Các công ước như ICCPR, ICESCR, CEDAW, CRC, CRPD và nhiều điều ước khác mà Việt Nam là thành viên đã xác lập nghĩa vụ của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ, thực thi và thúc đẩy quyền. Trợ giúp pháp lý chính là cơ chế cụ thể hóa các quyền: quyền được bảo vệ trước pháp luật và quyền tiếp cận công lý. Theo Tòa án nhân dân tối cao, quyền tiếp cận công lý là khả năng mỗi người dân được xét xử công bằng và bình đẳng trước tòa. Trong nghiên cứu TGPL, lý luận này giúp xác định rằng việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người nghèo không phải là ân huệ, mà là thực hiện nghĩa vụ quốc gia đối với các công ước nhân quyền và Hiến pháp, nhằm bảo đảm mọi công dân đều có điều kiện thực thi quyền của mình.

Thứ tư, Lý luận về công bằng xã hội và xóa đói giảm nghèo: Khái niệm công bằng xã hội được phát triển từ học thuyết Mác về phân phối theo lao động và được bổ sung bởi các lý thuyết công bằng hiện đại (như thuyết công bằng của John Rawls), theo đó xã hội phải đảm bảo phân phối công bằng lợi ích và cơ hội cho mọi người. Ở Việt Nam, quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam coi xóa đói giảm nghèo và bảo vệ người yếu thế là trách nhiệm của Nhà nước nhằm xây dựng xã hội “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Trợ giúp pháp lý là chính sách xã hội hướng đến người nghèo, người yếu thế. Khi áp dụng lý luận công bằng xã hội, luận án xem TGPL như một biện pháp giúp phân phối cơ hội tiếp cận công lý một cách công bằng, góp phần giảm nghèo bền vững.

Thứ năm, Lý luận về trợ giúp pháp lý: Luận án sử dụng lý luận TGPL để xác định phạm vi dịch vụ, tiêu chuẩn chất lượng và mô hình tổ chức phù hợp. Hoạt động TGPL thể hiện tính nhân đạo – kinh tế (giúp người nghèo không phải chịu chi

phí pháp lý) và tính pháp lý (giải quyết các vụ việc liên quan đến quyền và nghĩa vụ). Việc phân tích mô hình TGPL công, tư và hỗn hợp trên thế giới cho thấy Việt Nam nên tiếp tục mô hình hỗn hợp với mạng lưới trung tâm nhà nước kết hợp luật sư, cộng tác viên; mô hình này cho phép tận dụng nguồn lực xã hội và bảo đảm kiểm soát chất lượng TGPL.

Thứ sáu, Lý luận về thực hiện pháp luật: Lý luận thực hiện pháp luật nghiên cứu cách thức mà pháp luật được biến thành hành vi xã hội, gồm có bốn hình thức: tuân thủ, thi hành, sử dụng và áp dụng pháp luật. Tuân thủ là kiềm chế không làm điều luật cấm; thi hành là thực hiện nghĩa vụ pháp lý; sử dụng là thực hiện quyền mà pháp luật cho phép; áp dụng pháp luật là hoạt động của cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ việc cụ thể. Các hình thức này được xây dựng trên nền tảng lý thuyết pháp quyền, nhấn mạnh rằng pháp luật chỉ có giá trị khi được thực hiện đầy đủ trong đời sống xã hội. Trong lĩnh vực TGPL, luận án xem việc tuân thủ và thi hành pháp luật là cơ sở để người dân không vi phạm và thực hiện đúng nghĩa vụ, trong khi sử dụng pháp luật cho phép người nghèo chủ động khởi kiện, yêu cầu bồi thường... khi quyền bị xâm phạm; áp dụng pháp luật đòi hỏi đội ngũ trợ giúp viên, luật sư và cơ quan tố tụng xử lý chính xác vụ việc. Việc phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện pháp luật như kinh tế, văn hóa xã hội, giúp luận án đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả TGPL. Ngoài ra, lý thuyết về hiệu lực và hiệu quả của pháp luật cũng được vận dụng để đánh giá các quy định TGPL, theo đó hiệu lực là giá trị pháp lý của văn bản QPPL và phạm vi áp dụng, còn hiệu quả là kết quả thực tế của sự tác động của pháp luật so với mục tiêu đặt ra, được đánh giá qua mục tiêu, chi phí và kết quả đạt được. Phân tích này giúp luận án xác định những quy định TGPL nào cần sửa đổi để nâng cao tác động thực tiễn.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng một số phương pháp chủ yếu:

- Phương pháp khảo cứu tài liệu: đánh giá và chọn lọc, kế thừa các công trình nghiên cứu liên quan đến THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL để xác định những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu của Luận án.

- Phương pháp thống kê, tổng hợp: Tổng hợp, thống kê các đặc điểm tự nhiên, KT-XH của vùng ĐBSCL; Tập hợp và thống kê số liệu để phân tích, đánh giá xu hướng thay đổi và phát triển của hoạt động TGPL; Tổng hợp các quan điểm trong công tác hoàn thiện, đảm bảo THPL về TGPL cho người nghèo nói chung và áp dụng cụ thể đối với ĐBSCL nói riêng.

- Phương pháp phân tích, đánh giá: Phân tích thực trạng THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL; Phân tích nhóm các quan điểm đảm bảo

THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL để làm cơ sở cho việc đề xuất kiến nghị. Đồng thời, với mỗi giải pháp được đưa ra, việc sử dụng kết hợp phương pháp phân tích, đánh giá sẽ là cơ sở để làm rõ, nhấn mạnh nhóm các giải pháp đảm bảo THPL về TGPL.

- Phương pháp so sánh: So sánh các quy định pháp luật trong giai đoạn trước đây với các quy định hiện hành để thấy được những điểm chuyển biến tích cực, đồng thời cũng phát hiện những khoảng trống cần bổ sung nhằm thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu; So sánh các quy định pháp luật và việc thực hiện công tác TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL trong một số thời kỳ để thấy được sự kế thừa, phát huy những ưu điểm và hạn chế khuyết điểm của thời kỳ trước.

- Phương pháp lịch sử: được vận dụng trong đề tài nhằm tái hiện một cách có hệ thống quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện khuôn khổ pháp luật, chính sách về trợ giúp pháp lý ở Việt Nam nói chung và tổ chức thực hiện tại ĐBSCL nói riêng. Thông qua việc khảo sát diễn biến lịch sử, đề tài làm rõ bối cảnh KT-XH - chính trị tác động đến sự ra đời và điều chỉnh các quy định về trợ giúp pháp lý, xác định động lực thúc đẩy các đợt cải cách pháp luật, đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu cho việc hoàn thiện chính sách trong giai đoạn hiện nay. Nguồn tư liệu cho việc áp dụng phương pháp lịch sử bao gồm hệ thống văn bản QPPL từ luật đến các văn bản dưới luật về trợ giúp pháp lý qua các thời kỳ; các chiến lược, nghị quyết, đề án của Đảng và Nhà nước liên quan đến bảo vệ quyền con người, tiếp cận công lý và TGPL; báo cáo tổng kết, đánh giá thực hiện của các cơ quan quản lý nhà nước (QLNN), Trung tâm TGPL các cấp tại ĐBSCL; cùng với các tài liệu nghiên cứu học thuật, bài viết báo chí phản ánh thực tiễn hoạt động TGPL trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

- Phương pháp phân tích chủ đề (Thematic analysis) được áp dụng để xử lý khối lượng tư liệu lịch sử phong phú, giúp nhận diện các chủ đề xuyên suốt trong quá trình phát triển trợ giúp pháp lý. Qua đó, luận án làm rõ những động lực chính thúc đẩy cải cách, bao gồm cam kết quốc tế về quyền con người, yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền, nhu cầu bảo vệ quyền lợi của người nghèo và nhóm dễ bị tổn thương, cũng như áp lực từ thực tiễn tổ tụng và xã hội. Đồng thời, phân tích chủ đề giúp phát hiện những rào cản lặp lại qua các thời kỳ như thiếu nguồn lực, trình độ đội ngũ chưa đồng đều, nhận thức hạn chế của người dân về quyền được trợ giúp pháp lý, hay sự phối hợp chưa chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan. Bên cạnh đó, phương pháp này cũng cho phép nhận diện và đánh giá các mô hình tốt, sáng kiến hiệu quả đã được triển khai tại một số địa phương trong ĐBSCL, từ đó làm cơ sở để nhân rộng hoặc điều chỉnh cho phù hợp.

5. Ý nghĩa khoa học, ý nghĩa thực tiễn và đóng góp mới của luận án

5.1. Ý nghĩa khoa học

- Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần vào giải quyết một số vấn đề lý luận hiện nay đang đặt ra đối với hoạt động thực hiện TGPL cho người nghèo, bổ sung và làm sâu sắc lý luận về nhà nước pháp quyền XHCN và quyền con người, luận án làm rõ sự thống nhất giữa thượng tôn Hiến pháp, pháp luật và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Qua đó, nghiên cứu khẳng định TGPL là công cụ thiết yếu để hiện thực hóa nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật và quyền tiếp cận công lý của mọi người dân.

- Luận án vận dụng lý luận về quyền con người và công bằng xã hội để phân tích TGPL như một quyền hiến định của nhóm yếu thế, đồng thời liên hệ với các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Từ đó, nghiên cứu xây dựng khung lý thuyết cho việc đánh giá mức độ hiện thực hóa quyền tiếp cận công lý của người nghèo.

- Trên cơ sở tổng quan các mô hình TGPL trên thế giới và quy định của Luật TGPL 2017, luận án khái quát bản chất nhân đạo – pháp lý của TGPL, phân tích vai trò, chức năng và hiệu quả của dịch vụ này. Nghiên cứu cũng chỉ ra khoảng trống giữa lý thuyết và thực tiễn, đặc biệt tại các tỉnh ĐBSCL.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án khảo sát thực tế tại 13 tỉnh/thành vùng ĐBSCL, thu thập dữ liệu định lượng và định tính để phản ánh nhu cầu, mức độ tiếp cận, chất lượng dịch vụ và rào cản. Kết quả giúp các cơ quan quản lý, Trung tâm TGPL và chính quyền địa phương hiểu rõ hơn thực trạng, từ đó xây dựng chính sách phù hợp.

Trên cơ sở phân tích các yếu tố kinh tế, văn hóa, niềm tin, môi trường và pháp luật ảnh hưởng tới việc thực hiện TGPL, luận án đề xuất một số kiến nghị góp phần triển khai hiệu quả Nghị quyết 27-NQ/TW (về xây dựng nhà nước pháp quyền) và Luật TGPL 2017; đồng thời hỗ trợ Bộ Tư pháp và địa phương trong việc sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm đảm bảo quyền tiếp cận công lý của người nghèo.

5.3. Đóng góp mới của luận án

Luận án là công trình chuyên khảo đầu tiên nghiên cứu tương đối hệ thống và toàn diện THPL về TGPL trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL, nên có một số đóng góp khoa học mới sau:

- Luận án đã phân tích và đánh giá kinh nghiệm quốc tế về TGPL và chỉ ra rằng một hệ thống TGPL hiệu quả không chỉ cần một mô hình tổ chức đúng (Mô hình hỗn hợp), mà còn cần một cơ chế vận hành thông minh, tập trung vào chất lượng, công nghệ, và sự linh hoạt trong tiếp cận, đồng thời tránh được hành chính hóa và phụ thuộc thái quá vào một tổ chức (Mô hình luật sư tư hoàn toàn).

- Xây dựng khái niệm pháp luật về TGPL, THPL về TGPL cho người nghèo có tính nền tảng xuyên suốt luận án; chỉ ra được một số đặc điểm, hình thức THPL về TGPL; nêu lên được vai trò, điều kiện bảo đảm THPL về TGPL cho người nghèo.

- Luận án đề xuất bổ sung quy định cho phép các Trung tâm TGPL kết nối với cơ sở dữ liệu dân cư và hệ thống an sinh xã hội để xác thực nhanh đối tượng thụ hưởng; mở rộng đối tượng TGPL gồm người cận nghèo, lao động di cư và nông dân bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu; xây dựng cơ chế hỗ trợ ngôn ngữ đối với đồng bào DTTS.

- Luận án chỉ ra mối liên hệ giữa các yếu tố kinh tế, văn hóa và hiệu quả thực thi pháp luật; bổ sung lý luận về thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo trong bối cảnh chuyển đổi số; đồng thời khẳng định TGPL không chỉ là dịch vụ pháp lý mà còn là công cụ trao quyền pháp lý và phát triển bền vững.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận án được kết cấu làm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.

Chương 2: Cơ sở lý luận thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Chương 3: Thực trạng thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long

Chương 4: Quan điểm và giải pháp đảm bảo thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long hiện nay.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Trong thời gian qua, việc nghiên cứu về THPL về TGPL cho người nghèo nói chung, TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL được sự quan tâm của một số các học giả trong và ngoài nước. Trong luận án, khi nghiên cứu THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL, tác giả tập trung nghiên cứu những công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, những vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu trong luận án. Đây chính là cơ sở quan trọng cho việc đưa ra những kết quả mới của luận án về vấn đề này.

1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

1.1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu lý luận pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo

** Nhóm công trình khoa học nghiên cứu lý luận TGPL cho người nghèo, pháp luật về TGPL cho người nghèo*

Một hoặc một vài khía cạnh liên quan lý luận pháp luật về TGPL cho người nghèo, pháp luật về TGPL cho người nghèo được đề cập tại hầu hết các công trình về chủ đề về TGPL từ đề tài nghiên cứu khoa học các cấp đến luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ.

- Đề tài nghiên cứu khoa học

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ năm 2015 “*Luận cứ khoa học và thực tiễn sửa đổi, bổ sung Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017*” do Cục Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư Pháp) là đơn vị thực hiện đề tài. Nhằm xây dựng một luận cứ khoa học nhằm góp phần khắc phục điểm bất cập của Luật TGPL năm 2006, đề tài đã tập trung làm rõ những vấn đề như: Lịch sử hình thành và phát triển TGPL; bản chất, khái niệm TGPL; quyền được TGPL và người được TGPL; yêu cầu điều chỉnh pháp luật đối với tổ chức và hoạt động TGPL và trách nhiệm của nhà nước trong xây dựng pháp luật, triển khai hoạt động TGPL. Những khía cạnh lý luận được đề cập trong đề tài được

đánh giá một bước tiến đáng kể cả về phạm vi nội dung cũng như chiều sâu của nhận thức so với đề tài cấp Bộ về cùng chủ đề này và do chính cơ quan chủ trì và cơ quan thực hiện tiến hành vào năm 2004.

- *Bài tạp chí khoa học*

Trong bài viết “*Mô hình và thực tiễn hoạt động TGPL trên thế giới*” [81] tác giả Đinh Ngọc Thắng phân tích ba mô hình TGPL cho người nghèo, người yếu thế: mô hình từ thiện, mô hình luật sư trợ giúp được trả lương từ ngân sách Nhà nước và mô hình hỗn hợp. Tác giả cũng xem xét thực tiễn TGPL tại một số quốc gia, bao gồm: chủ thể thực hiện TGPL (tổ chức Nhà nước và phi chính phủ), đối tượng được TGPL (người nghèo, yếu thế như phụ nữ, trẻ em, người già, người tàn tật), phạm vi TGPL (tư vấn, đại diện, bào chữa, hòa giải, trợ giúp điều tra, TGPL lưu động...), lĩnh vực pháp luật được TGPL (tất cả các lĩnh vực trừ kinh doanh, thương mại) và người thực hiện TGPL (luật sư, sinh viên, cán bộ pháp luật). Tuy nhiên, tác giả không chỉ ra rõ Việt Nam theo mô hình TGPL nào và chỉ nhận định chung rằng mô hình TGPL của Việt Nam phù hợp với thực tiễn thế giới, đồng thời chưa cụ thể hóa các yếu tố như chủ thể, đối tượng, phạm vi, lĩnh vực và người thực hiện TGPL theo pháp luật Việt Nam hiện hành.

Tiếp cận dưới góc độ hẹp về TGPL trong tổ tụng hình sự, tác giả Lê Huỳnh Tấn Duy phân tích các quy định của Luật TGPL năm 2006 và năm 2017, Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 và Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 liên quan đến TGPL trong tổ tụng hình sự. Tác giả đề cập đến đối tượng và chủ thể thực hiện TGPL, tư cách tham gia tố tụng của người thực hiện TGPL và hoạt động TGPL trong các giai đoạn tố tụng, bao gồm đối với người bị tạm giữ, tạm giam. Để nâng cao hiệu quả TGPL trong tổ tụng hình sự, tác giả đề xuất một số kiến nghị, như không đặt điều kiện tài chính đối với bị hại từ 16 đến dưới 18 tuổi và bổ sung quy định về thủ tục đăng ký tham gia tố tụng với tư cách người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị hại và đương sự.

Bài viết “*Trợ giúp pháp lý cho người nghèo ở Việt Nam*” của các tác giả Nguyễn Thị Tuyết Vân và Vũ Thị Lan Hương đã phân tích khái niệm, đặc điểm, các quyền của người nghèo trong TGPL; thực trạng TGPL cho người nghèo và đưa ra

một số khuyến nghị về TGPL cho người nghèo trong thời gian tới. Liên quan đến bản chất của TGPL cho người nghèo, các tác giả dựa trên giải thích của Luật TGPL năm 2017 về TGPL cho người nghèo đã nêu bật được bản chất TGPL cho người nghèo như: 1) TGPL cho người nghèo là dịch vụ pháp lý miễn phí; 2) TGPL cho người nghèo phải trong khuôn khổ các vụ việc TGPL theo quy định của pháp luật TGPL; 3) TGPL cho người nghèo góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật [111].

Đề cập đến vai trò của của TGPL, hai tác giả Tạ Thị Minh Lý và Nguyễn Huy Liệu nhấn mạnh vai trò quan trọng của trợ giúp pháp lý (TGPL) trong việc bảo vệ quyền lợi cho người nghèo và đối tượng chính sách. Cụ thể, trong bài viết “*Bảo đảm quyền con người cho người nghèo trong lĩnh vực TGPL*” tác giả Tạ Thị Minh Lý coi TGPL vừa là quyền, vừa là công cụ bảo vệ các quyền khác của công dân, đặc biệt là quyền con người. TGPL được xem là dịch vụ miễn phí, một chính sách xã hội quan trọng của Nhà nước, góp phần phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội và hạn chế vi phạm pháp luật [64]. Tương tự, tác giả Nguyễn Huy Liệu trong công trình của mình cũng phân tích vai trò của TGPL đối với cả xã hội và người nghèo. Đối với xã hội, TGPL giúp củng cố pháp chế XHCN, giữ vững an ninh, trật tự và ổn định chính trị, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế và đoàn kết cộng đồng. Đối với người nghèo và các đối tượng chính sách, TGPL giúp họ nhận thức rõ quyền và nghĩa vụ của mình, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, từ đó đảm bảo quyền công dân được thực hiện đầy đủ [60].

Về trách nhiệm TGPL của Nhà nước đối với người nghèo, bài viết của tác giả Phạm Thị Duyên Thảo về “*Trách nhiệm TGPL của Nhà nước*” [82] phân tích trách nhiệm của Nhà nước trong việc đảm bảo quyền TGPL theo các văn kiện quốc tế và pháp luật Việt Nam. Theo đó, Nhà nước phải chủ động tạo cơ sở pháp lý, bảo đảm bình đẳng, không phân biệt trong cung cấp TGPL, bảo đảm quyền tiếp cận sớm TGPL, cung cấp thông tin cho các cơ quan liên quan, kết nối xã hội tham gia TGPL và đảm bảo tài chính, nhân lực chất lượng. Tương tự, tác giả Đào Du Long [62] nhấn mạnh trách nhiệm của Nhà nước đối với TGPL cho người nghèo, cho rằng Nhà nước có vai trò nòng cốt trong hoạt động này, xuất phát từ chính sách xóa đói giảm

nghèo và bảo đảm công bằng xã hội. TGPL cho người nghèo là một phần trong chức năng cung cấp dịch vụ công của Nhà nước và được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng quyền công dân, quyền con người.

Tác giả Nguyễn Huy Hoàn với bài viết *“Vai trò của luật sư trong hoạt động TGPL”* [47] đã phân tích vai trò của luật sư trong thực hiện TGPL theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006 và Luật Luật sư năm 2006. Tác giả nhận định rằng thực hiện TGPL không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của luật sư. Ngoài ra, luật sư là một trong những chủ thể tham gia tích cực vào hoạt động TGPL thông qua nhiều tổ chức khác nhau với các hình thức TGPL khác nhau. Các lĩnh vực luật sư tham gia TGPL bao hàm hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tác giả Đoàn Thị Ngọc Hải với bài viết *“Bảo đảm quyền được TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách ở Việt Nam hiện nay”* [46] phân biệt giữa quyền được TGPL và hoạt động TGPL. Quyền được TGPL là quyền cơ bản của con người, cho phép cá nhân tiếp cận dịch vụ tư vấn pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật, trong khi hoạt động TGPL là hệ thống và cách thức cung cấp dịch vụ này, do Nhà nước và xã hội thực hiện. Hiệu quả của TGPL phụ thuộc vào cơ chế thực thi và kế hoạch hành động dựa trên quyền và lợi ích của đối tượng thụ hưởng. Bài viết chủ yếu tập trung vào quyền được TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách, với hoạt động TGPL được đề cập một cách sơ lược.

- Luận án tiến sĩ

Tác giả Nguyễn Việt Khoa với luận án tiến sĩ *“Hoạt động TGPL theo pháp luật Việt Nam hiện nay”* [56] đã làm rõ bản chất của hoạt động TGPL, gắn với tư duy về dân chủ, nhân quyền và xây dựng nhà nước pháp quyền. Tác giả phân tích định nghĩa, các đặc điểm và vai trò của hoạt động TGPL, đồng thời làm rõ mô hình TGPL ở Việt Nam, bao gồm chủ thể tham gia (hệ thống TGPL của Nhà nước, các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia theo luật định), đối tượng được TGPL (người được TGPL theo quy định pháp luật), nội dung và hình thức thực hiện hoạt động TGPL. Tác giả cũng phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động TGPL, như chế độ chính trị, chính sách xã hội của Nhà nước, mức độ hoàn thiện của pháp luật về TGPL, nguồn lực thực hiện và môi trường xã hội. Ngoài ra, tác giả còn đưa ra khung lý

thuyết về điều chỉnh pháp luật đối với hoạt động TGPL, từ đó đánh giá toàn diện thực trạng điều chỉnh pháp luật đối với hoạt động TGPL ở Việt Nam.

Luận án tiến sĩ “*QLNN bằng pháp luật đối với hoạt động TGPL ở Việt Nam hiện nay*” của tác giả Nguyễn Văn Tùng [95] tiếp cận dưới góc độ QLNN bằng pháp luật đối với hoạt động TGPL. Tác giả làm rõ các vấn đề lý luận cơ bản về QLNN đối với hoạt động TGPL, trong đó khái niệm hoạt động TGPL được hiểu là việc Nhà nước thông qua các hoạt động quản lý của mình, huy động các nguồn lực xã hội, phối hợp với Nhà nước cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho những người thuộc đối tượng TGPL, giúp họ tiếp cận các dịch vụ pháp lý như các công dân khác. Tác giả cũng giải thích khái niệm QLNN bằng pháp luật đối với hoạt động TGPL, là việc Nhà nước xây dựng và sử dụng công cụ pháp luật để tác động lên đối tượng quản lý nhằm đổi mới và phát triển hoạt động TGPL, huy động sự tham gia của các nguồn lực xã hội để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người nghèo và đối tượng được TGPL, nâng cao hiểu biết pháp luật, bảo đảm công bằng xã hội và xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN. Ngoài ra, tác giả chỉ ra nội dung cơ bản của QLNN bằng pháp luật đối với hoạt động TGPL bao gồm: xây dựng và ban hành pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật về hoạt động TGPL, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

Một số luận án tiến sĩ luật học nghiên cứu về điều chỉnh và THPL về TGPL. Trong luận án “*Điều chỉnh pháp luật về TGPL ở Việt Nam trong điều kiện đổi mới*” [63] tác giả Tạ Thị Minh Lý phân tích cơ sở lý luận về điều chỉnh pháp luật về TGPL, gồm đặc điểm, vai trò, phạm vi và hình thức của điều chỉnh pháp luật, cũng như các yếu tố tác động như tính hoàn thiện của hệ thống pháp luật, năng lực tổ chức thực hiện pháp luật của cán bộ, viên chức và sự lãnh đạo của Đảng trong công tác TGPL. Tương tự, trong luận án “*THPL về TGPL trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam*,” tác giả Nguyễn Huỳnh Huyện [54] làm rõ bản chất của TGPL, gồm bản chất nhà nước, nhân đạo và cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí, đồng thời phân tích khái niệm và đặc điểm của pháp luật về TGPL, liên quan đến các lĩnh vực pháp luật khác như dân sự, lao động, hành chính. Luận án “*Trợ giúp pháp lý cho đồng bào DTTS khu vực Tây Bắc*” [93] của tác giả Bùi Huy Toàn bên cạnh kế thừa về

mặt lý luận đối với các vấn đề về chủ thể, nội dung, hình thức, nguyên tắc, vai trò TGPL đã làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về TGPL gắn với khu vực Tây bắc như chủ thể, nội dung, hình thức, phương pháp, nguyên tắc...TGPL cho đồng bào DTTS khu vực Tây Bắc.

** Nhóm công trình nghiên cứu lý luận về THPL về TGPL cho người nghèo
- Luận án tiến sĩ*

Luận án tiến sĩ của tác giả Nguyễn Huỳnh Huyền [54] xây dựng khái niệm toàn diện THPL về TGPL, coi đây là quá trình có mục đích của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và các chủ thể khác, nhằm đưa các QPPL về TGPL vào cuộc sống, bảo vệ quyền hợp pháp của các đối tượng đặc biệt, yếu thế như người nghèo, người có công với cách mạng, người già cô đơn, trẻ em không nơi nương tựa và DTTS. Đặc điểm của THPL về TGPL bao gồm: Nhà nước là chủ thể chính, đối tượng là những người có hoàn cảnh khó khăn, phạm vi thực hiện rộng và ở nhiều địa bàn và hoạt động TGPL mang tính đặc thù. Cùng với đó, luận án của tác giả Bùi Huy Toàn [93] nghiên cứu TGPL cho đồng bào DTTS ở khu vực Tây Bắc, phân tích chủ thể THPL, nội dung pháp luật và hình thức TGPL cho đồng bào DTTS ở các tỉnh như Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Yên Bái, Lào Cai và Hoà Bình. Các chủ thể THPL về TGPL cho đồng bào DTTS bao gồm những tổ chức và cá nhân liên quan và nội dung pháp luật bao gồm giải đáp, hướng dẫn và hỗ trợ bảo vệ quyền lợi cho những người được TGPL. Nội dung pháp luật gồm các hoạt động như giải đáp pháp luật, hướng dẫn người được trợ giúp thực hiện các hoạt động pháp lý, hỗ trợ người được TGPL bảo vệ quyền và lợi ích.

1.1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu thực tiễn thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long

Hiện tại, không có một công trình khoa học chuyên biệt nào nghiên cứu thực tiễn THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL. Các công trình nghiên cứu hiện tại có phạm vi và đối tượng nghiên cứu về thực tiễn THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn cả nước trong đó nhắc tới kết quả thực hiện tại một hoặc một vài tỉnh thuộc ĐBSCL.

** Sách chuyên khảo, tham khảo*

Các công trình nghiên cứu dưới dạng sách chuyên khảo có thể kể đến như: *10 năm hoạt động TGPL ở Việt Nam hướng phát triển, Cẩm nang tổ chức thực hiện TGPL, Hỏi- đáp pháp luật về TGPL, Cẩm nang nghiệp vụ dành cho cán bộ tư pháp, văn phòng luật sư và TGPL: Quy định mới về hoạt động tư pháp trong lĩnh vực dân sự, hành chính, hộ tịch, hộ khẩu, hôn nhân và gia đình...* Những công trình này nghiên cứu sâu về pháp luật cũng như thực tiễn thực hiện TGPL ở Việt Nam. Chẳng hạn, sách chuyên khảo “*Cẩm nang nghiệp vụ dành cho cán bộ tư pháp, văn phòng luật sư và TGPL: Quy định mới về hoạt động tư pháp trong lĩnh vực dân sự, hành chính, hộ tịch, hộ khẩu, hôn nhân và gia đình*” với toàn bộ Phần thứ hai của cuốn sách giới thiệu về Luật TGPL và văn bản hướng dẫn thi hành.

Trong các công trình nghiên cứu này, chủ yếu nội dung về THPL về TGPL được giới thiệu, cập nhật, cung cấp các cách thức THPL, hướng dẫn nghiệp vụ cho các cán bộ thực hiện TGPL.

** Bài Tạp chí khoa học*

Tác giả Nguyễn Huy Liệu [60] đề cập tới những khó khăn, thách thức trong thực tiễn thực hiện TGPL như nhận thức về hoạt động TGPL chưa đầy đủ, hệ thống pháp luật về TGPL còn nhiều bất cập, chưa điều chỉnh toàn diện các quan hệ TGPL phát sinh, chưa có đội ngũ luật sư thực hiện TGPL chuyên trách trong các tổ chức TGPL của Nhà nước, đội ngũ cán bộ TGPL còn thiếu về số lượng và chưa có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động. Ngoài ra, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc và kinh phí hoạt động trong thực hiện TGPL còn thiếu thốn và hạn chế; chưa có sự phối hợp có hiệu quả giữa cơ quan tư pháp và các cơ quan Nhà nước trong hoạt động.

Cùng đề cập về thực trạng công tác TGPL ở Việt Nam, tác giả Trịnh Thị Thanh [79] chỉ ra một số kết quả nổi bật của công tác TGPL. Theo tác giả, trong những năm qua hệ thống TGPL được củng cố, kiện toàn, tinh gọn, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của các trợ giúp viên pháp lý. Số lượng, chất lượng, hiệu quả vụ việc TGPL, nhất là các vụ việc tham gia tố tụng ngày càng tăng đáp ứng tốt hơn nhu cầu TGPL của người dân. Tuy nhiên, công tác TGPL còn có những hạn chế, bất cập đó là số lượng vụ việc TGPL vẫn còn thấp so với số người thuộc diện TGPL và

chất lượng, hiệu quả vụ việc TGPL còn chưa đồng đều. Tác giả lý giải nguyên nhân của hạn chế trên xuất phát từ khả năng tiếp cận dịch vụ TGPL của người dân còn hạn chế; nhận thức của người dân chưa cao; hiệu quả truyền thông về TGPL còn chưa tương xứng với tiềm năng, vai trò của công tác này; trách nhiệm phối hợp của các cơ quan tiến hành tố tụng chưa được thực hiện đầy đủ.

Bài viết “*Công tác phối hợp về TGPL trong hoạt động tố tụng của ngành Toà án*” [1] của tác giả Nguyễn Hải An đề cập tới thực trạng phối hợp về TGPL trong hoạt động tố tụng của Ngành Toà án. Bài viết phân tích thực trạng công tác phối hợp về TGPL trong ngành Toà án. Kết quả đạt được gồm việc các Toà án nhân dân cấp tỉnh và huyện niêm yết thông tin về TGPL và mở hộp thư điện tử để tiếp nhận thông tin liên quan. Cán bộ Toà án cũng hướng dẫn các đương sự thuộc diện TGPL về thủ tục yêu cầu TGPL. Tuy nhiên, công tác phối hợp gặp khó khăn do nhận thức chưa thống nhất, sự quan tâm và chỉ đạo chưa đủ mạnh, nguồn kinh phí cho tuyên truyền còn hạn chế, việc cấp chứng nhận hộ nghèo chưa nghiêm túc và một số trung tâm TGPL chưa cung cấp danh sách trợ giúp viên kịp thời. Chất lượng tham gia tố tụng của trợ giúp viên pháp lý và luật sư còn thấp.

** Luận án tiến sĩ*

Tác giả Nguyễn Huỳnh Huyền [54] trong Chương 03 của luận án tiến sĩ đã phân tích thực trạng THPL về TGPL trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Các kết quả đạt được bao gồm sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống các tổ chức TGPL từ Trung ương đến cơ sở, với sự gia tăng số lượng vụ việc và đối tượng được TGPL qua từng năm. Điều này chứng tỏ người dân đã dần nhận thức rõ hơn về quyền lợi và nhu cầu TGPL, đồng thời các tổ chức TGPL cũng đã cải thiện khả năng đáp ứng nhu cầu của người dân. Bên cạnh đó, tác giả cũng chỉ ra một số thành tựu trong việc THPL về TGPL ở các lĩnh vực như tố tụng, bình đẳng giới và bảo vệ trẻ em, thông qua các số liệu minh chứng cụ thể. Tuy nhiên, tác giả cũng chỉ ra một số hạn chế có ảnh hưởng đến hiệu quả THPL về TGPL như nhận thức của người dân về TGPL chưa cao, thể chế và các quy định pháp lý còn bất cập, công tác phối hợp giữa các cơ quan chưa thực sự hiệu quả. Hơn nữa, việc tham gia tố tụng của các chủ thể liên quan chưa đạt yêu cầu, tổ chức và bộ máy thực thi pháp luật về TGPL chưa được

kiện toàn kịp thời và đội ngũ cán bộ thực hiện TGPL còn thiếu kỹ năng chuyên môn cần thiết. Các nguyên nhân của những hạn chế này đã được tác giả phân tích một cách toàn diện, từ cả góc độ chủ quan và khách quan.

** Các công trình nghiên cứu khác*

Các báo cáo tổng kết công tác TGPL hàng năm của Cục TGPL, Bộ Tư pháp [30] cung cấp thông tin tổng quan về việc thực hiện các nhiệm vụ về TGPL trong năm cấp Trung ương và địa phương. Các kết quả đạt được phải kể đến là công tác xây dựng văn bản và triển khai thi hành Luật TGPL, hoạt động truyền thông về TGPL, công tác quản lý TGPL, công tác phối hợp TGPL trong tổ tụng và công tác phối hợp với các cơ quan, tổ chức khác; công tác hợp tác quốc tế về TGPL; công tác tổ chức, cán bộ, đào tạo bồi dưỡng. Liên quan đến THPL về TGPL, các báo cáo không thống kê cụ thể về thực tiễn thực hiện tại các tỉnh, thành (bao gồm các tỉnh ĐBSCL) mà chỉ cung cấp các thông tin về tổ chức thực hiện TGPL (về số lượng tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL, về số lượng tổ chức đăng ký tham gia TGPL, việc sắp xếp, kiện toàn bộ máy, kiện toàn đội ngũ người thực hiện TGPL được các Trung tâm TGPL quan tâm thực hiện); kết quả thực hiện vụ việc TGPL, thẩm định, đánh giá chất lượng TGPL trên toàn quốc.

“*Báo cáo đánh giá một số kết quả 05 năm triển khai đề án đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015-2025*” [30] của Bộ Tư pháp cung cấp một số kết quả đạt được sau 05 năm triển khai đề án đổi mới công tác TGPL. Nếu trước tháng 06/2015, hoạt động TGPL vẫn còn dàn trải vào các hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật, chưa phản ánh rõ nét được bản chất của TGPL là giúp đỡ người được TGPL khi họ có vướng mắc, tranh chấp pháp luật cụ thể. Tuy nhiên, sau 04 năm triển khai đề án số vụ việc tham gia tố tụng do trợ giúp viên pháp lý thực hiện tăng lên rõ rệt. Nhiều địa phương có số vụ việc tham gia tố tụng năm 2019 tăng mạnh so với năm 2018, trong đó có một số tỉnh thuộc ĐBSCL như Hậu Giang tăng 259%, Kiên Giang tăng 91%. Số lượng, chất lượng vụ việc TGPL trong toàn quốc cũng có những chuyển biến rõ rệt. Để đánh giá sự thay đổi về số lượng, chất lượng vụ việc TGPL, việc khảo sát được thực hiện tại 04 tỉnh, thành phố (không có tỉnh nào thuộc ĐBSCL) bao gồm Hà Tĩnh, Tây Ninh, Gia Lai và Lạng Sơn.

Thực tiễn thực hiện pháp luật về TGPL được tổng kết tương đối đầy đủ trong Báo cáo số 158/BC/BTP Báo cáo tổng kết 08 năm thi hành Luật Trợ giúp pháp lý ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Tư pháp. Báo cáo cung cấp những thông tin về kết quả đạt được về công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế để triển khai thi hành Luật; thực tiễn tổ chức quán triệt, truyền thông để nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về pháp luật TGPL; thực trạng tổ chức thực hiện rõ nét và người thực hiện rõ nét; thực trạng công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ người thực hiện rõ nét; chính sách khuyến khích, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện, đóng góp, hỗ trợ hoạt động rõ nét. Báo cáo cũng cung cấp các số liệu cụ thể về kết quả thực hiện các vụ việc TGPL; công tác phối hợp trong TGPL; công tác hợp tác quốc tế về TGPL. Báo cáo chỉ ra những hạn chế, bất cập trong quy định của Luật và thực tiễn triển khai thi hành Luật TGPL, đồng thời lý giải các nguyên nhân của hạn chế, bất cập trong 08 năm triển khai Luật TGPL (bao gồm các nguyên nhân khách quan và các nguyên nhân chủ quan.). Ngoài ra, Báo cáo cũng dành một dung lượng nhỏ về một số kinh nghiệm trong điều chỉnh và thi hành Luật TGPL 2006.

Trong thời gian gần đây, hướng nghiên cứu ứng dụng trong điều chỉnh pháp luật đối với hoạt động TGPL được sự quan tâm của nhiều học viên cao học. Những luận văn thạc sĩ này có đối tượng nghiên cứu là THPL về TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách với phạm vi nghiên cứu về không gian giới hạn tại một số tỉnh thành trong cả nước, trong đó có một số tỉnh thuộc ĐBSCL. Ở từng mức độ khác nhau, các luận văn đều xuất phát từ việc hệ thống các quan điểm lý luận về TGPL, đưa ra cách hiểu về TGPL, phân tích nội dung hoạt động TGPL, xác định vai trò chế định hóa của pháp luật và làm rõ ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan và khách quan đối với hoạt động TGPL như: Luận văn thạc sĩ của Nguyễn Thị Hồng Kiên với chủ đề “*Hoàn thiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách ở Việt Nam hiện nay*” tại Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2012 [55]; Luận văn thạc sĩ luật học “*Pháp luật về TGPL cho người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội khác*” của Hoàng Thị Liên tại Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2014 [59]; Luận văn thạc sĩ luật học “*Trợ giúp pháp lý từ thực tiễn tỉnh Sóc Trăng*” của Hồ Minh Hải tại Học viện

Khoa học xã hội năm 2014 [44], Luận văn thạc sĩ luật học “*Tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý từ thực tiễn tỉnh Ninh Thuận*” của Ngô Văn Phát tại Học viện Khoa học xã hội năm 2017 [67].

1.1.1.3. Nhóm công trình nghiên cứu về giải pháp bảo đảm THPL về trợ giúp pháp lý cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long

** Bài Tạp chí khoa học*

Tác giả Trịnh Thị Thanh [79, tr. 115-116] đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác QLNN về TGPL và đổi mới tổ chức, hoạt động TGPL đến năm 2030. Tác giả đề xuất sửa đổi một số điều của Luật TGPL năm 2017, cụ thể: quy định về đối tượng TGPL theo hướng mở rộng hơn bao gồm nhưng người thuộc hộ thoát nghèo, người có mức sống trung bình ở khu vực nông thôn khi bị buộc tội; quy định về chế định luật sư công/luat sư TGPL xác định là chức danh tư pháp được Nhà nước trả lương. Bên cạnh đó, tác giả đưa ra giải pháp xây dựng đề án của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng, hiệu quả, hiệu lực thực hiện hoạt động, uy tín của các cơ quan, tổ chức TGPL Nhà nước, về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác TGPL. Ngoài ra, tác giả đề cập tới một số giải pháp khác như: triển khai hiệu quả việc thực hiện TGPL ở trụ sở hoặc trực qua điện thoại tại một số cơ quan tiến hành tố tụng; tăng cường số lượng và nâng cao năng lực cho đội ngũ người thực hiện TGPL; có phương thức truyền thông hiệu quả, phù hợp với từng nhóm đối tượng và vận hành, khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu về TGPL, cổng thông tin điện tử TGPL.

Hai tác giả Nguyễn Thị Tuyết Vân và Vũ Thị Lan Hương [111, tr. 49-50] đề xuất tổng hợp các khuyến nghị về TGPL cho người nghèo tại Việt Nam trong thời gian tới dưới các góc độ hoàn thiện văn bản pháp luật, tăng cường truyền thông, tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ TGPL, xã hội hoá công tác TGPL, tăng cường sự phối hợp giữa các chủ thể liên quan trong TGPL cho người nghèo. Về hoàn thiện pháp luật, tác giả đề xuất mở rộng người làm cộng tác viên TGPL bao gồm những người tham gia giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, người làm công tác pháp chế trong các tổ chức kinh tế (doanh nghiệp, hợp tác xã). Đối với các văn bản quy định Chương trình phát triển kinh tế -xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và

miền núi, Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững, nội dung TGPL cho người nghèo cần cụ thể hoá các đối tượng được thụ hưởng và mức kinh phí trợ giúp.

** Luận án tiến sĩ*

Nhằm bảo đảm THPL về TGPL trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam, tác giả Nguyễn Huỳnh Huyện [54] đưa ra những giải pháp ở nhiều dưới góc độ như quản lý, pháp luật, nâng cao năng lực của nhân sự, truyền thông... Cụ thể, tác giả đề xuất các giải pháp về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong lộ trình THPL về TGPL đến năm 2020 định hướng năm 2030; tiếp tục hoàn thiện pháp luật và chính sách về TGPL; kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực và phẩm chất đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và những người tham gia THPL về TGPL; tăng cường kinh phí, bảo đảm điều kiện vật chất cho việc thực hiện TGPL; tăng cường THPL về TGPL trong hoạt động tổ tụng; đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm về TGPL; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và đổi mới hoạt động truyền thông về TGPL đến người dân; tăng cường quản lý của Nhà nước THPL về TGPL trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền tại Việt Nam; nâng cao vai trò nòng cốt của Trung tâm TGPL nhà nước trong việc THPL về TGPL; khuyến khích mở rộng hợp tác quốc tế trong quá trình THPL về TGPL.

** Các công trình nghiên cứu khác*

Báo cáo tổng hợp Trợ giúp pháp lý ở Việt Nam: *“Thực trạng và định hướng hoàn thiện: do nhóm nghiên cứu thực hiện dưới sự chủ trì của TS. Ngô Đức Mạnh và sự hỗ trợ kỹ thuật của UNDP tài trợ cho Bộ Tư pháp trong khuôn khổ Dự án VIE/02/2015 (Hỗ trợ thực thi chiến lược phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010). Báo cáo nghiên cứu này đã xem xét một cách đồng bộ các mặt được và chưa được trong khuôn khổ chính sách và hệ thống các văn bản pháp luật về TGPL cũng như các quy định khác có liên quan. Kế tiếp hướng đánh giá này, những hạn chế, bất cập của Luật TGPL năm 2006 tiếp tục được nhấn mạnh trong Báo cáo tổng kết 08 năm thi hành Luật TGPL của Bộ Tư pháp.*

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở ngoài nước

1.1.2.1. Nhóm các công trình nghiên cứu lý luận về trợ giúp pháp lý cho người nghèo, pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Cách tiếp cận về TGPL dưới góc độ quyền con người (human rights approach) được nhắc đến tại công trình của Liên hợp quốc (UN) với chủ đề “*Legal empowerment of the poor and eradication of poverty*” [134] (tạm dịch *Trao quyền pháp lý cho người nghèo và xoá đói giảm nghèo*). Trao quyền pháp lý cho người nghèo được hiểu là quá trình thay đổi hệ thống thông qua đó người nghèo được bảo vệ và được phép sử dụng luật pháp để bảo vệ quyền và lợi ích của họ với tư cách công dân và những chủ thể kinh tế. Việc trao quyền pháp lý cho người nghèo trở thành điều kiện cần thiết để tạo ra một môi trường thuận lợi để cung cấp sinh kế bền vững và xoá đói giảm nghèo. Cách tiếp cận này xuất phát điểm từ cách tiếp cận dựa trên quyền con người (Human rights based approach) mà ở đó thừa nhận rằng nghèo đói là kết quả của việc bị tước quyền, bị loại trừ và phân biệt. Công trình nghiên cứu khác của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) [128] cũng có cách tiếp cận tương tự như UN, cụ thể việc không có khả năng tiếp cận các dịch vụ pháp lý và tư pháp có thể vừa là nguyên nhân và kết quả của sự bất lợi và nghèo đói. OECD đã công bố báo cáo về quyền tiếp cận công lý bình đẳng trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đảm bảo quyền tiếp cận công lý cho tất cả mọi người, trong đó có người nghèo. Tác giả Marshall K. Breger [118] bình luận TGPL cho người nghèo dựa trên cách tiếp cận quyền công dân tiếp cận hiệu quả toà án trong giải quyết tranh chấp bởi đó là cơ chế duy nhất được nhà nước thừa nhận. Theo lý thuyết cách tiếp cận, một người có quyền được TGPL miễn phí khi cần thiết để thực hiện yêu cầu pháp lý bất kể lợi ích đạo đức hay xã hội của yêu cầu đó.

Những lợi ích của TGPL cho người nghèo lần lượt được đề cập tới tại các công trình nghiên cứu “*Legal Aid in the Community*” [131] (tạm dịch là TGPL tại Cộng đồng), *Making a difference: California legal aid* (tạm dịch là *Tạo nên sự khác biệt: TGPL của California*) [132]. TGPL cho người nghèo thúc đẩy quyền tiếp cận công lý cho những đối tượng này. Ngoài ra, TGPL cho người nghèo góp phần giảm thiểu sự bất bình đẳng bởi lẽ những người có thu nhập thấp đều có cơ hội tiếp cận với các biện pháp pháp lý.

Bên cạnh đó, phương diện nghiên cứu lý luận về TGPL chiếm một dung lượng lớn trong những công trình nghiên cứu chuyên khảo như: *Dự thảo Luật mẫu về trợ*

giúp pháp lý trong hệ thống tư pháp hình sự do Cơ quan phòng chống tội phạm và ma túy của Liên Hợp quốc (UNODC) chủ trì soạn thảo, *Các phương thức đa dạng trong cung ứng dịch vụ pháp luật và Trợ giúp pháp lý ở Hồng Kông* do Hội đồng dịch vụ trợ giúp pháp lý năm 2006; *Vấn đề đói nghèo và trợ giúp pháp lý - Tiếp cận công lý Tư pháp hình sự* của tác giả S.Muralidhar; *Lý luận và thực tiễn về chế độ trợ giúp pháp lý ở Trung Quốc* của tác giả Nghiêm Quốc Hưng,...

1.1.2.2. Nhóm các công trình nghiên cứu thực tiễn THPL về trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Nghiên cứu toàn cầu về TGPL (*Global study on legal aid*) [135] của Văn phòng của Liên hợp quốc về chống ma túy và tội phạm (gọi tắt là UNODC - United Nations Office on Drugs and Crime) cung cấp tổng quan về thực trạng TGPL trên thế giới. Báo cáo cũng đưa ra một số khuyến nghị làm thế nào để có thể giải quyết các thách thức mà các quốc gia ở các khu vực trên thế giới đang phải đối mặt trong thực hiện TGPL như khuyến nghị về việc tập hợp dữ liệu, các quy định về dịch vụ TGPL, khung pháp luật.

Tác giả Benjamin L. Liebman đã phân tích sự phát triển của Luật TGPL và lợi ích công của Trung Quốc trong công trình “*Legal Aid and Public Interest Law in China*” [116] (tạm dịch là *Luật tương trợ tư pháp và lợi ích công tại Trung Quốc*). Bên cạnh đó, tác giả chỉ ra những nỗ lực của Trung Quốc trong việc thành lập các Trung tâm TGPL do chính phủ điều hành, mở rộng đại diện pháp lý cho các bị cáo là người nghèo, thực hiện yêu cầu TGPL miễn phí, sự xuất hiện của các Trung tâm TGPL phi chính phủ và khuyến khích các luật sư TGPL miễn phí. Công trình cũng tìm hiểu động lực và các mục tiêu của Trung Quốc về TGPL cũng như kết quả tiềm năng của TGPL như là một bộ phận quan trọng của hệ thống pháp luật Trung Quốc.

Bài viết “*The legal aid for underprivileged people in Indonesia*” [123] (tạm dịch là *TGPL cho người thiệt thòi tại Indonesia*) của tác giả Irwan Sapta Putra và cộng sự đã cung cấp thực tiễn về TGPL đối với người thiệt thòi tại quốc gia này. Tại Indonesia, những người không đủ điều kiện về tài chính được TGPL miễn phí bởi Chính phủ Indonesia đã dành một khoản quỹ riêng lên tới 3000 rupiad cho hoạt động này. Điều kiện được TGPL miễn phí tại Indonesia rất đơn giản đó là người

muốn được TGPL cần gửi kèm theo xác nhận không đủ khả năng của chính quyền địa phương nơi người đó sinh sống và tuân thủ các thủ tục pháp lý. Theo tác giả nhận định, Chính phủ Indonesia bảo đảm quyền tiếp cận TGPL miễn phí cho tất cả người dân tại quốc gia này. Trái với quan điểm trên, tác giả Heriyanto [122] cho rằng hệ thống TGPL hiện hành cho người nghèo của Indonesia chưa thực tế và không mang lại lợi ích có ý nghĩa cho người nghèo ở Indonesia khi gặp các vấn đề pháp lý. Để chứng minh nhận định đó tác giả đã so sánh hệ thống TGPL của Indonesia vào thời điểm trước và sau khi ban hành Luật TGPL năm 2011.

Tiêu chuẩn TGPL bởi luật sư tại Ấn Độ được phân tích bởi tác giả Farzana Akter với bài viết “*The standard of assistance from the legal aid lawyers: an Indian perspective*” [121] (tạm dịch là *Tiêu chuẩn hỗ trợ từ luật sư TGPL: quan điểm của Ấn Độ*). Tác giả đã phân tích tiêu chuẩn hỗ trợ bởi các luật sư TGPL tại Ấn Độ dưới khía cạnh khuôn khổ QPPL về nhân quyền quốc tế. Đồng thời tác giả nêu bật những thiếu sót của hệ thống TGPL của Ấn Độ trong đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng TGPL của các luật sư, từ đó đề xuất việc hoàn thiện hệ thống trợ giúp tại quốc gia này để đảm bảo hệ thống tương trợ tư pháp của Ấn Độ phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Bài viết cũng chỉ ra những lĩnh vực tiềm năng trong cải cách hệ thống TGPL nhằm nâng cao chất lượng TGPL từ các luật sư.

Về những thách thức đặt ra đối với TGPL cho người nghèo được đề cập tới trong một số công trình nghiên cứu đó là “*The unmet need for legal aid*” (tạm dịch *Nhu cầu TGPL chưa được đáp ứng*) [124] “*Legal assistance and barriers to accessing legal service world wide*” [125] (tạm dịch là *Hỗ trợ pháp lý và những rào cản trong tiếp cận dịch vụ pháp lý trên thế giới*), “*Access to justice*” (tạm dịch là *Tiếp cận pháp lý*) [126]. Theo đó, thiếu thốn về nguồn lực, những rào cản về văn hoá, xã hội, nhu cầu TGPL chưa được đáp ứng và sự bất bình đẳng về thu nhập tăng lên là những thách thức đặt ra với việc thực hiện TGPL.

1.1.2.3. Nhóm các công trình nghiên cứu các giải pháp bảo đảm THPL về trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Tác giả Cepalo [129] tiếp cận việc thực hiện quyền được TGPL hình sự cho người nghèo chỉ bao gồm những người bị tình nghi trong giai đoạn điều tra vụ án.

Theo tác giả, việc TGPL cho người bị tình nghi bất kể tình trạng kinh tế của họ như thế nào nhằm đảm bảo họ được đối xử bình đẳng trước pháp luật. Bên cạnh đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả TGPL cho người nghèo ở giai đoạn điều tra như nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bào chữa, ký kết thoả thuận giữa các cơ quan thực thi pháp luật cũng như áp dụng biện pháp khen thưởng và trừng phạt nghiêm khắc đối với các tổ chức TGPL.

Trong bài viết “*Legal aid: Existing law, policies and practices in Nepal*” [117] (tạm dịch là TGPL: quy định, chính sách hiện hành và thực tiễn tại Nepal), tác giả Bimal Prasad Lamichhance đã phân tích bối cảnh của Nepal, các quy định pháp lý, chính sách, thực tiễn về TGPL ở Nepal, đồng thời làm sáng tỏ những thách thức phải đối mặt trong việc đảm bảo khả năng tiếp cận công lý cho những người có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế. Nghiên cứu nhấn mạnh giải pháp tăng cường vai trò của các tổ chức xã hội dân sự trong việc cung cấp trợ giúp pháp lý ở Nepal. Tác giả đặc biệt khẳng định tầm quan trọng của các chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo và nghiên cứu việc giải quyết các vấn đề về TGPL, nhân quyền và hệ thống tư pháp tại quốc gia này.

1.1.3. Đánh giá chung về những công trình nghiên cứu đã thực hiện

Qua nghiên cứu những công trình nghiên cứu trong nước và nước ngoài cho thấy nhìn chung đa số công trình nêu trên đã phần nào làm rõ được những vấn đề lý luận và thực tiễn về THPL về TGPL cho người nghèo. Những kết quả nghiên cứu của các công trình nghiên cứu nêu trên là những cơ sở quan trọng và hữu ích để tác giả tham khảo và kế thừa trong quá trình hoàn thiện luận án của mình. Cụ thể:

Về mặt lý luận TGPL cho người nghèo, pháp luật về TGPL cho người nghèo, thực hiện TGPL cho người nghèo: hầu hết các công trình đã làm rõ những vấn đề lý luận về TGPL như khái niệm, đặc trưng, vai trò của TGPL. Có những công trình đã phân tích những cách tiếp cận khác nhau về TGPL cho người nghèo như công trình nghiên cứu được thực hiện trong khuôn khổ của UN hay OECD. Một số mô hình TGPL cho người nghèo trên thế giới cũng đã được nhắc tới tại số ít công trình nghiên cứu khoa học. Về pháp luật về TGPL cho người nghèo những nội dung như phạm vi nội dung, phạm vi hình thức của điều chỉnh pháp luật về TGPL, quyền,

trách nhiệm và nghĩa vụ của các chủ thể Nhà nước, luật sư, Toà án...theo quy định của pháp luật về TGPL cho người nghèo được đề cập tại một số các công trình nghiên cứu. Về lý luận THPL về TGPL cho người nghèo, có một số công trình với phạm vi nghiên cứu về THPL về TGPL đã xây dựng khái niệm về TGPL dưới góc độ là hoạt động có chủ đích của Nhà nước và các chủ thể khác để các QPPL về TGPL đi vào cuộc sống thực tế. Các đặc điểm của THPL về TGPL bao gồm chủ thể thực hiện TGPL, đối tượng được TGPL và phạm vi thực hiện TGPL cũng được phân tích tương đối cụ thể tại các công trình nghiên cứu này. Những kết quả nghiên cứu này được tác giả luận án kế thừa và phát triển để đi sâu phân tích đối tượng nghiên cứu của đề tài.

Thực tiễn THPL về TGPL cho người nghèo tại địa bàn các tỉnh ĐBSCL: Các công trình nghiên cứu về thực tiễn THPL về TGPL tập trung phân tích những kết quả đạt được cũng như các khó khăn, thách thức trong thực tiễn thực hiện hoạt động này tại Việt Nam trong thời gian qua, trong đó có những công trình khoa học cung cấp thông tin về thực tiễn thực hiện TGPL nói chung, thực hiện luật TGPL nói riêng như các báo cáo hàng năm về kết quả thực hiện TGPL của Bộ Tư pháp. Số ít công trình khoa học, nhất là các công trình dưới dạng các bài tạp chí đi sâu phân tích sự phối hợp của các chủ thể tham gia TGPL như công tác phối hợp về TGPL trong hoạt động tố tụng của Toà án. Với một số công trình nghiên cứu ngoài nước, các kinh nghiệm thực tiễn từ các quốc gia Ấn Độ, Trung Quốc, Indonesia...đóng góp vai trò tham chiếu kinh nghiệm trong việc THPL về TGPL cho người nghèo tại Việt Nam, bao gồm một số tỉnh tại ĐBSCL. Những kết quả nghiên cứu trên được tác giả tham chiếu trong đánh giá thực trạng THPL về TGPL tại địa bàn các tỉnh ĐBSCL, đặc biệt luận giải nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.

- *Giải pháp tăng cường hiệu quả THPL về TGPL cho người nghèo tại địa bàn các tỉnh ĐBSCL:* Các giải pháp bảo đảm THPL về trợ giúp cho người nghèo trên cả nước được đề cập trong một số công trình nghiên cứu khoa học dưới dạng bài tạp chí, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, các báo cáo của Bộ Tư pháp có thể được sử dụng như là những giải pháp mang tính tham khảo cho việc thực hiện TGPL tại một số tỉnh ĐBSCL. Các công trình nghiên cứu đề xuất các giải pháp ở nhiều khía cạnh

khác nhau tùy thuộc vào phạm vi nghiên cứu như giải pháp hoàn thiện pháp luật, giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện cơ sở vật chất, giải pháp về truyền thông,... Tác giả của luận án sẽ tham chiếu những giải pháp trên trong đề xuất các giải pháp bảo đảm THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL.

Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu này nhìn chung vẫn còn chưa nghiên cứu và làm rõ những nội dung sau:

- *Lý luận về THPL về TGPL cho người nghèo*: Những công trình trên dừng lại ở việc xây dựng khái niệm THPL về TGPL cho nhiều đối tượng khác nhau trong đó có đối tượng là người nghèo mà không đưa ra một khái niệm riêng về THPL về TGPL cho người nghèo. Ngoài ra, những hình thức và điều kiện bảo đảm THPL về TGPL cho người chưa được đề cập cụ thể trong các công trình nêu trên.

- *Thực tiễn THPL về TGPL cho người nghèo tại địa bàn các tỉnh ĐBSCL*: Số lượng các công trình khoa học nghiên cứu về thực tiễn THPL về TGPL cho người nghèo trong và ngoài nước không nhỏ nhưng lại không có một công trình khoa học chuyên biệt nào nghiên cứu thực tiễn THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL. Các công trình khoa học trên tập trung nghiên cứu thực tiễn THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn cả nước, hoặc nhắc tới một hoặc một vài tỉnh thuộc ĐBSCL là một phần nhỏ trong toàn bộ nội dung của công trình nghiên cứu. Các yếu tố tác động đến việc THPL về TGPL cho người nghèo và thực trạng của hoạt động này tại các tỉnh ĐBSCL cũng chưa được đề cập tại bất kỳ công trình nghiên cứu nào tính tới thời điểm hiện tại.

- *Giải pháp tăng cường hiệu quả THPL về TGPL cho người nghèo tại địa bàn các tỉnh ĐBSCL*: Bởi chưa có công trình chuyên biệt nào nghiên cứu THPL về TGPL cho người nghèo tại địa bàn các tỉnh ĐBSCL cho nên những giải pháp tăng cường hiệu quả THPL về TGPL được nhắc đến tại một số công trình là những giải pháp được đề xuất cho hoạt động này trên toàn bộ lãnh thổ của Việt Nam mà không dành riêng cho các tỉnh ĐBSCL.

1.1.4. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Để đạt được mục tiêu của luận án là nghiên cứu toàn diện, sâu sắc THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL dưới góc độ của chuyên ngành Lý luận và lịch sử về nhà nước và pháp luật, luận án kế thừa có chọn lọc kết quả nghiên cứu của những công trình khoa học nêu trên và tiếp tục nghiên cứu và làm rõ một số vấn đề cụ thể như sau:

** Về phương diện lý luận:*

- Xây dựng khái niệm pháp luật về TGPL cho người nghèo, THPL về TGPL cho người nghèo có tính nền tảng xuyên suốt luận án;

- Phân tích những đặc điểm THPL về TGPL cho người nghèo. Đồng thời luận án sẽ phân tích vai trò của thực hiện TGPL cho người nghèo dưới các khía cạnh về đảm bảo cải cách tư pháp, đảm bảo quyền công bằng trong tiếp cận pháp luật, tiếp cận công lý.

- Luận án cũng sẽ làm rõ các hình thức THPL về TGPL cho người nghèo (chấp hành pháp luật, tuân thủ pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật); phân tích được các điều kiện bảo đảm THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL.

- Luận án sẽ phân tích và bình luận về chủ thể, nội dung THPL về trợ giúp pháp lý cho người nghèo theo quy định của pháp luật hiện hành.

** Về phương diện thực tiễn:*

- Phân tích làm rõ các yếu tố đặc điểm tự nhiên, điều kiện kinh tế, văn hoá, xã hội tác động tới việc thực hiện TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL.

- Phân tích, đánh giá những kết quả đạt được về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL theo các hình thức THPL. Chỉ rõ những bất cập, hạn chế và từ đó xác định nguyên nhân của thực trạng, rút ra bài học kinh nghiệm trong việc THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL.

** Về hệ thống quan điểm và giải pháp:*

- Từ việc phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL. Luận án xây dựng luận cứ đề xuất các quan điểm và giải pháp nhằm bảo đảm cho việc THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL hiện nay và những năm tiếp theo. Cụ thể, về giải pháp luận án xác lập các

quan điểm, đề xuất hệ thống giải pháp bao gồm: nhóm giải pháp chung và nhóm giải pháp cụ thể mang tính đặc thù cho các tỉnh ĐBSCL, nhằm đảm bảo THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL.

1.2. CÂU HỎI NGHIÊN CỨU VÀ GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU

1.2.1. Câu hỏi nghiên cứu

01 câu hỏi nghiên cứu chính: *“Làm thế nào để bảo đảm thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL một cách hiệu quả, phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng, qua đó góp phần bảo đảm quyền con người và công bằng xã hội?”*

03 câu hỏi nghiên cứu phụ:

1. *Thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo cần được hiểu như thế nào về khái niệm, mục tiêu, nguyên tắc, chủ thể, đối tượng, nội dung và hình thức bảo đảm?*

2. *Thực trạng THPL về TGPL cho người nghèo tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay đã đạt được những kết quả, còn những hạn chế nào và nguyên nhân từ đâu?*

3. *Cần có những quan điểm định hướng và giải pháp khả thi nào để bảo đảm THPL về TGPL cho người nghèo ở ĐBSCL trong giai đoạn hiện nay và những năm tới?*

1.2.2. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết nghiên cứu 01: Khái niệm, đặc điểm và vai trò của việc thực hiện trợ giúp pháp lý cho người nghèo tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long được xây dựng dựa trên cách tiếp cận tổng quát về trợ giúp pháp lý, đồng thời gắn liền với các đặc thù về điều kiện tự nhiên, kinh tế và văn hóa - xã hội của khu vực này.

Giả thuyết nghiên cứu 02: Mặc dù việc THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL đã đạt được những kết quả đáng kể về công tác ban hành văn bản THPL về TGPL, nâng cao năng lực cho nhân lực thực hiện TGPL cho người nghèo, công tác kiểm tra giám sát, công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về TGPL cho người nghèo nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định trong những công tác này.

Giả thuyết nghiên cứu 03: Các giải pháp đảm bảo THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL mang tính toàn diện phù hợp với Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật hiện hành về TGPL và những đặc thù về điều kiện tự nhiên, KT-XH tại khu vực này.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Trong Chương 1, tác giả đã phân tích tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước và ngoài nước về THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài tập trung phân tích và bình luận những công trình nghiên cứu khoa học về lý luận THPL về TGPL cho người nghèo, thực tiễn THPL về TGPL cho người nghèo và các giải pháp tăng cường hiệu quả THPL về TGPL cho người nghèo tại địa bàn các tỉnh ĐBSCL. Cụ thể:

Về lý luận THPL về TGPL cho người nghèo: Có một số công trình với phạm vi nghiên cứu về THPL về TGPL đã xây dựng khái niệm về TGPL, các đặc điểm của THPL về TGPL (chủ THPL về TGPL, đối tượng được TGPL và phạm vi thực hiện TGPL).

Về thực tiễn THPL về TGPL cho người nghèo: Các công trình nghiên cứu về thực tiễn THPL về TGPL đã chỉ ra những kết quả đạt được cũng như các khó khăn, thách thức trong thực tiễn thực hiện tại Việt Nam thời gian qua. Số ít công trình khoa học, nhất là các công trình dưới dạng các bài tạp chí tập trung phân tích sự phối hợp của các chủ thể tham gia TGPL. Với một số công trình nghiên cứu ngoài nước, các kinh nghiệm thực tiễn từ các quốc gia Ấn Độ, Trung Quốc, Indonesia, Nepal... đóng góp vai trò tham chiếu kinh nghiệm trong việc THPL về TGPL cho người nghèo tại Việt Nam và các tỉnh ĐBSCL.

Về các giải pháp tăng cường hiệu quả THPL về TGPL cho người nghèo: Các giải pháp bảo đảm THPL về TGPL cho người nghèo có thể được sử dụng như là những giải pháp mang tính tham khảo cho việc THPL về TGPL tại một số tỉnh ĐBSCL được đề cập trong một số công trình nghiên cứu khoa học dưới dạng bài tạp chí, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, các báo cáo của Bộ Tư pháp, số ít bài viết ngoài

nước như giải pháp hoàn thiện pháp luật, giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện cơ sở vật chất, giải pháp về truyền thông...

Mặc dù đã có một số công trình khoa học nghiên cứu về thực tiễn THPL về TGPL cho người nghèo trong và ngoài nước nhưng lại không có một công trình khoa học chuyên biệt nào nghiên cứu thực tiễn THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL. Các công trình nghiên cứu hiện tại có đối tượng và phạm vi nghiên cứu về thực tiễn THPL về TGPL cho người nghèo trên cả nước, hoặc nhắc tới một hoặc một vài tỉnh ĐBSCL là một phần nhỏ trong toàn bộ nội dung của công trình nghiên cứu. Các yếu tố tác động đến việc THPL về TGPL cho người nghèo và thực trạng của hoạt động này tại các tỉnh ĐBSCL cũng chưa được đề cập tại bất kỳ công trình nghiên cứu nào tính tới thời điểm hiện tại.

Qua tổng quan về tình hình nghiên cứu đề tài, các những vấn đề đã được nghiên cứu liên quan đến chủ đề nghiên cứu của luận án được làm rõ, đồng thời những khoảng trống trong nghiên cứu về lý luận và thực tiễn THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL cũng được phân tích làm cơ sở cho những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO

2.1.1. Khái niệm trợ giúp pháp lý và thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Khái niệm Trợ giúp pháp lý: Luật TGPL các nước và tài liệu liên quan về TGPL quy định khác nhau về khái niệm TGPL. Theo Nguyên tắc và Hướng dẫn của Liên hợp quốc về việc tiếp cận TGPL trong hệ thống tư pháp hình sự được thông qua tại Nghị quyết của Đại hội đồng Liên hợp quốc số 67/187 thì TGPL bao gồm tư vấn pháp luật, giúp đỡ và đại diện cho người bị giam giữ, người bị bắt hoặc bị phạt tù; người bị tình nghi hoặc bị buộc tội hoặc phạm tội hình sự; nạn nhân, nhân chứng trong quá trình tư pháp hình sự miễn phí cho những người có điều kiện kinh tế khó khăn hoặc khi lợi ích công lý đòi hỏi.

Dự thảo Luật mẫu về TGPL trong hệ thống tư pháp hình sự do Cơ quan phòng chống tội phạm và ma túy của Liên Hợp quốc (UNODC) chủ trì soạn thảo (sau đây gọi tắt Dự thảo Luật mẫu) quy định như sau: “*TGPL là việc thực hiện tư vấn pháp luật, hỗ trợ và đại diện pháp lý do Nhà nước trả tiền theo những điều kiện và trình tự, thủ tục quy định trong Luật này cho người bị giam giữ, bị bắt hoặc bị kết án tù; người bị tình nghi, người bị buộc tội hoặc vi phạm luật hình sự; nạn nhân và nhân chứng trong quá trình tư pháp hình sự...*” (khoản 7 Điều 4).

Một số nước đề cập đến chủ thể THPL về TGPL và các hình thức TGPL trong khái niệm TGPL. Ví dụ, Điều 2 Luật TGPL Hàn Quốc năm 2011 quy định: “TGPL trong Luật này là việc luật sư hoặc luật sư nghĩa vụ theo quy định tại Luật Luật sư nghĩa vụ hỗ trợ tư vấn pháp luật, đại diện trong các vụ kiện hoặc các vấn đề pháp lý khác để đạt được mục đích nêu tại Điều 1” (tức là nhằm bảo vệ các quyền cơ bản của con người cho những người gặp khó khăn về kinh tế hoặc những người không được pháp luật bảo vệ một cách đầy đủ).

Pháp luật một số nước thì đề cập đến tính chất miễn phí hoặc giảm phí của hoạt động TGPL. Ví dụ, Điều lệ TGPL của Trung Quốc năm 2003 quy định “TGPL là một hình thức hỗ trợ tư pháp mà theo đó người nghèo hoặc các trường hợp đặc biệt có thể được hỗ trợ pháp lý giảm phí hoặc miễn phí từ Nhà nước”. Điều 1 Luật TGPL của Indonesia năm 2011 quy định: TGPL là dịch vụ pháp lý được cung cấp bởi người thực hiện TGPL miễn phí cho người được TGPL. Luật TGPL Phần Lan năm 2002 quy định: TGPL bao gồm quy định về việc tư vấn pháp luật, các biện pháp cần thiết, đại diện trước Tòa án và các cơ quan có thẩm quyền khác và việc miễn trừ những chi phí nhất định khi giải quyết vụ việc theo quy định của Luật này. Điều 1 Luật TGPL năm 2001 của Slovenia quy định: Theo Luật này, TGPL có nghĩa là quyền của người được TGPL được nhận một phần hoặc toàn bộ chi phí chi trả cho việc giúp đỡ pháp luật và quyền được miễn trả chi phí tố tụng tư pháp. Điều 5 Luật TGPL năm 1997 của bang Queensland (Úc) quy định: TGPL là việc cung cấp dịch vụ pháp lý, bao gồm tư vấn pháp luật miễn phí hoặc trả phí thấp hơn chi phí của dịch vụ.

Khái niệm TGPL một số nước có đề cập đến đối tượng TGPL. Ví dụ, điểm e phần 1 chương I, Luật TGPL Hà Lan năm 1993 quy định: TGPL là hỗ trợ về pháp luật cho đối tượng đang mong muốn công lý đối với các vấn đề pháp lý ảnh hưởng trực tiếp đến cá nhân họ như được quy định trong Luật TGPL và các quy định khác dựa trên Luật TGPL. Điều 2 Luật TGPL Moldova năm 2007 quy định: TGPL của Nhà nước là việc cung cấp dịch vụ pháp lý theo quy định của Luật TGPL từ nguồn kinh phí TGPL cho người không có đủ tiền để trả và người đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật này. Tương tự như vậy, Luật TGPL Phần Lan năm 2002 quy định TGPL được cung cấp cho người đang có vướng mắc pháp luật mà không có khả năng chi trả. Kinh phí thực hiện TGPL từ ngân sách nhà nước. Tương tự các tiếp cận phổ biến trên thế giới, tại Việt Nam TGPL được hiểu là hoạt động cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí của Nhà nước cho người được TGPL. Mục đích của TGPL hướng đến bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý [75].

Có thể thấy một số điểm nổi bật trong khái niệm TGPL của các nước là: (i) về bản chất TGPL là cung cấp các dịch vụ pháp lý (ii) do Nhà nước trả tiền và bảo

đảm (iii) người được TGPL được miễn phí hoặc giảm phí (iv) việc thực hiện phải tuân theo các quy định của Luật TGPL.

Như vậy, dưới góc độ pháp lý TGPL được hiểu là hoạt động trợ giúp miễn phí hoặc giảm chi phí từ phía Nhà nước dưới nhiều hình thức khác nhau (tư vấn pháp lý, đại diện, bào chữa...) cho những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế không thể chi trả chi phí cho việc tiếp cận dịch vụ pháp lý nhằm giúp họ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, đồng thời nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật.

Về quyền được TGPL của người nghèo: Người thuộc hộ nghèo là đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí mà không cần bất kỳ điều kiện kèm theo nào khác về tài chính. Ngoài ra, người thuộc hộ cận nghèo cũng được TGPL nếu họ là người bị buộc tội hoặc thuộc các nhóm đối tượng đặc thù có khó khăn về tài chính. Người nghèo tại Việt Nam có quyền được TGPL miễn phí để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bao gồm tư vấn, đại diện, và thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến các vụ việc như hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, đất đai, v.v., nhằm đảm bảo công bằng xã hội và giúp họ tiếp cận công lý, theo quy định của Luật TGPL và các chính sách của Nhà nước, với các đối tượng chính là người thuộc hộ nghèo, người cận nghèo, người có công với cách mạng, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào DTTS ở vùng khó khăn, và các đối tượng yếu thế khác. Theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành (tính đến năm 2026), quyền TGPL của người nghèo được quy định cụ thể như:

Được cung cấp dịch vụ miễn phí: Không phải trả tiền, lợi ích vật chất hay bất kỳ lợi ích nào khác cho người thực hiện TGPL; Tự mình hoặc thông qua người thân yêu cầu TGPL: Có thể trực tiếp nộp đơn hoặc nhờ người thân, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng yêu cầu hỗ trợ; Lựa chọn hình thức trợ giúp; Tư vấn pháp luật: Hướng dẫn, giải đáp pháp luật, đưa ra lời khuyên; Tham gia tố tụng: Có trợ giúp viên pháp lý hoặc luật sư bào chữa, bảo vệ quyền lợi tại tòa án; Đại diện ngoài tố tụng như: Đại diện thực hiện các thủ tục hành chính, pháp lý với các cơ quan nhà nước khác; Thay đổi người thực hiện TGPL: Nếu có lý do chính đáng theo quy định của pháp luật; Được giữ bí mật thông tin về vụ việc và đời tư phải được bảo mật tuyệt đối.

Khái niệm trợ giúp pháp lý cho người nghèo: Từ định nghĩa về TGPL nêu trên, có thể xây dựng định nghĩa về TGPL cho người nghèo như sau: *Trợ giúp pháp lý cho người nghèo là hoạt động trợ giúp miễn phí hoặc giảm chi phí từ Nhà nước cho đối tượng là người nghèo để họ có thể tiếp cận các dịch vụ pháp lý nhằm giúp họ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, đồng thời nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật.* Tiêu chí xác định người nghèo khác nhau ở mỗi quốc gia, nhưng nhìn chung thu nhập là tiêu chí được sử dụng phổ biến để phân loại người nghèo. Tại Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về phát triển xã hội năm 1995 tại Copenhagen Đan Mạch, người nghèo là những người có thu nhập dưới 01 USD/ngày dùng để mua những sản phẩm thiết yếu để tồn tại (Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về phát triển xã hội năm 1995 tại Copenhagen Đan Mạch). Ở Việt Nam, người nghèo theo quy định của Luật TGPL năm 2017 là người thuộc hộ nghèo được xác định theo chuẩn nghèo do Chính phủ quy định chi tiết phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội.

Khái niệm pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo: Dưới góc độ lý luận chung về Nhà nước và pháp luật, pháp luật được định nghĩa là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung do Nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận, thể hiện ý chí của nhà nước được đảm bảo thực hiện bằng Nhà nước nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội (QHXX) với mục đích trật tự và ổn định xã hội vì sự phát triển bền vững của xã hội [67]. TGPL là một trong những QHXX được pháp luật điều chỉnh. Định nghĩa pháp luật về TGPL cho người nghèo cũng đã được số ít học giả xây dựng dựa trên các hiểu về pháp luật như trên, trong đó có tác giả Đoàn Thị Ngọc Hải định nghĩa pháp luật về TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách là tổng thể các QPPL do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để điều chỉnh các QHXX phát sinh trong lĩnh vực tổ chức và hoạt động TGPL, đó là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được hưởng TGPL là người nghèo và đối tượng chính sách [45].

Pháp luật về TGPL cho người nghèo là hệ thống quy định của Nhà nước về việc cung cấp miễn phí các dịch vụ pháp lý (tư vấn, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng, hòa giải...) cho người có hoàn cảnh khó khăn, bao gồm người nghèo, để họ

được tiếp cận công lý, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, nâng cao hiểu biết pháp luật, đảm bảo công bằng xã hội, thể hiện vai trò nhà nước pháp quyền và thực hiện trách nhiệm xã hội.

Có thể thấy, pháp luật về TGPL cho người nghèo là một bộ phận trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Nhà nước không ban hành văn bản riêng về TGPL cho người nghèo. Theo đó, pháp luật về TGPL cho người nghèo bao gồm các quy định chung về TGPL, đối tượng được TGPL (quyền, nghĩa vụ của đối tượng được TGPL), tổ chức thực hiện TGPL (quyền, nghĩa vụ của tổ chức thực hiện TGPL, hợp đồng thực hiện TGPL, đăng ký tham gia thực hiện TGPL), người thực hiện TGPL (quyền, nghĩa vụ của người thực hiện TGPL, đăng ký tham gia TGPL), phạm vi TGPL, hình thức TGPL, trách nhiệm QLNN về TGPL, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan đối với hoạt động TGPL, khiếu nại, tố cáo tranh chấp và giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp liên quan đến TGPL.

Pháp luật về TGPL cho người nghèo hướng tới bảo vệ đối tượng yếu thế trong xã hội. Người nghèo sẽ khó tiếp cận được với các dịch vụ xã hội như dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế... Trong trường hợp phát sinh những vấn đề liên quan đến pháp luật, xuất phát từ những khó khăn về tài chính họ sẽ gặp khó khăn hơn trong việc tiếp cận được các dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Bởi vậy, THPL về TGPL cho người nghèo là một trong những biện pháp cơ bản để hiện thực hoá chính sách xã hội của Nhà nước về bảo vệ quyền con người cơ bản, quyền của công dân.

Tại Việt Nam, hoạt động TGPL được ngành Tư pháp bắt đầu triển khai từ năm 1997 [12] gắn liền với đó là sự hình thành của hệ thống pháp luật Việt Nam về TGPL. Quyết định số 734/TTg ngày 6 tháng 7 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập tổ chức TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách trở thành nền tảng pháp lý đầu tiên cho sự ra đời của Cục TGPL với chức năng giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp QLNN về TGPL miễn phí cho người nghèo và các đối tượng chính sách. Tiếp theo, Luật TGPL năm 2006 được thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và chính thức có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 là cơ sở pháp lý toàn diện nhất điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong tổ chức và hoạt động TGPL. Xuất

phát từ những điểm hạn chế của Luật TGPL năm 2006, Luật TGPL năm 2017 được ban hành, chính thức phát sinh hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng thực hiện TGPL cho các đối tượng chính sách được TGPL nói chung, người nghèo nói riêng.

Từ những trình bày ở trên, có thể định nghĩa pháp luật về TGPL cho người nghèo: *là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung do Nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận được đảm bảo thực hiện bằng Nhà nước nhằm điều chỉnh quan hệ phát sinh liên quan đến TGPL cho nhóm đối tượng người nghèo từ đó giúp họ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật.*

Khái niệm thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo:

Thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo là khái niệm được xây dựng dựa trên cơ sở khái niệm THPL nói chung. THPL là một hiện tượng xã hội mang tính pháp lý. Lý luận về Nhà nước và pháp luật khẳng định quá trình THPL được diễn ra tiếp nối với quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật của nhà nước. Pháp luật chỉ có tác dụng điều chỉnh các QHXX khi nó được áp dụng vào cuộc sống. Pháp luật như vậy là pháp luật trong cuộc sống, trong hành động, được thể hiện thông qua hoạt động của các cơ quan nhà nước, các tổ chức và mọi công dân, vai trò đó thuộc về THPL.

Thực hiện pháp luật được hiểu là *“quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể pháp luật”* [69, tr. 494]. Tiếp cận về THPL có bản chất là một quá trình và kết quả tích cực, tác giả Đào Trí Úc cho rằng *“Nói THPL là nói đến một kết quả tích cực của quá trình điều chỉnh pháp luật, mà điều chỉnh pháp luật thì hướng tới hai yêu cầu: thực hiện hành vi hợp pháp hoặc không thực hiện hành vi hợp pháp”* [110]. Xây dựng và ban hành pháp luật là hoạt động quan trọng, nhưng mục đích của việc xây dựng và ban hành pháp luật chỉ có thể đạt được khi pháp luật đi vào được thực hiện nghiêm túc trong thực tiễn cuộc sống.

Từ những phân tích trên, THPL về TGPL cho người nghèo như sau: *“Thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo là quá trình hoạt động có mục đích nhằm làm cho những quy định của pháp luật về TGPL thành những xử sự thực tế của các*

chủ thể pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể tham gia THPL về TGPL góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người nghèo”.

2.1.2. Đặc điểm thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo mang những đặc điểm chung của hoạt động THPL về TGPL và có đặc điểm riêng về đối tượng thụ hưởng hoạt động TGPL là người nghèo.

Thứ nhất, thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo là một trong những hình thức để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước. Nhà nước là chủ thể chủ yếu trong THPL về TGPL, các chủ thể THPL khác đóng vai trò hỗ trợ Nhà nước trong THPL về TGPL cho người nghèo. Khoản 1 Điều 4 Luật TGPL năm 2017 ghi nhận rõ “*TGPL là trách nhiệm của Nhà nước*”. Điều này lý giải từ góc độ Nhà nước là chủ thể quản lý duy nhất nhưng cũng đồng thời là chủ thể chủ yếu, trực tiếp thực hiện TGPL [95]. Nhà nước thông qua pháp luật về TGPL thực hiện chức năng quản lý thông qua xây dựng, ban hành pháp luật về TGPL cho người nghèo, tổ chức hướng dẫn thi hành pháp luật về TGPL cho người nghèo, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về TGPL cho người nghèo. Bên cạnh đó, Nhà nước Việt Nam là Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân cho nên một trong tiêu chí đặt ra đối với nhà nước pháp quyền là bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Một trong những nhiệm vụ quan trọng thể hiện bản chất của Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam đó là giúp cho người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt về mặt pháp luật để họ có thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, để ngang bằng với các công dân khác [68]. Việc THPL về TGPL của Nhà nước là một kênh quan trọng trong việc bảo vệ các quyền trên của công dân.

Thứ hai, thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo do nhiều chủ thể khác nhau tiến hành với nhiều cách thức khác nhau. Chủ thể THPL về TGPL cho người nghèo bao gồm Nhà nước, các tổ chức thực hiện TGPL (Các Trung tâm tư vấn pháp luật của các tổ chức chính trị, xã hội, tổ chức hành nghề luật sư và luật sư...), các cá nhân thực hiện TGPL. Mặc dù Nhà nước là thành tố nòng cốt trong THPL, tổ chức THPL về TGPL, Nhà nước khuyến khích huy động các nguồn lực

khác tham gia vào hoạt động TGPL. Ngoài các Trung tâm TGPL Nhà nước, các tổ chức hành nghề luật sư, các tổ chức tư vấn pháp luật... tham gia hỗ trợ hoạt động TGPL miễn phí cho người nghèo. Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện TGPL, tư vấn viên pháp luật, cộng tác viên TGPL là những cá nhân hỗ trợ Nhà nước trong thực hiện TGPL cho người nghèo. Tuy nhiên, dù là tổ chức hay cá nhân thực hiện TGPL cho người nghèo thì Nhà nước vẫn là chủ thể duy nhất chịu trách nhiệm về “chất lượng” của dịch vụ TGPL. Nhà nước cần phải thể hiện vai trò của mình trong việc bảo đảm thực hiện trên thực tế quyền con người quyền công dân cho người nghèo và trách nhiệm cung ứng cũng như kiểm soát chất lượng các dịch vụ cơ bản, thiết yếu để bảo đảm công bằng, bình đẳng cho nhóm đối tượng này với các nhóm đối tượng còn lại trong xã hội. Như vậy, hiệu quả THPL về TGPL phụ thuộc phần lớn vào trách nhiệm và vai trò nòng cốt của Nhà nước [63, tr.18].

Thứ ba, thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo là hoạt động hỗ trợ tư pháp mang tính đặc thù. Việc THPL về TGPL cho người nghèo cũng mang tính chất hỗ trợ bởi lẽ TGPL cho người nghèo gắn liền với quá trình tổ chức THPL về TGPL cho người nghèo, thể hiện rõ nét ở hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền và thực thi công vụ của các công chức viên chức nhà nước [92, tr. 21]. Tại Nghị quyết TW 3 khoá VIII ngày 18/6/1997 [2] đã khẳng định mục đích của hoạt động hỗ trợ tư pháp là để hỗ trợ đắc lực cho hoạt động xét xử của Tòa án. Tinh thần trên được tiếp tục thể hiện trong tờ trình Quốc hội về Dự án Luật TGPL năm 2006 có chỉ rõ TGPL là một kênh hỗ trợ cho cơ chế thực thi pháp luật của các cơ quan hành chính, tư pháp và góp phần khắc phục những bất cập của pháp luật.

Thứ tư, thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo có đặc trưng về đối tượng hưởng lợi ích từ THPL về TGPL là người nghèo. Mặc dù quy định về đối tượng được TGPL trên thế giới có điểm tương đồng gồm có người nghèo và đối tượng yếu thế khác nhưng điều kiện để xác định người nghèo được TGPL là không giống nhau. Tại Singapore, từ ngày 16/10/2019 [130] người được TGPL dân sự nếu đáp ứng tiêu chí: tổng thu nhập hộ gia đình hàng tháng bình quân trên đầu người thấp hơn hoặc bằng 950 SGD trong 12 tháng trước khi nộp đơn yêu cầu TGPL, nếu người được TGPL dưới 60 tuổi khoản tiết kiệm và đầu tư CPF (Central Provident

Fund- CPF- Quỹ Phòng xa Trung ương) phải dưới 10.000 SGD, người từ 60 tuổi trở lên khoản tiết kiệm và đầu tư CPF phải dưới 40.000 SGD. Như đã đề cập ở trên, người nghèo theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành là những người thuộc hộ nghèo. Tiêu chí xác định chuẩn nghèo dựa trên tiêu chí thu nhập và tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

Thứ năm, thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo giới hạn về lĩnh vực TGPL và không gian TGPL. Về lĩnh vực TGPL, thông thường các vụ việc TGPL phải liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của người được TGPL và loại trừ lĩnh vực kinh doanh thương mại sẽ không thuộc phạm vi được TGPL. Luật TGPL năm 2017 quy định TGPL được thực hiện trong các lĩnh vực pháp luật trừ lĩnh vực kinh doanh, thương mại với các hình thức TGPL gồm tham gia tố tụng, tư vấn pháp luật và đại diện ngoài tố tụng [75]. Luật Tiếp cận công lý năm 1999 của Vương quốc Anh cũng quy định tương tự về lĩnh vực TGPL được thực hiện trong các lĩnh vực pháp luật ngoại trừ các trường hợp cụ thể như liên quan đến kinh doanh, thương mại. Bên cạnh đó, việc THPL về TGPL cũng được giới hạn trong một không gian nhất định. Cụ thể, Trung tâm TGPL Nhà nước ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện TGPL đối với người được TGPL đang cư trú ở địa phương, vụ việc xảy ra ở địa phương, vụ việc TGPL do cơ quan TGPL có thẩm quyền ở Trung ương yêu cầu [75].

2.1.3. Vai trò của thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo

2.1.3.1. Thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo đảm bảo quyền con người, quyền công dân, cụ thể là quyền đảm công bằng trong việc tiếp cận pháp luật, tiếp cận công lý

Thực hiện pháp luật về TGPL góp phần quan trọng trong việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân, cụ thể là quyền đảm bảo công bằng trong tiếp cận pháp luật, tiếp cận công lý. Xét ở phạm vi toàn cầu, trong Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền năm 1948 đã khẳng định “*Tất cả mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và có quyền được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào*”. Quyền bình đẳng trên phải được thừa nhận, tôn trọng và bảo đảm thực hiện bởi các quốc gia trên thế giới. Người nghèo với những bất lợi

về tài chính cũng như hiểu biết pháp luật khi có những vấn đề phát sinh liên quan đến pháp luật sẽ gặp khó khăn hơn những chủ thể khác trong tiếp cận các dịch vụ pháp lý. THPL về TGPL là một kênh quan trọng giúp người nghèo có thể tiếp cận các dịch vụ pháp lý một cách dễ dàng và bình đẳng trước pháp luật. TGPL nói chung và THPL về TGPL nói riêng cho người nghèo có thể lý giải từ cách tiếp cận dựa trên quyền con người (human rights based approach) mà ở đó thừa nhận rằng nghèo đói là kết quả của việc bị tước quyền, bị loại trừ và phân biệt [134]. Trao quyền pháp lý cho người nghèo trở thành điều kiện cần thiết để tạo ra một môi trường thuận lợi trong cung cấp sinh kế bền vững và xoá đói giảm nghèo.

Ở Việt Nam, TGPL là một chính sách, chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước thể hiện tinh thần nhân văn sâu sắc bởi hướng tới đối tượng là những người yếu thế trong xã hội, trong đó có người nghèo có cơ hội tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ pháp lý miễn phí. Thực hiện pháp luật về TGPL tạo điều kiện cho người nghèo được tiếp cận dịch vụ pháp lý như những công dân khác. Nói cách khác, mọi công dân không phân biệt về hoàn cảnh, điều kiện kinh tế đều có thể tiếp cận dịch vụ pháp lý như nhau, từ đó góp phần bảo đảm mọi công dân được bình đẳng trước pháp luật và thực hiện công bằng xã hội [62, tr. 44]. Thông qua THPL về TGPL cho người nghèo giúp nâng cao nhận thức pháp luật cho người nghèo bởi đây là một quá trình giáo dục ý thức pháp luật đối với xã hội qua đó người nghèo biết được những việc được phép hoặc không được phép làm theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, thông qua THPL về TGPL, người nghèo nhận thức được vai trò, vị trí của mình trước pháp luật cũng như sử dụng pháp luật, tuân thủ pháp luật và thi hành pháp luật về TGPL một cách hiệu quả.

Ngoài ra, THPL về TGPL cho người nghèo là một trong những công cụ để Việt Nam thực hiện các cam kết quốc tế về quyền con người. Việt Nam là một trong những quốc gia trên thế giới tham gia vào hầu hết các công ước quốc tế về quyền con người như: Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội năm 1966, Công ước quốc tế về các quyền dân sự chính trị năm 1966... [5]. Thông qua hoạt động cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí, THPL về TGPL cho người nghèo góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người nghèo được TGPL, đặc biệt khi

họ rơi vào tình trạng bị buộc tội, nguy cơ bị tước quyền tự do, đây là lúc Nhà nước cần có sự trợ giúp, hỗ trợ để họ được bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình theo đúng cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2.1.3.2. Thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo góp phần quan trọng trong cải cách tư pháp

Thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo góp phần quan trọng đối với hoạt động cải cách tư pháp tại Việt Nam. Theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 02/06/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, trọng tâm của công cuộc cải cách tư pháp là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao để bảo vệ tốt nhất quyền con người trong lĩnh vực tư pháp, đặc biệt là bảo đảm việc tranh tụng tại phiên toà. Bên cạnh đó Nghị quyết 49 - NQ/TW đặt ra yêu cầu xã hội hoá mạnh mẽ hoạt động hỗ trợ tư pháp. Yêu cầu xã hội hoá hoạt động hỗ trợ tư pháp giai đoạn 2021 - 2023 tiếp tục được ghi nhận tại các Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Trong Chiến lược phát triển KT-XH hội 10 năm 2021-2030 đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp KT-XH: *“Tiếp tục thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, nhất là cho những người yếu thế, người nghèo. Đổi mới cách tiếp cận, tăng cường phối hợp, lồng ghép, ưu tiên nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực trợ giúp xã hội”*. Có thể thấy, mục tiêu của cải cách tư pháp là xây dựng một nền tư pháp hiệu quả, dân chủ và bảo vệ công lý.

Thực hiện pháp luật về TGPL là một kênh góp phần bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận công lý. Cụ thể, với sự tham gia của các chủ thể như Trung tâm TGPL nhà nước, người thực hiện TGPL vào các hoạt động TGPL, đặc biệt là tham gia vào hoạt động tranh tụng tại tòa góp phần giúp Tòa án thực hiện đúng nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, đưa ra phán quyết đúng người đúng tội. Trên cơ sở đó, THPL về TGPL góp phần tăng cường pháp chế XHCN phù hợp với tinh thần của cải cách tư pháp tại Việt Nam [79]. Ngoài ra, thông qua THPL về TGPL cho người nghèo sẽ góp phần tăng niềm tin của người dân đối với hoạt động quản lý của Nhà nước trong bảo đảm công bằng xã hội, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ công vụ trong bảo vệ quyền và lợi ích cho người dân, đặc biệt là người nghèo.

2.1.3.3. Thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo góp phần bảo đảm chính sách an sinh xã hội, phát triển KT-XH

Tại Việt Nam, THPL về TGPL cho người nghèo có vai trò đưa các đường lối, chính sách của Đảng về giúp đỡ pháp luật, hỗ trợ về pháp lý để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người dân, đặc biệt là những đối tượng yếu thế trong xã hội vào thực tiễn cuộc sống. Nhằm góp phần thực hiện mục tiêu “*thực hiện tốt dân chủ XHCN, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân*” [112] được khẳng định tại Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VIII, Thông báo số 485/CV-VPTW ngày 31/5/1995 của Văn phòng Trung ương Đảng về ký kiến chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng đã khẳng định “*cần phải nghiên cứu lập hệ thống dịch vụ tư vấn pháp luật không lấy tiền để hướng dẫn nhân dân sống và làm việc theo pháp luật*”. Thực hiện pháp luật về TGPL góp phần triển khai chương trình, mục tiêu xoá đói giảm nghèo và chính sách an sinh xã hội tại Việt Nam bởi lẽ đây là một kênh hiệu quả giúp người nghèo nắm được những chính sách ưu đãi của Nhà nước dành cho họ. Người nghèo thường khó có cơ hội trong tiếp cận pháp luật xuất phát từ những khó khăn về tài chính cũng như hiểu biết pháp luật hạn chế. Bởi vậy, thông qua hoạt động THPL về TGPL cho người nghèo, chính sách của Đảng được thực hiện nhất quán bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người nghèo theo quy định của pháp luật.

Trong những năm gần đây, việc thể chế hoá hoạt động TGPL tại Việt Nam được chú trọng nhằm đáp ứng yêu cầu mới đặt ra trong đảm bảo chính sách an sinh xã hội và phát triển kinh tế xã hội. TGPL cho người nghèo là một trong những thành tố tích cực trong công tác giảm nghèo bền vững tại Việt Nam [111]. Lần đầu tiên nội dung TGPL đã được vào Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Khoá VIII về việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới. Cụ thể, tại mục 3 Nghị quyết đã khẳng định “*Tiếp tục đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Xây dựng mạng lưới, nâng cao năng lực của hệ thống dịch vụ pháp lý, TGPL và hỗ trợ pháp lý để người dân và doanh nghiệp dễ tiếp cận pháp luật*”. Cũng trong năm 2022, nội dung TGPL được triển khai đồng bộ trong tất cả các chương trình mục tiêu quốc gia về

giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021- 2025 [76]. Bộ Tư pháp đã kịp thời ban hành các văn bản triển khai, trên cơ sở đó các địa phương ban hành các Kế hoạch thực hiện nội dung TGPL trong Chương trình mục tiêu quốc gia.

2.1.3.4. Thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo góp phần nâng cao ý thức pháp luật cho người được trợ giúp pháp lý

Việc THPL về TGPL cho người nghèo thông qua công tác truyền thông pháp luật đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền lợi của người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế ở vùng sâu, vùng xa và những địa bàn khó khăn. Các hoạt động như thiết lập đường dây nóng tư vấn pháp luật, xây dựng chuyên mục TGPL bằng tiếng Việt trên các phương tiện truyền thông đại chúng, tổ chức các đợt tuyên truyền lưu động đã góp phần nâng cao nhận thức pháp luật cho người dân, giúp họ hiểu rõ hơn về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, việc tăng cường tổ chức các hoạt động truyền thông TGPL với nhiều hình thức đa dạng, phong phú như hội thảo, diễn đàn, sân khấu hóa, phát thanh truyền hình, mạng xã hội và phát hành tờ rơi bảo đảm nội dung truyền tải phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng vùng miền. Điều này giúp thông tin về TGPL tiếp cận đến nhiều người hơn, tạo điều kiện để người dân kịp thời nắm bắt, sử dụng TGPL trong các trường hợp xảy ra tranh chấp hoặc gặp khó khăn pháp lý. Ví dụ cụ thể, việc thiết lập đường dây nóng TGPL đã trở thành một cầu nối thiết thực, giúp người nghèo, người yếu thế có thể dễ dàng tiếp cận các dịch vụ pháp lý miễn phí. Điều này không chỉ giúp họ bảo vệ quyền lợi hợp pháp mà còn góp phần tạo sự công bằng trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định, giảm bớt gánh nặng pháp lý và hỗ trợ xây dựng một xã hội công bằng, văn minh [111, tr. 48].

2.2. CHỦ THỂ, NỘI DUNG PHÁP LUẬT, HÌNH THỨC VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO

2.2.1. Chủ thể thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Chủ thể THPL về TGPL cho người nghèo tương đối đa dạng nhưng có thể phân thành ba nhóm: nhóm chủ thể tổ chức thực hiện hoạt động TGPL (gồm Chính

phủ, Bộ Tư pháp, UBND cấp tỉnh, Sở Tư pháp và Trung tâm TGPL nhà nước), nhóm chủ thể tiến hành THPL về TGPL cho người nghèo (gồm trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện TGPL, tư vấn viên pháp luật làm việc tại tổ chức tham gia TGPL, cộng tác viên TGPL, nhóm chủ thể được TGPL (người nghèo).

**** Nhóm chủ thể tổ chức thực hiện pháp luật về Trợ giúp pháp lý cho người nghèo***

Chủ thể tổ chức THPL về TGPL cho người nghèo bao gồm: Chính phủ, Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân (UBND), Sở Tư pháp và Trung tâm TGPL nhà nước. Đây là nhóm chủ thể có vai trò quan trọng trong việc tổ chức THPL về TGPL cho người nghèo bởi lẽ việc người nghèo có nắm và thực hiện quyền được TGPL trên thực tế hay không phụ thuộc phần lớn vào các cơ quan trên.

Chính phủ với tư cách là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp. Chính phủ chịu trách nhiệm thống nhất QLNN về TGPL [75]. Trên cơ sở đó, Chính phủ thực hiện vai trò chủ đạo trong việc hoạch định, đề xuất các chính sách, định hướng về triển khai thi hành TGPL. Việc thực hiện tốt vai trò trên của Chính phủ sẽ góp phần tạo ra sự thống nhất trong triển khai thi hành chính sách TGPL trên cả nước. Ví dụ, Chính phủ ban hành Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật TGPL trong đó quy định chi tiết một số quy định của Luật TGPL năm 2017 như quy định về điều kiện khó khăn về tài chính của người được TGPL, chế độ chính sách với Trợ giúp viên pháp lý, thủ tục cấp, thu hồi và cấp lại thẻ cộng tác viên TGPL...

Bộ Tư pháp là cơ quan trực thuộc Chính phủ với chức năng quản lý hành chính nhà nước về xây dựng và thi hành chính sách pháp luật, kiểm tra văn bản QPPL, phổ biến giáo dục pháp luật thi hành án dân sự, thi hành án hành chính, hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, bồi thường nhà nước, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, QLNN các dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ. Về TGPL, Bộ Tư pháp có tư cách là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về TGPL với nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến thực hiện TGPL cho người nghèo như chủ trì, xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL về TGPL,

hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức và theo dõi việc thực hiện các văn bản QPPL về TGPL, xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển hoạt động TGPL [75].

Thực hiện chính quyền 02 cấp, không còn cấp huyện. Lãnh đạo Bộ Tư pháp ban hành Công văn số 1866/BTP-PLHSHC ngày 09/4/2025 hướng dẫn UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện một số nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tư pháp, trong đó có lĩnh vực TGPL, khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp. Theo đó, UBND cấp tỉnh căn cứ vào nhu cầu trợ giúp pháp lý và điều kiện thực tiễn của địa phương để quyết định số lượng Trung tâm TGPL nhà nước và Chi nhánh của Trung tâm. Đây được xem là một động thái quan trọng nhằm tăng cường tính chủ động, tự quyết của chính quyền địa phương trong việc tổ chức công tác TGPL tại địa phương khi không còn cấp huyện.

Ủy ban nhân dân là cơ quan hành chính nhà nước địa phương với tư cách là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực nhà nước cùng cấp. UBND thống nhất trong sự quản lý chung của Chính phủ. UBND cấp tỉnh đóng vai trò quan trọng trong tổ chức THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn. Cụ thể UBND cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn thực hiện QLNN về TGPL tại địa phương, bảo đảm các điều kiện làm việc cho Trung tâm TGPL nhà nước [75]. Trên cơ sở tham mưu của Sở Tư pháp, UBND tỉnh có trách nhiệm: Ban hành văn bản theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành văn bản QPPL về TGPL, hướng dẫn tổ chức thực hiện và theo dõi việc THPL về TGPL ở địa phương; Chỉ đạo Sở Tư pháp thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật TGPL, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, UBND, cơ quan tư pháp cấp dưới phối hợp với Trung tâm trong công tác TGPL ở địa phương; lập kế hoạch xây dựng nguồn cán bộ, bảo đảm biên chế, cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động trang thiết bị, phương tiện làm việc của Trung tâm TGPL; Quản lý về tổ chức và hoạt động TGPL của Trung tâm, hoạt động TGPL của các Văn phòng luật sư, công ty luật, Trung tâm TGPL ở địa phương...

Như đã đề cập ở trên, Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh thực hiện QLNN về TGPL tại địa phương. Sở Tư pháp thực

hiện quản lý, hướng dẫn và tổ chức, hoạt động của các Trung tâm TGPL nhà nước, Văn phòng luật sư, Công ty luật, tổ chức tư vấn pháp luật. Ngoài ra, Sở Tư pháp thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp liên ngành về TGP trong hoạt động tổ tụng cấp tỉnh; đề nghị Chủ tịch UBND bổ nhiệm, miễn nhiệm Trợ giúp viên pháp lý, quyết định công nhận, cấp thu hồi thẻ Cộng tác viên TGPL, cấp, thay đổi, thu hồi Giấy đăng ký tham gia TGPL của Văn phòng luật sư, Công ty luật và tổ chức tư vấn pháp luật. Chẳng hạn, Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng [76] là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Sóc Trăng, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh QLNN trong các công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản QPPL; pháp chế; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; hộ tịch; quốc tịch; chứng thực; nuôi con nuôi; lý lịch tư pháp; bồi thường nhà nước; TGPL...

Đối chiếu với quy định của Luật TGPL năm 2006, vai trò của Sở Tư pháp trong giúp UBND cấp tỉnh thực hiện QLNN về TGPL nói chung và TGPL cho người nghèo nói riêng đã có sự thay đổi rõ rệt. Sự thay đổi đó được thể hiện thông qua quy định giao cho Sở Tư pháp thẩm quyền lựa chọn ký hợp đồng thực hiện TGPL [75]. Đây là quy định hợp lý và phù hợp với thực tiễn bởi Sở Tư pháp thông qua việc quản lý, đánh giá hoạt động của Trung tâm TGPL nhà nước và nắm bắt yêu cầu TGPL tại địa phương quyết định việc lựa chọn, ký hợp đồng thực hiện TGPL với các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật có nguyện vọng, đáp ứng các điều kiện theo quy định nhằm tăng cường khả năng đáp ứng nhu cầu TGPL, tránh việc bỏ sót người được TGPL khi họ cần giúp đỡ pháp lý [18].

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập các Trung tâm TGPL nhà nước với vai trò tổ chức thực hiện TGPL. Trung tâm TGPL nhà nước là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp, có con dấu, trụ sở và tài khoản riêng. Trung tâm TGPL nhà nước thực hiện [75] TGPL, đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan phối hợp, cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc TGPL, bồi thường thiệt hại do lỗi của người thuộc tổ chức mình gây ra trong khi thực hiện TGPL,... So với Luật TGPL năm 2006, nhiệm vụ của Trung tâm TGPL nhà nước không có nhiều thay đổi ngoại trừ sửa đổi nhiệm vụ từ “*kiến nghị những vấn đề liên quan đến thi hành pháp*

luật” thành “*Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến giải quyết vụ việc TGPL*” cho phù hợp với thực tiễn thực hiện TGPL. Ngoài ra, nhiệm vụ “*giải quyết tranh chấp trong TGPL*” không còn được quy định trong Luật TGPL năm 2017.

**** Nhóm chủ thể tiến hành thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo***
- Trợ giúp viên pháp lý

Trợ giúp viên pháp lý đã được quy định từ Luật TGPL năm 2006 và tới Luật TGPL năm 2017 đã được hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn cũng như mục tiêu nâng cao chất lượng dịch vụ TGPL. Những tiêu chuẩn đặt ra cho trợ giúp viên pháp lý theo quy định của Luật TGPL năm 2017 tương đối toàn diện từ phẩm chất đạo đức, trình độ đào tạo, kinh nghiệm tới sức khỏe. Theo đó, trợ giúp viên pháp lý phải là công dân Việt Nam và là viên chức thuộc sự quản lý của Trung tâm TGPL nhà nước, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ cử nhân luật trở lên, đã được đào tạo hoặc được miễn đào tạo nghề Luật sư, có sức khỏe đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, không đang trong thời gian bị kỷ luật [75]. Bên cạnh đó, Luật TGPL năm 2017 bổ sung tiêu chuẩn phải trải qua tập sự hành nghề luật sư hoặc tập sự TGPL nhằm để chuyên viên pháp lý có thời gian vận dụng kiến thức, giúp họ hoàn thiện những kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng tham gia tố tụng để tự tin cung cấp dịch vụ pháp lý khi được bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý [20].

- Luật sư

Theo quy định của Luật TGPL năm 2017, Luật sư thực hiện TGPL theo hai hình thức: ký hợp đồng với Trung tâm TGPL nhà nước và theo phân công của tổ chức tham gia TGPL. Đối với hình thức luật sư thực hiện TGPL theo hợp đồng ký với Trung tâm TGPL nhà nước, Trung tâm TGPL nhà nước lựa chọn ký kết hợp đồng với luật sư phải đáp ứng được 04 điều kiện [75] theo luật định đó là: 1) Không đang trong thời gian thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hành nghề luật sư; 2) Không bị cấm hành nghề hoặc bị hạn chế hoạt động nghề nghiệp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; 3) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; 4) Được sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức hành nghề luật sư nơi luật sư đang làm việc hoặc cơ quan, tổ chức mà luật sư ký kết hợp đồng lao

động. Với luật sư thực hiện TGPL theo phân công của tổ chức tham gia TGPL thì luật sư có thể thực hiện TGPL theo phân công của tổ chức đăng ký tham gia TGPL hoặc tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL. Quy định trên vừa có sự kế thừa quy định của Luật TGPL năm 2006 trong việc tiếp tục khuyến khích, huy động sự tham gia của đội ngũ luật sư có kinh nghiệm, uy tín tham gia thực hiện TGPL nhưng đồng thời cũng bổ sung cơ chế ký hợp đồng nhằm lựa chọn những luật sư có khả năng cung cấp dịch vụ TGPL cho người nghèo một cách hiệu quả.

- Tư vấn viên pháp luật

Luật TGPL năm 2017 quy định hai điều kiện đối với tư vấn viên pháp luật là có 02 năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật trở lên và phải làm việc tại tổ chức tham gia TGPL cho người nghèo [75]. Nếu tư vấn viên pháp luật là thành viên của tổ chức đăng ký tham gia TGPL cho người nghèo thì họ sẽ thực hiện TGPL miễn phí, tự nguyện cho người nghèo và không được nhà nước hỗ trợ kinh phí khi thực hiện vụ việc TGPL. Trường hợp tư vấn viên pháp luật làm việc tại tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL cho người nghèo thì tổ chức đó được Nhà nước hỗ trợ kinh phí khi thực hiện vụ việc TGPL.

- Cộng tác viên TGPL

Điều 24 Luật TGPL năm 2014 quy định ở những vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn, căn cứ vào nhu cầu TGPL của người dân và điều kiện thực tế tại địa phương, Giám đốc Trung tâm TGPL nhà nước đề nghị Giám đốc Sở Tư pháp cấp thẻ Cộng tác viên TGPL. Cộng tác viên TGPL phải đáp ứng các điều kiện tại khoản 2 Điều 24 Luật TGPL như sau:

“Những người đã nghỉ hưu, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe, có nguyện vọng thực hiện TGPL có thể trở thành cộng tác viên pháp lý TGPL, bao gồm: Trợ giúp viên pháp lý; thẩm phán, thẩm tra viên ngành Tòa án; kiểm sát viên, kiểm tra viên ngành kiểm sát; điều tra viên; chấp hành viên, thẩm tra viên thi hành án dân sự; chuyên viên làm công tác pháp luật tại các cơ quan nhà nước”. Quy định về điều kiện đối với cộng tác viên TGPL trong Luật TGPL năm 2017 chặt chẽ hơn xuất phát từ thực trạng khi triển khai Luật TGPL năm 2006 cộng tác viên TGPL có trình độ không đồng đều có những người

như già làng, trưởng bản... với hiểu biết về pháp luật còn hạn chế cũng được thực hiện TGPL [20]. Quy định trên nhằm hướng nâng cao chất lượng TGPL tại các vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn cần huy động nhân lực có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm tham gia công tác TGPL tại các địa bàn đó.

Như vậy, có thể thấy những quy định về người thực hiện TGPL cho các đối tượng được TGPL nói chung, người nghèo nói riêng theo quy định của Luật TGPL năm 2017 có sự kế thừa những quy định của Luật TGPL năm 2006 nhưng đồng thời hướng tới chuẩn hoá đội ngũ thực hiện TGPL cho người nghèo là những người có năng lực, trình độ nhằm đảm bảo trợ giúp tốt nhất trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người nghèo. Với những quy định hiện hành về người thực hiện TGPL như quy định của Luật TGPL năm 2017 vừa thể hiện xu hướng đa dạng hóa chủ thể cung cấp dịch vụ pháp lý, vừa có tính kế thừa quy định trước đây, đặc biệt là đã bảo đảm nâng cao chất lượng dịch vụ TGPL, từ đó sẽ tạo sự tin tưởng từ người được TGPL và góp phần nâng cao được vị trí, vai trò của công tác TGPL trong xã hội [20].

Người tiến hành THPL về TGPL cho người nghèo được hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Cụ thể, Luật TGPL năm 2017 quy định người thực hiện TGPL có quyền và nghĩa vụ thực hiện TGPL, đảm bảo chất lượng vụ việc TGPL. Ngoài ra, họ có quyền được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ về TGPL; từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện TGPL trong các trường hợp luật định. Người thực hiện TGPL cũng phải tuân thủ các nguyên tắc hoạt động TGPL, đảm bảo thực hiện TGPL độc lập, không bị đe dọa, cản trở hoặc can thiệp trái pháp luật; chấp hành nghiêm chỉnh nội quy nơi thực hiện TGPL; bồi thường hoặc hoàn trả khoản tiền cho tổ chức thực hiện TGPL đã trả cho người bị thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện TGPL theo quy định của pháp luật.

**** Người được Trợ giúp pháp lý***

Điều 7 Luật TGPL năm 2017 quy định một trong những đối tượng được TGPL là người thuộc hộ nghèo. Quy định trên đã phù hợp với quy định về hộ nghèo trong các Quyết định, Nghị định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số

09/2011/QĐ-TTg ngày 08/07/2011 về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015, Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020, Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025. Theo đó căn cứ vào hai tiêu chí tiêu chí thu nhập và tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản thì chuẩn hộ nghèo ở khu vực nông thôn là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên. Chuẩn hộ nghèo ở khu vực thành thị là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên. Một điểm tiến bộ trong quy định về đối tượng người nghèo được TGPL đó là hộ cận nghèo. Điều 2 Luật TGPL năm 2017 quy định người thuộc hộ cận nghèo nếu có khó khăn về tài chính thì cũng được TGPL. Đây là quy định hết sức tiến bộ và nhân văn thể hiện những ưu tiên của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện các chính sách về an sinh xã hội và xoá đói giảm nghèo.

Đối với nghĩa vụ của người được TGPL, người được TGPL là người nghèo phải thực hiện nghĩa vụ của người được TGPL đó là cung cấp giấy tờ chứng minh là người được TGPL; hợp tác, cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc TGPL và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, tài liệu, chứng cứ đó; tôn trọng tổ chức thực hiện TGPL, người thực hiện TGPL và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến vụ việc TGPL; không yêu cầu tổ chức thực hiện TGPL khác TGPL cho mình về cùng một vụ việc đang được một tổ chức thực hiện TGPL thụ lý, giải quyết; chấp hành pháp luật về TGPL và nội quy nơi thực hiện TGPL.

2.2.2. Nội dung điều chỉnh của pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Nghiên cứu văn bản pháp luật hiện hành của Việt Nam về TGPL cho thấy, nội dung điều chỉnh của pháp luật gồm nhiều nhóm quan hệ khác nhau. Luận án chỉ đề cập đến một số nội dung điều chỉnh của pháp luật về TGPL. Đây là những nội dung

được quy định điều chỉnh các QHXX phát sinh trong lĩnh vực thực hiện quyền TGPL của người nghèo.

2.2.2.1. Các quy định về nguyên tắc thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo

- Tuân thủ pháp luật và quy tắc nghề nghiệp TGPL.
- Kịp thời, độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan.
- Bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của người được TGPL.
- Không thu tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác từ người được TGPL.

Các nguyên tắc THPL về TGPL cho người nghèo (và các đối tượng yếu thế khác) tập trung vào việc bảo vệ tối đa quyền lợi hợp pháp, đảm bảo tính kịp thời, độc lập, trung thực, khách quan, không thu phí, và là trách nhiệm của Nhà nước, đảm bảo người nghèo được tiếp cận công lý, bình đẳng trước pháp luật, với các hình thức như tư vấn, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng, theo Luật TGPL 2017 và các văn bản hướng dẫn.

Các nguyên tắc cơ bản bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ưu tiên hàng đầu là bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL, dùng mọi biện pháp hợp pháp để đảm bảo công bằng, chính xác; Kịp thời, độc lập, trung thực, khách quan: Hoạt động TGPL phải nhanh chóng, người thực hiện phải độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan, không phụ thuộc vào yếu tố bên ngoài; Không thu phí, lợi ích: Hoạt động TGPL là trách nhiệm của Nhà nước, không được thu tiền, lợi ích vật chất (cho, biếu, quà) hoặc lợi ích khác từ người được TGPL; Bảo mật thông tin: Người thực hiện TGPL có trách nhiệm giữ bí mật thông tin về người được TGPL; Phổ cập và tiếp cận: Tăng cường truyền thông để người dân biết và tiếp cận dịch vụ TGPL, giúp họ dễ dàng tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần.

2.2.2.2. Các quy định về quyền thực hiện trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được TGPL trong vụ việc TGPL theo quy định của Luật này, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật. Theo Luật TGPL 2017, người nghèo (thuộc hộ nghèo) được hưởng TGPL miễn phí dưới nhiều hình thức (tư vấn, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng) với người thực

hiện là Trợ giúp viên pháp lý, luật sư, tư vấn viên pháp luật, cộng tác viên. Họ có quyền được bảo đảm độc lập thực hiện dịch vụ, được bồi dưỡng kỹ năng và được hưởng chế độ chính sách theo quy định, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình.

Theo quy định tại Điều 7, Luật TGPL 2017 và Điều 2, Nghị định số 144/2017/NĐ-CP quy định về điều kiện khó khăn về tài chính của người được TGPL quy định tại Khoản 7 Điều 7, Luật TGPL 2017, đối tượng được TGPL miễn phí từ ngày 1-1-2018, bao gồm: 1) Người thuộc hộ nghèo; 2. Trẻ em; 3. Người DTTS vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn; 4. Người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi; 5. Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo; 6. Người có công với cách mạng; 7. Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ.

Chính phủ quy định chi tiết điều kiện khó khăn về tài chính của người được TGPL quy định tại khoản này phù hợp với điều kiện KT-XH.

Theo Luật TGPL 2017, quy định quyền TGPL cho người nghèo, cụ thể:

1. Được TGPL mà không phải trả tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác.
2. Tự mình hoặc thông qua người thân thích, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác yêu cầu TGPL.
3. Được thông tin về quyền được TGPL, trình tự, thủ tục TGPL khi đến tổ chức thực hiện TGPL và các cơ quan nhà nước có liên quan.
4. Yêu cầu giữ bí mật về nội dung vụ việc TGPL.
5. Lựa chọn một tổ chức thực hiện TGPL và người thực hiện TGPL tại địa phương trong danh sách được công bố; yêu cầu thay đổi người thực hiện TGPL khi người đó thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25 của Luật này.
6. Thay đổi, rút yêu cầu TGPL.
7. Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.
8. Khiếu nại, tố cáo về TGPL theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Quyền và nghĩa vụ của người được TGPL, trong đó có người nghèo được quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật TGPL năm 2017. Về quyền của người được

TGPL, họ được TGPL mà không phải trả tiền, lợi ích vật chất hoặc các lợi ích khác; tự mình hoặc thông qua người thân thích, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác yêu cầu TGPL; được thông tin về quyền được TGPL, trình tự, thủ tục TGPL khi đến tổ chức thực hiện TGPL và các cơ quan nhà nước có liên quan; yêu cầu giữ bí mật về nội dung vụ việc TGPL; lựa chọn một tổ chức thực hiện TGPL và người thực hiện TGPL tại địa phương trong danh sách được công bố; yêu cầu thay đổi người thực hiện TGPL khi người đó thuộc một trong các trường hợp không được tiếp tục thực hiện TGPL hoặc từ chối thực hiện TGPL; thay đổi, rút yêu cầu TGPL; được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; được khiếu nại, tố cáo về TGPL theo quy định của pháp luật.

2.2.2.3. Quy định về các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động trợ giúp pháp lý

Tại Điều 6 của Luật TGPL đã quy định rõ các hành vi bị nghiêm cấm trong quá trình thực hiện TGPL nói chung, trong đó có TGPL cho người nghèo như: Nghiêm cấm tổ chức thực hiện TGPL và người thực hiện TGPL có hành vi sau đây: a) Xâm phạm danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL; phân biệt đối xử người được TGPL; b) Nhận, đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác từ người được TGPL; sách nhiễu người được TGPL; c) Tiết lộ thông tin về vụ việc TGPL, về người được TGPL, trừ trường hợp người được TGPL đồng ý bằng văn bản hoặc luật có quy định khác; d) Từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện TGPL, trừ trường hợp quy định tại Luật này và quy định của pháp luật về tố tụng; đ) Lợi dụng hoạt động TGPL để trục lợi, xâm phạm quốc phòng, an ninh quốc gia, gây mất trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến đạo đức xã hội; e) Xúi giục, kích động người được TGPL cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện trái pháp luật.

- Nghiêm cấm người được TGPL, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động TGPL có hành vi sau đây: a) Xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm của người thực hiện TGPL và uy tín của tổ chức thực hiện TGPL; b) Cố tình cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về vụ việc TGPL; c) Đe dọa, cản trở, can

thiệt trái pháp luật vào hoạt động TGPL; gây rối, làm mất trật tự, vi phạm nghiêm trọng nội quy nơi thực hiện TGPL.

2.2.3. Hình thức thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Hình thức THPL là cách thức mà các chủ thể tiến hành các hoạt động có mục đích làm cho các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống. Lý luận về Nhà nước và pháp luật Việt Nam hiện nay đều thống nhất có bốn hình thức THPL, đó là: *Tuân thủ pháp luật; chấp hành pháp luật; sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật*. Từ phương diện lý luận chung, hình thức THPL về TGPL cho người nghèo thể hiện như sau:

Một là, tuân thủ pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Căn cứ vào tính chất của hình thức tuân thủ pháp luật nói chung, tuân thủ pháp luật trong THPL về TGPL cho người nghèo là hình thức THPL mà ở đó các chủ thể THPL về TGPL cho người nghèo không thực hiện hành vi mà pháp luật về TGPL cấm. Tuân thủ pháp luật về TGPL cho người nghèo thể hiện dưới dạng không hành động. Ví dụ, quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật TGPL năm 2017 cấm tổ chức thực hiện TGPL và người thực hiện TGPL xâm phạm danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL, không nhận, đòi hỏi bất kỳ khoản tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác từ người được TGPL, sách nhiễu người được TGPL...

Hai là, chấp hành pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Chấp hành pháp luật về TGPL cho người nghèo là hình thức THPL về TGPL mà ở đó các chủ thể THPL về TGPL cho người nghèo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp lý của mình. Theo đó các tổ chức, cá nhân thực hiện TGPL, người nghèo là đối tượng được TGPL và những chủ thể liên quan khác phải thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của pháp luật trong việc đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho người nghèo trong TGPL. Chẳng hạn, Điều 9 Luật TGPL năm 2017 quy định nghĩa vụ của người được TGPL đó là cung cấp giấy tờ chứng minh là người được TGPL; hợp tác, cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ việc TGPL và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, tài liệu, chứng cứ đó; tôn trọng tổ chức thực hiện TGPL, người thực

hiện TGPL và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến vụ việc TGPL; không yêu cầu tổ chức thực hiện TGPL khác TGPL cho mình về cùng một vụ việc đang được tổ chức thực hiện TGPL thụ lý, giải quyết.

Ba là, sử dụng pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Sử dụng pháp luật về TGPL cho người nghèo là hình thức THPL về TGPL trong đó các chủ thể THPL về TGPL thực hiện quyền của mình theo quy định của pháp luật. Bên cạnh nghĩa vụ, tổ chức, cá nhân thực hiện TGPL, người nghèo là đối tượng được TGPL và những chủ thể liên quan khác được hưởng những quyền nhất định theo luật định. Luật TGPL năm 2017 quy định về quyền của người được TGPL như được TGPL mà không phải trả tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác; tự mình hoặc thông qua người thân thích, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác yêu cầu TGPL; yêu cầu giữ bí mật về nội dung vụ việc được TGPL; được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật...

Bốn là, áp dụng pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Áp dụng pháp luật về TGPL cho người nghèo được hiểu là hình thức THPL về TGPL mà ở đó Nhà Nước thông qua các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, các cá nhân, tổ chức xã hội được Nhà nước trao quyền ra các quyết định áp dụng pháp luật cá biệt làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt các quan hệ pháp luật trong hoạt động TGPL cho người nghèo. Đây là hình thức THPL về TGPL cho người nghèo đặc thù vì là hình thức thể hiện quyền lực nhà nước, vai trò, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong tổ chức THPL về TGPL cho người nghèo.

Áp dụng pháp luật về TGPL cho người nghèo phát sinh trong một số trường hợp như:

- Khi thiết lập, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ pháp lý cụ thể của các chủ thể như: Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm, cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý hoặc miễn nhiệm, thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý thành lập Trung tâm TGPL nhà nước, thành lập các Chi nhánh của Trung tâm TGPL,...

- Khi phát sinh hành vi vi phạm pháp luật về TGPL cho người nghèo. Chẳng hạn, tổ chức thực hiện TGPL có hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, phân biệt

đối xử với người được TGPL là người nghèo; người được TGPL là người nghèo có hành vi đe dọa, cản trở, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động TGPL...

- Khi phát sinh tranh chấp về quyền và nghĩa vụ pháp lý giữa các bên tham gia TGPL như trường hợp phát sinh tranh chấp giữa người được TGPL là người nghèo với trợ giúp viên pháp lý, tư vấn viên pháp luật, cộng tác viên TGPL, tổ chức tư vấn pháp luật liên quan đến thực hiện TGPL, luật sư, tổ chức hành nghề luật sư liên quan đến thực hiện TGPL mà các bên không thể tự giải quyết và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Như vậy, THPL về TGPL cho người nghèo thông qua các hình thức: chấp hành pháp luật, tuân thủ pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật. Trong bốn hình thức THPL về TGPL cho người nghèo thì hình thức áp dụng pháp luật có điểm khác biệt cơ bản so với các hình thức THPL về TGPL cho người nghèo còn lại. Cụ thể, nếu như chấp hành pháp luật, tuân thủ pháp luật và sử dụng pháp luật về TGPL cho người nghèo là hình thức mà các chủ thể từ tổ chức đến cá nhân THPL về TGPL đều có thể thực hiện thì áp dụng pháp luật về TGPL cho người nghèo là hình thức thể hiện quyền lực nhà nước thông qua việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan có thẩm quyền về TGPL.

2.3. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO

2.3.1. Điều kiện bảo đảm về chính trị

Thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo thực chất là sự chuyển hoá những đường lối, chính sách của Đảng về an sinh xã hội, phát triển KT-XH vào thực tiễn cuộc sống. Bởi vậy, THPL về TGPL cho người nghèo phụ thuộc vào quan điểm chính trị và quyết tâm chính trị của các cấp uỷ đảng và chính quyền địa phương. Nếu chúng ta đặt mục tiêu ưu tiên hàng đầu là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, bảo đảm sự công bằng, bình đẳng với các nhóm người khác trong xã hội, trong đó có người nghèo thì THPL về TGPL cho người nghèo diễn ra thuận lợi và ngược lại.

Mình chứng trên thực tế là trong những năm gần đây, việc thể chế hoá hoạt động TGPL được chú trọng nhằm đáp ứng yêu cầu mới đặt ra trong đảm bảo chính

sách an sinh xã hội và phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Năm 2022, nội dung TGPL được triển khai đồng bộ trong tất cả các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021- 2025 [76]. Bộ Tư pháp đã ban hành các văn bản triển khai, trên cơ sở đó các địa phương ban hành các Kế hoạch thực hiện nội dung TGPL trong Chương trình mục tiêu quốc gia.

Như vậy, bảo đảm về chính trị đóng vai trò là sợi chỉ xuyên suốt trong quá trình xây dựng và tổ chức THPL về TGPL cho người nghèo. Điều kiện chính trị ảnh hưởng đến THPL về TGPL cho người nghèo có thể nhìn nhận ở các khía cạnh đó là nhận thức chính trị và quyết tâm chính trị của các tổ chức, cá nhân liên quan. Nhận thức chính trị về THPL về TGPL cho người nghèo rõ ràng và quyết tâm chính trị ở mức độ cao sẽ ảnh hưởng chủ đạo đến việc xác định nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể liên quan cũng như đề ra những phương hướng, biện pháp cụ thể để THPL về TGPL một cách hiệu quả và hợp lòng dân.

2.3.2. Điều kiện bảo đảm về kinh tế

Điều kiện kinh tế là yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động THPL về TGPL cho người nghèo bởi lẽ yếu tố kinh tế tác động đến THPL về TGPL dưới các khía cạnh sau:

Một là, tiềm lực kinh tế của quốc gia là điều kiện tiên quyết quyết định đến mức chi trả cho những chính sách về an sinh xã hội, trong đó có TGPL cho người nghèo bởi bản chất của TGPL cho người nghèo là một dịch vụ pháp lý miễn phí với nguồn chi trả từ ngân sách Nhà nước. Động lực thúc đẩy cho sự tham gia cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, các chủ thể khác trong xã hội trong việc THPL về TGPL cho người nghèo phụ thuộc vào tiềm lực kinh tế từ Nhà nước hỗ trợ cho hoạt động này.

Hai là, điều kiện kinh tế tác động lớn đến ý thức pháp luật của người dân. Nếu điều kiện kinh tế được nâng cao các tầng lớp trong xã hội có nhiều cơ hội để nâng cao nhận thức. Điều đó ảnh hưởng đến nhận thức về quyền và nghĩa vụ của công dân trong lĩnh vực TGPL. Khi người dân nhận thức được đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về TGPL họ sẽ lựa chọn những phương thức xử sự phù hợp có thể là hành động hoặc không hành động trong từng trường hợp để

bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như không có những hành vi đi ngược lại với quy định của pháp luật.

2.3.3. Điều kiện bảo đảm về văn hóa - xã hội

Văn hoá, trong đó có văn hoá pháp luật ảnh hưởng phần nhiều đến các hành vi, cách ứng xử của các chủ thể khi tham gia THPL về TGPL cho người nghèo. Dưới góc độ văn hoá học, văn hoá được hiểu là sự kết tinh các giá trị vật chất và tinh thần được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác [37]. Mặc dù văn hoá luôn là yếu tố được đề cao trong xã hội nhưng trong quản lý xã hội Nhà nước sử dụng pháp luật là phương tiện chủ yếu điều chỉnh các QHXXH thông qua việc thiết lập các quy tắc xử sự mang tính ràng buộc. Việc THPL nói chung, pháp luật về TGPL cho người nghèo nói riêng xuất phát từ quan niệm, nhận thức, thái độ của các chủ thể khi tham gia các QHXXH. Môi trường sống rất quan trọng và có tầm ảnh hưởng mạnh mẽ đến THPL của công dân, tác động trực tiếp lên ý thức và hành vi của họ [70]. Như vậy, yếu tố văn hoá quyết định đến lòng tin, niềm tin vào pháp luật từ đó chi phối hành vi xử sự của các chủ thể trên thực tế cho nên việc THPL về TGPL cho người nghèo cần phù hợp với yếu tố văn hoá đặc trưng của từng khu vực, từng vùng miền.

Ngoài yếu tố về văn hoá, yếu tố xã hội cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tính hiệu quả của hoạt động THPL về TGPL cho người nghèo. Môi trường xã hội thể hiện ở mức độ đồng thuận xã hội, nhận thức về trách nhiệm của cộng đồng [53, tr.50]. Điều đó có nghĩa trong một địa bàn nơi mà cộng đồng dân cư có niềm tin và ủng hộ cao đối với chính sách của Nhà nước thì nơi đó việc THPL nói chung, pháp luật về TGPL cho người nghèo nói riêng có nhiều thuận lợi hơn những khu vực khác.

2.3.4. Điều kiện bảo đảm về pháp lý

Các bảo đảm về pháp lý trong THPL về TGPL cho người nghèo được thể hiện thông qua các khía cạnh: sự hoàn thiện của pháp luật về TGPL cho người nghèo, ý thức pháp luật, trách nhiệm của nhà nước trong bảo đảm THPL về TGPL cho người nghèo, hoạt động tổ chức thực hiện pháp luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Về sự hoàn thiện của pháp luật về TGPL cho người nghèo: Hoàn thiện pháp luật là nhu cầu tất yếu trước những biến đổi nhanh chóng và không ngừng của đời sống kinh tế, chính trị và xã hội. Đây là hoạt động thuộc về các cơ quan nhà nước, cá nhân có thẩm quyền trong việc nghiên cứu, xây dựng, ban hành các quy định pháp luật nhằm làm cho các quy định pháp luật minh bạch, đồng bộ, khả thi và toàn diện hơn, từ đó góp phần điều chỉnh các QHXX trong thực tiễn. Chỉ khi hoàn thiện pháp luật về TGPL cho người nghèo thì việc THPL về TGPL cho người nghèo mới hiệu quả trên thực tế. Các tiêu chí xét tính toàn diện của pháp luật về TGPL cho người nghèo gồm tính toàn diện, tính thống nhất đồng bộ, tính minh bạch và tính hiệu quả, khả thi.

Xét tiêu chí tính toàn diện của pháp luật về TGPL cho người nghèo: Đây là tiêu chí cơ bản để đánh giá nội dung pháp luật về TGPL cho người nghèo điều chỉnh QHXX ở mức độ nào. Tính toàn diện của pháp luật về TGPL cho người nghèo thể hiện phạm vi điều chỉnh bao được các QHXX như đối tượng được TGPL (quyền, nghĩa vụ của đối tượng được TGPL), tổ chức thực hiện TGPL (quyền, nghĩa vụ của tổ chức thực hiện TGPL, hợp đồng thực hiện TGPL, đăng ký tham gia thực hiện TGPL), người thực hiện TGPL (quyền, nghĩa vụ của người thực hiện TGPL, đăng ký tham gia TGPL), phạm vi TGPL, hình thức TGPL, trách nhiệm QLNN về TGPL, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan đối với hoạt động TGPL, khiếu nại, tố cáo tranh chấp và giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp liên quan đến TGPL.

Xét tiêu chí tính thống nhất, tính đồng bộ: Đây là tiêu chí tiên quyết cho sự hợp thành của hệ thống các văn bản QPPL về TGPL cho người nghèo. Tính thống nhất, đồng bộ của pháp luật về TGPL cho người nghèo được thể hiện ở các khía cạnh: Các văn bản QPPL về TGPL cho người nghèo phải cụ thể hoá nguyên tắc Hiến định về quyền con người, quyền công dân; Các văn bản QPPL về TGPL cho người nghèo không mâu thuẫn, chồng chéo, triệt tiêu nhau mà phải đảm bảo sự tác động, phối hợp qua lại lẫn nhau; Việc ban hành các văn bản QPPL về TGPL cho người nghèo phải đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục xây dựng và ban hành văn bản QPPL.

Xét tiêu chí tính minh bạch: Minh bạch có nghĩa là mở về thông tin để người dân có quyền được tiếp cận thông tin do Nhà nước cung cấp. Minh bạch thể hiện tính tin cậy, nhất quán, dễ hiểu, dễ tiếp cận thông tin, tính rõ ràng, không khuất tất, không khó khăn trong quá trình cung cấp thông tin [48]. Tính minh bạch được quy định cụ thể trong Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 (sửa đổi năm 2020) Luật số: 80/2015/QH13 đó là việc xây dựng, ban hành văn bản QPPL đảm bảo công khai dân chủ trong tiếp nhận, phản hồi ý kiến kiến nghị của các cá nhân, tổ chức trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL; đảm bảo quyền tiếp cận văn bản QPPL của các cơ quan, tổ chức, cá nhân sau khi văn bản được ban hành. Trên cơ sở đó có thể thấy tính minh bạch của pháp luật về TGPL cho người nghèo cũng có nội hàm tương tự. Như vậy, tính minh bạch của pháp luật về TGPL cho người nghèo thể hiện ở dưới các khía cạnh đó là đảm bảo tính nhất quán của hệ thống các văn bản pháp luật về TGPL cho người nghèo, đảm bảo tính có thể dự đoán được của pháp luật về TGPL cho người nghèo và việc xây dựng, ban hành cũng như THPL về TGPL cho người nghèo phải được tiến hành công khai.

Xét tiêu chí tính hiệu quả và khả thi: Đây là tiêu chí chung được sử dụng để đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật quốc gia. Tiêu chí tính hiệu quả và khả thi thể hiện quan hệ, sự tương tác giữa pháp luật với các yếu tố quan trọng của cơ sở hạ tầng như trình độ, tiềm lực kinh tế, nhận thức, trình độ dân trí, truyền thống văn hoá, dân tộc, tôn giáo. Đánh giá mức độ phù hợp giữa nội dung pháp luật về TGPL cho người nghèo với yêu cầu, hiệu quả điều chỉnh xuất phát và phù hợp với thực trạng, điều kiện kinh tế-xã hội. Tính hiệu quả và khả thi của pháp luật về TGPL cho người nghèo luôn gắn liền với toàn bộ quá trình từ hoạch định, xây dựng, ban hành, thực thi và đánh giá pháp luật.

Về ý thức pháp luật của các chủ thể: ý thức pháp luật làm một bộ phận của kiến trúc thượng tầng xã hội, một hình thái ý thức xã hội góp phần quan trọng trong THPL. Ý thức pháp luật là nhân tố chủ quan ảnh hưởng trực tiếp đến THPL. Ý thức pháp luật thể hiện sự nhận thức của chủ thể và thái độ của họ đối với các quy định của pháp luật, từ đó chủ thể xác lập động cơ, mục đích và lựa chọn phương án xử sự và thực hiện hành vi pháp luật [42, tr. 24]. Việc THPL chỉ thực sự hiệu quả khi các

chủ thể THPL có ý thức pháp luật cao [52]. Trong THPL về TGPL cho người nghèo, ý thức pháp luật ảnh hưởng lên tất cả các hình thức THPL. Chẳng hạn với hình thức sử dụng pháp luật, vì ý thức pháp luật của một bộ phận người dân chưa cao cho nên dẫn tới hiện tượng khi thực hiện quyền được TGPL lại không nắm được quyền của mình cho nên không thực hiện hoặc thực hiện không nghiêm túc quyền và lợi ích liên quan. Hoặc đối với hình thức áp dụng pháp luật về TGPL cho người nghèo, thực trạng của hoạt động TGPL bằng hình thức tham gia tổ tụng cho người nghèo chưa phát huy được hết hiệu quả trên thực tế bởi các cơ quan chức năng chưa thực hiện hết trách nhiệm của mình mà nguyên nhân sâu xa nhất là về nhận thức của các cơ quan tiến hành tố tụng chưa thống nhất [49].

Về hoạt động tổ chức THPL về TGPL cho người nghèo: Hoạt động tổ chức THPL về TGPL cho người nghèo là hoạt động đưa các quy định của pháp luật về TGPL cho người nghèo vào thực tế đời sống. Tổ chức THPL về TGPL cho người nghèo thông qua hình thức phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho người dân và hình thức kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi hành. Hình thức kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi hành được thực hiện bởi hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của người dân trong quá trình tổ chức thực hiện TGPL cho người nghèo. Bên cạnh đó, để công tác tổ chức THPL về TGPL cho người nghèo được hiệu quả yêu cầu đặt ra đó là công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ, chuyên môn và đạo đức để tham gia TGPL cho người nghèo một cách hiệu quả và thực chất.

2.4. KINH NGHIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO ĐỐI VỚI VIỆT NAM

2.4.1. Tổng quan về mô hình trợ giúp pháp lý

Nhìn chung, trên thế giới hiện nay có 3 mô hình TGPL chủ yếu, đó là: mô hình TGPL do Nhà nước thực hiện hoàn toàn, mô hình TGPL do luật sư và tổ chức xã hội thực hiện hoàn toàn, mô hình hỗn hợp (TGPL do Nhà nước thành lập tổ chức

thực hiện và thu hút luật sư, các tổ chức xã hội tham gia). Tuy nhiên, xu hướng phổ biến nhất hiện nay là hệ thống TGPL theo mô hình hỗn hợp.

2.4.1.1. Mô hình trợ giúp pháp lý do nhà nước thực hiện hoàn toàn

Qua nghiên cứu mô hình TGPL của các nước thì thấy rằng, không có nhiều nước áp dụng mô hình này. Hiện nay, Phillipine và Achantina là các nước có hệ thống TGPL tổ chức theo mô hình nhà nước thực hiện hoàn toàn.

- Tại Phillipines, Nhà nước có hệ thống cơ quan chuyên thực hiện TGPL mà không huy động các lực lượng xã hội tham gia vào hoạt động này. Tổ chức TGPL của Nhà nước gồm Văn phòng Luật sư công (PAO), 18 Văn phòng khu vực, 288 Văn phòng cấp quận và 5 Văn phòng cấp dưới trực thuộc. PAO có 1.652 luật sư công và 1.023 nhân viên hỗ trợ. PAO là một cơ quan TGPL độc lập của Nhà nước phụ thuộc Bộ Tư pháp trong việc xây dựng chính sách và điều phối các chương trình TGPL. PAO có chức năng quản lý, điều hành hoạt động của các Văn phòng khu vực, Văn phòng cấp quận và Văn phòng cấp dưới trực thuộc, đồng thời trực tiếp thực hiện vụ việc TGPL trong lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính. Giám đốc PAO do Tổng thống bổ nhiệm.

- Tại Argentina, hệ thống TGPL nhà nước là Văn phòng Luật sư bào chữa công liên bang thuộc Bộ Xã hội. Văn phòng luật sư công liên bang bao gồm: Văn phòng luật sư công trung ương (giám sát, điều hành và quản lý những dịch vụ bào chữa, đảm bảo việc thực hiện TGPL hiệu quả và thiết lập, thực hiện các chính sách công); Văn phòng Luật sư công tại thành phố tự trị Buenos Aires, các Văn phòng Luật sư công cấp tỉnh và các Phòng Luật sư tranh tụng trực tại Tòa án trực tiếp thực hiện TGPL trong lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính. Đến tháng 12/2013, Văn phòng Luật sư công liên bang có 2.125 nhân viên, bao gồm 590 Luật sư bào chữa công và các cán bộ cấp cao, còn lại là 1.535 nhân viên hỗ trợ pháp lý, nhân viên hành chính kỹ thuật và nhân viên khối dịch vụ hỗ trợ.

* Theo đánh giá của các chuyên gia quốc tế thì mô hình TGPL do Nhà nước thực hiện hoàn toàn có một số ưu điểm và nhược điểm như sau:

- Ưu điểm:

+ Nhà nước hoàn toàn chủ động trong việc xây dựng và thống nhất tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch TGPL của mình trong phạm vi toàn quốc;

+ Các tổ chức và người thực hiện TGPL chủ động, không bị phụ thuộc vào đội ngũ luật sư tư trong việc thực hiện vụ việc; có điều kiện tập trung đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong tất cả các lĩnh vực TGPL, kể cả những lĩnh vực không có luật sư tư tham gia;

+ Nhà nước chủ động và thống nhất quản lý công tác TGPL; chủ động giám sát, kiểm tra, đánh giá chất lượng vụ việc TGPL thông qua hệ thống các cơ quan và người thực hiện TGPL của Nhà nước;

+ Chi phí thực hiện vụ việc TGPL thấp hơn so với luật sư tư do mức chi được tính trên cơ sở mức lương cố định trả cho người thực hiện mà không tính theo số lượng vụ việc hàng tháng.

- Nhược điểm:

+ Do chỉ có hệ thống TGPL của nhà nước nên người được TGPL chỉ được lựa chọn người thực hiện TGPL là người do Nhà nước tuyển dụng, không thể lựa chọn luật sư tư;

+ Trong trường hợp nhu cầu TGPL của người dân lớn thì công việc sẽ dồn lên những người thực hiện TGPL của Nhà nước nhưng cũng không có cơ chế để điều chuyển bớt cho các luật sư tư hay các tổ chức xã hội thực hiện. Điều này đôi khi gây ra sự quá tải, tạo áp lực cho người thực hiện TGPL của Nhà nước, trong một số trường hợp, cơ quan TGPL của Nhà nước không thể đáp ứng kịp thời nhu cầu TGPL của người dân, thậm chí có thể phải từ chối yêu cầu TGPL;

+ Một số trường hợp khó bảo đảm tính độc lập, khách quan trong quá trình xử lý vụ việc do mối quan hệ giữa cơ quan TGPL của Nhà nước và các cơ quan tổ tụng trong cùng hệ thống bộ máy của Nhà nước;

+ Nhà nước cần đầu tư kinh phí lớn khi mới bắt đầu thành lập hệ thống các cơ quan TGPL của mình;

+ Nguồn nhân lực và tài chính cho TGPL hoàn toàn phụ thuộc vào Chính phủ, nên có thể gây áp lực cho ngân sách nhà nước nhất là khi phải đáp ứng nhu cầu TGPL ngày càng tăng của xã hội.

2.4.1.2. Mô hình trợ giúp pháp lý do luật sư tư và các tổ chức xã hội trực tiếp thực hiện (gọi tắt là mô hình luật sư thực hiện)

Theo mô hình này, Nhà nước không có hệ thống các cơ quan thực hiện TGPL của nhà nước. Cơ quan Nhà nước chỉ thực hiện chức năng QLNN về TGPL, xây dựng kế hoạch, chính sách, xem xét điều kiện TGPL, giao vụ việc cho luật sư và các tổ chức xã hội thực hiện, nghiệm thu vụ việc và thanh toán thù lao cho người thực hiện TGPL. Qua nghiên cứu thì thấy rằng rất ít nước tổ chức hệ thống TGPL theo mô hình này; ví dụ Indonesia và Hungary.

Indonesia:

Cục Phát triển lập pháp quốc gia thuộc Bộ Pháp luật và nhân quyền có nhiệm vụ xây dựng chính sách và các hướng dẫn TGPL, các tiêu chuẩn TGPL và cơ chế TGPL; báo cáo hoạt động TGPL gửi Quốc hội. Cục Phát triển lập pháp quốc gia không trực tiếp thực hiện TGPL mà lựa chọn các tổ chức thực hiện TGPL, theo dõi, giám sát hoạt động và chi trả kinh phí thực hiện TGPL cho các tổ chức này. Các tổ chức thực hiện TGPL là các tổ chức phi chính phủ. Hiện nay, có 310 tổ chức thực hiện TGPL được lựa chọn từ 593 tổ chức phi chính phủ. Các tổ chức này được xếp hạng A/B/C tùy thuộc số vụ việc thực hiện, số luật sư, số cán bộ pháp lý bán chuyên. Tuy nhiên, theo đánh giá của các chuyên gia quốc tế, mô hình TGPL của Indonesia bộc lộ khá nhiều bất cập xét về góc độ QLNN và hiệu quả kinh tế lâu dài như được trình bày dưới đây.

Hungary:

Hệ thống TGPL được phân chia theo lĩnh vực dân sự và hình sự. Trong lĩnh vực dân sự, Cơ quan TGPL thuộc Bộ Hành chính công và tư pháp có chức năng tham mưu cho Bộ trong việc thực hiện các chính sách TGPL, tổng hợp dữ liệu và quản lý ngân sách TGPL. Đặc biệt là Cơ quan TGPL trực tiếp kiểm tra các đơn xin TGPL của người dân và quyết định việc thụ lý vụ việc. Bên cạnh đó, Cơ quan TGPL còn xem xét điều kiện của các tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện TGPL để quyết định chấp thuận và cấp giấy chứng nhận thực hiện TGPL cho các tổ chức, cá nhân và luật sư. Trong lĩnh vực dân sự, các cá nhân, tổ chức thực hiện TGPL bao gồm các luật sư, Công ty luật, các tổ chức phi chính phủ và các Trung tâm pháp luật

của các trường đại học luật đăng ký tham gia TGPL với Cơ quan TGPL. Tuy nhiên, trong lĩnh vực hình sự thì chỉ có luật sư tư được thực hiện TGPL thông qua việc chỉ định của cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền trên cơ sở danh sách luật sư do Liên đoàn luật sư cung cấp.

* Mô hình luật sư tư thực hiện có ưu điểm và nhược điểm như sau:

- Ưu điểm:

Nhà nước không cần thành lập hệ thống các cơ quan TGPL ở các cấp của mình để quản lý và thực hiện công tác TGPL. Do đó, Nhà nước không cần đầu tư trụ sở, trang thiết bị; không phải tuyển dụng, đào tạo và quản lý đội ngũ cán bộ và không phải trả lương, các chi phí hành chính cho đội ngũ người thực hiện TGPL của nhà nước mà sử dụng các nguồn lực của luật sư và các tổ chức xã hội. Trên thực tế, luật sư tư, Liên đoàn luật sư và các tổ chức xã hội ủng hộ mô hình này vì tạo điều kiện cho họ có công việc và thu nhập. Tuy nhiên, theo đánh giá của các chuyên gia quốc tế, mô hình này phù hợp ở những nước có số lượng vụ việc TGPL ít.

- Nhược điểm:

+ Mặc dù Nhà nước không thành lập hệ thống các cơ quan TGPL của mình để quản lý và thực hiện TGPL nhưng vẫn phải có một cơ quan hay tổ chức của Nhà nước có trách nhiệm theo dõi, quản lý chung về TGPL, xem xét các điều kiện tham gia TGPL của các cá nhân, tổ chức ký hợp đồng hoặc đăng ký tham gia TGPL; điều phối, phân bổ các yêu cầu TGPL của người dân và giám sát hoạt động của các cá nhân, tổ chức tham gia TGPL. Như vậy, cơ quan này vừa thực hiện QLNN về TGPL vừa phải xem xét các đơn yêu cầu TGPL của người dân để lựa chọn, phân bổ cho các tổ chức thực hiện TGPL. Theo chuyên gia quốc tế, mô hình này không thực sự phù hợp đối với những nơi có nhiều vụ việc TGPL. Kinh nghiệm của Hungary và Indonesia cho thấy, Nhà nước phải đầu tư xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin quản lý vụ việc rất hiện đại và khá tốn kém nhưng thực tiễn hiệu quả vận hành vẫn chưa được như mong muốn;

+ Việc thực hiện TGPL hoàn toàn phụ thuộc vào đội ngũ luật sư tư, do đó, có trường hợp, luật sư chỉ thực hiện TGPL với điều kiện Nhà nước đáp ứng các yêu cầu của luật sư. Theo tính toán của các chuyên gia quốc tế thì chi phí thực hiện vụ việc

TGPL của luật sư tư cao hơn nhiều so với luật sư công hoặc viên chức nhà nước. Do đó, xét về lâu dài thì chi phí trả cho luật sư tư thực hiện TGPL sẽ tốn kém nhiều hơn. Trên thực tế, có trường hợp thù lao Nhà nước chi trả cho luật sư thấp hoặc khi yêu cầu của luật sư không được bảo đảm, một số luật sư tư sẽ không thực hiện TGPL hoặc thực hiện TGPL với chất lượng không cao. Trong những trường hợp này, quyền của người được TGPL bị ảnh hưởng và trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm TGPL cho những người yếu thế trong xã hội cũng không được đảm bảo;

+ Không có người thực hiện TGPL của Nhà nước để đáp ứng nhu cầu TGPL của người dân tại những nơi đội ngũ luật sư còn ít hoặc những vụ việc mà luật sư tư không thực hiện. Một số trường hợp, ví dụ những vụ việc TGPL trong lĩnh vực hình sự, cần được thụ lý và thực hiện ngay nhưng luật sư tư không thể bố trí thực hiện ngay được thì quyền được TGPL của người dân không được đáp ứng kịp thời, Nhà nước cũng bị động trong việc điều phối vụ việc TGPL;

+ Việc quản lý, đánh giá vụ việc và chi trả thù lao cho luật sư tư và tổ chức xã hội khá phức tạp, đòi hỏi cơ quan TGPL và các luật sư phải có sự hỗ trợ mạnh mẽ của công nghệ thông tin. Ví dụ, tại Indonesia, Cục Phát triển lập pháp quốc gia phải kiểm tra nhiều loại giấy tờ (trung bình 14 loại giấy tờ/vụ việc) để thanh toán chi phí thực hiện vụ việc cho luật sư tư. Chính phủ Indonesia phải lắp đặt hệ thống công nghệ thông tin hiện đại và khá tốn kém để quản lý vụ việc;

+ Không có cơ chế ràng buộc luật sư thực hiện TGPL ổn định, lâu dài vì luật sư hành nghề tự do; với một số luật sư thì TGPL không phải là công việc ưu tiên của họ;

+ Do chỉ sử dụng đội ngũ luật sư tư, không có đội ngũ những người thực hiện TGPL của Nhà nước nên không tạo ra sự đa dạng và sự cạnh tranh trong thị trường dịch vụ pháp lý giữa những người thực hiện TGPL của Nhà nước và luật sư tư, vì thế không tạo động lực cho việc nâng cao chất lượng phục vụ và giảm chi phí vụ việc.

Do có nhiều hạn chế nêu trên nên rất ít nước tổ chức TGPL theo mô hình luật sư thực hiện hoàn toàn. Một số nước đã từng áp dụng mô hình này đã chuyển đổi sang mô hình hỗn hợp. Ví dụ, trước năm 2006 tại Nhật Bản, hoạt động TGPL giao

hoàn toàn cho Liên đoàn luật sư. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, Liên đoàn luật sư đã không bảo đảm đáp ứng nhu cầu TGPL của người dân, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa. Do đó, Nhà nước đã thành lập hệ thống TGPL của Nhà nước và ký hợp đồng với luật sư tư để thực hiện một số vụ việc. Vì vậy, TGPL Nhật Bản đã chuyển sang mô hình hỗn hợp. Tại Nam Phi, từ năm 1969 công việc TGPL được giao cho luật sư; sau một thời gian thực hiện thấy rằng cơ quan nhà nước không thể kiểm soát yêu cầu chi phí thực hiện TGPL của luật sư tư cũng như chất lượng dịch vụ pháp lý cung cấp cho người được TGPL. Nhiều luật sư kê khống thời gian thực hiện TGPL và yêu cầu Nhà nước trả tiền. Do đó, Nam Phi đã nghiên cứu xây dựng thí điểm mô hình tổ chức TGPL của Nhà nước, tuyển dụng các luật sư làm việc thường xuyên tại tổ chức và trả lương hàng tháng, bên cạnh đó Nhà nước cũng có cơ chế huy động luật sư tư thực hiện TGPL thông qua ký hợp đồng vụ việc.

2.4.1.3. Mô hình hỗn hợp

Theo mô hình này, các nước thành lập hệ thống TGPL của Nhà nước, ký hợp đồng với các tổ chức xã hội hoặc luật sư tham gia thực hiện TGPL và trả thù lao cho luật sư, tổ chức xã hội. Hiện nay, rất nhiều nước áp dụng mô hình này (Nhật Bản, Ailen, bang Victoria, Queensland (Úc), Mỹ, Nam Phi, Hàn Quốc, bang Ontario (Canada), Malaysia, Israel,...). Cụ thể mô hình tổ chức TGPL một số nước như sau:

Nhật Bản:

Hệ thống cơ quan TGPL của Nhà nước: Tổ chức TGPL của Nhà nước ở Nhật Bản được tổ chức theo ngành dọc. Cơ quan TGPL Nhật Bản là cơ quan quản lý về TGPL ở Trung ương điều phối nhân sự, kinh phí, thanh tra, kiểm tra hoạt động TGPL các tổ chức trực tiếp thực hiện TGPL. Cơ quan TGPL thành lập các tổ chức trực tiếp thực hiện TGPL là 50 Trung tâm TGPL, 11 Chi nhánh, Tiểu Chi nhánh, 37 Văn phòng luật trên cả nước.

Tham gia TGPL của luật sư: luật sư tư nếu có đủ điều kiện và có nguyện vọng thực hiện TGPL thì gửi đơn đề nghị đến các Trung tâm TGPL, Chi nhánh, Tiểu chi nhánh. Giám đốc các Trung tâm TGPL, Chi nhánh, Tiểu chi nhánh sẽ xem xét nếu

thấy luật sư không thuộc các trường hợp đang bị đình chỉ hành nghề theo Điều lệ Liên đoàn Luật sư, chưa từng bị hủy hợp đồng và đáp ứng các yêu cầu TGPL thì sẽ ký kết hợp đồng. Hiện có khoảng 22.000 luật sư tự ký hợp đồng để thực hiện TGPL. Các luật sư tự được nhận thù lao khi vụ việc kết thúc.

Ailen:

TGPL của Nhà nước: Hội đồng TGPL là một cơ quan độc lập. Hội đồng gồm có Chủ tịch Hội đồng và 12 thành viên do Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bình đẳng bổ nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm. Hội đồng TGPL có một số nhiệm vụ chính là: chỉ đạo chiến lược TGPL; phê duyệt và giám sát việc sử dụng kinh phí; quyết định các vấn đề cụ thể khác. Hội đồng TGPL ký hợp đồng và chi trả thù lao cho luật sư. Hội đồng thành lập 33 Trung tâm TGPL tại các địa phương làm việc toàn thời gian và 12 Trung tâm TGPL bán thời gian trực tiếp thực hiện TGPL.

Tham gia TGPL của luật sư: Các luật sư tự thực hiện TGPL trên cơ sở hợp đồng ký với Hội đồng TGPL.

Nam Phi

Tổ chức TGPL của Nhà nước ở Nam Phi có Cơ quan TGPL ở Trung ương, 06 Văn phòng khu vực trực thuộc giúp Cơ quan TGPL quản lý và 64 Trung tâm TGPL. Các Trung tâm này có chức năng trực tiếp thực hiện TGPL và báo cáo hoạt động cho Văn phòng khu vực phụ trách. Các Văn phòng vệ tinh là đơn vị phụ thuộc của các Trung tâm, có chức năng trực tiếp thực hiện TGPL.

Tham gia TGPL của luật sư: Bên cạnh hệ thống TGPL của Nhà nước, Cơ quan TGPL thu hút các luật sư tự tham gia thực hiện TGPL theo phương thức ký hợp đồng thực hiện TGPL.

Bang Ontario (Canada)

TGPL nhà nước: Cơ quan TGPL bang Ontario (Canada) là cơ quan có chức năng quản lý, điều phối nguồn lực cho công tác TGPL. Cơ quan TGPL thành lập các Văn phòng TGPL tại địa phương trực tiếp thực hiện TGPL.

TGPL của xã hội: Cơ quan TGPL bang Ontario ký hợp đồng với một số tổ chức xã hội như Trung tâm pháp luật cộng đồng để thực hiện TGPL theo yêu cầu của Nhà nước.

* Đánh giá về mô hình hỗn hợp:

Đây là mô hình phổ biến nhất hiện nay trên thế giới và cũng là mô hình được đánh giá hiệu quả nhất, phát huy được ưu điểm và khắc phục được những bất cập, hạn chế của 2 mô hình kia (mô hình do Nhà nước thực hiện hoàn toàn và mô hình do luật sư thực hiện hoàn toàn), cụ thể như sau:

- Mô hình này cho phép sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước và xã hội do kết hợp và phát huy được các lợi thế của người thực hiện TGPL của Nhà nước và các luật sư tư, các tổ chức xã hội. Do đó, thực tiễn cho thấy, mô hình này đã mang lại hiệu quả cao trong công tác TGPL.

- Do có đội ngũ người thực hiện TGPL của Nhà nước nên Nhà nước bảo đảm đáp ứng kịp thời nhu cầu TGPL của người dân ở những địa bàn khác nhau (ngay cả vùng sâu, vùng xa, nơi không có hoặc có rất ít luật sư tư), không bị quá lệ thuộc vào đội ngũ luật sư tư; đồng thời, Nhà nước có thể chủ động điều phối các nguồn lực (kể cả nhân lực và kinh phí) ở mọi thời điểm, bảo đảm cho công tác TGPL phát triển ổn định và hiệu quả, thông qua đó Nhà nước thực hiện tốt trách nhiệm của mình trong việc bảo đảm công tác TGPL của Nhà nước;

- Nhà nước có thể huy động được các nguồn lực khác nhau trong xã hội tham gia công tác TGPL. Căn cứ vào nhu cầu TGPL của người dân và nguồn kinh phí dành cho công tác TGPL, Nhà nước có thể lựa chọn và ký hợp đồng TGPL với các luật sư tư, tổ chức tham gia TGPL và điều phối vụ việc TGPL trong những trường hợp cần thiết;

- Đội ngũ người thực hiện TGPL của Nhà nước hoạt động ổn định do họ được tuyển dụng, được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo chính sách phát triển của nhà nước và được trả lương theo quy định chung của Nhà nước;

- Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa người thực hiện TGPL của Nhà nước và luật sư tư nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm chi phí vụ việc. Vì vậy, người được TGPL có cơ hội được hưởng dịch vụ TGPL tốt hơn.

2.4.2. Tổng quan về mô hình quỹ trợ giúp pháp lý

Trên thế giới có hai loại Quỹ TGPL (Legal Aid Fund, Legal Aid Foundation) với hai tư cách khác nhau: *một là* Quỹ TGPL là kinh phí dành cho hoạt động TGPL, *hai là* Quỹ TGPL là tổ chức TGPL.

- Quỹ TGPL là kinh phí dành cho hoạt động TGPL:

Ở đa số các nước thì Quỹ TGPL là kinh phí dành cho hoạt động TGPL mà không phải là một tổ chức có tư cách pháp nhân, có cơ cấu tổ chức cụ thể chuyên thực hiện chức năng thu hút, quản lý và phân bổ kinh phí. Ví dụ:

Tại bang New South Wales (Úc) Quỹ TGPL là khoản kinh phí do Ủy ban TGPL quản lý để trang trải cho hoạt động TGPL. Nguồn kinh phí của Quỹ bao gồm: Kinh phí do bang New South Wales hoặc Liên bang cấp để thực hiện hoạt động TGPL; số tiền trả cho Ủy ban hoặc Ủy ban thu hồi lại được; số tiền do Ủy ban nhận được liên quan đến các dịch vụ được thực hiện hoặc được thi hành; lãi lụy kể từ hoạt động đầu tư của Quỹ và các khoản thu hợp pháp khác.

Theo Luật TGPL Hàn Quốc năm 1995 thì Quỹ TGPL do Tổng Công ty TGPL quản lý và có các nguồn thu sau: Kinh phí từ Chính phủ; tiền mặt và tài sản đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; kinh phí triển khai các dự án; tiền thu được từ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty; các nguồn thu khác.

Theo Điều 19 Luật TGPL dân sự Ailen năm 1995 thì Quỹ TGPL là kinh phí dành cho hoạt động của Hội đồng TGPL; đóng góp của người được TGPL.

- Quỹ TGPL là tổ chức TGPL:

Một số ít nước (như Đài Loan, Malaysia) Quỹ TGPL (Legal Aid Foundation) là tổ chức TGPL của Nhà nước có chức năng quản lý tổ chức và hoạt động TGPL, quản lý nguồn kinh phí dành cho hoạt động TGPL.

Tại Đài Loan, Quỹ TGPL là một tổ chức TGPL được thành lập theo Luật TGPL năm 2004. Quỹ có Ban Giám đốc là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, dưới đó có Tổng thư ký, 01 phó Tổng thư ký, ngoài ra có 21 văn phòng Chi nhánh và 6 ban chuyên môn.

Tại Malaysia, năm 2011 Quỹ TGPL quốc gia là một thiết chế độc lập được thành lập theo mô hình đối tác công tư giữa Cơ quan TGPL của Nhà nước với Hội đồng luật sư, Hội Luật gia và Hội luật sư tranh tụng Sarawak. Quỹ này cung cấp kinh phí cho các hoạt động TGPL và thực hiện cung cấp dịch vụ TGPL đại diện cho người được TGPL trong vụ việc tố tụng hình sự và phổ biến về quyền và nghĩa vụ của người dân. Kinh phí Nhà nước dành cho Quỹ tăng đáng kể; ví dụ năm 2011 là 5 triệu Ringit, năm 2012 là 10 triệu Ringit, năm 2013 tăng gấp đôi lên 20 triệu Ringit.

2.4.3. Kinh nghiệm từ một số quốc gia cụ thể

Lý do tác giả lựa chọn bài học kinh nghiệm từ các quốc gia này xuất phát từ sự đa dạng và tính hiệu quả trong hệ thống TGPL của họ. Các kinh nghiệm này mang lại bài học giá trị cho Việt Nam để xây dựng một hệ thống TGPL hiệu quả và bền vững. Trung Quốc sử dụng một mô hình toàn diện, tích hợp công nghệ thông tin và khuyến khích nhiều chủ thể tham gia, phù hợp với các quốc gia muốn mở rộng khả năng tiếp cận pháp lý. Vương quốc Anh nổi bật với bộ tiêu chuẩn chất lượng và hệ thống đánh giá minh bạch, giúp nâng cao chất lượng và uy tín của hoạt động TGPL. Trong khi đó, Indonesia áp dụng mô hình phúc lợi xã hội, tận dụng sự tham gia của tổ chức xã hội và luật sư tư nhân, phù hợp với các quốc gia có nguồn lực hạn chế. Nhật Bản thể hiện sự linh hoạt với hệ thống TGPL hỗn hợp, kết hợp các trung tâm nhà nước và luật sư tư, cùng cơ chế kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt.

**** Kinh nghiệm từ Trung Quốc***

Theo Luật TGPL Trung Quốc năm 2021 [138], vụ việc được TGPL bao gồm: thủ tục hình sự, khiếu nại trả tiền cấp dưỡng nuôi con, các vấn đề pháp lý về bồi thường thiệt hại do vi phạm quyền của người mù, câm điếc và những người tàn tật khác, người già cô đơn, khiếu nại liên quan đến trả tiền trợ cấp cho những người tàn tật hoặc gia đình họ, chi trả phí tổn công chứng, thuê luật sư và các vấn đề pháp lý cần thiết khác.

Trợ giúp pháp lý là trách nhiệm của Nhà nước cho nên trong THPL về TGPL tại Trung Quốc có trách nhiệm khuyến khích và hỗ trợ các trung tâm dịch vụ pháp lý, luật sư, tình nguyện viên TGPL,... trong thực hiện TGPL, đặc biệt ở những khu vực còn thiếu hụt các nguồn lực dịch vụ pháp lý; khuyến khích các lực lượng xã hội hỗ trợ các tổ chức TGPL; thiết lập và hoàn thiện các cơ chế điều tiết các nguồn lực pháp lý giữa các khu vực, khuyến khích hỗ trợ các tình nguyện viên đủ điều kiện thực hiện TGPL theo luật định; tăng cường sử dụng công nghệ thông tin trong TGPL, thúc đẩy chia sẻ thông tin và phối hợp nhiệm vụ giữa các cơ quan hành chính tư pháp, các cơ quan tư pháp và các cơ quan liên quan. Trung Quốc trao cho uỷ ban hành chính tư pháp của quốc vụ viện nhiệm vụ hướng dẫn và giám sát hoạt động TGPL trên cả nước.

Chủ thể THPL về TGPL bao gồm các tổ chức thực hiện TGPL và người thực hiện TGPL. Tổ chức THPL về TGPL gồm các tổ chức TGPL do cơ quan hành chính tư pháp cấp huyện trở lên thành lập và các công ty luật, trung tâm dịch vụ pháp lý. Trong khi đó, người thực hiện TGPL thành phần đa dạng và mở cho nhiều người có thể tham gia vào TGPL. Cụ thể, người thực hiện TGPL gồm nhân viên có chứng chỉ luật sư hoặc chứng chỉ chuyên môn pháp lý làm việc tại tổ chức TGPL, luật sư (Luật sư trực tại Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Trại tạm giam và những nơi khác để TGPL cho người phạm tội mà không có người bào chữa; luật sư và nhân viên dịch vụ pháp lý tại các Công ty Luật và Trung tâm dịch vụ pháp lý cấp cơ sở), người làm công tác giáo dục, nghiên cứu pháp luật, sinh viên chuyên ngành luật tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ quan nghiên cứu khoa học được làm tình nguyện viên TGPL, thực hiện TGPL cho các đối tượng theo hướng dẫn của cơ quan hành chính tư pháp.

Người được TGPL phải là những người đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện xác định khó khăn tài chính. Các tiêu chuẩn này sẽ được chính quyền nhân dân cấp tỉnh, khu tự trị hoặc thành phố trực thuộc Trung ương quy định căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế và nhu cầu TGPL điều chỉnh, bổ sung một cách linh hoạt.

Các hình thức TGPL theo quy định của pháp luật Trung Quốc bao gồm: Tư vấn pháp luật, Chuẩn bị hồ sơ pháp lý, bào chữa và đại diện, đại diện trong tố tụng

và ngoài tố tụng đối với các vụ án dân sự, vụ án hành chính và vụ việc bồi thường nhà nước, hỗ trợ pháp lý cho luật sư chỉ định, đại diện trong hoà giải và trọng tài về tranh chấp lao động, các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

**** Kinh nghiệm của Vương quốc Anh***

Anh là quốc gia đầu tiên trên thế giới thiết lập hệ thống TGPL mang tính quốc gia [61] sự vận hành của hệ thống TGPL của quốc gia này thực sự có những chuyển biến bước ngoặt khi Luật Tiếp cận công lý năm 1999 được ban hành. Cụ thể, thực tiễn THPL về TGPL, đặc biệt là Luật Tiếp cận công lý năm 1999 [115] được thể hiện như sau:

Cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc quản lý và tổ chức hoạt động TGPL là Ủy ban TGPL. Trực thuộc Ủy ban TGPL là Cơ quan TGPL cộng đồng chịu trách nhiệm quản lý và tổ chức hoạt động TGPL trong lĩnh vực dân sự và Cơ quan TGPL hình sự chịu trách nhiệm quản lý và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực hình sự.

Chủ thể thực hiện TGPL có văn phòng luật sư, các văn phòng tư vấn cho công dân và các trung tâm luật. Để tham gia TGPL những văn phòng, trung tâm trên phải ký hợp đồng cộng tác với Ủy ban TGPL.

Chính phủ Anh đã xây dựng Bộ Tiêu chuẩn chất lượng TGPL năm 2002 được sử dụng cho TGPL trong lĩnh vực dân sự và hình sự. Đối với mỗi cấp độ TGPL đó là TGPL về thông tin, TGPL cơ bản và TGPL chuyên sâu sẽ có những bộ tiêu chuẩn chất lượng tương ứng. Bộ tiêu chuẩn chất lượng TGPL không chỉ được sử dụng nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động TGPL mà còn là tiêu chí để đánh giá năng lực của các chủ thể thực hiện TGPL. Việc đánh giá sẽ do một nhóm chuyên gia độc lập thực hiện. Các tổ chức thực hiện TGPL nếu đáp ứng được các tiêu chí đánh giá sẽ được cấp logo đạt tiêu chuẩn chất lượng. Có thể thấy, phương thức đánh giá dựa theo bộ tiêu chí và cấp chứng nhận tiêu chuẩn đối với các tổ chức thực hiện TGPL hướng vào uy tín của tổ chức TGPL đó với người dân, theo đó sẽ tạo nên lòng tin của người dân về chất lượng TGPL mà Nhà nước cung cấp.

Không chỉ xây dựng bộ tiêu chuẩn, Ủy ban TGPL còn duy trì hoạt động đánh giá chất lượng vụ việc TGPL cụ thể. Các luật sư độc lập có nhiều kinh nghiệm sẽ

đánh giá chất lượng các vụ việc trong lĩnh vực pháp luật mà họ chuyên sâu. Các vụ việc sẽ được lựa chọn một cách ngẫu nhiên để thực hiện việc đánh giá hàng năm. Ủy ban TGPL xây dựng hồ sơ theo dõi chất lượng vụ việc của từng luật sư tham gia TGPL. Đây chính là cơ sở quan trọng để quyết định luật sư có tiếp tục được tham gia TGPL hay không.

*** *Kinh nghiệm của Indonesia***

Indonesia thiết lập mô hình TGPL cho người nghèo theo mô hình TGPL phúc lợi xã hội [127] mà ở đó các tổ chức xã hội và luật sư tư trực tiếp thực hiện TGPL. Nhà nước không thiết lập một hệ thống cơ quan thực hiện TGPL, Nhà nước chỉ thực hiện chức năng QLNN về TGPL, xây dựng kế hoạch, chính sách, xem xét điều kiện TGPL, giao vụ việc TGPL cho các tổ chức xã hội và luật sư, nghiệm thu vụ việc và thanh toán thù lao cho người thực hiện TGPL [19]. Nhà nước không tùy tiện trong xác định tổ chức nào có thể cung cấp TGPL cho người nghèo mà xác định trên cơ sở điều kiện luật định. Tổ chức đáp ứng điều kiện đặt ra sẽ được phép thực hiện TGPL cho người nghèo và sẽ được Nhà nước cấp kinh phí. Nguồn kinh phí TGPL là từ ngân sách Nhà nước và nguồn khác như các khoản trợ cấp, quyên góp và các nguồn tài trợ hợp pháp và không bị ràng buộc khác được cho phép. Chính quyền khu vực cũng có thể phân bổ TGPL trong ngân sách khu vực của họ. Hiện nay, một số địa phương đã ban hành quy định của địa phương về TGPL cho cộng đồng nghèo.

Hiến pháp Indonesia quy định mọi người dân có quyền bình đẳng trước pháp luật [127] và việc bảo đảm sự bình đẳng đó, đặc biệt là bình đẳng trong bảo vệ pháp lý thuộc về nhà nước. Người nghèo là một trong những đối tượng được hưởng quyền trên cho nên quyền của người nghèo trong hỗ trợ pháp lý từ luật sư hoặc các cơ quan TGPL phải được đảm bảo. Bởi vậy, Luật số 16 về TGPL năm 2011 nêu rõ TGPL phải được cung cấp miễn phí cho tất cả người nghèo về các vấn đề hình sự, dân sự và hành chính. Người nghèo quy định của Luật số 16 là những cá nhân hoặc nhóm người nghèo không thể đáp ứng các quyền cơ bản của mình một cách phù hợp và độc lập như ăn mặc, dịch vụ y tế, giáo dục, việc làm, kinh doanh và/hoặc nhà ở.

Bộ Pháp luật và Nhân quyền là cơ quan có thẩm quyền xây dựng, ban hành các chính sách, quy định về TGPL, các tiêu chuẩn TGPL, lập kế hoạch và quản lý

ngân sách, báo cáo việc cung cấp dịch vụ TGPL cho cơ quan có thẩm quyền. Để giúp việc cho Bộ Pháp luật và Nhân quyền, cụ thể trong việc thực hiện Luật số 16 về TGPL năm 2011, Bộ Pháp luật và Nhân quyền đã thành lập cơ quan trực thuộc bộ là Cục Phát triển lập pháp quốc gia. Cơ quan này không trực tiếp thực hiện TGPL mà lựa chọn các tổ chức thực hiện TGPL, theo dõi giám sát hoạt động và chi trả kinh phí thực hiện TGPL. Hiện nay các tổ chức tham gia TGPL cho người nghèo được lựa chọn từ những tổ chức phi chính phủ. Tuy nhiên các tổ chức phi chính phủ đủ điều kiện TGPL còn ít so với nhu cầu của người nghèo được TGPL tại 36 tỉnh của Indonesia [120].

Các tổ chức TGPL được công nhận có quyền tuyển dụng luật sư, trợ lý luật sư, giảng viên, sinh viên khoa luật thực hiện TGPL, phổ biến thông tin pháp luật, tư vấn pháp luật và các hoạt động khác có liên quan đến việc thực hiện TGPL. Họ được quyền đưa ra ý kiến hoặc phát biểu trong khi bào chữa vụ án thuộc trách nhiệm của mình trước tòa theo quy định của pháp luật, lấy thông tin hoặc dữ liệu khác từ Chính phủ và các tổ chức khác để giải quyết vụ việc, đồng thời nhận được sự bảo vệ của pháp luật bảo đảm, an ninh, an toàn trong quá trình thực hiện TGPL. Người thực hiện TGPL không thể bị khởi kiện trong quá trình thực hiện TGPL trong hoặc ngoài tòa án theo các tiêu chuẩn, quy định TGPL và/hoặc Quy tắc đạo đức luật sư. Trường hợp tổ chức TGPL và người bào chữa không hoàn thành trách nhiệm TGPL có cơ chế giải quyết khiếu nại và xử phạt theo luật định.

Người nghèo là cá nhân hoặc nhóm người có đủ điều kiện để được TGPL phải đề nghị bằng văn bản hoặc bằng lời nói đến tổ chức TGPL. Họ phải nộp các tài liệu liên quan đến vụ việc và giấy giới thiệu của trưởng thôn hoặc tương đương. Yêu cầu TGPL được trả lời chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày yêu cầu. Trong trường hợp, yêu cầu TGPL bị từ chối phải nêu rõ lý do từ chối.

Mặc dù không thể phủ nhận những thay đổi kể từ khi Luật TGPL số 16 được ban hành, tuy nhiên kết quả thực hiện TGPL, THPL về TGPL cho người nghèo của Indonesia còn bộc lộ một số điểm hạn chế như: Chính phủ công nhận các tổ chức TGPL xã hội dân sự hiện có và chi trả các khoản hỗ trợ TGPL miễn phí đã cung cấp. Tuy nhiên nguồn ngân sách phân bổ cho hoạt động TGPL còn ít ỏi, các yêu cầu

chặt chẽ về công nhận người thực hiện TGPL đã tạo ra khoảng cách giữa nhu cầu TGPL và nguồn lực sẵn có tham gia TGPL. Quy định về điều kiện người nghèo được TGPL không thực tế dẫn đến một số lượng nhất định người nghèo có nhu cầu được TGPL nhưng lại không được Chính phủ cung cấp dịch vụ TGPL. Cụ thể, người nghèo phải chứng minh đủ điều kiện được TGPL thông qua việc cung cấp giấy chứng nhận tình trạng thu nhập thấp thường do trưởng thôn hoặc quan chức địa phương liên quan cấp. Số lượng tổ chức thực hiện TGPL hạn chế cùng với sự phân bổ không đồng đều cho nên người nghèo ở một số khu vực như Java, Maluku... người nghèo khó thực hiện được quyền được TGPL của mình.

*** *Kinh nghiệm từ Nhật Bản***

Nhật Bản là quốc gia đi theo mô hình TGPL hỗn hợp, tức nhà nước sẽ thành lập hệ thống TGPL, ký hợp đồng với các tổ chức xã hội hoặc luật sư để họ tham gia TGPL và trả thù lao cho luật sư, các tổ chức xã hội. Bởi vậy, thực tiễn THPL về TGPL cho người nghèo của Nhật Bản có những điểm nổi bật như sau [120]:

Cơ quan TGPL Nhật Bản với tư cách là cơ quan quản lý về TGPL được thành lập theo quy định của Luật TGPL năm 2004 với kinh phí hoạt động do Nhà nước cấp thông qua Bộ Tư pháp. Bộ Tư pháp Nhật Bản là cơ quan chịu trách nhiệm đối với hoạt động của cơ quan TGPL Nhật bản thông qua việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động bốn năm một lần. Cơ cấu tổ chức của cơ quan TGPL Nhật Bản bao gồm bốn ban: Ban Hành chính (gồm Phòng Hành Chính, Phòng Nhân sự, Phòng Tài Chính, Phòng Kế toán, Phòng Quản lý hệ thống, Phòng Phát triển dịch vụ, Phòng Quản lý tranh tụng, Phòng Truyền thông, Phòng Điều tra và nghiên cứu), Ban Dịch vụ 01 (gồm Phòng Thông tin, Phòng TGPL Dân sự, Phòng Hỗ trợ nạn nhân tội phạm); Ban Dịch vụ 2 (gồm Phòng Luật sư chỉ định, Phòng Hỗ trợ nạn nhân tội phạm, Phòng Dịch vụ uỷ thác, Phòng Tính thù lao cho luật sư chỉ định), Ban Kế hoạch chung về luật sư (gồm Phòng Kế hoạch về luật sư nhân viên, Phòng Nghiên cứu về kỹ năng của luật sư nhân viên, Phòng Hỗ trợ luật sư nhân viên).

Cơ quan TGPL Nhật Bản là cơ quan chịu trách nhiệm thành lập các tổ chức thực hiện TGPL như Trung tâm TGPL, Chi nhánh..., tuyển dụng nhân viên và phân bổ kinh phí cho toàn bộ hệ thống TGPL. Cơ quan này đồng thời theo dõi công tác

thụ lý và giải quyết vụ việc TGPL thông qua phần mềm kết nối giữa Cơ quan TGPL với các Trung tâm TGPL, Chi nhánh, Tiểu chi nhánh và Văn phòng Luật sư.

Chủ thể trực tiếp thực hiện TGPL có tổ chức thực hiện TGPL và người thực hiện TGPL. Về tổ chức thực hiện TGPL, Trung tâm TGPL, Chi nhánh của Trung tâm TGPL, Tiểu Chi nhánh và Văn phòng luật sư là những tổ chức tham gia thực hiện TGPL. Đối với người thực hiện TGPL, pháp luật Nhật Bản quy định luật sư nhân viên, luật sư tư và những người không phải là luật sư đều có thể tham gia TGPL. Tuy nhiên, với những người không phải là luật sư họ chỉ được phép TGPL với những vụ việc tư vấn đơn giản, nhập dữ liệu vụ việc, thực hiện các công việc hành chính khác. Luật sư nếu có nguyện vọng thực hiện TGPL sẽ gửi đơn đề nghị đến các Trung tâm TGPL, Chi nhánh, Tiểu chi nhánh và Giám đốc của các Trung tâm TGPL, Chi nhánh, Tiểu chi nhánh sẽ xem xét ký hợp đồng với luật sư để thực hiện TGPL.

Nhằm đảm bảo chất lượng TGPL, pháp luật Nhật Bản quy định trong trường hợp luật sư có dấu hiệu vi phạm các điều khoản cơ bản về TGPL do Cơ quan TGPL Nhật Bản quy định thì các Trung tâm TGPL, Chi nhánh, Tiểu chi nhánh sẽ tiến hành điều tra và huỷ hợp đồng nếu xác định có hành vi vi phạm. Trong trường hợp đối tượng TGPL có khiếu nại về chất lượng vụ việc thì Cơ quan TGPL Nhật Bản sẽ hướng dẫn người dân đến Đoàn luật sư nơi luật sư đó là thành viên để Đoàn luật sư giải quyết khiếu nại. Nếu kết quả giải quyết của Đoàn Luật sư thấy rằng luật sư có vi phạm hợp đồng thì Trung tâm TGPL, Chi nhánh, Tiểu chi nhánh đã ký kết hợp đồng sẽ hủy bỏ hợp đồng với luật sư đó. Trong trường hợp đối tượng TGPL cho rằng luật sư thực hiện vụ việc đã gây thiệt hại cho quyền lợi của mình thì đối tượng có thể khởi kiện lên tòa án để tòa án giải quyết. Chi trả thù lao cho luật sư thực hiện TGPL cũng là nội dung được quy định rõ ràng trong pháp luật hiện hành Nhật Bản. Sau khi kết thúc vụ việc TGPL, luật sư sẽ gửi báo cáo kết quả vụ việc cho Trung tâm TGPL, Chi nhánh, Tiểu chi nhánh và mức thù lao tư vấn pháp luật được tính ngang bằng với các vụ việc do luật sư tư vấn cho khách hàng trên thị trường. Thù lao vụ việc tham gia tố tụng và trợ giúp lập hồ sơ với mức thù lao được tính thấp hơn giá thị trường.

2.4.2. Giá trị tham khảo đối với Việt Nam

Dựa trên thực tiễn THPL về TGPL của một số nước trên thế giới, một số kinh nghiệm có thể được vận dụng cho việc nâng cao hiệu quả THPL về TGPL tại Việt Nam, trong đó có các tỉnh thuộc địa bàn ĐBSCL như sau:

Một là, Bài học rõ ràng nhất từ kinh nghiệm quốc tế (Nhật Bản, Ailen, Nam Phi) là sự vượt trội của mô hình hỗn hợp so với mô hình nhà nước thuần túy (như Philippines) hay mô hình xã hội hóa hoàn toàn (như Indonesia). Việt Nam cần tiếp tục duy trì và củng cố các Trung tâm TGPL nhà nước. Đây là lực lượng nòng cốt, đảm bảo sự ổn định, chủ động và liên tục của dịch vụ, đặc biệt là tại các vùng sâu, vùng xa, hải đảo, những nơi mà lực lượng luật sư tư nhân (luật sư tư) mỏng hoặc không có (bài học từ thất bại của Nhật Bản trước 2006 khi giao hoàn toàn cho Liên đoàn luật sư). Đồng thời, Việt Nam cần phát triển mạnh mẽ cơ chế ký hợp đồng với luật sư tư và các tổ chức xã hội. Điều này không chỉ giúp giảm tải cho hệ thống nhà nước khi nhu cầu tăng cao (tránh nhược điểm của mô hình Argentina) mà còn mang lại quyền lựa chọn cho người dân và tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh về chất lượng.

Hai là, kinh nghiệm của Vương quốc Anh và Nhật Bản cho thấy việc cung cấp TGPL phải đi đôi với việc đảm bảo chất lượng. Tham khảo mô hình của Anh (Bộ Tiêu chuẩn chất lượng năm 2002), Việt Nam cần xây dựng và ban hành một bộ tiêu chuẩn quốc gia rõ ràng, minh bạch cho dịch vụ TGPL, áp dụng thống nhất cho cả Trợ giúp viên pháp lý nhà nước và luật sư ký hợp đồng. Cần thiết lập một cơ chế đánh giá độc lập, có thể mời các luật sư/chuyên gia pháp lý giàu kinh nghiệm tham gia hội đồng đánh giá. Việc lựa chọn vụ việc để đánh giá chất lượng nên thực hiện ngẫu nhiên hàng năm. Ngoài ra, Việt Nam cần xây dựng hồ sơ theo dõi chất lượng của từng người thực hiện TGPL. Như kinh nghiệm của Nhật Bản, hồ sơ này là cơ sở để xem xét hủy hợp đồng nếu chất lượng không đảm bảo, hoặc chuyển khiếu nại tới Đoàn Luật sư để xử lý kỷ luật.

Ba là, sự phụ thuộc hoàn toàn vào ngân sách nhà nước có thể tạo ra áp lực và hạn chế (bài học từ Indonesia). Đồng thời, quản lý thủ công gây lãng phí và phức tạp. Ngoài ngân sách nhà nước là chủ đạo, Việt Nam có thể nghiên cứu các mô hình

Quỹ TGPL như của Malaysia (mô hình đối tác công tư - PPP), hoặc Úc (NSW) và Hàn Quốc (cho phép các nguồn thu từ đóng góp, tài trợ, lãi đầu tư).

Bốn là, Kinh nghiệm của Nhật Bản (phần mềm kết nối) và Trung Quốc (thúc đẩy CNTT) là rất quan trọng. Việt Nam cần một hệ thống cơ sở dữ liệu và quản lý vụ việc (case management system) trực tuyến, thống nhất toàn quốc. Hệ thống này sẽ giúp:

- Quản lý, điều phối và thụ lý vụ việc nhanh chóng.
- Giám sát chất lượng và tiến độ.
- Minh bạch hóa việc thanh toán, tránh các thủ tục hành chính phức tạp (như Indonesia yêu cầu 14 loại giấy tờ).

Năm là, Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy hiệu quả của việc huy động một lực lượng xã hội rộng lớn tham gia vào các hình thức TGPL phù hợp. Tương tự mô hình của Trung Quốc, Việt Nam cần có cơ chế pháp lý rõ ràng để khuyến khích và công nhận sinh viên luật năm cuối, giảng viên, nhà nghiên cứu tại các trường đại học, học viện tham gia TGPL với tư cách tình nguyện viên. Lực lượng này có thể tập trung vào các hình thức TGPL ngoài tố tụng như tư vấn pháp luật, soạn thảo văn bản pháp lý, hỗ trợ thủ tục hành chính, giúp giảm tải đáng kể cho các luật sư và trợ giúp viên.

Sáu là, Bài học tiêu cực từ Indonesia cho thấy việc quy định điều kiện người nghèo quá cứng nhắc và thủ tục chứng minh phức tạp (giấy chứng nhận của trưởng thôn) đã vô tình tạo ra rào cản, khiến người dân "khó thực hiện được quyền được TGPL của mình". Do đó, việc áp dụng kinh nghiệm của Trung Quốc, cho phép HĐND hoặc UBND cấp tỉnh quy định linh hoạt về điều kiện được TGPL (ví dụ: mở rộng diện người được TGPL) dựa trên tình hình KT-XH và nhu cầu pháp lý đặc thù của địa phương. Thủ tục yêu cầu TGPL phải đơn giản tối đa, tiến tới liên thông dữ liệu điện tử, thay vì bắt người dân phải nộp nhiều loại giấy tờ chứng minh, cán bộ thụ lý có thể truy vấn trực tiếp cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc cơ sở dữ liệu về hộ nghèo/cận nghèo.

Tóm lại, kinh nghiệm quốc tế của các quốc gia trên thế giới cho thấy rằng một hệ thống TGPL hiệu quả không chỉ cần một mô hình tổ chức đúng (mô hình

hỗn hợp), mà còn cần một cơ chế vận hành thông minh, tập trung vào chất lượng (Anh), công nghệ (Nhật Bản, Trung Quốc), và sự linh hoạt trong tiếp cận (Trung Quốc), đồng thời tránh được các bất cập về hành chính hóa (Indonesia) và phụ thuộc thái quá (mô hình luật sư tư hoàn toàn).

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Nội dung Chương 2 đã phân tích khái niệm, đặc điểm và vai trò của THPL về TGPL cho người nghèo. THPL về TGPL cho người nghèo được hiểu là quá trình hoạt động có mục đích của các chủ thể liên quan (Nhà nước, các tổ chức xã hội và các chủ thể khác) nhằm làm cho các QPPL về TGPL cho người nghèo đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể tham gia THPL về TGPL góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người nghèo. THPL về TGPL cho người nghèo vừa mang những đặc điểm chung của THPL về TGPL nhưng cũng mang điểm đặc thù cụ thể: chủ thể THPL về TGPL cho người nghèo bao gồm Nhà nước, các tổ chức thực hiện TGPL, cá nhân thực hiện TGPL; THPL về TGPL cho người nghèo là hoạt động hỗ trợ tư pháp mang tính đặc thù; đối tượng hưởng lợi ích từ THPL về TGPL cho người nghèo là người nghèo. Về vai trò của THPL về TGPL được nhìn nhận dưới các góc độ: thực hiện TGPL cho người nghèo góp phần bảo đảm chính sách an sinh xã hội, phát triển KT-XH; góp phần quan trọng trong cải cách tư pháp; đảm bảo quyền con người, quyền công dân, cụ thể là quyền đảm bảo công bằng trong việc tiếp cận pháp luật, tiếp cận công lý.

Hình thức và điều kiện bảo đảm THPL về TGPL cho người nghèo là những nội dung tiếp theo được đề cập tại chuyên đề này. Theo đó, THPL về TGPL cho người nghèo thông qua các hình thức: chấp hành pháp luật về TGPL cho người nghèo, tuân thủ pháp luật về TGPL cho người nghèo, sử dụng pháp luật về TGPL cho người nghèo và áp dụng pháp luật về TGPL cho người nghèo. Nhằm bảo đảm THPL về TGPL cho người nghèo một cách hiệu quả cần xét đến các điều kiện về chính trị, kinh tế, văn hoá-xã hội và điều kiện về pháp lý. Đặc biệt đối với điều kiện bảo đảm về pháp lý, ba khía cạnh được đặt ra bao gồm: sự hoàn thiện của pháp luật về TGPL cho người nghèo, ý thức pháp luật, trách nhiệm của nhà nước trong bảo

đảm THPL về TGPL cho người nghèo, hoạt động tổ chức THPL của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngoài ra, tại chương 2 tác giả còn phân tích ba nhóm chủ thể THPL về TGPL cho người nghèo (nhóm chủ thể tổ chức thực hiện hoạt động TGPL, nhóm chủ thể tiến hành THPL về TGPL cho người nghèo, nhóm chủ thể được TGPL là người nghèo. Nội dung THPL về TGPL cho người nghèo cũng được đề cập tới trong chuyên đề với năm nội dung: hướng dẫn việc thi thành Luật TGPL và các văn bản QPPL liên quan đến TGPL cho người nghèo; chuẩn bị các điều kiện về nhân sự, cơ sở vật chất, kỹ thuật, kinh phí cho hoạt động TGPL cho người nghèo; tiến hành các hoạt động TGPL; kiểm tra, giám sát việc THPL về TGPL cho người nghèo; phổ biến, tuyên truyền pháp luật, thực hiện truyền thông về TGPL cho người nghèo. Bên cạnh đó, chương 2 đề cập tới kinh nghiệm THPL về TGPL cho người nghèo, từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm có thể xem xét vận dụng cho việc THPL về TGPL cho người nghèo tại Việt Nam nói chung và các tỉnh ĐBSCL nói riêng.

Chương 3

NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, VIỆT NAM

3.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ NHU CẦU TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, VIỆT NAM

3.1.1. Những yếu tố tác động tới thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam

3.1.1.1. Yếu tố vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Đồng bằng sông Cửu Long có vị trí địa lý độc đáo "ba mặt giáp biên", phía Bắc giáp Campuchia, phía Đông Nam giáp Biển Đông và Tây Nam giáp Vịnh Thái Lan, nằm liền kề Đông Nam Bộ; điều kiện tự nhiên nổi bật với địa hình thấp, phẳng, mạng lưới sông ngòi kênh rạch chằng chịt bồi đắp bởi phù sa sông Mê Kông, khí hậu nóng ẩm gió mùa, có biển ấm, ngư trường lớn và hệ sinh thái đa dạng (rừng tràm, ngập mặn), tạo thuận lợi phát triển nông nghiệp, thủy sản, giao thông thủy và du lịch nhưng cũng đối mặt với lũ lụt và xâm nhập mặn. Đây là vùng châu thổ có địa hình bằng phẳng nằm ở tận cùng phía Nam của Việt Nam, hình thành chủ yếu do sự bồi tụ của dòng chảy cùng nguồn phù sa sông Mekong, có vị trí liền kề vùng Đông Nam Bộ, phía Bắc giáp Campuchia, phía Tây Nam là vịnh Thái Lan, phía Đông Nam giáp Biển Đông. ĐBSCL có tổng diện tích tự nhiên là 40,6 nghìn km², chiếm 12% tổng diện tích đất liền của cả nước, trong đó đất phèn, đất mặn chiếm tỷ lệ lớn.

Đồng bằng sông Cửu Long với đường bờ biển dài 73,2km cùng hệ thống sông ngòi, kênh rạch dày đặc, nguồn nước trên mặt và nguồn thủy hải sản rất phong phú. Với địa hình như vậy, ĐBSCL được công nhận là vùng đất ngập nước lớn nhất Việt Nam [133]. Khí hậu của khu vực ĐBSCL thể hiện rõ tính chất cận xích đạo, chế độ nhiệt cao, nóng ẩm quanh năm, lượng mưa nhiều, thời tiết ít biến động và ít thiên tai. Điều kiện tự nhiên là một trong những lợi thế cạnh tranh quan trọng của

ĐBSCL. Với nguồn tài nguyên sẵn có dồi dào, vị trí địa lý thuận lợi, thổ nhưỡng thích hợp, khí hậu ổn định và không khắc nghiệt, có thể đánh giá ĐBSCL là khu vực có nhiều ưu đãi về mặt tự nhiên và nhiều cơ hội để thúc đẩy phát triển kinh tế.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu, ĐBSCL là khu vực chịu nhiều ảnh hưởng, trong đó bao gồm xâm nhập mặn, lũ lụt, hạn hán, sụt lún, suy giảm hệ sinh thái và nguồn thủy hải sản. Biến đổi khí hậu là nguyên nhân gây biến động tới điều kiện tự nhiên của ĐBSCL như ảnh hưởng tới mực nước sông Mekong, tổng lượng mưa thấp, tình trạng khô hạn kéo dài, xâm nhập mặn cửa sông, sạt lở đất, thiếu hụt phù sa... Biến đổi khí hậu, nước biển dâng hay những vấn đề liên quan đến nguồn nước xuyên biên giới là những thử thách rất lớn tới sự phát triển của khu vực ĐBSCL, là yếu tố ảnh hưởng nghiêm trọng tới các lợi thế tự nhiên vốn có của khu vực này. Đây cũng là một phần nguyên nhân tác động đến điều kiện xã hội, trong đó bao gồm điều kiện sống, điều kiện lao động, tình trạng di dân, thay đổi tập quán sinh sống và sản xuất và nhu cầu được TGPL miễn phí của người dân sống tại vùng, đặc biệt là người nghèo.

Với các đặc điểm đặc thù về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, ĐBSCL thể hiện rõ nhất năng lực cạnh tranh trong các nhóm ngành về nông nghiệp và nuôi trồng thủy hải sản. Điều kiện thuận lợi về mặt khí hậu và thổ nhưỡng cũng là một yếu tố quan trọng giúp việc canh tác và hoạt động nông nghiệp diễn ra tương đối ổn định. ĐBSCL là một trong những đồng bằng lớn, phì nhiêu nhất Đông Nam Á, là vùng sản xuất, xuất khẩu lương thực, vùng cây ăn trái nhiệt đới lớn nhất Việt Nam với diện tích tự nhiên 4.092,2 nghìn ha, trong đó 2.575,2 nghìn ha đất dùng cho sản xuất nông nghiệp, chiếm 62,9% tổng diện tích đất tự nhiên của cả vùng [94]. ĐBSCL đã phát huy lợi thế vừa lúa số một cả nước khi đóng góp hơn 90% lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam, đồng thời phát triển được giống gạo ST ngon nhất thế giới, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, tạo công ăn việc làm cho 65% dân cư nông thôn của vùng [94]. Bên cạnh đó, theo Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/04/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, ĐBSCL đóng góp khoảng 50% sản lượng lúa, 95% lượng gạo xuất khẩu, gần 65%

sản lượng thủy sản nuôi trồng, 60% lượng cá xuất khẩu và gần 70% các loại trái cây của cả nước; là khu vực có 4 khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, khu bảo tồn tự nhiên được công nhận là khu Ramsar của thế giới.

Những yếu tố về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên các tỉnh ĐBSCL đã tạo thuận lợi cho thực hiện pháp luật về TGPPL người nghèo thông qua hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, cho phép các đoàn TGPL tiếp cận sâu vào các cụm, tuyến dân cư vùng sâu, vùng xa qua đường thủy. Điều này giúp mang dịch vụ pháp lý đến tận nơi ở của những người nghèo không có điều kiện di chuyển đến trung tâm. Là vùng kinh tế trọng điểm nông nghiệp, ĐBSCL nhận được sự đầu tư lớn về hạ tầng số để thích ứng với biến đổi khí hậu. Sự phát triển này giúp người nghèo dễ dàng tiếp cận TGPL qua các ứng dụng di động và Cổng thông tin điện tử, giảm bớt rào cản địa lý. Với đặc điểm địa hình ít bị chia cắt bởi núi cao, việc triển khai các cụm loa phát thanh xã/phường và tổ chức các buổi tư vấn pháp luật cộng đồng trở nên thuận tiện và bao phủ diện rộng hơn so với các vùng miền núi.

Bên cạnh đó, vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên ở ĐBSCL, cũng làm ảnh hưởng, hạn chế không nhỏ đến ảnh hưởng tiêu cực đến THPL về TGPL cho người nghèo bởi sự phân tán, khó khăn đi lại do hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, ảnh hưởng bởi triều cường, ngập mặn; sự biến đổi khí hậu làm tăng rủi ro thiên tai; và kết nối hạ tầng chưa đồng bộ, khiến việc tiếp cận thông tin, dịch vụ pháp lý từ xa, hay di chuyển đến các điểm tư vấn trở nên vất vả, tốn kém, làm giảm hiệu quả các chương trình hỗ trợ pháp lý. Các đặc điểm tự nhiên của ĐBSCL, đặc biệt là những thách thức mới nổi, đang tác động tiêu cực và đa chiều đến thực hiện pháp luật TGPL của người nghèo. Một mặt, các tác động nghiêm trọng từ biến đổi khí hậu, như xâm nhập mặn sâu rộng, hạn hán kéo dài, sụt lún và sạt lở đất, đang trở thành một “nguồn phát sinh tranh chấp” mới. Những yếu tố này trực tiếp tạo ra các xung đột pháp lý ngày càng phức tạp, làm gia tăng mạnh mẽ nhu cầu TGPL trong các lĩnh vực đặc thù như tranh chấp ranh giới đất đai do sạt lở, yêu cầu bồi thường thiệt hại do sản xuất nông nghiệp và thủy sản bị phá hủy bởi xâm nhập mặn, và các mâu thuẫn trong việc tiếp cận tài nguyên nước do tình trạng khô hạn. Hiện tượng này minh chứng cho các lý thuyết về mối quan hệ giữa môi trường và xung đột tài

nguyên. Các học thuyết này chỉ ra rằng, các nhóm yếu thế trong xã hội (như người nghèo) phải gánh chịu một cách không tương xứng gánh nặng từ suy thoái môi trường. Khi biến đổi khí hậu tại Đồng bằng Sông Cửu Long làm suy giảm các nguồn tài nguyên sinh kế cơ bản như đất canh tác và nước ngọt, nó trực tiếp làm phát sinh các xung đột tài nguyên. Người nghèo, do thiếu nguồn lực và vị thế xã hội, là đối tượng dễ bị tổn thương nhất và thiếu cơ chế tự bảo vệ, dẫn đến việc họ buộc phải tìm kiếm sự can thiệp và bảo vệ pháp lý từ nhà nước (thông qua TGPL).

3.1.1.2. Yếu tố về điều kiện kinh tế, văn hóa truyền thống

Đồng bằng Sông Cửu Long được hợp thành từ 01 thành phố trực thuộc trung ương (thành phố Cần Thơ) và 12 tỉnh bao gồm: Long An, Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau. Trong đó, vùng kinh tế trọng điểm vùng ĐBSCL gồm 04 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là: thành phố Cần Thơ, tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang và tỉnh Cà Mau. Trong ĐBSCL nói chung và Vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL nói riêng, thành phố Cần Thơ là đô thị loại I trực thuộc trung ương, có vai trò trung tâm của vùng ĐBSCL, là giao điểm của hành lang kinh tế đô thị dọc sông Hậu và hành lang kinh tế đô thị Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ.

Các yếu tố kinh tế có tác động rất lớn đến THPL về TGPL ở ĐBSCL cả về mặt tích cực và tiêu cực. Về tác động tích cực, TGPL ở ĐBSCL bao gồm: chính sách hỗ trợ giảm nghèo và phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS, đầu tư nguồn lực cho phổ biến giáo dục pháp luật, tăng cường đào tạo nâng cao năng lực cán bộ, đẩy mạnh xã hội hóa, phát triển kinh tế tạo sinh kế bền vững, và áp dụng công nghệ trong tiếp cận thông tin pháp luật, giúp người nghèo được tư vấn, bảo vệ quyền lợi tốt hơn, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu và hội nhập kinh tế. Các điều kiện KT-XH tại ĐBSCL có tác động trực tiếp đến việc làm gia tăng nhu cầu TGPL của người dân. Trước hết, cơ cấu dân số và kinh tế đặc thù là yếu tố quyết định. Với dân số đông (17,3 triệu người), phần lớn dân số sống ở khu vực nông thôn và nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp và thủy sản, ĐBSCL có một lượng đối tượng thụ hưởng TGPL tiềm năng rất lớn, bao gồm 109.767 hộ nghèo và 168.169 hộ cận nghèo. Quan trọng hơn, cơ cấu kinh tế này định hình rõ nét các loại vụ việc

TGPL phổ biến sẽ tập trung vào ba lĩnh vực chính: (1) Pháp luật đất đai, bao gồm các tranh chấp liên quan đến thừa kế, chuyển nhượng, thu hồi đất nông nghiệp; (2) Hợp đồng nông nghiệp, đặc biệt là tranh chấp giữa nông dân và doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm; và (3) Tín dụng nông thôn, liên quan đến các vấn đề pháp lý khi vay vốn ngân hàng chính sách hoặc vướng vào tín dụng đen.

Bên cạnh đó, các yếu tố KT-XH cũng đã tác động tiêu cực đến THPL về TGPL cho người nghèo ĐBSCL bao gồm: (1) Kinh tế khó khăn: Thu nhập thấp, bấp bênh do "được mùa mất giá", thiếu vốn vay ưu đãi, cản trở tiếp cận dịch vụ pháp lý; (2) Hạ tầng, giao thông yếu kém: Khó khăn đi lại đến điểm TGPL, đặc biệt ở vùng sông nước, làm tăng chi phí và thời gian; (3) Nhận thức và kỹ năng: Người nghèo thiếu kiến thức pháp luật, chưa nhận thức đầy đủ về quyền lợi TGPL, kỹ năng tự bảo vệ mình còn hạn chế; (4) Hệ thống TGPL chưa đồng bộ: Thiếu nguồn lực, nhân sự, cơ sở vật chất, liên kết chưa chặt chẽ giữa các cơ quan.

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng đất giàu bản sắc văn hóa, với 44 dân tộc sinh sống. Trong đó, đông nhất là dân tộc Kinh (chiếm tỷ lệ hơn 92%), kế đến là dân tộc Khmer (6,6%), dân tộc Hoa (0,87%), Chăm (0,08%) và một số dân tộc anh em khác(1). Trong tiến trình phát triển, cộng đồng các dân tộc ở vùng ĐBSCL đã cùng khai phá, phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa, quan hệ gắn bó trên tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau trong cuộc sống và trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm để bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Những giá trị văn hóa đặc sắc của từng dân tộc được bảo tồn, phát huy trong quá trình chung sống, lao động, chiến đấu đã tạo nên những giá trị văn hóa đặc sắc của vùng châu thổ Cửu Long. Trong đó, nổi bật là văn hóa ứng xử với thiên nhiên, văn hóa sông nước - văn minh miệt vườn, văn hóa dung hợp, văn hóa ẩm thực, văn hóa kiến trúc và không gian sống, nghệ thuật dân gian, tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội, phong tục tập quán...

Các yếu tố văn hóa truyền thống ĐBSCL tác động tích cực đến TGPL cho người nghèo bao gồm tinh thần tương thân tương ái, “lá lành đùm lá rách”, tính cộng đồng, sự gắn bó sông nước, và lòng hiếu học, thể hiện qua việc tận dụng các mối QHXXH, mô hình tổ chức cộng đồng (tổ nhân dân tự quản, hội quán), và cách tiếp cận văn hóa để tuyên truyền pháp luật, giúp người dân dễ tin tưởng, tiếp nhận

thông tin, và kết nối với trợ giúp viên pháp lý, làm giảm khoảng cách pháp lý và tăng cường tiếp cận công lý, giúp họ vượt qua rào cản tâm lý ban đầu. Tính cách hiền lành, chân chất của người dân ĐBSCL giúp cán bộ TGPL dễ dàng tiếp cận, xây dựng lòng tin, giúp người nghèo cởi mở chia sẻ vấn đề pháp lý của mình, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến đất đai, thừa kế, tranh chấp nhỏ. Đặc trưng văn hóa sông nước giúp đội ngũ TGPL có những hình thức hoạt động sáng tạo, gần gũi (thuyền, ghe), tiếp cận các ấp/xóm khó khăn, vùng sâu vùng xa hiệu quả hơn, phù hợp với địa bàn sinh sống của người nghèo. Thực trạng tại các tỉnh ĐBSCL đó là trình độ văn hóa, giáo dục của người dân tại đây còn thấp, tỷ lệ bỏ học cao nhất cả nước. Người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL ít có điều kiện và cơ hội để tìm hiểu kiến thức pháp luật. Điều này dẫn tới hệ quả họ sẽ không có nhiều cơ hội trong tiếp cận dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi bản thân gặp vướng mắc về pháp lý mà nguyên nhân xuất phát từ những hạn chế về hiểu biết pháp luật cũng như khả năng tài chính.

Tại các tỉnh ĐBSCL, bên cạnh những giá trị tốt đẹp, một số đặc điểm văn hóa truyền thống và tập quán tâm lý đang tạo ra những rào cản tiêu cực đến việc THPL về TGPL cho người nghèo, đó là: tâm lý ngại va chạm pháp luật, Người dân vùng sông nước thường có tâm lý hiền hòa, ngại đụng chạm đến chính quyền hoặc các thủ tục hành chính phức tạp. Họ coi việc kiện tụng là điều không hay, dẫn đến việc không chủ động tìm đến các Trung tâm TGPL nhà nước khi quyền lợi bị xâm phạm. Văn hóa trọng tình nghĩa xóm giềng khiến người dân thường tự thỏa thuận hoặc nhờ người có uy tín trong dòng họ, ấp bản giải quyết thay vì dùng luật. Nhiều trường hợp thỏa thuận này gây thiệt thòi cho người nghèo vì thiếu kiến thức pháp lý. Rào cản ngôn ngữ và tập quán: Đối với các cộng đồng DTTS (như người Khmer), rào cản về ngôn ngữ và những phong tục riêng biệt khiến các quy định pháp luật khó thâm thấu, dẫn đến việc họ không biết mình thuộc đối tượng được TGPL miễn phí.

Tuy nhiên, ĐBSCL nhìn chung vẫn là khu vực gặp nhiều thử thách về KT-XH. Trong thập niên qua, các vấn đề bên trong như chất lượng tăng trưởng giảm sút và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp chưa cao, cấu trúc kinh tế chưa thực sự ổn

định, chất lượng nguồn nhân lực hạn chế, năng suất lao động thấp, tình trạng di dân gia tăng... là những ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển KT-Xh mà ĐBSCL đang và sẽ phải đối mặt [68]. Bên cạnh đó, hạ tầng cơ sở, hệ thống giao thông và logistics còn nhiều yếu kém cũng là yếu tố làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp và kinh tế toàn vùng. Đóng góp của ĐBSCL vào tổng sản phẩm quốc nội của Việt Nam trong ba thập kỷ qua giảm mạnh, trong khi tốc độ tăng dân số tương đương mức trung bình của cả nước khiến GRDP bình quân trên đầu người giảm nhanh. Mặc dù xuất nhập khẩu có xu hướng tăng theo từng năm nhưng tỷ trọng xuất khẩu của ĐBSCL so với cả nước ngày càng giảm dần [68].

3.1.1.3. Yếu tố về đặc điểm dân cư, trình độ dân trí

Về mặt dân cư, ĐBSCL là khu vực đông dân, mật độ dân số cao, nguồn lao động dồi dào, cần cù và có nhiều kinh nghiệm sản xuất. Tính đến thời điểm 01/04/2019, dân số ĐBSCL là 17,3 triệu người (chiếm 18% dân số cả nước), mật độ dân số trung bình là 423 người/km², phần lớn dân số sống ở khu vực nông thôn [68]. Dự kiến dân số trong vùng đến năm 2050 với khoảng 30 – 32 triệu người, trong đó dân số đô thị khoảng 25 – 27 triệu người, với tỷ lệ đô thị hóa khoảng 40 – 50% [84]. Mặc dù còn nhiều khó khăn về mặt kinh tế, ĐBSCL cũng đã xây dựng và phát triển một số trường đại học trọng điểm, bước đầu đóng góp nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng và cho cả nước. Trường Đại học Cần Thơ là trường đại học tiêu biểu tại ĐBSCL và đang dần khẳng định uy tín, vai trò trong đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng giáo dục chung của ĐBSCL, đào tạo nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển KT-XH trong vùng.

Về mặt xã hội, chất lượng giáo dục tại ĐBSCL hiện không theo kịp các vùng miền khác, tỷ lệ bỏ học cao và trình độ học vấn của người dân khá thấp [68]. Theo thống kê của Tổng cục Thống kê, trong năm 2019, ĐBSCL là khu vực có tỷ lệ dân số trong độ tuổi đi học hiện không đi học cao nhất cả nước và cao hơn rất nhiều so với bình quân cả nước. Tỷ lệ bỏ học cao tại các cấp học cơ sở và phổ thông là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến số lượng người học ở các bậc học sau, làm giảm số lượng, chất lượng và trình độ lao động chung của toàn vùng. Tính đến cuối năm 2018, toàn vùng ĐBSCL có khoảng 10,5 triệu lao động đang làm việc trong nền

kinh tế, chiếm 59,1% dân số toàn vùng và chiếm 19,4% lực lượng lao động cả nước, tốc độ tăng trưởng lực lượng lao động bình quân thấp hơn bình quân cả nước [68].

Tại ĐBSCL, cộng đồng dân cư có nhiều phong tục tập quán, nhiều lễ hội và các sự kiện văn hóa hàng năm, điều này khiến cho ĐBSCL có nhiều giá trị văn hóa đặc trưng, tuy nhiên cũng chính là một phần nguyên nhân khiến hoạt động lao động sản xuất của người dân thiếu đồng bộ, liên tục và chuyên nghiệp. Theo Quyết định số 71/QĐ-LĐTBXH ngày 19/01/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 – 2025, khu vực ĐBSCL có tổng số hộ nghèo là 109.767 hộ, tỷ lệ hộ nghèo là 2,26%, tổng số hộ cận nghèo là 168.169 hộ, tỷ lệ hộ cận nghèo là 3,46%. Trong những năm qua, tỷ lệ nghèo đa chiều của ĐBSCL có xu hướng giảm và tới hiện tại tỷ lệ này chỉ cao hơn khu vực Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng, thấp hơn rất nhiều so với những khu vực còn lại như Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

Tình trạng di dân cũng là vấn đề đáng lo ngại hiện nay của ĐBSCL. Tình trạng di cư của người dân khu vực này về Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ đáng báo động khi ĐBSCL có tỷ lệ nhập cư thấp nhất, tỷ lệ xuất cư cao nhất và là vùng duy nhất có tỷ lệ tăng dân số là 0% trong giai đoạn 2009 – 2019 [43]. Có thể đánh giá, sự chênh lệch mức sống và thiếu cơ hội việc làm là các yếu tố chủ yếu dẫn đến tình trạng di cư, di dân tại ĐBSCL, từ đó dẫn đến thiếu nhân lực phục vụ quá trình sản xuất, khan hiếm lao động trong các lĩnh vực yêu cầu hàm lượng chất xám cao, chẳng hạn như trong lĩnh vực pháp lý nói chung và TGPL nói riêng.

Một bộ phận người nghèo tại ĐBSCL vẫn còn tư tưởng cam chịu, coi khó khăn là số phận nên không có ý thức bảo vệ quyền lợi bằng pháp luật. Rào cản ngôn ngữ và tập quán: Đối với các cộng đồng DTTS (như người Khmer), rào cản về ngôn ngữ và những phong tục riêng biệt khiến các quy định pháp luật khó thấm thấu, dẫn đến việc họ không biết mình thuộc đối tượng được TGPL miễn phí. Nhiều người vẫn có quan niệm "tiền nào của nấy", cho rằng dịch vụ miễn phí của Nhà nước sẽ không chất lượng bằng thuê luật sư tư. Tâm lý này khiến họ bỏ qua cơ hội được bảo vệ quyền lợi hợp pháp một cách chuyên nghiệp. Để khắc phục, các cơ quan chức

năng đang đẩy mạnh công tác truyền thông bằng tiếng dân tộc và thực hiện TGPL lưu động trực tiếp tại các địa bàn vùng sâu để xóa bỏ rào cản tâm lý này. Người nghèo thường có tâm lý "tốt nhất là nhìn", "tự giải quyết", "sợ mang tiếng", "ngại làm lớn chuyện" khi gặp vấn đề pháp lý, ít chủ động tìm đến các dịch vụ TGPL, cho rằng đó là chuyện phức tạp. Thay vì dùng pháp luật, nhiều người vẫn dựa vào "cây nờ", "nể nang", "quan hệ" để giải quyết tranh chấp, dẫn đến việc bỏ qua cơ hội được TGPL chính thống. Đôi khi, các quy tắc ứng xử, tập quán cũ (như nhường nhịn, tôn trọng người lớn tuổi, chủ đất) có thể mâu thuẫn với quy định pháp luật hiện hành, gây khó khăn trong việc tư vấn và áp dụng pháp luật một cách triệt để. Các phương pháp truyền thông truyền thống có thể không hiệu quả; cần những hình thức gần gũi hơn (ví dụ: thông qua các lễ hội, chợ nổi, sinh hoạt cộng đồng) để quảng bá các dịch vụ TGPL đến đúng đối tượng.

3.1.2. Nhu cầu trợ giúp pháp lý cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam

Không thể phủ nhận rằng, từng địa bàn khác nhau sẽ có nhu cầu TGPL khác nhau, phụ thuộc vào điều kiện KT-XH cũng như nhu cầu phát triển tại địa bàn đó. Đối với vùng ĐBSCL, việc tiếp nhận, thực hiện, phát triển và mở rộng phạm vi của hoạt động TGPL cho người nghèo xuất phát từ nhiều nhu cầu khác nhau của các bên có liên quan như: nhu cầu của người được TGPL, người thực hiện TGPL và cả Nhà nước trong việc quản lý, thúc đẩy sự phát triển và đảm bảo hoạt động TGPL được diễn ra trên thực tế.

Thứ nhất, nhu cầu TGPL xuất phát từ chính người nhận TGPL là người nghèo. Theo đó, cần phải nhìn nhận rằng, khi một vấn đề pháp lý xảy ra, các chủ thể trong xã hội nói chung và người nghèo nói riêng luôn có nhu cầu tìm kiếm sự hỗ trợ từ các chủ thể có liên quan để giúp họ giải quyết các vấn đề về pháp luật. Tuy nhiên, không phải ai cũng có cơ hội để thuê hay yêu cầu cung ứng dịch vụ pháp lý, đặc biệt là người nghèo. Do hạn chế trong vấn đề tài chính, người nghèo ít có cơ hội, điều kiện tiếp cận với dịch vụ pháp lý. Khi đó, hoạt động TGPL được nhìn nhận là hoạt động hỗ trợ của Nhà nước, của các chủ thể thực hiện TGPL đối với nhóm chủ thể yếu thế cần được TGPL.

Xét trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL thì nhu cầu TGPL cho người nghèo là vấn đề cần thiết cần giải quyết trong bối cảnh khu vực có sự phát triển về KT-XH chưa thật sự ổn định. Theo đánh giá tại mục 3.1.1 thì các tỉnh ĐBSCL có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản và định hướng phát triển ĐBSCL của Nhà nước ta hiện nay cũng đang tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực này. Tuy nhiên, bên cạnh các ngành trong lĩnh vực nông nghiệp, dường như các tỉnh ĐBSCL chưa quan tâm tới việc phát triển trong các ngành nghề khác, đặc biệt trong lĩnh vực dịch vụ, trong đó có bao gồm dịch vụ pháp lý, dẫn tới sự khó khăn trong việc tiếp cận pháp luật của người dân trong vùng, nhất là bộ phận người nghèo. Bên cạnh đó, trình độ văn hóa, giáo dục của người dân tại các tỉnh ĐBSCL còn thấp, tỷ lệ bỏ học cao nhất cả nước cũng là một phần nguyên nhân dẫn tới tình trạng nghèo, tình trạng di dân phổ biến. Điều này dẫn tới khan hiếm lao động trong các lĩnh vực đòi hỏi chất xám cao, bao gồm lĩnh vực pháp lý. Trong bối cảnh này, người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL ít có điều kiện và cơ hội để tìm hiểu vấn đề liên quan tới pháp luật. Điều này dẫn tới hệ quả là, khi gặp vướng mắc trong vấn đề pháp lý, người nghèo tại địa bàn có thể không hoặc ít có cơ hội được giải quyết vấn đề một cách toàn diện, từ đó khó có cơ sở để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Ngoài ra, do điều kiện KT-XH kém phát triển, người nghèo trong vùng ít có điều kiện, khả năng để trả thù lao cho việc sử dụng dịch vụ pháp lý. Do đó đặt ra yêu cầu phát triển cơ chế TGPL miễn phí cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL để giải quyết nhu cầu liên quan tới pháp lý của nhóm chủ thể này.

Thứ hai, nhu cầu TGPL xuất phát từ nhu cầu của Nhà nước trong việc thực hiện các chính sách pháp luật để xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN. Điều này được cụ thể hóa bằng việc, TGPL cho người nghèo luôn là một trong các chính sách đảm bảo quyền con người, quyền công dân mà Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng phát triển với mục đích tạo điều kiện để người nghèo và các đối tượng yếu thế khác thực hiện quyền tiếp cận pháp luật, từ đó bảo vệ được quyền lợi của họ. Hoạt động TGPL có bản chất là giúp đỡ các đối tượng yếu thế giải quyết các vấn đề pháp luật chưa được quan tâm đúng mức. Hay nói cách khác, nhu cầu về

TGPL cho người nghèo trên cả nước nói chung và trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL nói riêng không chỉ là nhu cầu từ phía các đối tượng nhận TGPL, mà nó còn xuất phát từ nhu cầu, sứ mệnh của Nhà nước khi thực hiện mục tiêu đề cao quyền con người, đảm bảo quyền công dân của quốc gia; góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN.

Thứ ba, ngoài việc xem xét nhu cầu TGPL dưới góc độ của người nhận TGPL và Nhà nước, cần thiết cân nhắc tới nhu cầu được thực hiện hoạt động TGPL của các chủ thể thực hiện TGPL và các tổ chức giúp pháp lý như Trung tâm TGPL nhà nước dưới góc độ nhu cầu hoàn thành sứ mệnh nghề nghiệp và mong muốn trợ giúp cho xã hội.

Về bản chất, tổ chức TGPL được thành lập nhằm mục đích và mang sứ mệnh là nơi quản lý, tổ chức thực hiện hoạt động TGPL cho các chủ thể có nhu cầu được nhận TGPL. Đây là nhiệm vụ cũng như vai trò của tổ chức này. Điều này đặt ra nhu cầu tìm kiếm, tiếp nhận và tạo điều kiện tốt nhất cho thành viên của tổ chức được thực hiện hoạt động TGPL cho người nghèo.

Mặt khác, đối với người thực hiện TGPL, xuất phát từ sứ mệnh cao cả gắn với nghề luật, hoạt động TGPL được coi là một trong những hoạt động thiết yếu thể hiện tinh thần tương trợ, hoàn thành trách nhiệm đối với xã hội của người hành nghề luật đối với cộng đồng. Chẳng hạn, đối với luật sư, TGPL không chỉ là trách nhiệm của luật sư được ghi nhận tại điểm d khoản 2 Điều 21 Luật Luật sư 2006 mà nó còn là cơ hội để luật sư tham gia vào các hoạt động cộng đồng như được ghi nhận tại Quy tắc 4.2 Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định 201/QĐ-HĐLSTQ. Do đó, cũng giống như mục đích của tổ chức TGPL, chủ thể này luôn có nhu cầu tham gia giúp đỡ các đối tượng yếu thế trong lĩnh vực pháp lý để hoàn thành tốt vai trò, sứ mệnh của mình đối với xã hội.

Nhu cầu TGPL cho người nghèo ở ĐBSCL rất lớn, có tác động tích cực là bảo vệ quyền lợi người yếu thế, nâng cao nhận thức pháp luật, nhưng cũng còn thách thức như thiếu nhân lực, hạn chế tiếp cận dịch vụ, đòi hỏi cần tăng cường nguồn lực, lồng ghép với chính sách giảm nghèo và ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả, giúp "giảm nghèo về pháp luật" cho người dân vùng này.

Nhu cầu TGPL càng trở nên cấp thiết hơn do mặt bằng giáo dục và nhận thức pháp luật. Thực trạng tỷ lệ bỏ học cao và trình độ học vấn của người dân khá thấp là một yếu tố xã hội quan trọng. Trình độ học vấn thấp thường tương quan trực tiếp với nhận thức pháp luật thấp, dẫn đến hệ quả là người dân không biết quyền lợi của mình, không hiểu các thủ tục pháp lý căn bản, hoặc dễ bị lừa đảo trong các giao dịch dân sự. Vì vậy, nhu cầu TGPL tại đây không chỉ dừng lại ở đại diện tố tụng, mà còn tăng mạnh ở dạng tư vấn pháp luật và phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức và khả năng tự bảo vệ của người dân.

Trong khi nhu cầu TGPL ngày càng tăng cao và phức tạp, các điều kiện KT-XH tại ĐBSCL lại đang tác động tiêu cực đến khả năng THPL về TGPL. Tác động tiêu cực nghiêm trọng nhất chính là tình trạng di dân và chảy máu chất xám. Việc ĐBSCL có tỷ lệ di dân cao nhất cả nước đã dẫn đến khan hiếm lao động trong các lĩnh vực yêu cầu hàm lượng chất xám cao, và gây thiếu nhân lực trong lĩnh vực pháp lý nói chung và TGPL nói riêng.

Mặt khác, chính đặc điểm địa lý cốt lõi của vùng là hệ thống sông ngòi, kênh rạch dày đặc lại vô tình hoạt động như một trở ngại vật lý đáng kể. Địa hình bị chia cắt này khiến người nghèo ở các khu vực nông thôn, vùng sâu gặp rất nhiều khó khăn và tốn kém chi phí để di chuyển đến các Trung tâm TGPL. Trở ngại này là một biểu hiện kinh điển của rào cản địa lý trong các nghiên cứu về tiếp cận công lý. Các học giả hàng đầu trong lĩnh vực này (như Mauro Cappelletti và Bryant Garth) đã chỉ rõ rằng, sự tồn tại trên lý thuyết của một dịch vụ pháp lý là vô nghĩa nếu người dân không thể thực sự tiếp cận và sử dụng nó. Khoảng cách vật lý và chi phí di chuyển trở thành một rào cản vô hình đánh vào người nghèo, khiến họ có xu hướng từ bỏ quyền lợi của mình thay vì theo đuổi khiếu nại. Hậu quả là, nhu cầu TGPL thực tế không giảm đi mà bị chuyển thành dạng nhu cầu “ẩn”, tức là người dân có nhu cầu nhưng không thể tiếp cận dịch vụ.

Hiện tượng nhu cầu ẩn này trong xã hội học pháp luật được mô tả chính xác qua khái niệm “nhu cầu pháp lý chưa được đáp ứng”.¹ Đây là thuật ngữ chỉ khoảng

trống lớn giữa số lượng vấn đề pháp lý mà người dân thực sự gặp phải trong đời sống và số lượng vấn đề được họ nhận diện, chuyển hóa thành khiếu nại, và cuối cùng là được giải quyết bởi hệ thống pháp luật chính thức. Các rào cản (như địa lý, chi phí, tâm lý e ngại) đã ngăn chặn người dân biến một bất công về quyền và lợi ích để trở thành một khiếu nại pháp lý chính thức.

Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải triển khai thực hiện các hình thức TGPL phù hợp như TGPL lưu động để đảm bảo quyền tiếp cận công lý. Việc triển khai TGPL lưu động không chỉ là một giải pháp tình thế, mà là một yêu cầu mang tính chiến lược để thay đổi mô hình từ người dân tự tìm đến trung tâm TGPL sang “chủ động tiếp cận” (mang dịch vụ đến với người dân). Đây là mô hình được các tổ chức quốc tế khuyến nghị mạnh mẽ để vượt qua các rào cản cố hữu về địa lý, văn hóa và thông tin, đặc biệt là tại các “vùng trũng pháp lý” ở nông thôn.

3.2. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, VIỆT NAM

Căn cứ vào các quy định pháp luật, thực trạng THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL được thể hiện dưới các hình thức tuân thủ, chấp hành, sử dụng và áp dụng pháp luật về TGPL cho người nghèo.

3.2.1. Thực hiện tuân thủ pháp luật về Trợ giúp pháp lý cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long

Hình thức tuân thủ pháp luật là việc các chủ thể kiểm chế, không thực hiện những hành vi bị pháp luật về TGPL nghiêm cấm. Không giống như các hình thức chủ động khác, kết quả của tuân thủ pháp luật thường được ghi nhận một cách gián tiếp. Kết quả nổi bật nhất được tìm thấy trong công tác kiểm tra, giám sát khi các báo cáo chỉ ra rằng "về cơ bản, không phát hiện hành vi vi phạm trong lĩnh vực TGPL". Kết luận này cho thấy một tín hiệu tích cực, phản ánh rằng các chủ thể thực hiện TGPL (như Trợ giúp viên pháp lý, luật sư) đã tuân thủ tốt các quy định cấm, chẳng hạn như không sách nhiễu hay đòi hỏi tiền, lợi ích vật chất từ người được TGPL.

Tuân thủ pháp luật về TGPL cho người nghèo bao gồm việc thực hiện đúng Luật TGPL, đảm bảo nguyên tắc kịp thời, độc lập, trung thực, bảo vệ tốt nhất

quyền lợi người được TGPL, nghiêm cấm phân biệt đối xử, sách nhiễu, và nhận tiền, lợi ích vật chất khác. Trong nhiều năm qua công tác TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL được đẩy mạnh với nhiều hình thức, trong đó hoạt động tham gia tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý đã từng bước nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa và góp phần làm cho các hoạt động tố tụng được công khai, dân chủ, nghiêm minh, đúng pháp luật. Đồng thời, loại hình trợ giúp pháp lý ngoài trụ sở đã và đang phát huy tác dụng tích cực, được cấp ủy, chính quyền địa phương và nhân dân ở cơ sở rất đồng tình ủng hộ; thông qua đó các Trung tâm được tiếp xúc và gần gũi với nhân dân, nắm được những yêu cầu, đề nghị, phản ánh của nhân dân và thực hiện có hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ tư vấn, giải đáp, hướng dẫn pháp luật trong các vụ việc, tình huống cụ thể và cung cấp các thông tin pháp luật theo chuyên đề nhằm nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật cho nhân dân, giúp họ tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đồng thời thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, giải tỏa những mâu thuẫn, vướng mắc pháp luật trong cộng đồng, góp phần thực hiện và phát huy dân chủ, đồng thời tuyên truyền, vận động nhân dân tìm hiểu, học tập và tự giác chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các Trung tâm TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL đã tích cực quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn với tấm lòng thương thân, tương ái, cùng chung tay chia sẻ nhằm phát huy truyền thống đoàn kết quý báu của dân tộc, "lá lành đùm lá rách"...

3.2.2. Thực hiện chấp hành pháp luật về Trợ giúp pháp lý cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long

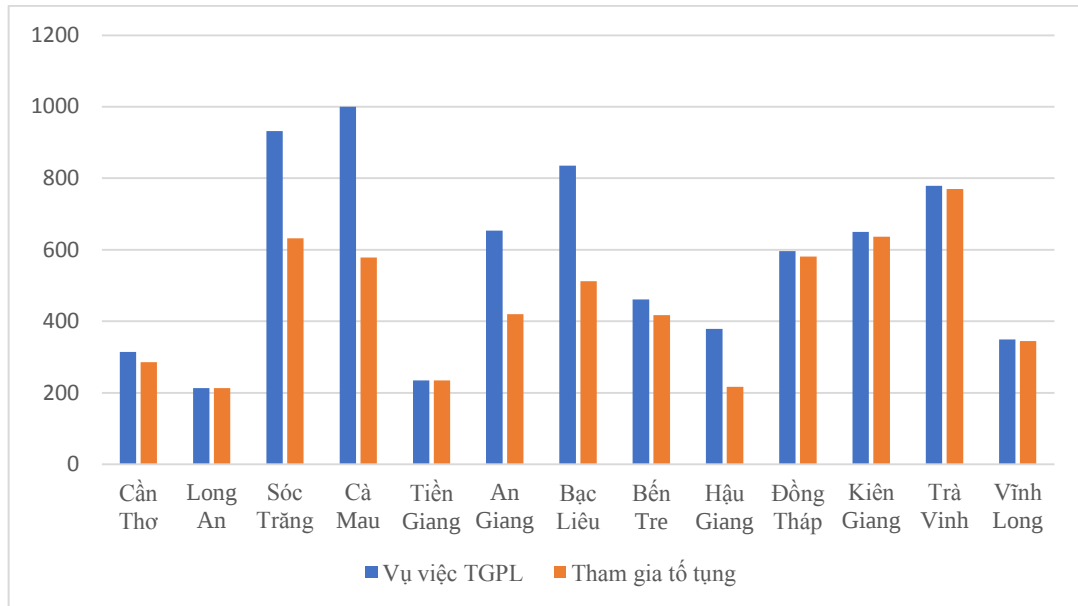
Hình thức chấp hành pháp luật, thể hiện việc các chủ thể (cơ quan, tổ chức, cá nhân) chủ động thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm bắt buộc mà pháp luật yêu cầu. Các kết quả đạt được của hình thức này được ghi nhận trên nhiều phương diện. Rõ nét nhất là việc các cơ quan nhà nước (Cục TGPL, Sở Tư pháp, Trung tâm TGPL) thực hiện nghĩa vụ tuyên truyền, phổ biến pháp luật (Mục 3.2.1.5), thể hiện qua các chiến dịch truyền thông đa dạng tại Cần Thơ, Bạc Liêu, Cà Mau. Đồng thời,

đây cũng là hình thức mà các chủ thể chuyên môn thực thi trách nhiệm nghề nghiệp của mình, như các Trợ giúp viên pháp lý cung cấp dịch vụ (Mục 3.2.1.3) hay các Luật sư thực hiện nghĩa vụ TGPL bắt buộc (Mục 3.2.1.2). Bên cạnh đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng (Mục 3.2.1.2), với hàng ngàn lượt học viên được tập huấn, cũng là kết quả của việc các cơ quan QLNN chấp hành trách nhiệm nâng cao năng lực cho đội ngũ.

Trong những năm qua, hoạt động TGPL cho người nghèo tại ĐBSCL được Cục TGPL, các Sở Tư pháp và các Trung tâm TGPL nhà nước tại các tỉnh thuộc ĐBSCL rất chú trọng và đạt được một số kết quả thông qua các hình thức hoạt động TGPL cụ thể, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích của người nghèo trên khu vực ĐBSCL.

Thứ nhất, hoạt động tham gia tố tụng

Một trong những hoạt động nổi bật của công tác TGPL trong hoạt động tố tụng là sự tham gia tố tụng của đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý và luật sư thực hiện TGPL. Trong hoạt động tố tụng, người thực hiện TGPL tham gia với vai trò bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL, góp phần bảo đảm các nguyên tắc trong hoạt động xét xử, xác định sự thật khách quan, hỗ trợ Hội đồng xét xử trong việc ban hành những bản án công bằng, phù hợp, đúng quy định của pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của công dân, đặc biệt là nhóm đối tượng yếu thế như người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn. Chẳng hạn, tại vụ việc của ông Phan Văn Th ở Kiên Giang, là bị cáo trong vụ án cố ý gây thương tích thuộc hộ nghèo, đã thoát hình phạt án tù do Trợ giúp viên pháp lý động viên được người bị hại rút đơn khởi tố. Hay vụ việc của bị cáo Thạch Dương Phát Đ và Danh Hoài Th, ở xã Bàn Thạch, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang thuộc diện “Người DTTS cư trú ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn” được Trợ giúp viên bào chữa chuyển khung hình phạt và giảm cho mỗi bị cáo 24 tháng tù so với mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị (Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang, 2022).



Biểu đồ 3.1: Số lượng vụ việc TGPL tham gia tố tụng trên tổng số vụ việc TGPL tại một số tỉnh thuộc ĐBSCL năm 2025

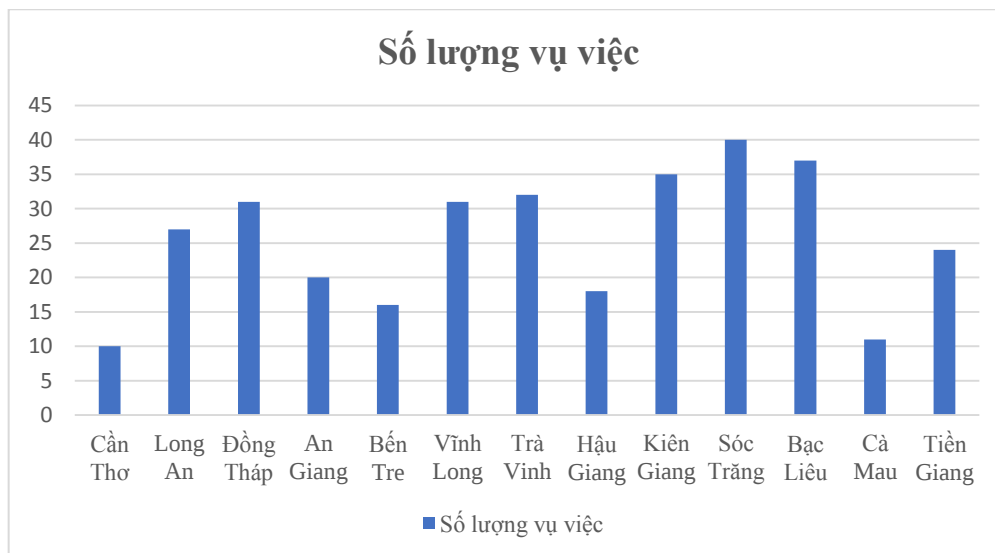
Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Tại các tỉnh ĐBSCL, số lượng vụ việc TGPL tham gia tố tụng đều chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số vụ việc TGPL. Tại một số địa phương, trong năm 2024, tỷ lệ vụ việc tham gia tố tụng trên tổng số vụ việc TGPL bằng hoặc xấp xỉ 100% như Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Trà Vinh và Vĩnh Long.

Có thể thấy rằng, hoạt động tham gia tố tụng là hoạt động TGPL quan trọng, luôn chiếm tỷ lệ lớn bởi đây là hoạt động thể hiện rõ nhất tính chất “trợ giúp” của người thực hiện TGPL do tố tụng là một quy trình có tính chất trật tự, nguyên tắc và phức tạp, nhóm đối tượng yếu thế khi tham gia tố tụng với tư cách đương sự có thể gặp nhiều trở ngại, không bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Mới đây nhất, theo kết quả cập nhật số liệu vụ việc TGPL tham gia tố tụng đã cập nhật trên hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động TGPL của Cục TGPL từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2025, số vụ việc TGPL tham gia tố tụng thụ lý là 2014 vụ việc (trong đó có: 1453 vụ việc bào chữa, 561 vụ việc bảo vệ), tăng 129 vụ việc (tăng 7%) so với tháng trước, nâng tổng số vụ việc TGPL tham gia tố tụng trong 06 tháng đầu năm 2023 lên 9.929 vụ; Số vụ việc TGPL tham gia tố tụng thành công trong tháng 06/2023 là 194 vụ việc (trong đó có: 149 vụ việc bào chữa, 45 vụ

việc bảo vệ), giảm 66 vụ việc (giảm 25%) so với tháng trước [35]. Trong tổng số vụ việc thụ lý trên cả nước, các tỉnh ĐBSCL có tổng 332 vụ việc, chiếm 16,5%, trong đó số vụ việc thành công là 56 vụ việc, chiếm 16,9%.



Biểu đồ 3.2: Số lượng vụ việc TGPL tham gia tố tụng tại ĐBSCL trong tháng 06/2025

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Thứ hai, hoạt động tư vấn pháp luật và đại diện ngoài tố tụng

Bên cạnh việc trực tiếp tham gia tố tụng, hoạt động tư vấn pháp luật cũng là một hình thức TGPL quan trọng, giúp phổ biến kiến thức pháp luật, hỗ trợ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân trong các QHXXH và quan hệ pháp luật, phòng ngừa mâu thuẫn, tranh chấp và hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật. Theo quy định của Luật TGPL 2017, hoạt động tư vấn pháp luật trong TGPL có thể được thể hiện dưới nhiều hình thức bao gồm việc hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp soạn thảo văn bản liên quan đến tranh chấp, khiếu nại, vướng mắc pháp luật, hướng dẫn giúp các bên hòa giải, thương lượng, thống nhất hướng giải quyết vụ việc. Trên thực tế, hoạt động tư vấn của đội ngũ người thực hiện TGPL có thể mở rộng hơn và đa dạng hơn, bao gồm cả công tác giải đáp pháp luật, hướng dẫn soạn thảo các đơn từ, hỗ trợ thực hiện các thủ tục hành chính, hướng dẫn áp dụng pháp luật, hướng dẫn ứng xử phù hợp với pháp luật... Hoạt động này có thể được thực hiện trong các buổi hội thảo, tuyên truyền cộng đồng hoặc trong các buổi tư vấn riêng giữa người

nghèo và các chủ thể thực hiện TGPL. Đơn cử, theo chia sẻ của Luật sư Trần Ngọc Phước (Đoàn Luật sư tỉnh An Giang), tại văn phòng và qua điện thoại, ông đã tư vấn pháp luật, TGPL trực tiếp cho nhiều tổ chức, cá nhân. Ông Phước cũng chia sẻ thêm về vụ việc của ông Lý Văn N (Long Xuyên) liên quan đến tranh chấp giữa ông N và gia đình ông Nguyễn Văn Q (cùng địa phương) về việc bội ước, không đặt mua bán tài sản dẫn đến có khiếu nại, khiếu kiện tại cơ quan có thẩm quyền. Nhờ sự giải thích của Luật sư, chỉ ra những điều cần phải có trong giao dịch, cùng quy định hai bên chưa tuân thủ, các bên đã đồng tình xếp lại vụ việc [140].

Điều này cũng xảy ra tương tự trong vụ việc giữa bà Đặng Thị Ngọc S (Đồng Tháp) và gia đình ông Nguyễn Ngọc S liên quan đến tranh chấp quyền sử dụng đất, dẫn tới dự định khởi kiện vụ việc tại tòa án có thẩm quyền. Tuy nhiên, sau khi được Luật sư Phước giải thích pháp luật và tình trạng thực tế, bà S đã đình lại việc khởi kiện, hợp tác để giải quyết vụ việc [141].

Như vậy, có thể đánh giá rằng, nếu so với hình thức tham gia tố tụng, thì hoạt động TGPL dưới hình thức tư vấn pháp luật và đại diện ngoài tố tụng hiện nay chưa thực sự phổ biến. Tại các địa phương trên cả nước, bao gồm cả khu vực ĐBSCL, các vụ việc tư vấn pháp luật hay đại diện ngoài tố tụng mới chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng số vụ việc TGPL và chủ yếu là tư vấn, đại diện trong lĩnh vực pháp luật hành chính.

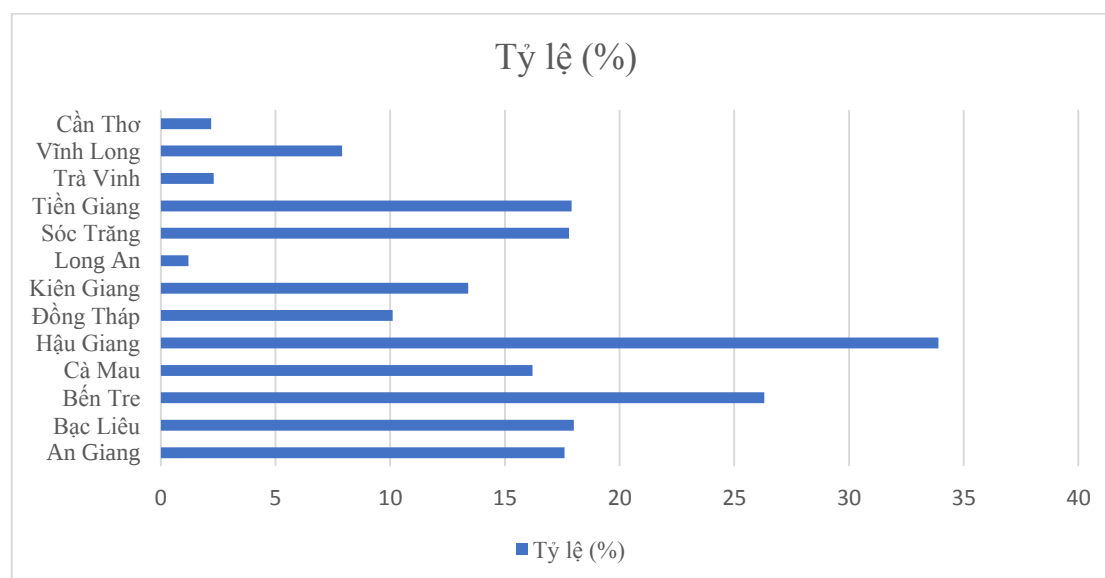


Biểu đồ 3.3: Tương quan số lượng các vụ việc TGPL năm 2021 trên cả nước dưới các hình thức: tham gia tố tụng, tư vấn pháp luật và đại diện ngoài tố tụng

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Xu hướng này cũng đã và đang xuất hiện tại khu vực ĐBSCL. Trong năm 2021, hầu hết các địa phương chỉ có một số lượng ít vụ việc tư vấn, đại diện ngoài tổ tụng, trong đó một số tỉnh thuộc ĐBSCL còn có tỷ lệ vụ việc tham gia tố tụng là 100% và không có vụ việc tư vấn, đại diện ngoài tố tụng. Trong thời gian qua, mặc dù số lượng vụ việc tư vấn, đại diện ngoài tố tụng trong vùng ĐBSCL không nhiều nhưng đã góp phần quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL, nhất là đối với người không có nhiều cơ hội tiếp xúc kiến thức pháp luật, có khó khăn về điều kiện tài chính hay sức khỏe để đi lại, giải quyết các vụ việc pháp lý.

Hiện nay, các đối tượng được TGPL tại khu vực ĐBSCL bao gồm tất cả các nhóm đối tượng quy định tại Luật TGPL 2017, chủ yếu là người thuộc hộ nghèo, người có công với cách mạng, trẻ em, người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nhóm người có khó khăn về tài chính chủ yếu là người cao tuổi, người khuyết tật, người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự... Hiện nay, với xu hướng giảm dần của tỷ lệ nghèo đa chiều tại ĐBSCL, số người thuộc hộ nghèo được TGPL cũng đã giảm dần theo năm và nhóm đối tượng này hiện nay không phải là nhóm đối tượng chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số vụ việc TGPL, tại tất cả các tỉnh, tỷ lệ người thuộc hộ nghèo được TGPL trong năm 2021 đều thấp hơn mức 35%.



Biểu đồ 3.4: Tỷ lệ vụ việc TGPL cho người thuộc hộ nghèo trên tổng số vụ việc TGPL năm 2021 tại các tỉnh ĐBSCL

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Hiện nay, theo đánh giá của Cục TGPL – Bộ Tư pháp, chất lượng dịch vụ TGPL trên toàn quốc đang ngày càng được nâng cao, số vụ việc TGPL tham gia tố tụng thành công ngày càng tăng, các hoạt động tư vấn, đại diện ngoài tố tụng cũng ngày càng được coi trọng hơn. Chất lượng hoạt động TGPL của các Trung tâm TGPL nhà nước và đội ngũ Trợ giúp viên, Luật sư, Tư vấn viên thể hiện qua kết quả vụ việc, trách nhiệm nghề nghiệp, mức độ hài lòng của người được TGPL. Nhiều vụ việc tham gia tố tụng do người thực hiện TGPL thực hiện đạt hiệu quả, có nhiều vụ án được tuyên mức án nhẹ hơn hoặc chuyển tội danh hay thay đổi khung hình phạt thấp hơn so với mức đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân, có những bị cáo được tuyên vô tội, người bị buộc tội được phán quyết không có tội, qua đó bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được TGPL [34].

Thứ ba, công tác tuyên truyền, phổ biến về TGPL cho người nghèo

Tuyên truyền, phổ biến về hoạt động TGPL, về quyền và nghĩa vụ của đối tượng được TGPL là hoạt động có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nâng cao nhận thức, hiểu biết của người nghèo về chính sách TGPL của nhà nước, khuyến khích chủ động thực hiện quyền được TGPL của mình khi gặp các vướng mắc pháp lý, từ đó phát triển về cả số lượng và chất lượng của các vụ việc TGPL.

Hoạt động truyền thông về TGPL trên cả nước nói chung và tại khu vực ĐBSCL nói riêng luôn là hoạt động được Đảng, Nhà nước, Bộ Tư pháp, Cục TGPL và các Trung tâm TGPL nhà nước tại các tỉnh, thành phố rất chú trọng và triển khai thường xuyên trong suốt thời gian qua. Trên cơ sở chỉ đạo của Chính phủ, ngày 31/12/2021, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 1996/QĐ-BTP phê duyệt Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về hoạt động của Bộ, ngành Tư pháp giai đoạn 2021 – 2026” trong đó quy định: “*Các đơn vị thuộc Bộ tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo chí trong và ngoài Bộ chủ động thông tin, truyền thông kịp thời, chính xác, hiệu quả về các nhiệm vụ, lĩnh vực công tác trọng tâm được người dân và xã hội quan tâm*”. Với mục tiêu truyền thông sâu rộng, kịp thời, hiệu quả, hoạt động TGPL chung trên toàn quốc đã được Cục TGPL thực hiện truyền thông thông qua nhiều phương tiện bao gồm các cổng thông tin điện tử, các bài viết cung cấp thông tin, phân tích, đánh giá,

cập nhật thông tin pháp luật, xây dựng thông điệp về TGPL, phát hành các ấn phẩm truyền thông,... Năm 2021, Cục TGPL đã thực hiện các hoạt động truyền thông theo kế hoạch đề ra, phối hợp thực hiện truyền thông với các cơ quan báo chí, truyền hình như Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Báo Pháp luật, các trang báo điện tử là cơ quan thuộc các bộ, ban, ngành, thực hiện phát sóng các chương trình về TGPL như: phóng sự TGPL - công cụ bảo vệ các nhóm yếu thế trên kênh Truyền hình Quốc hội, phóng sự TGPL cho người nghèo và các nhóm đối tượng khác...[33] Hiện nay, website của Cục TGPL tại đường dẫn <https://tgpl.moj.gov.vn> là phương tiện truyền thông quan trọng của Cục TGPL, là nơi truyền thông các tin tức về hoạt động TGPL của các cá nhân, tổ chức thực hiện TGPL trên toàn quốc, đồng thời cũng là phương tiện tạo điều kiện thuận lợi cho người dân chủ động tìm hiểu, thực hiện quyền được TGPL của mình thông qua việc tuyên truyền những kiến thức pháp luật cơ bản về TGPL, phổ biến các văn bản pháp luật, đăng tải thông tin địa chỉ của các trung tâm TGPL nhà nước trên 63 tỉnh thành và danh sách người TGPL tại các trung tâm TGPL nhà nước.

Bên cạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến chung của các cơ quan trung ương, các địa phương trên cả nước đã chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền, áp dụng và phát triển các biện pháp phổ biến, tuyên truyền, giáo dục phù hợp với điều kiện KT-XH của địa phương mình. Nhìn chung, một số biện pháp tuyên truyền hiệu quả và phổ biến nhất hiện nay được các Sở Tư pháp và Trung tâm TGPL nhà nước triển khai thường xuyên đó là liên kết với các cơ quan, phương tiện thông tin đại chúng như báo viết, báo điện tử, đài phát thanh, đài truyền hình..., trong đó nhóm đối tượng được TGPL là người nghèo cũng là nhóm đối tượng rất được quan tâm trong các chương trình truyền thông, bản tin, phóng sự. Ngoài ra, tùy điều kiện KT-XH của từng vùng, các địa phương đã triển khai thêm các hình thức khác như bảng thông tin, hộp thông tin, tờ rơi, tờ in, tủ sách pháp luật, đường dây nóng giải đáp thắc mắc... Có thể đánh giá, trong thời gian qua, các địa phương trên cả nước đã rất chú trọng đến công tác tuyên truyền, phổ biến về TGPL cho các đối tượng được TGPL nói chung và cho người nghèo nói riêng thông qua các phương pháp đa dạng, dễ tiếp cận và có tính đại chúng cao. Hoạt động phổ biến, tuyên truyền đã

đóng góp một phần không nhỏ vào công tác nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật, phổ biến các kiến thức về TGPL, hỗ trợ giải quyết các vướng mắc, phòng ngừa vi phạm pháp luật và hạn chế tranh chấp phát sinh, ổn định trật tự xã hội.

Tại ĐBSCL, bên cạnh việc triển khai các biện pháp phổ biến, tuyên truyền chung, các Sở Tư pháp và các Trung tâm TGPL nhà nước đã kết hợp thêm một số hình thức khác trên cơ sở hiểu rõ về điều kiện đặc thù của từng tỉnh và của khu vực ĐBSCL nói chung. Như đã đề cập trước đó, với điều kiện giáo dục còn nhiều hạn chế, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, cơ hội tiếp cận kiến thức và dịch vụ pháp lý chưa nhiều, các tỉnh ĐBSCL đã nỗ lực để người dân dễ dàng tiếp cận với thông tin và dịch vụ TGPL thông qua việc thiết lập đường dây nóng TGPL, thực hiện tư vấn, truyền thông về TGPL trực tiếp tại các hộ gia đình và tại cơ sở, sử dụng các tài liệu truyền thông tại các điểm tiếp dân, thiết kế các ấn phẩm tuyên truyền cho phù hợp với từng nhóm đối tượng đặc thù như người DTTS, người khuyết tật,... Trong thời gian qua, công tác phổ biến, tuyên truyền về TGPL nói chung và cho người nghèo nói riêng tại ĐBSCL đã đạt được một số thành tựu đáng ghi nhận, cụ thể có thể kể đến như sau:

Tại thành phố Cần Thơ, hoạt động tuyên truyền, phổ biến về TGPL luôn là nhiệm vụ trọng tâm được Sở Tư pháp, UBND thành phố và Trung tâm TGPL thành phố chú trọng. Ngày 03/01/2023, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đã ban hành Quyết định số 01/KH-UBND về việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm công tác TGPL năm 2023, trong đó nêu rõ một trong số các mục đích của kế hoạch là *“Tổ chức tuyên truyền, triển khai và thực hiện có hiệu quả quy định pháp luật về TGPL, chính sách TGPL miễn phí cho đối tượng được TGPL theo quy định của Luật TGPL năm 2017 nhằm tạo điều kiện cho đối tượng được TGPL nắm vững quyền, nghĩa vụ của mình, chủ động tiếp cận các chính sách TGPL của nhà nước, trên cơ sở phát huy vai trò nòng cốt của Trợ giúp viên pháp lý”*. Trong vài năm gần đây, trên cơ sở tối ưu hoá nguồn lực của địa phương, Cần Thơ đã triển khai nhiều hình thức tuyên truyền tương đối đa dạng, đồng bộ và hiệu quả, trong đó bao gồm Tổ chức các đợt truyền thông về TGPL cho người nghèo, người yếu thế tại các xã, phường, thị trấn;

xây dựng Tờ gấp pháp luật, lắp đặt Bảng thông tin, hộp tin về TGPL; Biên soạn nội dung và in ấn tờ gấp pháp luật về Luật TGPL năm 2017 và các văn bản QPPL có liên quan; pháp luật về các lĩnh vực hình sự, thi hành án hình sự; pháp luật dân sự, đất đai, hôn nhân và gia đình, chính sách ưu đãi xã hội... Bên cạnh đó, Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ đã phối hợp với Đài phát thanh và truyền hình thành phố Cần Thơ và Báo Cần Thơ, xây dựng chuyên đề “TGPL – điểm tựa người dân”, xây dựng chuyên đề TGPL dành riêng cho người nghèo và đăng tải trên cổng thông tin điện tử Đài phát thanh và truyền hình thành phố Cần Thơ những bản tin, phóng sự, thông tin cập nhật về hoạt động TGPL và một số hình thức khác gần gũi, dễ tiếp cận như câu chuyện pháp luật, bài viết phổ biến pháp luật...

Tại tỉnh Bạc Liêu, trong 06 tháng đầu năm 2022, Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Bạc Liêu đã tổ chức thực hiện 30 cuộc truyền thông về TGPL tại cơ sở, thực hiện tư vấn tại chỗ 282 vụ việc; biên soạn, in ấn 12.000 tờ gấp pháp luật để phát miễn phí cho người dân, thực hiện 18 hoạt động lồng ghép thông tin về chính sách TGPL trên các phương tiện thông tin đại chúng [32]. Để tạo điều kiện cho người nghèo tại các khu vực đặc biệt khó khăn được tiếp cận các thông tin về TGPL, Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Bạc Liêu đã triển khai lắp đặt nhiều bảng tin, hộp tin về TGPL tại trụ sở các cơ quan tiến hành tố tụng, UBND cấp xã, trụ sở sở ấp thuộc các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển.

Tại Cà Mau, hoạt động thông tin, tuyên truyền TGPL cho người nghèo được Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau và Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Cà Mau chú trọng triển khai thực hiện bằng nhiều hình thức. Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Cà Mau đã phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Cà Mau thực hiện hoạt động tuyên truyền qua 24 chuyên đề pháp luật về TGPL, cung cấp thông tin về các chính sách TGPL, các hoạt động TGPL đã và đang được thực hiện, các báo cáo tổng kết hoạt động trong từng thời kỳ..., góp phần quan trọng để người dân trên địa bàn tỉnh Cà Mau có những hiểu biết cơ bản về TGPL. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương đã phát hành trên 20.000 tờ gấp pháp luật tại các cuộc truyền thông TGPL, thực hiện lắp đặt thay thế kịp thời các bảng thông tin, tờ thông tin, danh sách Trợ giúp viên pháp lý và Luật sư ký hợp đồng TGPL tại trụ sở cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan

tiếp công dân, Thanh tra nhà nước cấp huyện, cấp tỉnh, tại trại tạm giam, nhà tạm giữ, phòng xử án đạt 100% [78]. Với sự tích cực và hiệu quả của hoạt động truyền thông TGPL trên, trong thời gian qua, Cà Mau luôn là địa phương cho thấy những tín hiệu tích cực trong công tác phát triển hoạt động TGPL, thể hiện qua số lượng người thực hiện TGPL, cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm TGPL nhà nước, số lượng vụ việc TGPL trong từng năm và chất lượng của từng vụ việc TGPL.

Nhìn chung, công tác phổ biến, truyền thông về TGPL cho người nghèo tại các địa phương trên cả nước nói chung và tại ĐBSCL nói riêng trong thời gian qua đã ghi nhận nhiều kết quả tích cực, thể hiện ở việc ngày càng nhiều người biết đến công tác TGPL, chủ động sử dụng quyền của mình khi gặp các vướng mắc pháp lý. Chất lượng của hoạt động tuyên truyền cũng là yếu tố quan trọng khiến số lượng, chất lượng vụ việc tư vấn pháp luật và vụ việc tham gia tố tụng tại ĐBSCL có chiều hướng tăng. Trong quá trình thực hiện TGPL, các trợ giúp viên pháp lý tại các địa phương cũng đã chủ động giới thiệu các thông tin về chức năng, nhiệm vụ của trung tâm TGPL nhà nước, các quy định pháp luật về TGPL, các quyền và nghĩa vụ của người được TGPL, khiến hoạt động tuyên truyền và hoạt động trợ giúp trực tiếp luôn song hành, bổ trợ lẫn nhau, tăng cường chất lượng của hoạt động TGPL.

Thứ ba, công tác đào tạo bồi dưỡng

Trên cơ sở người chỉ đạo chung, các địa phương trên cả nước đã và đang thực hiện rà soát đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý, xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp với thực tế của địa phương. Từ khi triển khai Đề án đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015-2025, hằng năm ở Trung ương và địa phương đã tổ chức nhiều lớp tập huấn cho đội ngũ người thực hiện TGPL. Để có thể giúp tối đa số người tham dự tập huấn, bên cạnh ngân sách của Nhà nước, Bộ Tư pháp cũng đã chủ động huy động các đối tác nước ngoài hỗ trợ về kỹ thuật và kinh phí cho hoạt động tăng cường năng lực cho người thực hiện TGPL, riêng ở Trung ương, từ năm 2016 đến hết 6 tháng đầu năm 2020 đã có 59 lớp tập huấn được tổ chức với gần 5.000 học viên tham dự [30]. Tại ĐBSCL, Cục TGPL và Sở Tư pháp tại các địa phương đã tổ chức một số lớp đào tạo, hội nghị tập huấn về nghiệp vụ TGPL, các lớp bồi dưỡng về kỹ năng TGPL cho các đối tượng đặc thù: trẻ em, người nghèo,

người khuyết tật,... giúp nâng cao năng lực cho Trợ giúp viên pháp lý, đồng thời tạo điều kiện cho Trợ giúp viên pháp lý hoàn thành nghĩa vụ tham gia tập huấn bắt buộc. Bên cạnh đó, mặc dù điều kiện kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn, các địa phương tại ĐBSCL cũng đã phân nào quan tâm hơn tới công tác TGPL và phát triển đội ngũ trợ, chủ động đổi mới và đa dạng hóa công tác đào tạo theo hướng kết hợp giữa tự nghiên cứu, đào tạo tập trung và đào tạo tại chỗ. Do là khu vực có nhiều đặc điểm đặc thù về điều kiện xã hội, phân hóa dân cư và trình độ dân trí, các Trợ giúp viên pháp lý cũng đã được quan tâm đào tạo kỹ năng làm việc với các đối tượng đặc thù và thực hiện hoạt động TGPL đa dạng trên nhiều lĩnh vực pháp luật. Để tăng cường chất lượng của công tác đào tạo nghiệp vụ TGPL tại ĐBSCL, Nhà nước cũng đã quan tâm đến chất lượng của đội ngũ thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng, các giảng viên, chuyên gia đào tạo được lựa chọn từ nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm, có uy tín, nội dung đào tạo được chọn lọc, kiểm duyệt, có tính thực tế cao, giúp các Trợ giúp viên pháp lý dễ dàng ứng dụng kiến thức vào thực tế, giúp nâng cao chất lượng của hoạt động TGPL.

3.2.3. Thực trạng sử dụng pháp luật về Trợ giúp pháp lý cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long

Hình thức thứ ba là sử dụng pháp luật, phản ánh việc các chủ thể chủ động thực hiện các quyền được pháp luật cho phép để mưu cầu lợi ích hợp pháp. Đây là hình thức thể hiện rõ nhất ở phía người dân, mà kết quả chính là việc người nghèo và đối tượng yếu thế chủ động yêu cầu TGPL. Toàn bộ số lượng các vụ việc tham gia tố tụng và tư vấn pháp luật, cùng các trường hợp cụ thể được trợ giúp thành công (như ông Th ở Kiên Giang hay bà S ở Đồng Tháp), đều là minh chứng cho việc người dân đã tích cực sử dụng quyền này. Không chỉ người dân, hình thức này còn thể hiện ở việc các tổ chức hành nghề luật sư tự nguyện tham gia, chủ động thực hiện quyền đăng ký hoặc ký hợp đồng TGPL với Nhà nước (như tại Đồng Tháp, Cà Mau), vượt ra ngoài phạm vi nghĩa vụ bắt buộc.

Hằng năm đã được cơ quan trợ giúp pháp lý của tỉnh xuống tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chính sách của Đảng, Nhà nước, bà con nhân dân chúng tôi càng thêm thấu hiểu, càng biết thêm về các chủ trương, chính sách pháp luật của

Đảng, Nhà nước, để mình thực hiện ngày một tốt hơn”. Các Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước ở các tỉnh thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương, tổ chức tuyên truyền và tư vấn pháp luật trực tiếp cho người nghèo, cận nghèo tại cộng đồng. Chương trình tư vấn pháp luật và hướng dẫn thủ tục pháp lý được triển khai ở cơ sở nhằm giúp người nghèo nắm rõ quyền và cách thức yêu cầu trợ giúp pháp lý miễn phí, đặc biệt trong các vấn đề dân sự, đất đai, hôn nhân – gia đình...

3.2.4. Thực trạng áp dụng pháp luật về Trợ giúp pháp lý cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long

Thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo có những đặc thù khác với THPL một số lĩnh vực như hình sự, hành chính..., do vậy trong THPL về TGPL cho người nghèo chủ yếu tập trung nhiều vào hình thức áp dụng pháp luật. Đây là hình thức thể hiện quyền lực nhà nước, trong đó các cơ quan nhà nước có thẩm quyền (hoặc chủ thể được trao quyền) ban hành các quyết định pháp luật cá biệt để tổ chức, điều hành, hoặc xử lý các vấn đề cụ thể, làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật về TGPL. Kết quả của hoạt động này được thể hiện đồng bộ trên ba phương diện chính.

Thứ nhất, công tác xây dựng, ban hành văn bản trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Tại Việt Nam, TGPL là một trong các chính sách cơ bản, quan trọng được triển khai thực hiện trong các chương trình giảm nghèo. Định hướng triển khai công tác TGPL lần đầu tiên được nhắc tới tại Nghị quyết số 03-NQ/HNTW ngày 18/6/1997 Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII), phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam trong sạch, vững mạnh, với chủ trương, nhiệm vụ: “Tổ chức hình thức tư vấn pháp luật cho các cơ quan, tổ chức và nhân dân, tạo điều kiện cho người nghèo được hưởng dịch vụ tư vấn pháp luật miễn phí” [22]. Đây là cơ sở chính trị - quan trọng, khẳng định quan điểm của Đảng trong việc tạo điều kiện để người nghèo được tiếp cận pháp luật. Chủ trương này của Đảng được Thủ tướng Chính phủ cụ thể hóa thông qua Quyết định 734/TTg ngày 06/9/1997 về việc thành lập tổ chức TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách, trong đó khẳng định nhiệm vụ của

Cục TGPL là thực hiện TGPL miễn phí cho người nghèo và các đối tượng chính sách trong trường hợp cần thiết [83]. Quyết định này được hướng dẫn thi hành bởi Thông tư liên tịch số 52/TTLT/TP-TC-TCCP-LĐTBXH ngày 14/01/1998 của Bộ Tư pháp, Ban tổ chức cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xác định rõ đối tượng người nghèo được hưởng TGPL bao gồm người thuộc hộ đói, nghèo được xác định theo mức thu nhập bình quân đầu người trong hộ/tháng được quy định ra gạo và tiền lương ứng theo chuẩn mực do Bộ Lao động - Thương binh và xã hội công bố. Đặc biệt, khi Luật TGPL năm 2006 được ban hành và có hiệu lực thi hành trên thực tế, công tác TGPL ngày càng được chú trọng phát triển, đáp ứng tốt hơn nhu cầu TGPL của người nghèo, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về pháp luật nói chung, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người nghèo, đối tượng chính sách và người có hoàn cảnh khó khăn nói riêng [114].

Sau khi Luật TGPL năm 2006 có hiệu lực thi hành, nhiều chính sách về công tác xóa đói giảm nghèo đã lấy nhiệm vụ nâng cao năng lực pháp luật cho người nghèo là trọng tâm phát triển KT-XH. Có thể kể tới các chính sách như:

- i) Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và được cụ thể hóa bằng Quyết định 52/2010/QĐ-TTg ngày 18/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho người nghèo, đồng bào DTTS tại các huyện nghèo giai đoạn 2011-2020;
- ii) Nghị quyết 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;
- iii) Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/08/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chính sách TGPL cho người nghèo, đồng bào DTTS tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016-2020 và hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình [31].

Đặc biệt, ngày 10/5/2011, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 678/QĐ-TTg phê duyệt chiến lược phát triển TGPL ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã tạo một lộ trình cụ thể cho việc hoàn thiện hệ thống

pháp luật về TGPL ở nước ta. Đây được đánh giá là chiến lược đầu tiên của ngành tư pháp (kể từ năm 1945) tạo môi trường cho TGPL phát triển.

Hiện nay, nội dung của Luật TGPL năm 2006 được kế thừa bởi Luật TGPL năm 2017, tiếp tục khẳng định và ghi nhận vị trí, vai trò của công tác TGPL, đánh dấu mốc quan trọng trong việc hoàn thiện thể chế của Nhà nước đối với các quyền, lợi ích hợp pháp của người được TGPL là người nghèo và nhóm yếu thế tại Việt Nam. Hướng dẫn cho Luật TGPL còn có các văn bản như Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật TGPL; Thông tư số 09/2018/TT-BTP ngày 21/06/2018 của Bộ Tư pháp quy định về tiêu chí xác định vụ việc TGPL phức tạp, điển hình; Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29/6/2018 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về phối hợp thực hiện TGPL trong hoạt động tố tụng và các văn bản hướng dẫn chi tiết khác, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động này phát triển. Bên cạnh đó, các quy định về giảm nghèo, trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ TGPL đảm bảo người dân tiếp cận pháp luật cũng được Đảng và Nhà nước chú trọng phát triển. Điển hình như tại Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 giao nhiệm vụ cho Bộ Tư pháp nghiên cứu, hoàn thiện chính sách TGPL đối với người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo [2]. Hay Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 có đưa ra các dự án của chương trình, trong đó tại dự án 6 về truyền thông về giảm nghèo đa chiều có đưa ra mục tiêu nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng TGPL và giao nhiệm vụ cho các cơ quan liên quan trong lĩnh vực thông tin – truyền thông phối hợp với lao động – thương binh – xã hội thực hiện [91] và dự án 7 về nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình cũng đặt ra nội dung về nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác TGPL [91].

Trong thời gian gần đây, trước yêu cầu triển khai hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về “*nâng cao chất lượng dịch vụ công*”, “*đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của... các cơ quan, tổ chức tham gia vào quá trình tổ tụng tư pháp*” và thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới “*Xây dựng mạng lưới, nâng cao năng lực của hệ thống dịch vụ pháp lý, TGPL và hỗ trợ pháp lý để người dân, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận pháp luật*”; “*Nâng cao vai trò, tính chuyên nghiệp và chất lượng TGPL, nhất là trong hoạt động tổ tụng tư pháp; hiện đại hóa, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống TGPL; mở rộng đối tượng được TGPL phù hợp với điều kiện của đất nước*”, cùng với việc thực hiện nhiệm vụ được đưa ra tại Nghị quyết 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ, Bộ Tư pháp đang tiến hành soạn thảo và lấy ý kiến đối với quyết định về việc tăng cường hoạt động TGPL cho người thuộc hộ nghèo, người được TGPL giai đoạn 2023-2030 [39], trong đó có đề cập tới một số nội dung như các hoạt động hỗ trợ (chẳng hạn như: thực hiện vụ việc TGPL tham gia tố tụng phức tạp hoặc điển hình; hỗ trợ viên chức Trung tâm TGPL nhà nước; tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật TGPL; truyền thông TGPL); định mức tài chính đối với các hoạt động hỗ trợ; nguồn kinh phí thực hiện và trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện Quyết định này. Chính sách này, khi được ban hành, được kỳ vọng sẽ hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, người được TGPL, nhất là những người sinh sống tại các tỉnh, thành phố có huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS và miền núi được tiếp cận và sử dụng dịch vụ TGPL thuận lợi, chất lượng khi có yêu cầu [39].

Như vậy, từng thời kỳ khác nhau sẽ có những chính sách liên quan tới công tác thực hiện TGPL khác nhau. Tuy nhiên, về cơ bản, các phương hướng, nhiệm vụ trong chính sách chung của cả nước sẽ được cụ thể hóa bằng các chính sách phát triển của từng vùng. Xét trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL, việc thực hiện TGPL cho người nghèo luôn được đề cao và chú trọng phát triển, tạo thuận lợi cho người

nghèo có điều kiện tiếp cận với pháp luật. Quyết định 939/QĐ-TTg ngày 19/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển KT-XH vùng ĐBSCL đến năm 2020 có đưa ra định hướng phát triển các lĩnh vực văn hóa – xã hội là *thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các Chương trình, dự án giảm nghèo; tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các chính sách trợ giúp về đất đai, tín dụng, dạy nghề, tạo việc làm, khuyến công, khuyến nông – lâm – ngư và tiêu thụ sản phẩm*. Bên cạnh Quyết định trên, từng tỉnh trên địa bàn cũng đưa ra các chính sách nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chương trình, kế hoạch của cơ quan cấp trung ương nhằm tổ chức thực hiện hoạt động TGPL, đặc biệt là TGPL cho người nghèo. Có thể phân loại các văn bản được ban hành theo các nhóm sau:

Một là, nhóm văn bản quy định liên quan tới Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực TGPL thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp. Các văn bản này được ban hành nhằm cụ thể hóa quy định của Bộ Tư pháp về thủ tục hành chính trong lĩnh vực TGPL thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp và được cập nhật, thay đổi theo từng thời kỳ. Các tỉnh vùng ĐBSCL đã thực hiện khá tốt công tác ban hành văn bản đối với nhóm các văn bản này, hầu hết các tỉnh đều có quy định ghi nhận Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực TGPL, tạo điều kiện cho việc thực hiện hoạt động này.

Bảng 3.1: Thống kê một số văn bản về Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực TGPL thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp trên địa bàn một số tỉnh thuộc ĐBSCL năm 2023

STT	Địa bàn	Tên văn bản
1.	An Giang	Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực TGPL thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang
2.	Bạc Liêu	Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc công bố danh mục thủ tục

		hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp (lĩnh vực TGPL)
3.	Cà Mau	Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của UBND tỉnh Cà Mau công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; phê duyệt quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực TGPL thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau
4.	Cần Thơ	Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của UBND thành phố Cần Thơ phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực TGPL thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Tư pháp
5.	Sóc Trăng	Quyết định số 1604/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực TGPL thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng
6.	Tiền Giang	Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực TGPL thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang
7.	Trà Vinh	Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực TGPL thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp
8.	Vĩnh Long	Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc công bố thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực TGPL

		thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long
9.	Long An	Quyết định số 3320/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh Long An về việc công bố danh mục, nội dung và phê duyệt quy trình nội bộ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Long An
10.	Bến Tre	Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 của UBND tỉnh Bến Tre Về việc công bố danh mục 08 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre”
11.	Đồng Tháp	Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 28/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Tháp Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quốc tịch, công chứng, trợ giúp pháp lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp” Quyết định này là văn bản “gộp” cho 3 lĩnh vực (quốc tịch, công chứng, trợ giúp pháp lý), trong đó phần III của Phụ lục là danh mục các thủ tục hành chính về trợ giúp pháp lý (giải quyết khiếu nại về TGPL, cấp/cấp lại thẻ cộng tác viên TGPL, yêu cầu TGPL, rút yêu cầu TGPL, thay đổi người thực hiện TGPL)
12.	Kiên Giang	Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Trợ giúp pháp lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư

		pháp áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang Đây là quyết định công bố riêng danh mục TTHC lĩnh vực TGPL, kèm theo phụ lục liệt kê 03 TTHC TGPL (lựa chọn, ký hợp đồng với luật sư; lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tư vấn pháp luật; cấp thẻ cộng tác viên TGPL).
13.	Hậu Giang	Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 03/7/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang”

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Hai là, nhóm văn bản về triển khai thực hiện nội dung TGPL theo các chương trình, kế hoạch của Đảng và các cơ quan QLNN cấp trên. Trong thời gian gần đây, một số tỉnh đã xây dựng kế hoạch thực hiện công tác TGPL làm cơ sở để phát triển hoạt động này. Có thể kể tới một số chính sách nổi bật như Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 03/01/2023 của UBND thành phố Cần Thơ thực hiện nhiệm vụ trọng tâm công tác TGPL năm 2023, đặt ra yêu cầu phấn đấu trong năm 2023, hoạt động TGPL đáp ứng 100% yêu cầu TGPL của người thuộc hộ nghèo [105]. Hay Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 13/6/2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp triển khai thực hiện nội dung TGPL tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ, với mục đích là đảm bảo xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động TGPL; tập trung thực hiện vụ việc TGPL, nhất là vụ việc tham gia tố tụng đạt chất lượng, hiệu quả; nâng cao hiệu quả công tác QLNN và công tác phối hợp về TGPL; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực TGPL [104].

Ngoài ra, các quy định về công tác TGPL có thể được lồng ghép trong các văn bản về xóa đói giảm nghèo, tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân. Trong số các nhiệm vụ, giải pháp được đề ra trong các chính sách này, nhiệm vụ về đẩy mạnh hoạt động TGPL phát triển là một trong những nội dung trọng tâm,

được phát triển theo từng thời kỳ. Chẳng hạn như, nhằm cụ thể hóa quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Bến Tre đã ban hành Kế hoạch số 1067/KH-UBND ngày 28/2/2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025, trong giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì thực hiện tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 về Truyền thông về giảm nghèo đa chiều có bao gồm hoạt động xây dựng, tổ chức thực hiện TGPL. Hay tại Đồng Tháp, nhằm triển khai thực hiện Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 14/03/2023 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2023-2030. Trong đó, Kế hoạch đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cũng như phân công trách nhiệm để thực hiện mục tiêu hỗ trợ, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận pháp luật, đặc biệt là đối tượng đặc thù, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Thứ hai, công tác xây dựng bộ máy, đào tạo nguồn nhân lực thực hiện trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Tại ĐBSCL, trước 2025, tại các tỉnh đều đã thành lập Trung tâm TGPL nhà nước, mỗi Trung tâm đều có cơ cấu tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật, bao gồm lãnh đạo Trung tâm (Giám đốc Phó Giám đốc Trung tâm), các trợ giúp viên pháp lý, chuyên viên và các nhân viên thực hiện nghiệp vụ hỗ trợ khác. Một số Trung tâm TGPL nhà nước tại các tỉnh đã thành lập các chi nhánh để đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu của người dân, hiểu rõ đặc thù của địa phương, nâng cao chất lượng hoạt động TGPL, chẳng hạn như Trung tâm TGPL nhà nước thành phố Cần Thơ (5 chi nhánh), Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Đồng Tháp (2 chi nhánh), Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Bến Tre (4 chi nhánh), Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Hậu Giang (1 chi nhánh) và Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Bạc Liêu (2 chi nhánh). Các Trung tâm đều được bổ sung thêm biên chế cán bộ để phân bổ cho các chi nhánh, đáp ứng nhu cầu hoạt động tại các đơn vị. Ngoài ra, các tỉnh của ĐBSCL đều ghi nhận sự tham gia của đội ngũ tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật tham gia TGPL cho người nghèo, góp phần đa dạng hóa và toàn diện hóa

hoạt động cung cấp dịch vụ. Từ 2025, để sắp xếp tổ chức bộ máy, Cục TGPL đã hợp nhất với Cục PBGDPL là Cục PBGDPL và TGPL được ban hành theo Quyết định số 672/QĐ-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ngày 26 tháng 02 năm 2025. Theo thống kê hiện nay của Cục PBGDPL và TGPL của Bộ Tư pháp thì sau hợp nhất các tỉnh số lượng Trung tâm TGPL của tỉnh Cần Thơ (Cần Thơ + Hậu Giang + Sóc Trăng): 03 trung tâm; Vĩnh Long (Bến Tre + Vĩnh Long + Trà Vinh): 03 trung tâm; Đồng Tháp (Tiền Giang + Đồng Tháp): 01 trung tâm; Cà Mau (Bạc Liêu + Cà Mau): 01 trung tâm; An Giang (An Giang + Kiên Giang): 01 trung tâm

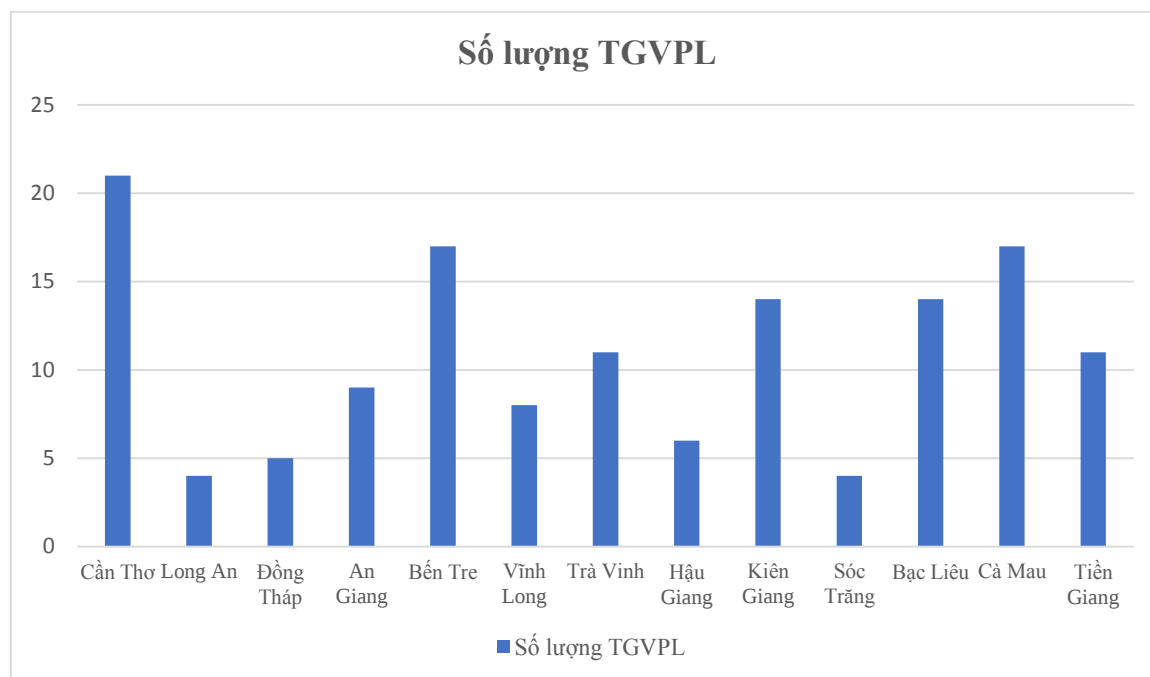
Trên thực tế, chất lượng của hoạt động TGPL cho người nghèo phụ thuộc trực tiếp vào kiến thức, kỹ năng chuyên môn, năng lực nghiệp vụ của đội ngũ người thực hiện hoạt động TGPL. Theo quy định của Luật TGPL năm 2017, người thực hiện TGPL bao gồm: Trợ giúp viên pháp lý; Luật sư thực hiện TGPL theo hợp đồng với Trung tâm TGPL nhà nước; luật sư thực hiện TGPL theo phân công của tổ chức tham gia TGPL; Tư vấn viên pháp luật và Cộng tác viên TGPL.

Theo số liệu thống kê của Cục TGPL – Bộ Tư pháp, tính đến hết năm 2022, cả nước đã có 688 Trợ giúp viên pháp lý, trong đó có 623 Trợ giúp viên pháp lý hạng III và 65 Trợ giúp viên pháp lý hạng II [16]. Trung bình mỗi Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh/ thành phố có từ 9 đến 10 Trợ giúp viên pháp lý. Số lượng Trợ giúp viên pháp lý trên cả nước trong những năm gần đây có xu hướng tăng theo từng năm, trong đó năm 2020 cả nước có 631 Trợ giúp viên pháp lý và năm 2021 có 666 Trợ giúp viên pháp lý.

Tại ĐBSCL, tại các Trung tâm TGPL nhà nước có trung bình 6-7 Trợ giúp viên pháp lý, một số địa phương có số lượng Trợ giúp viên cao hơn như Cần Thơ, Bến Tre, Cà Mau và một số địa phương có số lượng còn hạn chế như Sóc Trăng, Long An và Đồng Tháp. Số lượng Trợ giúp viên tại ĐBSCL nhìn chung có xu hướng tăng, chẳng hạn như trong năm 2025, một số tỉnh ĐBSCL ghi nhận có từ 1-3 Trợ giúp viên pháp lý được bổ nhiệm mới như Tiền Giang, Hậu Giang và Trà Vinh [33].

Có thể đánh giá, số lượng Trợ giúp viên pháp lý tại các tỉnh ĐBSCL về cơ bản đã có xu hướng tăng và duy trì ổn định qua từng năm, phần nào đáp ứng nhu cầu TGPL của người dân nói chung và người nghèo nói riêng, các địa phương cũng đã chủ động

rà soát địa bàn và thành lập các chi nhánh trung tâm TGPL nhà nước để tăng cường tính hiệu quả, kịp thời của hoạt động TGPL. Tuy nhiên, với điều kiện xã hội đặc thù, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, giáo dục chưa thật sự phát triển, người dân ít có cơ hội tiếp xúc kiến thức pháp luật, có thể nói nhu cầu TGPL tại ĐBSCL còn rất lớn, số lượng Trợ giúp viên pháp lý cần phát triển nhanh hơn nữa về mặt số lượng để đáp ứng nhu cầu của người dân, đặc biệt ở các tỉnh có số lượng Trợ giúp viên pháp lý còn thấp.



Biểu đồ 3.5: Thống kê số lượng Trợ giúp viên pháp lý tại các tỉnh ĐBSCL tính đến hết năm 2025

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ trợ giúp viên pháp lý là một trong những nhiệm vụ quan trọng được nhà nước quan tâm và triển khai thường xuyên trong những năm vừa qua. Theo Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 01/06/2015 về phê duyệt Đề án đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015-2025, nhiệm vụ được đặt ra là rà soát đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý hiện có, trên cơ sở điều kiện thực tế, nhu cầu TGPL của từng địa phương để xác định số lượng Trợ giúp viên pháp lý cần thiết; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng với các hình thức phù hợp theo hướng chuyên sâu nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng tranh tụng, đồng thời đào tạo, phát triển đội ngũ chuyên viên pháp lý hiện có thành Trợ giúp viên pháp lý ở các tỉnh có điều kiện KT-XH khó khăn.

Về đội ngũ Luật sư và tư vấn viên tham gia TGPL. Tính đến hết năm 2019, trên toàn quốc có 24 tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL với các Sở Tư pháp các tỉnh thực hiện TGPL (trong đó có 16 tổ chức hành nghề luật sư, 08 tổ chức tư vấn pháp luật); 174 tổ chức đăng ký tham gia TGPL với các Sở Tư pháp (trong đó có 143 tổ chức hành nghề luật sư, 31 tổ chức tư vấn pháp luật); 533 luật sư và 132 cộng tác viên ký hợp đồng thực hiện TGPL với các Trung tâm TGPL nhà nước [15]. Tại ĐBSCL, các Sở Tư pháp tại các tỉnh cũng đã tích cực xây dựng kế hoạch ký hợp đồng với luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật, lựa chọn những tổ chức, cá nhân có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật để thực hiện ký hợp đồng, giúp tăng cường tính hiệu quả của hoạt động TGPL và ổn định nguồn nhân lực thực hiện TGPL trên địa bàn khu vực ĐBSCL. Tuy nhiên, việc phối hợp TGPL tại các tỉnh ĐBSCL đa phần là sự phối hợp dưới hình thức cá nhân (Luật sư, Cộng tác viên) ký hợp đồng thực hiện TGPL với Trung tâm TGPL nhà nước, chưa có nhiều sự phối hợp của các tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL và tổ chức đăng ký tham gia TGPL.

Bảng 3.2: Số lượng tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện TGPL tại các tỉnh ĐBSCL trong năm 2025

STT	Tỉnh/Thành phố	Số tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện TGPL năm 2021		
		Tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL	Tổ chức đăng ký tham gia TGPL	Cá nhân ký hợp đồng với Trung tâm TGPL nhà nước
1	An Giang	0	0	37
2	Bạc Liêu	0	0	5
3	Bến Tre	0	0	6
4	Cà Mau	0	2	19
5	Cần Thơ	0	3	5
6	Đồng Tháp	2	5	44

7	Hậu Giang	0	13	8
8	Kiên Giang	0	0	15
9	Long An	0	0	4
10	Sóc Trăng	2	0	21
11	Tiền Giang	0	0	1
12	Trà Vinh	8	0	11
13	Vĩnh Long	0	1	1

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Đối với luật sư, hoạt động TGPL được ghi nhận là một trong các trách nhiệm của luật sư theo Luật Luật sư năm 2006, sửa đổi bổ sung năm 2012 (điểm d khoản 2 Điều 21) và Luật TGPL năm 2017 (điểm b khoản 1 Điều 17). Theo quy định tại Điều 3 Quy định về việc thực hiện nghĩa vụ TGPL miễn phí của luật sư ban hành kèm theo Quyết định số 112/QĐ-BTV ngày 18/10/2018 của Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam, luật sư thực hiện nghĩa vụ TGPL tối thiểu 04 (bốn) giờ làm việc/năm. Với các quy định trên, tất cả các luật sư trên địa bàn các tỉnh vùng ĐBSCL đều có trách nhiệm thực hiện TGPL với số giờ tối thiểu là 04 giờ làm việc/năm. Quy định này đã mở ra cơ hội cho đối tượng được TGPL, đặc biệt là người nghèo có thể tiếp cận với pháp luật thông qua hoạt động TGPL của luật sư. Ngoài ra, để phục vụ cho công tác TGPL được tiến hành thuận lợi, ngày 28/12/2016, Bộ Tư pháp và Liên đoàn luật sư Việt Nam đã ban hành Quy chế số 4617/QCPH/BTP-LĐLSVN phối hợp giữa Bộ Tư pháp và Liên đoàn luật sư Việt Nam về hoạt động TGPL của luật sư nhằm cung cấp dịch vụ TGPL kịp thời, bảo đảm chất lượng cho người được TGPL. Trong một năm đầu triển khai thực hiện Quy chế này, nhiều nội dung đã được các bên tổ chức triển khai thực hiện tốt, đặc biệt trong việc xây dựng các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động TGPL của luật sư, công tác thông tin, truyền thông, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ TGPL; thực hiện vụ việc TGPL [51].

Bên cạnh các nội dung trên, để tạo điều kiện cho luật sư thực hiện trách nhiệm TGPL một cách thuận lợi và đạt hiệu quả, nhiều chương trình về việc bồi dưỡng kỹ năng TGPL cho luật sư cũng được tổ chức; đồng thời, nhiều tài liệu phục

vụ cho việc nâng cao kỹ năng thực hiện TGPL cho luật sư nói riêng và các chủ thể khác thực hiện TGPL nói chung cũng được phát triển [139]. Các tài liệu này sẽ là nguồn tham khảo có giá trị cho các luật sư trong quá trình thực hiện hoạt động TGPL cho người nghèo trên địa bàn.

Thứ ba, công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Công tác kiểm tra, giám sát việc THPL về TGPL cho người nghèo có thể được xem xét dưới hai góc độ: kiểm tra, giám sát trong nội bộ các cơ quan, tổ chức tiến hành TGPL và kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, cá nhân thực hiện TGPL.

Trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL, công tác kiểm tra, giám sát việc THPL về TGPL cho người nghèo luôn nhằm mục tiêu phát hiện tiêu cực, phát huy tích cực để cùng xây dựng môi trường TGPL lành mạnh, phát triển. Về cơ bản, công tác kiểm tra, giám sát không phát hiện hành vi vi phạm trong lĩnh vực TGPL. Điều này cho thấy tín hiệu tích cực trong việc tuân thủ pháp luật về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh vùng ĐBSCL. Dưới đây sẽ chỉ ra một số kết quả đạt được trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật trong lĩnh vực TGPL theo một số khía cạnh như sau:

Thứ nhất, công tác kiểm tra, giám sát việc THPL về TGPL nói chung và TGPL cho người nghèo nói riêng trong nội bộ các cơ quan, tổ chức tiến hành TGPL. Hoạt động này có thể do người có thẩm quyền trong các Trung tâm TGPL của tỉnh tiến hành. Có thể lấy ví dụ về hoạt động kiểm tra, giám sát của Giám đốc Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Cà Mau để đánh giá chất lượng TGPL của Trợ giúp viên pháp lý ngày một tốt hơn. Giám đốc Trung tâm đã ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát vụ việc TGPL thông qua hình thức tham gia tố tụng trên địa bàn tỉnh Cà Mau được 03 cuộc (năm 2021). ngày 28/6/2021, Giám đốc Trung tâm làm Trưởng đoàn đã tổ chức kiểm tra, giám sát vụ việc TGPL tham gia tố tụng của 02 Trợ giúp viên pháp lý tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, trong vụ án hình sự về “Tội trộm cắp tài sản”. Kết quả buổi kiểm tra, giám sát cho thấy: Bằng các hoạt động nghiệp vụ của Trợ giúp viên pháp lý trong quá trình giải quyết vụ án, với sự tận tâm, nhiệt huyết,

trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, Trợ giúp viên pháp lý đã bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng, góp phần nâng cao trách nhiệm và chất lượng giải quyết vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng, hạn chế đến mức thấp nhất các trường hợp oan sai, không vô tư, khách quan trọng hoạt động tố tụng, làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người được TGPL, giáo dục, cải tạo, răn đe và phòng ngừa tội phạm... Thông qua việc kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng vụ việc TGPL hình thức tham gia tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư ký hợp đồng thực hiện TGPL; bảo đảm để người được TGPL được hưởng dịch vụ TGPL miễn phí với chất lượng tốt nhất [66].

Ngoài ra, trong tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức có thể thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát việc THPL về TGPL của các luật sư trong tổ chức mình, đảm bảo tạo điều kiện cho luật sư của tổ chức mình thực hiện TGPL theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Luật Luật sư năm 2006, sửa đổi bổ sung năm 2012.

Thứ hai, công tác kiểm tra, giám sát việc THPL về TGPL cho người nghèo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, cá nhân thực hiện TGPL.

Nhằm mục đích rà soát, đánh giá những quy định và cách thức tổ chức hoạt động của các cấp, các ngành, các cơ quan để phát hiện ra những hạn chế và phát huy mặt tích cực, công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực TGPL được đánh giá là một hoạt động cần được tiến hành thường xuyên, liên tục. Thông qua kiểm tra, giám sát, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực TGPL xâm hại tới trật tự QLNN, lợi ích của Nhà nước, xã hội và lợi ích của công dân, từ đây đảm bảo pháp luật được tuân thủ một cách triệt để, tránh tình trạng tùy tiện trong hoạt động TGPL.

Theo quy định của pháp luật về TGPL, việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát THPL về TGPL nói chung và TGPL cho người nghèo nói riêng được giao cho nhiều chủ thể. Luật TGPL 2017 giao Bộ Tư pháp thanh tra, kiểm tra việc thực hiện hoạt động TGPL [75]. Hằng năm, Bộ Tư pháp tổ chức và liên ngành với các bộ, ngành khác như Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân

tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao... tổ chức các đoàn kiểm tra về tổ chức và hoạt động TGPL; phối hợp trong hoạt động TGPL tại một số địa phương. Thông qua hoạt động kiểm tra, Bộ có thể nắm bắt được khó khăn, vướng mắc của hoạt động TGPL và có thể đánh giá được chất lượng vụ việc TGPL tại các Trung tâm TGPL nhà nước và có hướng dẫn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả TGPL.

Trong một số năm gần đây, do tình hình dịch bệnh Covid 19 căng thẳng, công tác phối hợp thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động TGPL liên ngành cũng bị ảnh hưởng. Theo đó, thay vì phối hợp kiểm tra trực tiếp, các đoàn kiểm tra liên ngành các hoạt động phối hợp TGPL trong hoạt động tổ tụng năm 2021 trên địa bàn cả nước nói chung và vùng ĐBSCL nói riêng phải chuyển hình thức kiểm tra bằng văn bản [33]. Trong năm 2022, việc kiểm tra, giám sát đã có sự chuyển biến, đặc biệt trong công tác kiểm tra trực tiếp tại các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ sở giam giữ, trại giam ở địa phương, tất cả được tiến hành theo đúng tiến độ đề ra. Hoạt động này được tiến hành bởi Hội đồng phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tố tụng tại địa bàn để từ đó kịp thời nắm bắt công tác phối hợp, giải đáp vướng mắc trong quá trình triển khai phối hợp.

Trong quá trình thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát công tác TGPL cho người nghèo trên địa bàn, Liên đoàn Luật sư Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trong quản lý, giám sát việc thực hiện TGPL của tổ chức hành nghề luật sư, luật sư theo quy định [75]. Đoàn luật sư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp trong quản lý, giám sát việc thực hiện TGPL của tổ chức hành nghề luật sư, luật sư theo quy định [75]. Ngoài ra, là đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Cục TGPL cũng là cơ quan quan trọng trong việc tổ chức thi hành pháp luật về TGPL, chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tổ chức và hoạt động của các tổ chức thực hiện TGPL trong phạm vi toàn quốc [8]; tổ chức kiểm tra, tham gia thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Tư pháp [8]. Việc kiểm tra, giám sát của Cục TGPL được tiến hành theo Kế hoạch công tác năm được Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt. Chẳng hạn, theo Kế hoạch công tác năm 2020 của Cục TGPL, Cục đã trở chức Đoàn kiểm tra công tác

TGPL tại An Giang, Cần Thơ và cả Thành phố Hồ Chí Minh. Việc kiểm tra chủ yếu nhằm mục đích hướng dẫn, giải đáp thắc mắc liên quan tới nghiệp vụ; đưa ra những vướng mắc, đề xuất kiến nghị cần thiết để tăng cường TGPL trên địa bàn [58].

Bên cạnh các cơ quan trên, tại địa phương, Sở Tư pháp cũng là cơ quan đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện hoạt động TGPL thông qua chế độ báo cáo thống kê hoặc các cuộc kiểm tra trực tiếp để phát hiện những vướng mắc trong hoạt động TGPL. Hoạt động kiểm tra, giám sát có thể được tiến hành đối với các cơ quan như Tòa án, Công an, Viện kiểm sát nhân dân của huyện... để từ đó các đơn vị được kiểm tra được báo cáo những kết quả đạt được trong quá trình triển khai hoạt động TGPL trên địa bàn. Đây cũng là cơ hội để đoàn kiểm tra đưa đề nghị yêu cầu các đơn vị được kiểm tra khắc phục những tồn tại về thực hiện TGPL, đưa ra những đề xuất để phát triển công tác TGPL trong vùng [4].

3.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, VIỆT NAM

3.3.1. Đánh giá chung về ưu điểm và hạn chế

- Thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL từ năm 2021 đến tháng 6 năm 2025, UBND các tỉnh đã bám sát sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ và Ban Thường vụ các Tỉnh ủy liên quan đến công tác thi hành Luật TGPL, các chính sách an sinh xã hội cho người nghèo,..., ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo nhằm tiếp tục tăng cường công tác TGPL cho các hộ nghèo trên địa bàn nhất là các hộ nghèo là đồng bào DTTS. Sự quan tâm của Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND, Thường trực UBND các tỉnh ĐBSCL, đã góp phần nâng cao nhận thức pháp luật cho người nghèo. Thông qua TGPL, người nghèo không chỉ được giải quyết vụ việc cụ thể mà còn hiểu rõ hơn về quyền, nghĩa vụ của mình; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật; biết cách tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp trong tương lai.

- Công tác TGPL cho người nghèo ở ĐBSCL có nhiều ưu điểm nổi bật như mạng lưới tổ chức rộng khắp, hình thức trợ giúp linh hoạt, miễn phí và kịp thời, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người nghèo, qua đó bảo đảm công bằng xã hội và ổn định trật tự ở địa phương. Tất cả các tỉnh,

thành phố ở ĐBSCL đều có Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước trực thuộc Sở Tư pháp. Ngoài trụ sở chính, nhiều địa phương còn có chi nhánh, điểm TGPL tại cấp huyện, xã, tạo điều kiện để người nghèo dễ tiếp cận dịch vụ pháp lý. Việc tổ chức TGPL lưu động tại vùng sâu, vùng xa, ven biển, vùng đồng bào DTTS giúp khắc phục hạn chế về khoảng cách địa lý. Các hình thức trợ giúp pháp lý đa dạng, phù hợp thực tiễn địa phương. Công tác TGPL ở ĐBSCL được triển khai linh hoạt thông qua: Tư vấn pháp luật trực tiếp và lưu động tại cộng đồng; hỗ trợ soạn thảo đơn từ, hồ sơ; đại diện ngoài tổ tụng; tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi cho người nghèo.

- Nghiên cứu thực trạng THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL cho thấy, các ngành các cấp đã bám sát Luật TGPL 2017; Các chương trình giảm nghèo bền vững; Chiến lược cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền. Người nghèo được tiếp cận dịch vụ pháp lý miễn phí, kịp thời. Người nghèo khi sử dụng TGPL không phải trả bất kỳ khoản phí nào, kể cả chi phí tư vấn, tham gia tố tụng hay đại diện ngoài tố tụng. TGPL giúp người nghèo giải quyết kịp thời các vướng mắc pháp luật, nhất là trong các lĩnh vực phổ biến ở ĐBSCL như: Tranh chấp đất đai; hôn nhân – gia đình; khiếu nại, tố cáo; chính sách an sinh xã hội.

- Đội ngũ trợ giúp viên có kinh nghiệm, gắn bó cơ sở Trợ giúp viên pháp lý ở các tỉnh ĐBSCL: Am hiểu pháp luật; nắm rõ phong tục, tập quán và điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương; có kinh nghiệm giải quyết các vụ việc đặc thù của vùng sông nước. Điều này giúp hoạt động TGPL hiệu quả, sát thực tế và tạo được niềm tin cho người nghèo. THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL đã góp phần bảo đảm an sinh xã hội và ổn định trật tự địa phương. TGPL giúp hạn chế khiếu kiện kéo dài; giảm nguy cơ oan sai; giải quyết mâu thuẫn xã hội ngay từ cơ sở. Qua đó, TGPL góp phần: Bảo đảm công bằng xã hội; tăng cường niềm tin của người dân vào pháp luật và Nhà nước; thúc đẩy phát triển bền vững ở ĐBSCL.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình tổ chức thực hiện, triển khai các quy định của pháp luật về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL đã bộc lộ không ít hạn chế. Những tồn tại, hạn chế đó đã tác động tới quá trình THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL, Việt Nam cụ thể:

Một là, công tác ban hành văn bản tổ chức thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo còn bộc lộ nhiều hạn chế nhất định cần phải nghiên cứu để

đưa ra các giải pháp khắc phục nhằm nâng cao chất lượng hoạt động TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL. Có thể thấy, trong thời gian gần đây, phát triển ĐBSCL là một trong các nội dung được Nhà nước ta quan tâm. Tuy nhiên, dễ dàng nhận thấy, các quy định phát triển vùng hiện nay đều không ghi nhận nhiệm vụ phát triển TGPL của toàn vùng. Kể từ năm 1997 tới nay, Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 19/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch tổng thể phát triển KT-XH vùng ĐBSCL đến năm 2020 là văn bản duy nhất được ban hành có nhắc tới nội dung về tạo điều kiện, cơ hội để người nghèo tiếp cận các chính sách trong nhiều lĩnh vực, song cũng chưa nêu rõ về nhiệm vụ tăng cường, nâng cao chất lượng hoạt động TGPL cho người nghèo. Sang tới Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 07/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, nội dung về giảm nghèo, tạo điều kiện người nghèo tiếp cận pháp luật, hay TGPL cho người nghèo cũng không được đề cập. Điều này có thể ảnh hưởng tới xu hướng đẩy mạnh hoạt động TGPL cho người nghèo vùng ĐBSCL trong tương lai gần.

Không thể phủ nhận rằng, TGPL cho người nghèo không chỉ là nhiệm vụ, nghĩa vụ của các chủ thể thực hiện TGPL được quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật TGPL năm 2017 mà còn là trách nhiệm của toàn bộ các tổ chức, cá nhân trong xã hội. Trong điều kiện các tỉnh ĐBSCL còn nhiều khó khăn, việc xã hội hóa công tác TGPL cho người nghèo trên địa bàn là phù hợp để tạo cơ chế khuyến khích các chủ thể trong xã hội cùng đóng góp, hỗ trợ, phát triển hoạt động TGPL. Xã hội hóa đồng nghĩa với việc Nhà nước tạo môi trường pháp lý và hỗ trợ cho các lực lượng xã hội, ngoài các nhóm chủ thể tại khoản 1 Điều 17 Luật TGPL năm 2017. Khi đó, phụ thuộc vào mong muốn và nguyện vọng, các cá nhân, tổ chức trong xã hội có thể tiến hành hoạt động TGPL. Các chủ thể này, khi thực hiện TGPL, sẽ không thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật TGPL 2017. Như vậy, yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của công tác TGPL cho người nghèo là việc nâng cao chất lượng, thu hút nhân lực TGPL. Vì vậy, việc quan tâm, tạo điều kiện để khuyến khích tổ chức, cá nhân trong xã hội tham gia TGPL cho người nghèo là hoạt động cần được quan tâm đúng mực để từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động này.

Tuy nhiên, trên thực tế, pháp luật Việt Nam hiện hành về TGPL trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL dường như đang thiếu các quy định liên quan tới việc tạo điều kiện, khuyến khích các chủ thể khác trong xã hội, bên cạnh các chủ thể được liệt kê tại khoản 1 Điều 17 Luật TGPL năm 2017, thực hiện hoạt động TGPL cho người nghèo. Một trong những nguyên nhân dẫn tới hạn chế này là do hoạt động này trên địa bàn tỉnh chưa được quan tâm đúng mực, thiếu các quy định về định hướng phát triển TGPL của vùng, dẫn tới bỏ sót nội dung liên quan tới khuyến khích các tổ chức, cá nhân khác tham gia vào công tác TGPL cho người nghèo trên địa bàn vùng.

Ngoài ra, đối với các chủ thể thực hiện TGPL được quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật TGPL năm 2017, hiện nay Việt Nam cũng thiếu các quy định liên quan tới kế hoạch, chương trình có nội dung về sự cần thiết phải thu hút nguồn nhân lực này tham gia TGPL nói chung và TGPL cho người nghèo nói riêng, chẳng hạn như nâng mức chi trả bồi dưỡng đối với luật sư, tư vấn viên pháp luật của các tổ chức đăng ký tham gia TGPL, hay các chính sách khuyến khích về thuế đối với tổ chức hành nghề luật sư, cơ chế giám sát nghĩa vụ thực hiện TGPL. Điều này vô hình chung làm giảm chất lượng thực hiện hoạt động TGPL cho người nghèo, không đáp ứng được nhu cầu của đối tượng được TGPL.

Chưa có văn bản pháp luật quy định cơ chế đảm bảo các điều kiện về nguồn lực kinh phí, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, phương tiện đi lại cho trung tâm TGPL nhà nước tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ của tổ chức này.

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Luật TGPL năm 2017, Trung tâm TGPL nhà nước thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau:

- (i) Thực hiện TGPL bằng các hình thức tham gia tố tụng, tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng trong các lĩnh vực TGPL được quy định;
- (ii) Đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan phối hợp, cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc TGPL và phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện công tác truyền thông về TGPL;
- (iii) Bồi thường thiệt hại do lỗi của người thuộc tổ chức mình gây ra trong khi thực hiện TGPL;
- (iv) Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo, truyền thông về TGPL;

- (v) Giải quyết khiếu nại theo quy định;
- (vi) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến giải quyết vụ việc TGPL;
- (vii) Thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan QLNN có thẩm quyền về TGPL ủy quyền hoặc yêu cầu.

Bên cạnh các nội dung trên, Trung tâm TGPL còn thực hiện các nhiệm vụ như:

- (i) Xây dựng và triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch công tác dài hạn, 5 năm và hàng năm của Trung tâm; tham gia xây dựng kế hoạch, quy hoạch phát triển dài hạn, 5 năm trong lĩnh vực TGPL theo yêu cầu của Sở Tư pháp;
- (ii) Chủ động rà soát, nghiên cứu đề xuất để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy trình, thủ tục trong hoạt động TGPL nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động TGPL;
- (iii) Thực hiện việc tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về TGPL theo thẩm quyền.
- (iv) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập hoặc do Giám đốc Sở Tư pháp giao [77].

Với sứ mệnh trên, Trung tâm TGPL nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp dịch vụ TGPL. Do đó, việc phát triển Trung tâm TGPL nhà nước là vấn đề cần được chú trọng. Trong thời gian gần đây, theo Công văn 1345/BTP-TGPL ngày 10/4/2023 của Bộ Tư pháp gửi Sở Tư pháp các tỉnh về việc thực hiện Công văn số 1234/BTP-TGPL hướng dẫn triển khai nội dung TGPL tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ có nêu nhiệm vụ đề nghị Sở Tư pháp thực hiện: *“Bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất cho Trung tâm TGPL nhà nước và các Chi nhánh (nếu có) của Trung tâm hoạt động hiệu quả [...] Lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính trình UBND cấp tỉnh phê duyệt bố trí, bổ sung, nâng cấp máy móc, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin và vận hành hiệu quả các phần mềm, hệ thống thông tin quản lý TGPL cho Trung tâm TGPL nhà nước”*. Như vậy, Nhà nước ta đã có quy định ghi nhận nhiệm vụ phát triển cơ sở vật chất và hạ tầng của Trung tâm TGPL nhà nước. Tuy nhiên, các quy định mới chỉ

mang tính định hướng, các Sở Tư pháp trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL hiện chưa có quy định cụ thể về việc thực hiện nhiệm vụ trên, dẫn tới thực trạng là nhiều Trung tâm TGPL nhà nước vẫn chưa đảm bảo điều kiện trang thiết bị để phục vụ hoạt động của mình.

Hai là, ngoài trừ các chính sách có phạm vi áp dụng trong cả nước, các chính sách áp dụng chung cho toàn vùng ĐBSCL về việc thực hiện pháp luật về TGPL trên địa bàn hiện tại còn thiếu, cả về mặt số lượng lẫn chất lượng.

Có thể thấy, trong thời gian gần đây, phát triển ĐBSCL là một trong các nội dung được Nhà nước ta quan tâm. Tuy nhiên, dễ dàng nhận thấy, các quy định phát triển vùng hiện nay đều không ghi nhận nhiệm vụ phát triển TGPL của toàn vùng. Kể từ năm 1997 tới nay, Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 19/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL đến năm 2020 là văn bản duy nhất được ban hành có nhắc tới nội dung về tạo điều kiện, cơ hội để người nghèo tiếp cận các chính sách trong nhiều lĩnh vực, song cũng chưa nêu rõ về nhiệm vụ tăng cường, nâng cao chất lượng hoạt động TGPL cho người nghèo. Sang tới Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 07/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, nội dung về giảm nghèo, tạo điều kiện người nghèo tiếp cận pháp luật, hay TGPL cho người nghèo cũng không được đề cập. Điều này có thể ảnh hưởng tới xu hướng đẩy mạnh hoạt động TGPL cho người nghèo vùng ĐBSCL trong tương lai gần.

Ba là, chưa có nhiều chính sách được ban hành liên quan tới vấn đề khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong xã hội tham gia hoạt động TGPL cho người nghèo.

Tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới" có nhấn mạnh vấn đề: "Xây dựng mạng lưới, nâng cao năng lực của hệ thống dịch vụ pháp lý, TGPL và hỗ trợ pháp lý để người dân, doanh nghiệp dễ tiếp cận pháp luật" (mục 3 phần IV Nghị quyết); "Nâng cao vai trò, tính chuyên nghiệp và chất lượng TGPL, nhất là trong hoạt động tố tụng tư pháp; hiện đại hóa, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống TGPL; mở rộng đối tượng được TGPL phù hợp với điều kiện của đất nước" (mục 7 phần IV Nghị quyết). Theo khoản

3, khoản 4 Điều 4 Luật TGPL năm 2017, một số chính sách của Nhà nước về TGPL bao gồm hỗ trợ, khuyến khích, ghi nhận và tôn vinh các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, đóng góp cho hoạt động TGPL; có chính sách nâng cao chất lượng TGPL, thu hút các nguồn lực thực hiện TGPL. Như vậy, yếu tố quan trọng để nâng cao hiệu quả của hoạt động TGPL cho người nghèo là tiến hành phát triển, thu hút nguồn nhân lực tham gia vào hoạt động này.

Không thể phủ nhận rằng, TGPL cho người nghèo không chỉ là nhiệm vụ, nghĩa vụ của các chủ thể thực hiện TGPL được quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật TGPL năm 2017 mà còn là trách nhiệm của toàn bộ các tổ chức, cá nhân trong xã hội. Trong điều kiện các tỉnh ĐBSCL còn nhiều khó khăn, việc xã hội hóa công tác TGPL cho người nghèo trên địa bàn là phù hợp để tạo cơ chế khuyến khích các chủ thể trong xã hội cùng đóng góp, hỗ trợ, phát triển hoạt động TGPL. Xã hội hóa đồng nghĩa với việc Nhà nước tạo môi trường pháp lý và hỗ trợ cho các lực lượng xã hội, ngoài các nhóm chủ thể tại khoản 1 Điều 17 Luật TGPL năm 2017. Khi đó, phụ thuộc vào mong muốn và nguyện vọng, các cá nhân, tổ chức trong xã hội có thể tiến hành hoạt động TGPL. Các chủ thể này, khi thực hiện TGPL, sẽ không thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật TGPL 2017.

Như vậy, yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của công tác TGPL cho người nghèo là việc nâng cao chất lượng, thu hút nhân lực TGPL. Vì vậy, việc quan tâm, tạo điều kiện để khuyến khích tổ chức, cá nhân trong xã hội tham gia TGPL cho người nghèo là hoạt động cần được quan tâm đúng mực để từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động này.

Tuy nhiên, trên thực tế, pháp luật Việt Nam hiện hành về TGPL trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL dường như đang thiếu các quy định liên quan tới việc tạo điều kiện, khuyến khích các chủ thể khác trong xã hội, bên cạnh các chủ thể được liệt kê tại khoản 1 Điều 17 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, thực hiện hoạt động TGPL cho người nghèo. Một trong những nguyên nhân dẫn tới hạn chế này là do hoạt động này trên địa bàn tỉnh chưa được quan tâm đúng mực, thiếu các quy định về định hướng phát triển TGPL của vùng, dẫn tới bỏ sót nội dung liên quan tới khuyến khích các tổ chức, cá nhân khác tham gia vào công tác TGPL cho người nghèo trên địa bàn vùng.

Ngoài ra, đối với các chủ thể thực hiện TGPL được quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật TGPL năm 2017, hiện nay Việt Nam cũng thiếu các quy định liên quan tới kế hoạch, chương trình có nội dung về sự cần thiết phải thu hút nguồn nhân lực này tham gia TGPL nói chung và TGPL cho người nghèo nói riêng, chẳng hạn như nâng mức chi trả bồi dưỡng đối với luật sư, tư vấn viên pháp luật của các tổ chức đăng ký tham gia TGPL, hay các chính sách khuyến khích về thuế đối với tổ chức hành nghề luật sư, cơ chế giám sát nghĩa vụ thực hiện TGPL. Điều này vô hình chung làm giảm chất lượng thực hiện hoạt động TGPL cho người nghèo, không đáp ứng được nhu cầu của đối tượng được TGPL.

Bốn là, thiếu các văn bản hướng dẫn về hoạt động kiểm tra, giám sát công tác TGPL cho người nghèo.

Như đã phân tích, việc tăng cường kiểm tra, giám sát công tác TGPL là yếu tố quan trọng giúp Nhà nước đánh giá được sự hiệu quả của việc thực hiện hoạt động TGPL cho người nghèo trên thực tế. Việc kiểm tra, giám sát nếu được làm thường xuyên có thể dẫn tới nâng cao chất lượng thực hiện hoạt động TGPL. Tuy nhiên, pháp luật hiện nay còn thiếu các văn bản hướng dẫn thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát công tác TGPL cho người nghèo, dẫn tới việc thực hiện hoạt động này trên thực tế cũng còn nhiều hạn chế.

3.3.2. Nguyên nhân của những ưu điểm và hạn chế thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL, Việt Nam

3.3.2.1. Nguyên nhân của những ưu điểm

Một số nguyên nhân chính để lí giải chung cho việc đạt được các kết quả tích cực nêu trên có thể kể đến như:

Thứ nhất, về nguyên nhân khách quan

Một là, việc tham gia các điều ước quốc tế có liên quan đến việc bảo đảm quyền con người, bảo vệ trẻ em là một trong những nguyên nhân dẫn tới việc thay đổi trong chính sách về TGPL tại Việt Nam; đồng thời cũng là yêu cầu đặt ra trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

Khi đã tham gia và trở thành thành viên của các điều ước quốc tế về quyền con người, một yêu cầu đặt ra đối với Việt Nam là phải ban hành các chính sách để

thực thi các nội dung đã cam kết trong các văn kiện quốc tế, trong đó có nội dung về TGPL, đặc biệt là TGPL cho người nghèo. Điều này cũng hỗ trợ không nhỏ trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh của nước ta; luôn lấy con người là trung tâm. Để thực hiện được điều này, phát triển hoạt động TGPL là một yêu cầu cấp thiết để phát triển đất nước, đạt các mục tiêu đã đề ra. Khi đó, TGPL có thể được coi là một trong những mảnh ghép quan trọng góp phần làm hoàn chỉnh vai trò của Nhà nước từ việc xây dựng pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật để đưa pháp luật vào đời sống xã hội có hiệu quả.

Hai là, sự phát triển của các phương tiện truyền thông là công cụ hữu hiệu trong việc thực hiện các chính sách về tuyên truyền, phổ biến về hoạt động TGPL tới người nghèo trong vùng, giúp người nghèo tiếp cận được cũng như hiểu được tầm quan trọng và lợi ích có được khi nhận được TGPL. Đồng thời, đây cũng là kênh hữu hiệu để Nhà nước và người thực hiện TGPL phổ cập các thông tin cần thiết tới người dân.

Thời gian trước kia, khi mạng internet chưa phát triển, hoạt động tuyên truyền chỉ được diễn ra theo cách phổ biến trực tiếp tại các cuộc họp, hoặc vận động của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, hiện nay, do sự phổ cập của mạng truyền thông, nhiều công cụ, phương tiện khác nhau đã được ra đời, hỗ trợ không nhỏ trong việc lan tỏa hoạt động TGPL tới người dân, đặc biệt là người nghèo tại vùng sâu, vùng xa. Việc phổ biến này có thể thực hiện thông qua các website, báo đài, phóng sự được đăng tải trên các mạng xã hội, nền tảng khác nhau, đảm bảo nhiều người dân có thể biết đến và sử dụng hoạt động TGPL.

Ba là, sự phức tạp của các vụ việc pháp lý phát sinh trong cuộc sống cũng là nguyên nhân chính dẫn tới sự gia tăng nhu cầu tìm kiếm sự trợ giúp về mặt pháp lý của người dân để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Ngày nay, các vụ việc pháp lý có thể đến từ nhiều lĩnh vực với những đặc trưng và sự phức tạp khác nhau. Trong khi đó, hiểu biết của người nghèo, đặc biệt là người dân tại các vùng sâu, vùng xa, còn nhiều hạn chế do thiếu sự tiếp cận với các nguồn thông tin, cũng như thiếu sự trao đổi với những chủ thể có hiểu biết trong lĩnh vực đó. Để giải quyết vấn đề đó, sử dụng và tìm kiếm sự TGPL là một phương thức có thể

mang lại hiệu quả và giải pháp an toàn cho người dân. Vì vậy, khi biết đến hoạt động TGPL, người dân đã ý thức được tầm quan trọng của hoạt động này trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Điều này đã dẫn tới sự tăng lên về số lượng các vụ việc TGPL. Đồng thời, với mỗi vụ việc được tiến hành, các kết quả tốt có được từ vụ việc đó cũng làm tăng niềm tin của người dân vào hoạt động TGPL, điều này cũng là động lực để nhóm chủ thể thực hiện TGPL ngày càng hoàn thiện và nâng cao tri thức để có thể bảo vệ tốt nhất cho quyền và lợi ích hợp pháp của người dân trong vùng.

Thứ hai, về nguyên nhân chủ quan

Nhìn chung, các kết quả đạt được trong công tác THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBCSL đều xuất phát từ sự thay đổi nhận thức của Đảng, Nhà nước và người dân về tầm quan trọng của hoạt động TGPL trong cuộc sống. Đây không chỉ là trách nhiệm, nghĩa vụ của các cấp chính quyền, mà còn là sứ mệnh cộng đồng trong việc giúp đỡ các nhóm người yếu thế trong cuộc sống. Vì vậy, nếu không có sự hỗ trợ kịp thời từ Đảng, Nhà nước trong việc ban hành và thực thi các chính sách thúc đẩy TGPL phát triển và phổ biến, thì hoạt động TGPL khó có cơ hội để có thể lan rộng tới toàn bộ cộng đồng, đặc biệt là người nghèo.

Về phía các chủ thể thực hiện TGPL (trợ giúp viên pháp lý; luật sư; tư vấn viên pháp luật; cộng tác viên TGPL), đây là những cá nhân có ảnh hưởng trực tiếp tới sự thành công và phổ biến của hoạt động TGPL đối với người nghèo tại các tỉnh vùng ĐBSCL. Hiện nay, do các chính sách nâng cao năng lực cho nhóm chủ thể thực hiện TGPL ngày càng được chú trọng ban hành và thực hiện quyết liệt trên thực tế, năng lực của các chủ thể này đã được cải thiện đáng kể, từ đó giúp vụ việc TGPL được tăng lên cả về mặt số lượng và chất lượng, giúp người dân tin tưởng hơn vào hoạt động TGPL này.

Về phía các chủ thể được TGPL, trong đó có người nghèo, cùng với sự chuyên nghiệp hóa trong hoạt động TGPL từ phía Nhà nước và các chủ thể thực hiện TGPL, người nghèo trên địa bàn đã có cơ hội được biết đến hoạt động TGPL và thấy được các lợi ích mà họ có thể đạt được khi nhận được sự trợ giúp về mặt pháp lý của các chủ thể có chuyên môn trong các vụ việc xảy ra trong cuộc sống, từ đó bảo vệ quyền lợi hợp pháp của họ.

3.3.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Thứ nhất, liên quan đến công tác ban hành văn bản tổ chức THPL về TGPL cho người nghèo, một số nguyên nhân có thể kể đến như sau:

- Thiếu sự quan tâm từ cơ quan QLNN. Có thể cơ quan QLNN chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc hỗ trợ pháp lý cho người nghèo, dẫn đến việc thiếu sự chú trọng trong việc xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể

- Còn tồn tại hoang tưởng pháp lý trong trách nhiệm và quy trình kiểm tra, giám sát công tác TGPL. Pháp luật Việt Nam hiện hành có thể chưa đề cập đến hoặc chỉ đề cập một cách mơ hồ về trách nhiệm và quy trình kiểm tra, giám sát công tác TGPL, dẫn tới việc thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng để xây dựng các văn bản hướng dẫn.

- Nguồn ngân sách dành cho TGPL còn hạn chế. Việc triển khai kiểm tra, giám sát đòi hỏi nguồn lực tài chính và nhân sự đáng kể. Thiếu ngân sách cũng có thể là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến việc chậm trễ trong việc xây dựng và triển khai các văn bản hướng dẫn.

- Thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước có liên quan đến TGPL. Việc thiết lập và thực hiện kiểm tra, giám sát đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước có liên quan, từ cấp trung ương đến địa phương. Thiếu sự phối hợp và liên kết giữa các cơ quan này có thể làm trì hoãn quá trình ban hành và thực thi các văn bản hướng dẫn.

- Có thể cơ quan quản lý và nhân viên thực hiện chưa có đủ kinh nghiệm hoặc chuyên môn về việc xây dựng và triển khai các chương trình kiểm tra, giám sát, đặc biệt là trong lĩnh vực pháp lý cho người nghèo.

- Hạn chế trong việc định rõ đối tượng và phạm vi áp dụng. Việc xác định rõ ràng đối tượng được hỗ trợ và phạm vi áp dụng của công tác TGPL cho người nghèo cũng có thể gặp khó khăn, làm cản trở quá trình phát triển các văn bản hướng dẫn.

Thứ hai, liên quan đến công tác xây dựng bộ máy, đào tạo nguồn nhân lực thực hiện TGPL cho người nghèo, nguyên nhân dẫn tới tình trạng hiện tại trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL được lí giải như sau:

- Mặc dù số lượng trợ giúp viên pháp lý, luật sư, tư vấn viên đã có xu hướng tăng nhẹ, nhưng tốc độ này không đủ để bắt kịp với nhu cầu ngày càng cao. Nguồn nhân

lực trong lĩnh vực TGPL đòi hỏi không chỉ về số lượng mà còn về chất lượng, bao gồm kỹ năng chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn, điều này càng làm cho quá trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trở nên khó khăn và tốn thời gian.

- Các tỉnh tại ĐBSCL đối mặt với nhiều khó khăn về KT-XH, ảnh hưởng đến việc đầu tư và phát triển dịch vụ TGPL. Ngân sách dành cho công tác này có thể bị hạn chế, cùng với đó là sự thiếu hụt cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ, gây trở ngại cho việc mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Việc phân bổ nguồn lực, bao gồm cả nhân lực và tài chính, có thể chưa đáp ứng được yêu cầu về công bằng và hiệu quả. Một số tỉnh có nhu cầu cao như Sóc Trăng, Long An, Đồng Tháp lại có số lượng trợ giúp viên pháp lý rất ít, phản ánh sự mất cân đối trong việc phân bổ nguồn lực.
- Mặt bằng chung của điều kiện làm việc, thu nhập và cơ hội phát triển nghề nghiệp cho trợ giúp viên pháp lý tại các tỉnh ĐBSCL có thể chưa đủ hấp dẫn so với các khu vực khác hoặc so với các ngành nghề khác, gây khó khăn trong việc thu hút và giữ chân nhân sự có chất lượng.

Thứ ba, liên quan hoạt động TGPL cho người nghèo thông qua tư vấn pháp luật, tham gia các hoạt động tố tụng, đại diện ngoài tố tụng, một số nguyên nhân được chỉ ra như sau:

- Công tác tuyên truyền TGPL chưa thực sự quan tâm đúng mức đến hai hình thức TGPL này. Việc truyền thông chưa toàn diện, chưa đầy đủ có thể dẫn đến tình trạng người nghèo không hiểu về tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng, cũng như không rõ về quyền được tư vấn, đại diện của mình, dẫn đến việc người dân chưa chủ động tìm đến các tổ chức TGPL khi có nhu cầu về giải đáp, tư vấn pháp luật, tháo gỡ các vướng mắc pháp lý.

- Do bản thân người nghèo là diện được TGPL nhưng chưa nhận thức được quyền được tư vấn pháp luật và đại diện ngoài tố tụng của mình. Do đặc thù cuộc sống còn nhiều khó khăn về mặt tài chính, nhóm đối tượng này chưa thực sự chủ động trong việc yêu cầu tư vấn pháp luật để nâng cao kiến thức pháp luật, phòng ngừa vi phạm xảy ra. Khi các vụ việc xảy ra thường đã liên quan đến vấn đề tố tụng, vì vậy số lượng vụ việc tư vấn pháp luật cũng bị ảnh hưởng.

Thứ tư, liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát việc THPL về TGPL cho người nghèo, nguyên nhân dẫn tới hoạt động kiểm tra, giám sát chưa được thực hiện đúng mức và hiệu quả xuất phát từ việc thiếu quy định pháp luật hướng dẫn cụ thể về hoạt động kiểm tra, giám sát việc THPL về TGPL, dẫn tới các cơ quan chưa nắm bắt toàn diện để thực hiện hoạt động này trên địa bàn. Mặt khác, chi phí dành cho hoạt động TGPL nói chung và hoạt động kiểm tra, giám sát nói riêng cũng chưa được quan tâm đúng mức.

Thứ năm, liên quan đến công tác tuyên truyền, phổ biến về TGPL cho người nghèo, nguyên nhân lí giải về sự kém phổ biến của hoạt động TGPL trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL được trình bày như sau:

- Đối với việc tuyên truyền, phổ biến TGPL tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, xuất phát từ nguyên nhân khách quan là do đặc điểm đặc thù của nhóm đối tượng này là chủ yếu sinh sống ở các xã vùng sâu, vùng xa hoặc chủ động di dân, di cư đến khu vực xa xôi, điều kiện giao thông, đi lại và điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, hoạt động tuyên truyền về TGPL mặc dù được tiến hành thường xuyên nhưng cũng chưa có điều kiện bao quát toàn bộ các địa phương này. Bên cạnh đó, một bộ phận người nghèo còn có tình trạng mù chữ, không thông thạo tiếng phổ thông, không có giấy tờ nhân thân... do điều kiện giáo dục hạn chế nên còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các tài liệu tuyên truyền về TGPL.

- Mặc dù tỷ lệ hộ nghèo tại ĐBSCL có xu hướng giảm nhưng tỷ lệ này vẫn còn cao, các hộ thoát nghèo chưa thật sự bền vững, vẫn còn tâm lý trông chờ sự hỗ trợ trực tiếp của nhà nước, chưa chủ động tham gia các buổi tập huấn, tuyên truyền để nâng cao hiểu biết pháp luật mà chỉ tìm sự giúp đỡ khi đã xảy ra vướng mắc pháp lý. Có thể thấy, nhận thức về công tác TGPL của người thuộc diện được TGPL chưa cao nên việc giải thích, hướng dẫn họ thực hiện quyền được TGPL còn gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, một bộ phận người nghèo còn có tâm lý e ngại, không muốn giao tiếp, gặp gỡ các bộ thực hiện tuyên truyền hoặc người trực tiếp thực hiện TGPL như các Luật sư hay Trợ giúp viên.

- Tại cơ sở, một số địa phương xã, phường, thị trấn còn chưa thật sự coi trọng công tác TGPL, chưa đề cao vai trò của hoạt động TGPL và quyền được TGPL của

người nghèo. Cán bộ triển khai công tác tuyên truyền còn có xu hướng “tránh né” các địa bàn có hoàn cảnh khó khăn, thực hiện tuyên truyền còn qua loa, hình thức, ngại đi sâu vào thực tế để hỗ trợ nhân dân, chưa tích cực kêu gọi người nghèo ở các địa bàn khó khăn đến tham gia các buổi truyền thông về TGPL.

- Đối với tình trạng các kênh truyền thông liên quan đến hoạt động TGPL chưa thu hút người xem, nguyên nhân của hạn chế này có thể kể đến là kinh phí cho hoạt động truyền thông còn nhiều hạn chế. Có thể thấy rằng, các tỉnh ĐBSCL đa phần đang phải đối mặt với nhiều thách thức về KT-XH, nguồn thu ngân sách còn hạn chế, còn dựa vào sự điều tiết từ ngân sách Trung ương, việc bổ sung ngân sách, kinh phí cho hoạt động truyền thông TGPL để phát triển số lượng, phương thức, chất lượng tuyên truyền còn gặp nhiều trở ngại. Bên cạnh đó, trên thực tế hoạt động truyền thông chưa thực sự đa dạng và phù hợp một phần do cán bộ thực hiện truyền thông chưa sâu sát với nhân dân, chưa hiểu rõ tâm lý người dân khi tiếp cận với hoạt động tuyên truyền, dẫn đến thực trạng nội dung tuyên truyền mặc dù đã tương đối đầy đủ nhưng còn chưa thực sự phù hợp, đi theo lối mòn, ít sinh động, sáng tạo và chưa tối ưu hiệu quả của hoạt động tuyên truyền.

- Về việc phối hợp giữa các bên trong công tác truyền thông về TGPL, công tác đào tạo, tập huấn, nâng cao chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ thực hiện TGPL và tuyên truyền về TGPL luôn được quan tâm, tuy nhiên công tác đào tạo cũng chưa thể đào tạo toàn diện về kỹ năng tuyên truyền, phổ biến cho đội ngũ thực hiện TGPL.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Trợ giúp pháp lý là một trong những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta nhằm tạo điều kiện để mọi công dân, đặc biệt là người nghèo, có cơ hội tiếp cận pháp luật, đảm bảo công bằng xã hội trong bối cảnh đất nước ta đang trong thời kỳ xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, công bằng, dân chủ, văn minh.

Xuất phát từ nhu cầu trợ giúp người nghèo, kể từ khi được nhắc tới lần đầu vào năm 1997, chính sách TGPL cho người nghèo vẫn luôn nhận được sự quan tâm của Nhà nước, là một phần quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo, giúp

người nghèo tiếp cận pháp luật. Qua thực tiễn THPL về TGPL, những kết quả đạt được trong công tác này đã khẳng định được tầm quan trọng của chính sách TGPL và sự ra đời của các quy định pháp luật về TGPL đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động này phát triển. Hoạt động TGPL đã phát huy được tốt vai trò của mình trong mối tương quan với các chủ thể trong đời sống xã hội, nhất là đối với các chủ thể ít có khả năng tiếp cận pháp luật và các dịch vụ pháp lý, đặc biệt là người nghèo.

Là một trong những vùng chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, nhìn chung, có thể thấy, đời sống người dân trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL vẫn còn nhiều khó khăn về mặt kinh tế, dẫn tới sự hạn chế trong việc tiếp cận các dịch vụ liên quan tới pháp lý. Với lý do đó, việc phát triển TGPL trên địa bàn các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL là yêu cầu cấp thiết đặt ra, đặc biệt là TGPL cho người nghèo.

Trải qua nhiều năm thực hiện, công tác TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL đã đạt được nhiều kết quả đáng mong đợi trong công tác về ban hành văn bản tổ chức thực hiện pháp luật; xây dựng bộ máy, đào tạo nguồn nhân lực thực hiện TGPL cho người nghèo; tiến hành TGPL cho người nghèo dưới các hình thức: tư vấn pháp luật, tham gia các hoạt động tổ tụng, đại diện ngoài tổ tụng; kiểm tra, giám sát việc THPL về TGPL cho người nghèo; công tác tuyên truyền, phổ biến về TGPL cho người nghèo. Các kết quả này thể hiện sự nỗ lực không ngừng của các cấp chính quyền địa phương, người thực hiện TGPL và các chủ thể khác có liên quan trong việc phát triển, nâng cao và tăng cường thực hiện hoạt động TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL. Đồng thời, đây cũng là các trụ cột chính để đánh giá sự tiến bộ hay kém phát triển của công tác TGPL cho người nghèo tại vùng này.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc thực hiện hoạt động TGPL cho người nghèo trên địa bàn vẫn còn nhiều hạn chế. Tuy nhiên theo quan điểm của người viết, đây cũng là hạn chế chung trong công tác TGPL cho người nghèo trên địa bàn cả nước, không chỉ là hạn chế riêng của địa bàn các tỉnh vùng ĐBSCL. Vì vậy, khắc phục hạn chế phát sinh không chỉ là nhiệm vụ đặt ra đối với vùng, mà đây còn là nhiệm vụ chung trong phạm vi cả nước nhằm thực hiện có hiệu quả pháp luật về TGPL cho người nghèo.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, VIỆT NAM

4.1. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, VIỆT NAM

4.1.1. Thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long phải quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về trợ giúp pháp lý **chung và trợ giúp pháp lý cho người nghèo nói riêng**

Sự ra đời, tồn tại và phát triển của hoạt động TGPL ở nước ta dựa trên nền tảng lý luận của học thuyết Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về một nền chính trị - pháp lý của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đồng thời còn là nội dung được hình thành trên cơ sở kết hợp những giá trị chính trị - pháp lý tinh hoa của nhân loại và những giá trị truyền thống cốt lõi của dân tộc Việt Nam. Hiểu được tầm quan trọng và tính cấp thiết của hoạt động TGPL trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, đảm bảo quyền con người, quyền công dân, đảm bảo công bằng xã hội, hoạt động TGPL trong suốt thời gian qua luôn được Đảng Cộng sản Việt Nam chú trọng, thể hiện qua những chủ trương, chính sách và quan điểm cụ thể, giúp công tác TGPL trở thành công cụ hữu hiệu bảo vệ người yếu thế, giúp kết nối nhân dân và cơ quan nhà nước, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Tại văn bản số 485/CV-VPTW ngày 31/05/1995 của Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Bí thư Trung ương đảng đã chỉ đạo *“cần nghiên cứu lập hệ thống dịch vụ tư vấn pháp luật không lấy tiền để hướng dẫn nhân dân sống và làm việc theo pháp luật”*. Có thể thấy rằng, ngay từ những văn bản chỉ đạo đầu tiên, Đảng đã thể hiện quan điểm hoạt động TGPL là cần thiết để đảm bảo người dân có điều kiện, cơ hội được tiếp cận pháp luật, tuân thủ pháp luật, sống và làm việc theo pháp luật. Ý nghĩa của hoạt động TGPL còn được nhấn mạnh và mở rộng hơn trong các chỉ đạo

tiếp theo của Đảng trong thời kỳ này. Tại kỳ họp lần thứ 3 năm 1997, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đề ra phương hướng *“tổ chức hình thức tư vấn pháp luật cho cơ quan, tổ chức và nhân dân, tạo điều kiện cho người nghèo được hưởng dịch vụ tư vấn pháp luật miễn phí...”*. Sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động TGPL đã dần được khẳng định, trở thành nguyên tắc và điều kiện để công tác TGPL phát triển đúng định hướng, bảo đảm giá trị, tính nhân văn và tính hiệu quả.

Hiện nay, quan điểm và chủ trương của Đảng về hoạt động TGPL được thể hiện tập trung nhất tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới. Công tác TGPL được Đảng ghi nhận là một khía cạnh quan trọng nằm trong phương hướng chung để xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN. Việc xây dựng, hoàn thiện, triển khai áp dụng pháp luật về TGPL phải nằm trong mục tiêu chung tổng quát của Đảng về xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, đó là: *“Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; có hệ thống pháp luật hoàn thiện, được thực hiện nghiêm minh, nhất quán; thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, được phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ, kiểm soát hiệu quả; nền hành chính, tư pháp chuyên nghiệp, pháp quyền, hiện đại; bộ máy nhà nước tinh gọn, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, thực sự chuyên nghiệp, liêm chính; quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả; đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao theo định hướng XHCN vào năm 2045”*.

Công tác hoàn thiện pháp luật, áp dụng pháp luật về TGPL nói chung và TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL cần quán triệt sâu sắc một số quan điểm của Đảng về TGPL, cụ thể:

i) Tiếp tục đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Xây dựng mạng lưới, nâng cao năng lực của hệ thống dịch vụ pháp lý, TGPL và hỗ trợ pháp lý để người dân và doanh nghiệp dễ tiếp cận pháp luật.

ii) Đổi mới cơ chế thi hành pháp luật, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với thực hiện pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả. Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thi hành pháp luật. Hoàn thiện các quy định về giải thích pháp luật.

iii) Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra, phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật; tăng cường thi hành pháp luật trong các lĩnh vực quan trọng liên quan đến lợi ích thiết yếu của người dân; hoàn thiện cơ chế tiếp nhận, xử lý kịp thời, hiệu quả kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp.

iv) Nâng cao vai trò, tính chuyên nghiệp và chất lượng TGPL, nhất là trong hoạt động tố tụng tư pháp; hiện đại hóa, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống TGPL; mở rộng đối tượng được TGPL phù hợp với điều kiện của đất nước.

Có thể thấy rằng, chủ trương của Đảng về TGPL được thể hiện nhất quán dưới 4 vấn đề chính: nâng cao chất lượng dịch vụ TGPL, bảo đảm sự phối hợp trong thi hành pháp luật, đổi mới công tác giáo dục pháp luật và tăng cường tính hiệu quả của hoạt động kiểm tra, giám sát. Để triển khai đồng bộ và hiệu quả các chủ trương tại Nghị quyết số 27-NQ/TW trên thực tiễn áp dụng pháp luật tại ĐBSCL, cần có sự nghiên cứu toàn diện về thực trạng cơ cấu tổ chức của hệ thống TGPL, chất lượng của đội ngũ thực hiện TGPL tại ĐBSCL; thống kê, phân tích, dự báo nhu cầu TGPL của các nhóm người được TGPL nói chung và người nghèo nói riêng tại ĐBSCL; nghiên cứu và triển khai mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan, tổ chức TGPL với các cơ quan, tổ chức có liên quan, đồng thời đảm bảo công tác giám sát trên địa bàn ĐBSCL được triển khai thường xuyên, thực chất và hiệu quả.

4.1.2. Thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo phải gắn kết chặt chẽ với các chính sách giảm nghèo của Nhà nước để sử dụng có hiệu quả nguồn lực và giúp người dân thụ hưởng tối đa các ưu đãi

Với mục tiêu hướng tới phát triển đất nước giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh, một trong các chủ trương lớn, xuyên suốt qua các thời kỳ của Đảng và Nhà nước ta là thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo toàn diện và bền

vững, làm cơ sở cải thiện đời sống cả về vật chất lẫn tinh thần của người dân, đặc biệt là người nghèo; tạo điều kiện thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng miền, địa bàn, dân tộc trên cả nước. Trong công tác giảm nghèo bền vững, TGPL là nhân tố tích cực, quan trọng, góp phần không nhỏ vào việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đối tượng ít có khả năng tiếp cận tới pháp luật, trong đó có nhóm đối tượng là người nghèo và mang nhiều ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Đây cũng là một bộ phận trong chính sách về đền ơn, đáp nghĩa và an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Kể từ khi được nhắc tới tại kỳ họp lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII ngày 18/6/1997, được cụ thể hóa bằng Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng chỉ đạo hướng triển khai công tác TGPL: *“Tổ chức hình thức tư vấn pháp luật cho các cơ quan, tổ chức và nhân dân, tạo điều kiện cho người nghèo được hưởng dịch vụ tư vấn pháp luật miễn phí”*, hoạt động TGPL cho người nghèo luôn được quan tâm thực hiện đúng mục nhằm đảm bảo quyền được tiếp cận pháp luật của người nghèo. Việc THPL về TGPL cho người nghèo luôn được gắn kết chặt chẽ với các chính sách giảm nghèo của Nhà nước để sử dụng có hiệu quả nguồn lực và giúp người dân thụ hưởng tối đa các ưu đãi. Hay nói cách khác, công tác THPL về TGPL đối với người nghèo phải tuân theo các quan điểm, nhiệm vụ được Nhà nước giao trong các văn bản được ban hành liên quan tới giảm nghèo, để từ đó vừa đảm bảo mục tiêu giảm nghèo bền vững, đa chiều, vừa đảm bảo tận dụng các nguồn lực và ưu đãi theo quy định của pháp luật.

Một số chính sách nổi bật với các nhiệm vụ trọng tâm, trở thành kim chỉ nam cho công tác TGPL cho người nghèo trước đây có thể kể đến như: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010, Chương trình phát triển KT-XH các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 (Chương trình 135 giai đoạn II), Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ và định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020 theo Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ; Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/08/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban

hành chính sách TGPL cho người nghèo, đồng bào DTTS tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016-2020 và hỗ trợ vụ việc tham gia tổ tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình [31]. Các chính sách này đều đưa ra các mục tiêu, giải pháp chung nhằm đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo, giao nhiệm vụ cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thực hiện các nhiệm vụ được giao, trong đó có nội dung về việc thực hiện chính sách TGPL cho người nghèo. Trong giai đoạn 2021-2025, có ba mục tiêu tổng quát về giảm nghèo được nêu trong các chính sách giảm nghèo bao gồm: giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn [113]. Các nội dung này được cụ thể hóa bằng nhóm các văn bản về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; văn bản hướng dẫn, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; văn bản về chỉ đạo, điều hành thực hiện chương trình; văn bản về chính sách giảm nghèo thường xuyên. Trong đó, ba nhóm văn bản về hướng dẫn thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững và chỉ đạo điều hành thực hiện chương trình là hai nhóm văn bản thể hiện rõ nhất các quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ của Nhà nước ta trong công cuộc giảm nghèo, làm cơ sở cho công tác TGPL cho người nghèo phát triển và triển khai hiệu quả trên thực tế; văn bản về chính sách giảm nghèo thường xuyên.

Thứ nhất, văn bản về hướng dẫn, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là một trong các dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư của Quốc hội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 17 Luật Đầu tư công năm 2019. Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 đã xác định mục tiêu của dự án là “*thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên*

mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn”. Chương trình được thực hiện trên phạm vi cả nước nhưng trọng tâm là các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo. Ngoài ra, một trong các nguyên tắc, giải pháp triển khai, thực hiện Chương trình được nêu tại Nghị quyết số 24/2021/QH15 là cho phép huy động sự tham gia, đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện Chương trình nhưng vẫn đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư này và ngân sách nhà nước sẽ giữ vai trò chủ đạo [73]. Quy định này đặt ra gợi mở trong việc huy động các nguồn lực bên ngoài trong công tác phát triển, triển khai việc thực hiện pháp luật hoạt động TGPL cho người nghèo và sử dụng có hiệu quả, hợp lý các nguồn lực này.

Nhằm thực hiện Nghị quyết số 24/2021/QH15 được đồng bộ, kịp thời, thống nhất và có hiệu quả, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt (i) Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 24/2021/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 12/10/2021 và (ii) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022. Trong Kế hoạch triển khai Nghị quyết, Thủ tướng Chính phủ đưa ra ba yêu cầu trong việc triển khai liên quan tới việc đảm bảo bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 24/2021/QH15, gắn trách nhiệm và phát huy vai trò của các cơ quan thực hiện và đảm bảo phối hợp giữa các cơ quan, các ngành với nhau [73]. Ngoài ra, Kế hoạch cũng nhấn mạnh nội dung về tăng cường kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai, thực hiện Chương trình nhằm bảo đảm đúng mục tiêu đã được phê duyệt [73].

Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg, có tổng cộng 07 Dự án thành phần đã được phê duyệt để thực hiện Chương trình, trong đó có đề cập tới xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông trong công tác TGPL (Tiểu mục dự án 2 của Dự án 6) với mục tiêu *“Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức trách nhiệm của toàn xã*

hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng TGPL, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; truyền truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội” và nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác TGPL (Tiêu 1 mục Dự án 7) với mục tiêu “nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững”. Các Dự án này phải được thực hiện theo kinh phí, giải pháp và theo sự phân công quản lý và tổ chức thực hiện đã được nêu tại Chương trình mục tiêu quốc gia này. Như vậy, trong quá trình thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo THPL về TGPL cho người nghèo tại ĐBSCL phù hợp với các chính sách giảm nghèo thì các tổ chức, cá nhân có liên quan cần lưu ý tới các vấn đề được nhắc tới trong Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện Nghị quyết 24/2021/QH15 ban hành kèm theo Quyết định 90/QĐ-TTg để thực hiện cho đúng trọng tâm và đạt hiệu quả cao.

Như vậy, thông qua Nghị quyết, Quyết định về kế hoạch và chương trình thực hiện đã phân tích, có thể thấy rằng công tác truyền thông liên quan tới hoạt động TGPL cho người nghèo đang là hoạt động được chú trọng phát triển. Nếu như trong thời kỳ trước đây, Nhà nước ta đặc biệt quan tâm tới việc ban hành các quy định để hỗ trợ người nghèo được thụ hưởng các dịch vụ TGPL, thì trong giai đoạn này, vấn đề truyền thông lại là một trong các nội dung cơ bản được đặt ra. Nhằm thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Thông tư này đã ghi nhận một số mục tiêu, nhiệm vụ cần thực hiện để thực hiện dự án và trách nhiệm của các cơ quan có liên quan.

Thứ hai, văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện chương trình.

Trong nhóm văn bản này, Chỉ thị 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban chấp hành Trung ương đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 đã xác định công tác giảm nghèo bền vững là chủ trương lớn, quan trọng, nhất quán, xuyên suốt trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước. Bên cạnh những thành tựu đạt được trong những năm vừa qua, kết quả giảm nghèo chưa thật sự bền vững, nguy cơ tái nghèo và phát sinh nghèo còn cao; điều kiện tiếp cận các dịch vụ cơ bản giữa các địa phương, vùng, miền, nhóm dân cư chưa được thu hẹp nhiều; nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Vì vậy, Chỉ thị đề ra 05 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để các đơn vị có liên quan thực hiện, trong đó có đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong công tác giảm nghèo, phát huy nội lực vươn lên *“thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no”*; tiếp tục hoàn thiện các chính sách giảm nghèo, chuẩn nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác QLNN... Đây sẽ là cơ sở quan trọng để phát triển các hoạt động liên quan tới TGPL cho người nghèo trong khuôn khổ các dự án liên quan tới giảm nghèo bền vững.

Nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Chỉ thị 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban chấp hành Trung ương đảng khóa XIII, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030, đề ra 05 nhiệm vụ, giải pháp thực hiện công tác giảm nghèo bền vững bao gồm: (i) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm đối với công tác giảm nghèo; (ii) Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác giảm nghèo; (iii) Tiếp tục hoàn thiện, thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo; (iv) Huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo; và (v) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác QLNN về giảm nghèo. Cụ thể hóa cho năm nhiệm vụ,

giải pháp này là các hoạt động, công việc mà các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các UBND cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và được phân công tổ chức thực hiện theo Mục III Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 160/NQ-CP. Như vậy, các chính sách về xóa đói, giảm nghèo nói chung và công tác TGPL cho người nghèo nói riêng khi được ban hành trong khuôn khổ thực hiện các nhiệm vụ được giao như trên, cần phải đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực sẵn có và tận dụng mọi ưu đãi để giúp người dân thụ hưởng tối đa các ưu đãi này.

Thứ ba, văn bản về chính sách giảm nghèo thường xuyên

Luật TGPL năm 2017 là văn bản duy nhất trong nhóm văn bản về chính sách giảm nghèo thường xuyên có đề cập rõ nét tới quan điểm của Nhà nước về TGPL. Đồng thời, đây cũng là văn bản pháp lý quan trọng, khẳng định rõ nét hơn trách nhiệm của Nhà nước trong công tác TGPL và tạo điều kiện để các chủ thể có liên quan thực hiện hoạt động này được thể hiện từ các quy định định về hoạt động TGPL; người được TGPL, quyền và nghĩa vụ của người được TGPL; tổ chức thực hiện TGPL, quyền và nghĩa vụ của tổ chức thực hiện TGPL; người thực hiện TGPL, quyền, nghĩa vụ của người thực hiện TGPL; phạm vi, lĩnh vực, hình thức và hoạt động TGPL; cho tới các quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức đối với hoạt động TGPL. Điều 4 Luật TGPL năm 2017 quy định về các chính sách của Nhà nước về TGPL có nêu: “*Nhà nước có chính sách để bảo đảm quyền được TGPL phù hợp với điều kiện KT-XH*”, “*Nhà nước có chính sách nâng cao chất lượng TGPL, thu hút các nguồn lực thực hiện TGPL*”, “*Nhà nước hỗ trợ, khuyến khích, ghi nhận và tôn vinh các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, đóng góp cho hoạt động TGPL*”. Như vậy, với mỗi chính sách của Nhà nước, các chủ thể có liên quan phải tuân thủ và thực hiện đầy đủ nhằm thực hiện có hiệu quả và đầy đủ các nguồn lực trong xã hội, tận dụng các ưu đãi để phát triển hơn hoạt động TGPL, đặc biệt là TGPL cho người nghèo.

4.1.3. Tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý của người dân, đảm bảo quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật

Thứ nhất, thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo tại ĐBSCL cần tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ TGPL của người dân

Thực tế cho thấy, trong thời gian qua mặc dù số lượng người thực hiện TGPL và số vụ việc TGPL tại ĐBSCL có xu hướng tăng lên nhưng nhiều người dân, nhất là những người nghèo, người yếu thế chưa có nhiều cơ hội để tiếp cận với dịch vụ pháp lý hoặc chưa có thói quen sử dụng dịch vụ pháp lý, không thể tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi có tranh chấp hoặc tham gia tố tụng. Trong bối cảnh nhu cầu được TGPL pháp lý tăng cao, việc bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ TGPL có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ, giúp nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật của người dân từ đó có khả năng tự bảo vệ quyền lợi của mình, xử sự các QHXXH phù hợp với quy định của pháp luật. Việc tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ TGPL cần được thực hiện thông qua việc mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ TGPL tại địa phương, tăng cường hỗ trợ người nghèo tại các vùng sâu vùng xa, hạn chế bỏ sót đối tượng được TGPL.

Để tăng cường hỗ trợ người nghèo chủ động tiếp cận dịch vụ TGPL pháp lý, công tác tuyên truyền, hướng dẫn có vai trò quan trọng. Công tác tuyên truyền, phổ biến cần tác động sâu rộng tới người nghèo, khuyến khích họ chủ động liên hệ với Trung tâm TGPL Nhà nước tại các tỉnh, thành phố. Dưới góc độ các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng cần thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ trong việc thông tin, thông báo những người thuộc diện được TGPL là người nghèo cho các Trung tâm TGPL Nhà nước nhằm không để bỏ sót người được TGPL.

Thứ hai, THPL về TGPL cho người nghèo tại ĐBSCL cần đảm bảo quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Bảo vệ quyền con người, quyền công dân là mối quan tâm chung và được thống nhất nhận thức trong cộng đồng quốc tế, trong đó chính sách TGPL cho

người nghèo, người yếu thế, người dễ bị tổn thương trong xã hội là chính sách hữu hiệu để các Nhà nước bảo vệ quyền con người, quyền công dân thông qua pháp luật và các dịch vụ pháp lý. Tại Việt Nam, vấn đề quyền con người, quyền công dân là vấn đề cơ bản được ghi nhận trong suốt lịch sử lập hiến và được thể hiện rõ trong tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

Theo Điều 3 Hiến pháp năm 2013: *“Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”*. Ngoài ra, theo khoản 2 Điều 59: *“Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác”*. Trên cơ sở tinh thần của Hiến pháp, các văn bản QPPL hiện hành cũng đã cho thấy ý chí của Nhà nước trong việc sử dụng TGPL như một công cụ để đảm bảo quyền con người, quyền công dân. Bên cạnh các văn bản điều chỉnh trực tiếp hoạt động TGPL, Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015, Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 đã có các quy định về trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm TGPL cho các đối tượng theo quy định của pháp luật để họ thực hiện quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trước Tòa án; trách nhiệm của Thẩm phán trong việc giải thích, hướng dẫn cho đương sự biết để họ thực hiện quyền được yêu cầu TGPL theo quy định của pháp luật về TGPL; trách nhiệm của người TGPL trong hoạt động tố tụng... Có thể thấy rằng, dưới khía cạnh TGPL tham gia tố tụng, bộ luật TTDS đã có nhiều quy định để bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân của đương sự trong giải quyết vụ việc dân sự, trong đó ghi nhận quyền được TGPL trong các nguyên tắc tố tụng.

Trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, sự phát triển KT-XH cũng đồng thời làm sâu sắc hơn sự phân hoá giàu nghèo trong cộng đồng dân cư tại các vùng, các địa phương. Trong nhiều năm qua, Nhà nước đã có nhiều chính sách ưu đãi, khuyến khích, ưu tiên cho người nghèo nhằm hạn chế sự phân hoá này, tuy nhiên cuộc sống của nhóm người nghèo vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Khoảng cách về điều kiện kinh tế đã và đang kéo theo sự bất bình đẳng trong

việc tiếp xúc với các dịch vụ y tế, giáo dục và pháp lý. Việc tiếp cận pháp luật và các dịch vụ pháp lý dường như vẫn chưa được nhóm đối tượng này thực sự quan tâm, dẫn đến việc không bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi quyền và lợi ích bị xâm hại. Tại Việt Nam, TGPL ra đời với vai trò là chính sách bảo đảm quyền được tiếp cận dịch vụ pháp lý cho nhóm người yếu thế, mở rộng hơn là bảo đảm quyền con người, quyền công dân, là một bộ phận của tổng thể các chính sách xóa đói, giảm nghèo, đền ơn, đáp nghĩa, chính sách dân tộc và an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước ta. Cụ thể hơn, khả năng bảo vệ quyền con người, quyền công dân của hoạt động TGPL để thể hiện qua một số khía cạnh cơ bản sau:

- TGPL là dịch vụ pháp lý miễn phí, trong đó các đối tượng được TGPL sẽ được thụ hưởng các dịch vụ tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng và được bảo vệ khi tham gia tố tụng mà không phải trả phí. Yếu tố này thể hiện rất rõ tính chất trợ giúp của hoạt động TGPL bởi các đối tượng được TGPL là những đối tượng gặp nhiều khó khăn về kinh tế. Thông qua hoạt động TGPL, người dân được nâng cao hiểu biết pháp luật, có ý thức tuân thủ pháp luật, có cơ hội bình đẳng trong tiếp cận các dịch vụ pháp lý.

- TGPL còn là hoạt động có tính chất giám sát việc áp dụng, thực thi pháp luật, bảo đảm công bằng cho các đối tượng yếu thế. Đội ngũ người thực hiện TGPL, thông qua việc cung cấp dịch vụ, đã góp phần quan trọng trong việc đảm bảo các vụ việc được giải quyết đúng quy định của pháp luật, hạn chế sự lạm quyền, tùy tiện trong áp dụng pháp luật, bảo đảm công bằng, bình đẳng cho mọi công dân trước trong mối quan hệ với các cơ quan nhà nước.

- TGPL là hoạt động có tính chất tuyên truyền, giúp đảm bảo quyền con người, quyền công dân trong việc tiếp cận và nâng cao hiểu biết pháp luật. Với đặc thù của các nhóm đối tượng được TGPL là các đối tượng gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống, việc tiếp cận các dịch vụ pháp lý còn nhiều trở ngại, việc cung cấp dịch vụ TGPL miễn phí là một phương thức quan trọng để bảo đảm sự bình đẳng cho mọi đối tượng khi tiếp cận các dịch vụ pháp lý, tìm hiểu pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích khi bị xâm phạm.

Kể từ khi được xây dựng và phát triển, TGPL đã cho thấy tính nhân văn sâu sắc, sự phù hợp của công tác TGPL với nguyện vọng của toàn thể nhân dân và đường lối phát triển của đất nước. Bảo đảm quyền được TGPL đã trở thành trách nhiệm của Nhà nước và trách nhiệm chung của cộng đồng, góp phần xoá đói giảm nghèo về mặt pháp luật, nâng cao dân trí, đồng thời còn là yếu tố quan trọng hỗ trợ công tác cải cách hành chính, cải cách tư pháp. Việc THPL về TGPL cho người nghèo nói chung và người nghèo trên ĐBSCL nói riêng là cơ chế rất cần thiết để bảo đảm quyền con người, quyền công dân cho nhóm đối tượng yếu thế, làm mờ sự phân hoá giàu nghèo và sự bất bình đẳng trong tiếp cận các dịch vụ xã hội, góp phần thực hiện công bằng xã hội, phòng ngừa và hạn chế các vi phạm pháp luật.

Nhìn chung, để bảo vệ nguyên vẹn bản chất, ý nghĩa của hoạt động TGPL, việc THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL cần luôn được giám sát, định hướng nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận dịch vụ của người nghèo, đảm bảo mục tiêu của hoạt động TGPL luôn vì mục tiêu đảm bảo quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật thông qua một số phương hướng như sau:

- Nâng cao chất lượng và bảo đảm cung cấp đầy đủ dịch vụ TGPL cho người nghèo tại các địa phương đặc biệt khó khăn tại ĐBSCL, tổ chức TGPL lưu động và trực tiếp tại địa phương để nâng cao mức độ bao phủ của dịch vụ TGPL, chú trọng hơn tới hình thức tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tổ tụng, hoà giải giải quyết tranh chấp để giảm bớt áp lực lên hệ thống cơ quan tổ tụng, nâng cao hiểu biết pháp luật cho người nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo, được tư vấn pháp luật, phổ biến pháp luật.

- Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng TGPL cho những người thực hiện TGPL để nâng cao chất lượng và hiệu quả TGPL cho người nghèo, đào tạo kỹ năng TGPL cho người thực hiện TGPL phù hợp với đối tượng được TGPL;

- Quan tâm đến hoạt động tuyên truyền tại các địa phương vùng sâu, vùng xa, xây dựng các tài liệu có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân, quyền và nghĩa vụ của người được TGPL để phổ biến các quy định pháp luật liên quan đến quyền và các ưu đãi của Nhà nước dành cho người nghèo trong lĩnh vực pháp lý.

4.1.4. Tăng cường năng lực cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý có chất lượng cho người dân

Một trong những nguyên nhân có thể dẫn đến chất lượng vụ việc THPL về TGPL chưa được đánh giá cao là do trình độ, năng lực cung cấp dịch vụ TGPL từ phía tổ chức, cá nhân thực hiện công tác TGPL. Nhận diện được vấn đề đó, từ trước đến nay, việc đảm bảo năng lực cung cấp dịch vụ TGPL có chất lượng cho người dân luôn là một trong các nhiệm vụ quan trọng được nêu trong các chính sách liên quan tới công tác TGPL [74]. Đặc biệt, sau hai năm kinh tế-xã hội bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid 19 và sự ra đời của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, việc tiếp tục tăng cường hoạt động cung cấp dịch vụ TGPL này lại càng cấp thiết hơn [39].

Trong bối cảnh các chương trình giảm nghèo theo Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg đã hết thời hạn áp dụng, nhiệm vụ về việc nâng cao, tăng cường năng lực cung cấp dịch vụ TGPL cho người dân được đề cập tới trong một số văn bản quan trọng như:

(i) Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ được ban hành và có hiệu lực thi hành trên thực tế, giao nhiệm vụ cho Bộ Tư pháp nghiên cứu, hoàn thiện chính sách TGPL đối với người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

(ii) Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cũng nêu yêu cầu về việc “*nâng cao chất lượng dịch vụ công*”, “*đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín... của các cơ quan, tổ chức tham gia vào quá trình tổ tụng tư pháp*”, khẳng định vai trò và sự cần thiết nâng cao chất lượng, năng lực cung cấp dịch vụ của cơ quan, tổ chức có liên quan trong tổ tụng tư pháp.

(iii) Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới, nhiệm vụ về “*Xây dựng mạng lưới, nâng cao năng lực của hệ thống dịch vụ pháp lý, TGPL và hỗ trợ pháp lý để người dân, doanh nghiệp dễ tiếp cận pháp luật*”; “*Nâng cao vai trò, tính chuyên nghiệp và chất lượng TGPL, nhất là trong hoạt động tổ tụng tư pháp; hiện đại hóa, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống TGPL; mở rộng đối tượng được TGPL phù hợp với điều kiện của đất nước*” [28] cũng là một nội dung quan trọng được nhấn mạnh tại văn bản này.

(iv) Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 có đề ra nhiệm vụ: *“Hiện đại hóa, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống TGPL; nâng cao vai trò, năng lực, tính chuyên nghiệp và chất lượng hệ thống TGPL để người dân, doanh nghiệp dễ tiếp cận pháp luật; tăng cường công tác phối hợp TGPL trong hoạt động tổ tụng, trong hoạt động của chính quyền cơ sở”* [29].

Ngoài các văn bản trên, Công văn số 1234/BTP-TGPL ngày 04/04/2023 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn triển khai nội dung TGPL tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ, gửi các UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã đề nghị các cơ quan này quan tâm chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ *“Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của địa phương có trách nhiệm chủ động đề xuất, tổ chức thực hiện các giải pháp bảo đảm hiệu quả hoạt động TGPL, tăng cường kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả vụ việc TGPL; tăng cường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ, người thực hiện TGPL để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp nhằm cung cấp dịch vụ TGPL tốt nhất cho các đối tượng được TGPL”*.

Như vậy, thông qua các nội dung trên, có thể thấy, việc nâng cao chất lượng và tăng cường năng lực cung cấp dịch vụ TGPL có chất lượng cho người dân là hoạt động cần thiết phải tiến hành; trước hết là để thực hiện các nhiệm vụ được giao tại các văn bản pháp luật trên, mặt khác, đây cũng là yêu cầu được đặt ra nhằm cải thiện hơn công tác TGPL trên cả nước nói chung và vùng ĐBSCL nói riêng, đảm bảo các chủ thể có liên quan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về TGPL.

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang xây dựng Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ tăng cường hoạt động TGPL cho người thuộc hộ nghèo, người được TGPL giai đoạn 2023 – 2030. Dự thảo Quyết định có quy định việc tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức pháp luật cho người thực hiện TGPL và người tham gia TGPL theo khu vực, vùng miền và địa bàn khác nhau có thể được tổ chức theo hướng giao nhiệm vụ cho cả Trung ương (Cục TGPL, Bộ Tư pháp) và địa phương

(từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức) thực hiện các hình thức phù hợp như trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến để các chủ thể trên có thể dễ dàng tham gia hoạt động bồi dưỡng, đào tạo này [39]. Việc phân chia nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng TGPL cho người thực hiện TGPL phải đảm bảo theo quy định của Luật TGPL 2017; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức được quy định tại các văn bản pháp luật khác; và quy chế hoạt động của các cơ quan, tổ chức đó. Hoạt động này sẽ được tiến hành với các nhóm chủ thể sau:

Thứ nhất, cho người tham gia công tác TGPL, bao gồm các công chức, viên chức, chuyên viên, cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan, phối hợp thực hiện TGPL. Căn cứ vào tình hình cơ quan, đơn vị và theo nhiệm vụ được cơ quan nhà nước cấp trên giao phó, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị này sẽ quyết định việc bồi dưỡng, đào tạo về TGPL cho công chức, viên chức, chuyên viên và các cá nhân khác có liên quan.

Thứ hai, cho người thực hiện TGPL theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật TGPL 2017, bao gồm: Trợ giúp viên pháp lý; Luật sư thực hiện TGPL theo hợp đồng với Trung tâm TGPL nhà nước; luật sư thực hiện TGPL theo phân công của tổ chức tham gia TGPL; Tư vấn viên pháp luật có 02 năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật trở lên làm việc tại tổ chức tham gia TGPL; Cộng tác viên TGPL. Đồng thời, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 18 Luật TGPL 2017, người thực hiện TGPL có quyền được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ TGPL. Mục đích của quy định này là nhằm đảm bảo tốt hơn năng lực cung cấp dịch vụ TGPL của người thực hiện TGPL đối với các đối tượng được TGPL theo quy định của Luật. Bởi suy cho cùng, đây là các chủ thể trực tiếp cung cấp dịch vụ pháp lý cho người được TGPL. Nếu không quan tâm bồi dưỡng, nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng chuyên môn cho đội ngũ này, thì chất lượng của hoạt động TGPL ít nhiều sẽ bị ảnh hưởng.

Việc tổ chức bồi dưỡng, đào tạo về TGPL cho người thực hiện TGPL được giao cho các cơ quan nhà nước như Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Trung tâm TGPL...; tổ chức xã hội – nghề nghiệp của Luật sư; các tổ chức có liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật và theo nhiệm vụ được giao. Công tác bồi dưỡng đảm bảo nguyên tắc kịp thời, hiệu quả, đúng đối tượng, công khai, minh bạch và theo đúng kế hoạch được đề ra.

4.1.5. Thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo gắn với công tác xã hội hóa, huy động sự tham gia thực hiện, đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân cho hoạt động trợ giúp pháp lý

Xã hội hóa hoạt động TGPL là một chủ trương lớn của Đảng đã được nêu trong Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp nhằm thu hút các nguồn lực xã hội, sự tham gia của tổ chức, cá nhân trong việc chia sẻ trách nhiệm với Nhà nước trong công tác TGPL, mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ pháp lý của người dân, đồng thời giảm bớt gánh nặng lên các cơ quan nhà nước và hệ thống tư pháp. Việc sửa đổi, hoàn thiện quy định pháp luật về TGPL hay hoạt động triển công tác TGPL trên thực tế cần bám sát các chủ trương của Chính phủ trong việc xã hội hóa công tác tư pháp nói chung, cụ thể:

i) Tổ chức các cơ quan và tổ chức thực hiện TGPL một cách hợp lý, khoa học và hiện đại về cơ cấu tổ chức và điều kiện, phương tiện làm việc; Xây dựng và áp dụng các chính sách phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương để thu hút và giữ chân nguồn nhân lực thực hiện TGPL, tạo môi trường cạnh tranh giữa các nhóm đối tượng thực hiện TGPL để ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ.

ii) Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp, theo hướng đề cao quyền hạn, trách nhiệm pháp lý, nâng cao và cụ thể hóa tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm, kiến thức xã hội đối với từng loại cán bộ; Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện tham gia cùng Nhà nước thực hiện TGPL, đa dạng hóa nguồn lực thực hiện TGPL, tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân, thu hẹp sự phân hóa giàu nghèo trong việc tiếp cận với pháp luật đồng thời hỗ trợ đội ngũ Luật sư, cộng tác viên, tư vấn viên pháp lý thực hiện trách nhiệm xã hội.

iii) Hỗ trợ, khuyến khích, ghi nhận các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, đóng góp cho hoạt động TGPL, đồng thời có trách nhiệm tiếp nhận hỗ trợ, đóng góp của tổ chức, cá nhân cho công tác TGPL, góp phần bù đắp thiếu hụt về kinh phí để thực hiện và tổ chức thực hiện hoạt động TGPL trong điều kiện ngân sách nước ta còn hạn hẹp, đặc biệt là trong bối cảnh thực hiện cải cách hành chính, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN.

4.2. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, VIỆT NAM

4.2.1. Nhóm giải pháp chung

4.2.1.1. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện pháp luật về trợ giúp pháp lý, loại bỏ những quy định trùng lặp và bổ sung những quy định còn thiếu

Trong nhiều năm qua, công tác ban hành văn bản về TGPL khá đầy đủ, toàn diện và ngày càng được chú trọng, nhất là khi Luật TGPL năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực trên thực tế đã ngày càng đáp ứng nhu cầu của các đối tượng được TGPL. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực trong việc ban hành các quy định pháp luật về TGPL nói chung và TGPL cho người nghèo nói riêng, không thể phủ nhận rằng một số quy định vẫn còn tồn tại bất cập cần tiếp tục được hoàn thiện theo hướng sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ.

Thứ nhất, bổ sung các quy định về việc khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong xã hội tham gia hoạt động TGPL cho người nghèo.

Có thể thấy, Luật TGPL năm 2017 đang quy định 04 chủ thể là người thực hiện TGPL, gồm: trợ giúp viên pháp lý; luật sư; tư vấn viên pháp luật; cộng tác viên TGPL [75]. Các chủ thể này khi đáp ứng một số điều kiện nhất định theo quy định của Luật sẽ trở thành người thực hiện TGPL. Tuy nhiên, có thể thấy, phạm vi người thực hiện TGPL hiện hành còn hẹp, chưa tận dụng, khuyến khích được các chủ thể có hiểu biết sâu rộng về vấn đề pháp lý tham gia TGPL. Vì vậy, việc bổ sung các quy định nhằm mục đích khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong xã hội tham gia hoạt động TGPL là một nội dung cần thiết.

Việc mở rộng phạm vi người thực hiện TGPL có thể được tiến hành theo một trong hai cách sau:

Một là, bổ sung thêm một hoặc nhiều chủ thể là người thực hiện TGPL vào khoản 1 Điều 17 Luật TGPL năm 2017 bên cạnh 04 chủ thể hiện có. Trong trường hợp này, cũng cần bổ sung thêm các quy định liên quan tới điều kiện để trở thành người thực hiện TGPL của các chủ thể này.

Hai là, giữ nguyên quy định về việc công nhận 04 chủ thể tại khoản 1 Điều 17 Luật TGPL năm 2017 là người thực hiện TGPL và quy định lại các điều kiện để trở thành người thực hiện TGPL của 04 nhóm chủ thể này. Cụ thể, có thể cân nhắc quy

định lại các điều kiện để trở thành cộng tác viên TGPL theo mở rộng phạm vi chủ thể có thể trở thành cộng tác viên TGPL.

Trước đây, Luật TGPL năm 2006 quy định điều kiện để được công nhận là cộng tác viên TGPL rất rộng và khá chung chung, chỉ cần là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao, tự nguyện tham gia TGPL mà không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 của Luật TGPL 2006 thì được Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, công nhận và cấp thẻ cộng tác viên trong các trường hợp sau đây: (i) Người có bằng cử nhân luật; người có bằng đại học khác làm việc trong các ngành, nghề có liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; (ii) Người thường trú ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn, vùng DTTS và miền núi có bằng trung cấp luật hoặc có thời gian làm công tác pháp luật từ ba năm trở lên hoặc có kiến thức pháp luật và có uy tín trong cộng đồng; (iii) Luật sư, Tư vấn viên pháp luật [74]. Với quy định này thì cả những người không có chuyên môn pháp luật như già làng, trưởng bản... cũng có thể thực hiện TGPL, do đó chất lượng dịch vụ không cao (Tờ trình 335/TTr-CP ngày 23/9/2016 của Chính phủ về Dự án Luật TGPL, sửa đổi). Vì vậy, khắc phục những hạn chế của Luật TGPL 2006, Luật TGPL 2017 ra đời đã quy định theo hướng thu hẹp lại phạm vi người đủ điều kiện, tiêu chuẩn là cộng tác viên TGPL. Các quy định này được đánh giá là chặt chẽ hơn so với các quy định trước đây, tuy nhiên cũng gây ra một số khó khăn, hạn chế trong quá trình áp dụng bởi sự hạn chế này đã giới hạn nhóm đối tượng được tham gia làm cộng tác viên TGPL, dẫn tới việc không huy động được các chuyên gia, người làm công tác pháp luật lâu năm tham gia trở thành cộng tác viên TGPL. Hơn nữa, xét trong bối cảnh các địa bàn các huyện nghèo, điều kiện kinh tế khó khăn và đặc biệt khó khăn, thiếu đội ngũ các luật sư, tư vấn pháp luật, thậm chí là trợ giúp viên pháp lý, việc huy động các chủ thể trong xã hội tham gia làm cộng tác viên TGPL là một hoạt động cần thiết. Do vậy, cần hoàn thiện lại các quy định tại khoản Điều 24 Luật TGPL 2017 theo hướng ghi nhận cộng tác viên TGPL có thể là người nghiên cứu pháp luật, nghiên cứu chính sách, các giảng viên chuyên ngành luật và các cán bộ làm công tác pháp luật. Đây là các chủ thể có kiến thức, kỹ năng trong lĩnh vực pháp luật và hoàn toàn có khả năng cung cấp dịch

vụ TGPL. Điều này không chỉ giải quyết được nhu cầu mong muốn TGPL ngày càng tăng cao trong khi số lượng người thực hiện TGPL không thể đáp ứng mà còn đảm bảo không bỏ sót, lãng phí các đối tượng có kiến thức pháp luật có thể tham gia làm cộng tác viên TGPL và về lâu dài sẽ là tiền đề cho hoạt động TGPL nói chung và TGPL cho người nghèo nói riêng phát triển bền vững.

Ngoài nội dung trên, việc ban hành các chính sách khuyến khích các đối tượng khác trong xã hội, ngoài cá nhóm chủ thể được quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật TGPL 2017 thực hiện hoạt động TGPL cũng là nội dung có thể cân nhắc và phát triển nhằm tận dụng một cách tối đa nhất nguồn lực thực hiện TGPL. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, trường hợp bổ sung các chủ thể có thể thực hiện hoạt động TGPL nhưng không tiến hành mở rộng phạm vi người thực hiện TGPL trong Luật TGPL 2017, các chủ thể mới này sẽ không thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật TGPL 2017. Điều này đặt ra nhu cầu phát triển một hệ thống các quy định pháp luật chặt chẽ để đảm bảo công tác TGPL được diễn ra trong khuôn khổ, đạt hiệu quả cao.

Thứ hai, bổ sung các quy định về cơ chế đảm bảo các điều kiện về nguồn lực kinh phí, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, phương tiện đi lại cho các Trung tâm TGPL nhà nước để tương xứng với các yêu cầu, nhiệm vụ của tổ chức này.

Hiện nay, quy định về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan TGPL nhà nước, trong đó có các Trung tâm TGPL nhà nước được quy định tại Thông tư 59/2020/TT-BTC. Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư 59/2020/TT-BTC, nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động TGPL gồm: Nguồn tài chính cho công tác TGPL bao gồm nguồn ngân sách nhà nước; đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan TGPL nhà nước thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan [7]. Đối với địa phương chưa tự cân đối được ngân sách, các địa phương có trách nhiệm ưu tiên bố trí ngân sách từ số bổ sung cân đối ngân sách hàng năm để hỗ trợ cho việc thực hiện vụ việc TGPL phức tạp, điển hình theo quy định [65]. Kinh phí hoạt động của cơ quan TGPL nhà nước phải được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng theo tiêu chuẩn chế độ chi tiêu tài chính hiện

hành, thực hiện chế độ báo cáo quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định của pháp luật [7]. Tuy nhiên, thực tế tại các địa phương cho thấy kinh phí cấp cho hoạt động này còn thấp so với yêu cầu. Trong khi đó, việc huy động, hỗ trợ nguồn lực tài chính trong xã hội đối với công tác này chưa được thường xuyên nên việc triển khai một số hoạt động còn hình thức, chất lượng chưa cao. Điều này dẫn tới chi phí chi cho vận hành hoạt động, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc tại một số địa phương vẫn còn thiếu thốn hạn chế và có thể kể đến như các tỉnh tại vùng ĐBSCL.

Mặt khác, hiện nay, theo Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ và Công văn 1345/BTP-TGPL ngày 10/4/2023 của Bộ Tư pháp gửi Sở Tư pháp các tỉnh, việc bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất cho Trung tâm GPL nhà nước và các Chi nhánh (nếu có) của Trung tâm hoạt động hiệu quả là một trong các nhiệm vụ quan trọng cần giải quyết càng sớm càng tốt nhằm đảm bảo hoạt động của các Trung tâm này, tạo điều kiện để thực hiện tốt hơn nữa công tác GPL. Với nội dung này, Sở Tư pháp được giao lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính trình UBND cấp tỉnh phê duyệt bố trí, bổ sung, nâng cấp máy móc, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin và vận hành hiệu quả các phần mềm, hệ thống thông tin quản lý GPL cho Trung tâm GPL nhà nước. Tuy nhiên, hiện nay vẫn thiếu quy định hướng dẫn cụ thể, chi tiết cho hoạt động này dẫn tới thực trạng nhiều Trung tâm GPL nhà nước vẫn chưa đảm bảo điều kiện trang thiết bị để phục vụ hoạt động của mình.

Ngoài việc ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết, cụ thể nội dung trên, các nhà làm luật có thể bổ sung cũng như ban hành thêm các chính sách nhằm khuyến khích các nguồn lực khác trong xã hội thực hiện tài trợ cho các Trung tâm GPL nhà nước. Đây sẽ là một nguồn kinh phí quan trọng, bên cạnh ngân sách nhà nước, góp phần không nhỏ vào công cuộc phát triển hoạt động GPL nếu như nguồn kinh phí này được tận dụng.

Thứ ba, bổ sung các quy định về hoạt động kiểm tra, giám sát công tác GPL nói chung và GPL cho người nghèo nói riêng.

Có thể đánh giá, các hoạt động kiểm tra, giám sát thường xuyên, liên tục và có tổ chức trong công tác thực hiện pháp luật nói chung và công tác THPL về GPL cho người nghèo nói riêng đóng vai trò quan trọng trong việc phát hiện những vi phạm và giải quyết các khó khăn, vướng mắc của tổ chức thực hiện GPL, người thực hiện GPL và người được GPL.

Trong Luật TGPL 2017, trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc thực hiện hoạt động TGPL thuộc về Bộ Tư pháp. UBND cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình sẽ thực hiện QLNN về TGPL tại địa phương. Đối với hoạt động giám sát, Luật đã có quy định rõ, Liên đoàn Luật sư Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trong quản lý, giám sát việc thực hiện TGPL của tổ chức hành nghề luật sư, luật sư theo quy định của pháp luật; Đoàn Luật sư tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp trong quản lý, giám sát việc thực hiện TGPL của tổ chức hành nghề luật sư, luật sư theo quy định của pháp luật; Tổ chức chủ quản của tổ chức tư vấn pháp luật có trách nhiệm phối hợp với cơ quan QLNN có thẩm quyền về TGPL trong quản lý, giám sát việc thực hiện TGPL của tổ chức tư vấn pháp luật, tư vấn viên pháp luật theo quy định của pháp luật. Như vậy, Luật TGPL 2017 đã phân định rõ trách nhiệm kiểm tra và trách nhiệm giám sát hoạt động TGPL thuộc về các cơ quan khác nhau. Tuy nhiên, sự phân tách và các quy định này chưa thực sự phù hợp với thực tiễn. Xét về bản chất, kiểm tra và giám sát đều là hoạt động được tiến hành nhằm mục đích nắm vững và đánh giá đúng thực chất tình hình, để từ đó phòng ngừa, ngăn chặn, điều chỉnh mọi hành vi của tổ chức và cá nhân. Điểm khác nhau giữa kiểm tra và giám sát được thể hiện ở chỗ, nếu giám sát là việc làm thường xuyên, liên tục để chủ động phòng ngừa xảy ra vi phạm từ lúc manh nha, sau giám sát có thông báo kết quả giám sát, thì kiểm tra là nhằm mục đích để làm rõ đúng sai, sau kiểm tra phải có kết luận và xử lý (nếu có) [142]. Như vậy, với cách hiểu này, các cơ quan, tổ chức hoạt động TGPL được quy định tại Chương VI của Luật TGPL 2017 đều có thể thực hiện hoạt động giám sát công tác TGPL. Ngoài ra, với quy định hiện nay là ghi nhận sự phối hợp giữa Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Bộ Tư pháp trong việc quản lý, giám sát việc thực hiện TGPL tại tổ chức hành nghề luật sư, luật sư theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật TGPL 2017 nhưng lại không quy định trách nhiệm giám sát việc thực hiện hoạt động TGPL của Bộ Tư pháp. Vì vậy, cần thiết bổ sung quy định về trách nhiệm giám sát việc thực hiện hoạt động TGPL của Bộ Tư pháp tại điểm g khoản 2 Điều 40 Luật TGPL năm 2017 để đảm bảo thống nhất trong các quy định của pháp luật.

Ngoài ra, có thể thấy, các văn bản quy định về công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động TGPL hiện nay còn ít, chưa có quy định tổng thể hướng dẫn việc thực hiện công tác này trong phạm vi cả nước. Điều này có thể dẫn tới sự không thống nhất, đồng bộ khi kiểm tra, giám sát hoạt động TGPL. Vì vậy, để đảm bảo công tác kiểm tra, giám sát này được hiệu quả, cần thiết bổ sung thêm các quy định làm rõ về công tác này trong việc thực hiện hoạt động TGPL, bao gồm các quy định chi rõ trách nhiệm kiểm tra, giám sát thuộc về cơ quan nào; định kỳ kiểm tra, giám sát; nội dung kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện các kết luận, kết quả sau cuộc kiểm tra, giám sát đó... để từ đó tạo định hướng cho công tác kiểm tra, giám sát này được thực hiện có hiệu quả hơn.

4.2.1.2. Tăng cường công tác giáo dục pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long

Không thể phủ nhận rằng, pháp luật luôn phản ánh, điều chỉnh các QHXXH phát sinh trong đời sống hàng ngày, do đó, pháp luật sẽ luôn có tính lạc hậu hơn so với sự phát triển của xã hội. Vì vậy, để pháp luật có thể đi vào đời sống, được áp dụng và tuân thủ một cách đầy đủ, chặt chẽ, việc phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân đóng vai trò vô cùng quan trọng, tác động vào ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người dân, đảm bảo được chức năng của pháp luật là điều chỉnh các quan hệ pháp luật phát sinh. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm truyền tải tinh thần Hiến pháp và các văn bản pháp luật, từ đó giáo dục, nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật của mọi công dân trong xã hội. Điều này là cần thiết cho việc hình thành và phát huy ý thức pháp luật, niềm tin pháp luật ở mỗi con người, góp phần vào việc thiết lập trật tự pháp luật và văn hóa pháp luật trong đời sống xã hội.

Trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về TGPL cho người dân trên địa bàn các tỉnh vùng ĐBSCL, trong đó bao gồm người nghèo, đây được đánh giá là một trong những giải pháp mang tính bền vững, lâu dài, áp dụng trực tiếp đối với đối tượng được TGPL là người nghèo và tạo điều kiện để pháp luật đi vào đời sống xã hội, điều chỉnh các quan hệ pháp luật. Ngoài ra, hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật về TGPL cho người dân, đặc biệt là người nghèo trong vùng ĐBSCL lại càng đóng vai trò quan trọng hơn do đặc điểm về vị trí địa lý, KT-XH, văn hóa của vùng này có nhiều sự khác

biệt so với các vùng khác, tác động không nhỏ tới khả năng tiếp cận pháp luật của người dân trên địa bàn. Đặc biệt, trong lĩnh vực giáo dục, thống kê tại trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL cho thấy, chất lượng giáo dục hiện chưa theo kịp các vùng miền khác [68]. Tỷ lệ bỏ học tại vùng này cũng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến số người học tại các bậc học, làm giảm số lượng, chất lượng và trình độ lao động chung của toàn vùng. Mặt khác, người nghèo trong vùng cũng chưa thể hiện sự quan tâm tới các vấn đề pháp lý, dẫn tới tình trạng thờ ơ đối với pháp luật và giảm khả năng tiếp cận pháp luật của nhóm đối tượng này. Hơn nữa, do tình trạng di dân cao, chủ yếu tập trung vào các thành phố lớn để sinh sống, học tập và làm việc, nên nhiều tỉnh trên địa bàn vùng ĐBSCL thiếu nguồn nhân lực để thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật tới người dân. Điều này đặt ra nhu cầu cấp thiết trong việc đề ra các giải pháp để tăng cường công tác giáo dục pháp luật về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL.

Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật TGPL 2017, người được TGPL có 08 quyền và 09 nghĩa vụ cơ bản, trong đó có nghĩa vụ về việc chấp hành pháp luật về TGPL và nội quy nơi thực hiện TGPL [75]. Để đối tượng được TGPL, bao gồm người nghèo, trong vùng ĐBSCL có thể nhận thức và chấp hành các quy định trên, thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật là một giải pháp quan trọng tạo điều kiện để nhóm đối tượng này có thể hiểu hơn về quyền và nghĩa vụ của mình trong công tác TGPL. Từ đây làm tiền đề cho việc sử dụng các quyền về TGPL được tốt hơn và thực hiện hiệu quả, đầy đủ nghĩa vụ TGPL.

Để tăng cường công tác giáo dục pháp luật về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL, cần quan tâm tới một số vấn đề sau:

Thứ nhất, trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn và chức năng của mình, các cơ quan nhà nước tiếp tục đẩy mạnh hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật theo Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012.

Theo quy định tại Điều 3 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, phổ biến, giáo dục pháp luật là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt. Nhà nước bảo đảm nguồn lực cần thiết cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thực hiện xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp

luật. Đồng thời, Nhà nước cũng đảm bảo, tạo điều kiện cho công dân thực hiện quyền và được thông tin về pháp luật [72].

Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật có thể được tổ chức dưới các hình thức như:

Một là, hợp báo, thông cáo báo chí.

Hai là, phổ biến pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật.

Ba là, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, panô, áp-phích, tranh cổ động; đăng tải trên Công báo; đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử; niêm yết tại trụ sở, bảng tin của cơ quan, tổ chức, khu dân cư.

Bốn là, tổ chức thi tìm hiểu pháp luật.

Năm là, thông qua công tác xét xử, xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hoạt động khác của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; thông qua hoạt động TGPL, hòa giải ở cơ sở.

Sáu là, lồng ghép trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của tổ chức chính trị và các đoàn thể, câu lạc bộ, tủ sách pháp luật và các thiết chế văn hóa khác ở cơ sở.

Bảy là, thông qua chương trình giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

Tám là, các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật khác [72]

Việc phổ biến, giáo dục pháp luật về TGPL cho người nghèo phải đảm bảo các nguyên tắc sau: (i) Chính xác, đầy đủ, rõ ràng, dễ hiểu, thiết thực; (ii) Kịp thời, thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm; (iii) Đa dạng các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật, phù hợp với nhu cầu, lứa tuổi, trình độ của đối tượng được phổ biến, giáo dục pháp luật và truyền thông, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc; (iv) Gắn với việc thi hành pháp luật, thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước, của địa phương và đời sống hằng ngày của người dân; (iv) Phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan, tổ chức, gia đình và xã hội [72]. Nội dung và hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật về TGPL cho người nghèo phải tránh tình trạng dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm. Khi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TGPL cho người

nghèo, cần đảm bảo giải thích, phân tích cho người dân để đối tượng này hiểu, nắm được các quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản trong việc thực hiện hoạt động TGPL. Bên cạnh các hình thức phổ biến, giáo dục theo cách thức truyền thống là truyền miệng, cần tích cực khai thác các ứng dụng công nghệ thông tin, mạng internet; xây dựng và đưa vào sử dụng rộng rãi các cơ sở dữ liệu pháp luật điện tử, củng cố và phát triển hệ thống thông tin pháp luật phù hợp tại các cơ quan, tổ chức để người dân có thể truy cập và theo dõi; đảm bảo hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật dần đi vào nề nếp theo kế hoạch, chương trình cụ thể, phù hợp với nhóm đối tượng nhất định và điều kiện của địa bàn thực hiện.

Thứ hai, huy động mọi nguồn lực cần thiết để tham gia hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật về TGPL cho người nghèo.

Một trong các nhân tố quyết định sự thành công của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về TGPL tới nhóm đối tượng là người nghèo, chính là đội ngũ cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Chương III của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật 2012 đã phân tách rõ trách nhiệm phổ biến, giáo dục pháp luật của các cơ quan, tổ chức và cá nhân như các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các cơ sở giáo dục, gia đình và cá nhân các đại biểu (đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp), cán bộ, công chức, viên chức... Ngoài các đội ngũ cán bộ chuyên trách này, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật 2012 cũng khuyến khích và có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật; huy động các nguồn lực xã hội đóng góp cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Vì vậy, đảm bảo thu hút hơn nữa các lực lượng đông đảo này tham gia hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật về TGPL cho người được TGPL có thể thúc đẩy quá trình giáo dục này nhanh chóng đạt kết quả, mục tiêu đã đề ra.

Thứ ba, nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật về TGPL tới người nghèo.

Là chủ thể quan trọng thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật về TGPL cho người nghèo, việc chú trọng củng cố, phát huy vai trò của người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là hoạt động cần thiết phải tiến hành thường xuyên, liên tục; cần chú trọng đảm bảo các cơ quan, tổ chức thực hiện công tác này được kiện

toàn, đủ thành phần, có quy chế làm việc rõ ràng để hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công. Các cá nhân làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật phải làm tốt vai trò trong việc tham mưu để triển khai hoạt động theo đúng kế hoạch, nội dung, nhiệm vụ đã được đề ra, phù hợp với tình hình tại địa phương. Đồng thời, cũng cần lưu ý việc bồi dưỡng, đào tạo cho nguồn lực này để nâng cao tinh thần trách nhiệm, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ trong quá trình thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TGPL cho người nghèo.

4.2.1.3. Giải pháp cho hoạt động trợ giúp pháp lý người nghèo trong bối cảnh tác động của sáp nhập tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cách mạng tinh gọn bộ máy

Thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những khu vực có quy mô sáp nhập lớn nhất cả nước. Theo đó, từ 13 tỉnh, thành phố hiện nay (bao gồm thành phố Cần Thơ, An Giang, Bến Tre, Bạc Liêu, Cà Mau, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh và Vĩnh Long), vùng Đồng bằng sông Cửu Long sẽ được tổ chức lại thành 05 đơn vị hành chính cấp tỉnh, bao gồm: thành phố Cần Thơ (hợp nhất từ thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang), tỉnh Vĩnh Long (hợp nhất từ tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Vĩnh Long), tỉnh Đồng Tháp (hợp nhất từ tỉnh Tiền Giang và tỉnh Đồng Tháp), tỉnh An Giang (hợp nhất từ tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang, tỉnh Long An và tỉnh Bạc Liêu), tỉnh Cà Mau (hợp nhất từ tỉnh Cà Mau). Đây là cuộc cách mạng về tổ chức bộ máy với quy mô lớn nhất trong lịch sử hành chính Việt Nam kể từ sau năm 1975, đặt ra nhiều thách thức nhưng cũng mở ra cơ hội để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ nhân dân.

Việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh kéo theo sự tái cấu trúc toàn diện hệ thống tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Hiện nay, mỗi tỉnh có một Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trực thuộc Sở Tư pháp, với tổng số 13 Trung tâm và hàng chục Chi nhánh trợ giúp pháp lý tại vùng này. Sau khi sáp nhập, số lượng Trung tâm trợ giúp pháp lý sẽ giảm xuống còn 05 Trung tâm tương

ứng với 05 đơn vị hành chính cấp tỉnh mới. Theo kinh nghiệm thực tiễn tại tỉnh Gia Lai, việc sáp nhập các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước là xu hướng tất yếu trong tiến trình tinh gọn bộ máy. Tuy nhiên, điều đáng lo ngại là quy mô diện tích và dân số của các tỉnh mới sau sáp nhập tăng lên gấp 2-4 lần so với trước đây, trong khi số lượng trợ giúp viên pháp lý và nguồn lực tài chính không tăng tương ứng. Đặc biệt, với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (bỏ cấp huyện) có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, các Chi nhánh trợ giúp pháp lý đặt tại cấp huyện trước đây sẽ phải tái cấu trúc hoặc giải thể, làm tăng khoảng cách địa lý giữa người dân với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý. Điều này đặt ra nguy cơ người nghèo, đặc biệt là người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số như vùng Tứ giác Long Xuyên, vùng Đồng Tháp Mười sẽ gặp khó khăn hơn trong việc tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí.

Quá trình sáp nhập tỉnh và tinh gọn bộ máy đặt ra một số khó khăn, vướng mắc cần được nhận diện và giải quyết để bảo đảm quyền được trợ giúp pháp lý của người nghèo. *Thứ nhất*, về khoảng cách địa lý, sau sáp nhập, diện tích của tỉnh An Giang mới lên đến 9.889,74 km², tỉnh Vĩnh Long mới đạt 6.296,20 km², tỉnh Đồng Tháp mới đạt 5.938,64 km², trong khi chỉ có một Trung tâm trợ giúp pháp lý duy nhất đặt tại trung tâm hành chính tỉnh. Người nghèo ở các xã vùng sâu, vùng xa có thể phải di chuyển hàng trăm km để tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý, gây tốn kém chi phí và thời gian. *Thứ hai*, về nhân lực, việc tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 19-NQ/TW có thể ảnh hưởng đến số lượng trợ giúp viên pháp lý, trong khi khối lượng công việc tăng do quy mô dân số lớn hơn. *Thứ ba*, về cơ sở vật chất, trụ sở, trang thiết bị của các Trung tâm trợ giúp pháp lý cũ cần được sắp xếp, bố trí lại, có thể gây gián đoạn hoạt động trong giai đoạn chuyển tiếp. *Thứ tư*, về cơ sở dữ liệu, hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý của các tỉnh cũ cần được hợp nhất, chuyển đổi sang hệ thống quản lý mới, đòi hỏi sự đồng bộ về công nghệ thông tin. *Thứ năm*, về nhận thức của người dân, việc thay đổi địa giới hành chính có thể khiến người nghèo lúng túng trong việc xác định cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận yêu cầu trợ giúp pháp lý.

Để khắc phục những khó khăn nêu trên và bảo đảm quyền được trợ giúp pháp lý của người nghèo trong bối cảnh sáp nhập tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp sau:

Về tổ chức bộ máy, cần nghiên cứu thành lập các Điểm trợ giúp pháp lý lưu động hoặc Văn phòng đại diện của Trung tâm trợ giúp pháp lý tại các xã, phường có số lượng người thuộc diện trợ giúp pháp lý lớn, thay thế cho các Chi nhánh trợ giúp pháp lý cấp huyện bị giải thể. Theo Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Trung tâm trợ giúp pháp lý là đơn vị cung cấp dịch vụ thiết yếu, không thuộc diện cắt giảm 10% biên chế, do đó cần đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh mới bổ sung biên chế cho Trung tâm trợ giúp pháp lý tương xứng với quy mô dân số và diện tích sau sáp nhập.

Về ứng dụng công nghệ thông tin, cần đẩy mạnh triển khai đường dây nóng trợ giúp pháp lý và ứng dụng trợ giúp pháp lý trên điện thoại di động theo mô hình Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý đang thí điểm tại các tỉnh Điện Biên và Lào Cai, cho phép người dân gửi yêu cầu trợ giúp pháp lý trực tuyến, theo dõi lịch hẹn và nhận tư vấn pháp luật từ xa mà không cần di chuyển đến trụ sở Trung tâm.

Về phối hợp liên ngành, cần tăng cường cơ chế phối hợp giữa Trung tâm trợ giúp pháp lý với Ủy ban nhân dân cấp xã, Tổ hòa giải, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, già làng, trưởng bản để kịp thời phát hiện nhu cầu trợ giúp pháp lý và chuyển gửi vụ việc cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

Để triển khai hiệu quả các giải pháp nêu trên trong quá trình sáp nhập tỉnh, cần đảm bảo một số điều kiện quan trọng.

Về thể chế pháp lý, cần rà soát, sửa đổi Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và Nghị định số 144/2017/NĐ-CP theo hướng bổ sung quy định về mô hình tổ chức Trung tâm trợ giúp pháp lý phù hợp với các tỉnh có quy mô lớn sau sáp nhập, cho phép thành lập các đơn vị trực thuộc Trung tâm tại các vùng xa trung tâm hành chính. *Về nguồn lực tài chính*, cần bố trí kinh phí từ ngân sách trung ương hỗ trợ một lần cho các Trung tâm trợ giúp pháp lý tại các tỉnh mới theo quy định tại Điều 15 Nghị quyết 76/2025/UBTVQH15 (100 tỷ đồng cho mỗi đơn vị hành chính cấp tỉnh giảm) để đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, phương tiện đi lại phục vụ hoạt động trợ giúp pháp lý lưu động.

Về nhân lực, cần có chính sách bố trí, sắp xếp hợp lý đội ngũ trợ giúp viên pháp lý từ các Trung tâm cũ sang Trung tâm mới, đảm bảo không để "chảy máu" nguồn

nhân lực có kinh nghiệm; đồng thời mở rộng nguồn lực xã hội hóa thông qua việc ký hợp đồng với luật sư, tổ chức hành nghề luật sư tham gia trợ giúp pháp lý. *Về chuyển đổi số*, cần tích hợp dữ liệu về người thuộc diện trợ giúp pháp lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và ứng dụng VNeID, cho phép xác thực tự động tư cách người được trợ giúp pháp lý khi họ yêu cầu dịch vụ, giảm thiểu thủ tục hành chính.

Về truyền thông, cần tổ chức chiến dịch truyền thông rộng rãi ngay sau khi sáp nhập tỉnh để thông báo cho người dân về địa chỉ, số điện thoại, phương thức liên hệ mới của Trung tâm trợ giúp pháp lý, đảm bảo quyền tiếp cận thông tin về trợ giúp pháp lý của người nghèo không bị gián đoạn trong giai đoạn chuyển tiếp. Việc thực hiện đồng bộ các điều kiện này sẽ góp phần biến thách thức từ cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy thành cơ hội để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động trợ giúp pháp lý.

4.2.2. Nhóm giải pháp cụ thể

4.2.2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long

Sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng vừa là yếu tố tiên quyết, cơ bản và quan trọng tác động đến hiệu quả của việc THPL về TGPL, đồng thời là điều kiện có tính chất then chốt, quyết định đến việc hoạt động TGPL trên thực tế có đang phát triển hiệu quả và đúng định hướng hay không. Có thể thấy rằng, hoạt động TGPL nói chung và TGPL cho người nghèo tại ĐBSCL nói riêng trong suốt thời gian qua luôn được Đảng Cộng sản Việt Nam và các cấp ủy Đảng chú trọng, thể hiện qua những chủ trương, chính sách cụ thể, giúp công tác TGPL trở thành công cụ hữu hiệu để bảo vệ quyền con người, quyền công dân bảo vệ người yếu thế, đảm bảo bình đẳng, công bằng xã hội. Các cấp ủy Đảng đã ngày càng nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò của hoạt động TGPL, từ đó thúc đẩy hoạt động TGPL cho người nghèo tại ĐBSCL đạt được những kết quả tích cực. Để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động TGPL tại ĐBSCL phù hợp với mục tiêu chung thể hiện tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới, đồng thời đảm bảo việc THPL về TGPL cho người nghèo

tại ĐBSCL bám sát quan điểm chỉ đạo của Đảng, các cấp ủy Đảng tại các địa phương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, huyện ủy, thị ủy, thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, ban cán sự Đảng, các sở, ban, ngành cần tiếp tục đẩy mạnh, tập trung thực hiện một số nội dung như sau:

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng về ý nghĩa của hoạt động TGPL và vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng. Với đối tượng nâng cao nhận thức là đội ngũ Đảng viên và các cấp quản lý, nội dung tuyên truyền, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức sẽ gồm 02 nội dung: ý nghĩa của hoạt động TGPL đối với xã hội, cộng đồng; vai trò của các cấp ủy Đảng trong việc triển khai thực hiện pháp luật. Dưới góc độ nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng về hoạt động TGPL, vấn đề cần thiết đặt ra đó là cần thực hiện phổ biến sâu rộng Luật TGPL năm 2017 và các văn bản pháp luật liên quan, nhằm giúp cho cán bộ, Đảng viên, đội ngũ công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên có nhận thức sâu sắc về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác TGPL. Khác với đặc điểm của việc tuyên truyền pháp luật TGPL cho cộng đồng cần đơn giản, dễ hiểu, dễ tiếp cận, có tính đại chúng cao, việc nâng cao nhận thức pháp luật cho đội ngũ quản lý cần thực sự sâu sắc, giúp lực lượng cán bộ, Đảng viên, công chức, viên chức hiểu đúng và đủ tinh thần và bản chất của các quy định pháp luật, đảm bảo cho các quy định này được thực hiện thống nhất trên thực tiễn, tránh việc đưa ra các phương án quản lý hoặc áp dụng các quy định không đúng bản chất. Dưới góc độ nâng cao nhận thức về vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với việc THPL về TGPL thì các cấp ủy đảng, các cán bộ, Đảng viên cần được thường xuyên nhắc nhở nêu cao vai trò trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn để không ngừng nâng cao chất lượng TGPL cho các đối tượng nói chung và cho người nghèo nói riêng. Các nhiệm vụ này cần được các cấp ủy Đảng coi là nhiệm vụ cơ bản, quan trọng, cần được triển khai thường xuyên dưới các hình thức như: tổ chức cập nhật, tập huấn, hướng dẫn triển khai các văn bản pháp luật mới ban hành; tổ chức các cuộc thi để đánh giá mức độ nhận thức của các cán bộ Đảng viên đối với công tác TGPL tại địa phương; sâu sát với người dân các địa phương để có những đánh giá về tính hiệu quả của các chính sách quản lý, lãnh đạo,...

Thứ hai, các cấp ủy Đảng cần tiếp tục đổi mới, đảm bảo chất lượng của công tác xây dựng, ban hành, áp dụng các nghị quyết về TGPL. Việc ban hành, triển khai

các nghị quyết, cùng với hệ thống văn bản quyết định, chỉ thị, kết luận, quy chế, quy định, thông tri, hướng dẫn,... là một phương thức lãnh đạo quan trọng và chủ yếu của Đảng. Vấn đề quan trọng đặt ra là việc ban hành các nghị quyết nói chung và nghị quyết về hoạt động TGPL nói riêng cần thiết thực, khả thi, ngắn gọn, việc ban hành nghị quyết cần gắn với nhu cầu quản lý, chỉ đạo thực sự cần thiết và hợp lý, tránh ban hành chồng chéo nội dung, đường lối không rõ ràng và sửa đổi, bổ sung nhiều lần, gây khó khăn cho việc THPL về TGPL. Trên thực tế, vấn đề đổi mới việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đã được nêu ra khá sớm trong quá trình đổi mới, công tác TGPL cho người nghèo trên địa bàn ĐBSCL tuy chưa được đề cập trực tiếp trong các nghị quyết, chỉ thị Đảng tuy nhiên đều đã được ghi nhận trong các nghị quyết, chỉ thị về một số vấn đề chung bao trùm như công tác cải cách tư pháp, công tác giảm nghèo bền vững,... Trong thời gian tới, để nâng cao chất lượng lãnh đạo đối với công tác TGPL cho người nghèo tại ĐBSCL, các cấp ủy Đảng cần nỗ lực hơn nữa trong công tác đổi mới, nâng cao chất lượng của hoạt động ban hành, xây dựng các nghị quyết, chỉ thị Đảng nói chung, thể chế hóa quy trình ban hành, sơ kết, tổng kết các nghị quyết của Đảng dựa trên nguyên tắc khách quan, dân chủ, coi trọng việc lấy ý kiến các tầng lớp nhân dân, quan tâm hơn đến việc phát hiện những hạn chế, khuyết điểm trong quá trình ban hành, xây dựng, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị. Bên cạnh việc ban hành nghị quyết, việc đảm bảo nghị quyết được thực hiện hiệu quả trên thực tiễn cũng là vấn đề quan trọng. Việc áp dụng nghị quyết cần gắn với quá trình đánh giá, cân đối nguồn lực thực hiện, có phân công, phân cấp rõ ràng để đảm bảo công tác tổ chức thực hiện các nghị quyết liên quan đến hoạt động TGPL cho người nghèo được thực hiện nghiêm túc, khoa học, có tinh thần trách nhiệm.

Thứ ba, các cấp ủy Đảng tăng cường chỉ đạo, phát triển đội ngũ Luật sư trong hoạt động TGPL trên địa bàn ĐBSCL đáp ứng mục tiêu xã hội hóa công tác TGPL. Có thể thấy rằng, với tư cách là một lực lượng thực hiện TGPL theo quy định của pháp luật, đội ngũ Luật sư đã tham gia vào hoạt động TGPL trong suốt quá trình hình thành và phát triển của hoạt động này, là yếu tố quan trọng để đánh giá mức độ xã hội hóa của công tác TGPL. Thông qua công tác chỉ đạo đội ngũ Luật sư

tích cực tham gia vào hoạt động TGPL cho người nghèo tại ĐBSCL, các cấp ủy Đảng có thể nâng cao chất lượng lãnh đạo đối với công tác hỗ trợ tư pháp nói chung và hoạt động TGPL nói riêng. Phương hướng lãnh đạo cần tập trung khuyến khích các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật đăng ký tham gia TGPL, đặc biệt là cung cấp dịch vụ TGPL tại các địa phương còn nhiều khó khăn tại ĐBSCL, đảm bảo người nghèo tại mọi địa phương đều có cơ hội tiếp cận dịch vụ, nâng cao hiểu biết pháp luật. Về hoạt động của các Đảng bộ đoàn Luật sư ở các địa phương thuộc ĐBSCL, tổ chức Đảng cần gắn kết được đội ngũ Luật sư – Đảng viên, nhấn mạnh sứ mệnh xã hội cao cả của nghề Luật sư thông qua hoạt động TGPL, nâng cao nhận thức của đội ngũ Luật sư về ý nghĩa của hoạt động TGPL đối với cộng đồng, đối với trách nhiệm của bản thân Luật sư trong việc bảo vệ công lý, bảo vệ pháp chế XHCN, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN.

Thứ tư, các cấp ủy Đảng cần đề cao hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội khác đối với công tác tư pháp nói chung và hoạt động TGPL nói riêng. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong THPL về TGPL cho người nghèo tại ĐBSCL còn được thể hiện qua việc phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại các tỉnh, thành phố, các tổ chức thành viên, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể nhân dân về tổ chức và hoạt động TGPL, đối tượng người nghèo được TGPL, quyền và nghĩa vụ của người được TGPL, đồng thời có chỉ đạo và các chính sách khuyến khích, tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và các cá nhân khác tham gia hoạt động TGPL bằng các hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật.

Thứ năm, các cấp ủy Đảng cần tăng cường phối hợp với Ban Cán sự Đảng tại các cơ quan nhà nước khác trong việc thực hiện pháp luật và giám sát THPL về TGPL. Để tăng cường hiệu quả lãnh đạo, quản lý, các cấp ủy Đảng tại các địa phương ĐBSCL cần chủ động, tích cực, thường xuyên kết hợp Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh, Ban cán sự Đảng Tòa án nhân dân tỉnh, Ban cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, để tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Chỉ thị Đảng, các quy định của pháp luật về TGPL, đồng thời tăng cường

công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác TGPL đúng quy định của pháp luật, phù hợp với chủ trương lãnh đạo của Đảng và định hướng KT-XH.

4.2.2.2. Nâng cao hiểu biết pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long

Là đội ngũ quan trọng trong công tác TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh vùng ĐBSCL, việc triển khai các biện pháp nhằm nâng cao hiểu biết pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật của các cá nhân, tổ chức thực hiện TGPL là hoạt động cần tiến hành thường xuyên, liên tục, có tổ chức.

Thứ nhất, đối với người thực hiện Trợ giúp pháp lý.

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 18 Luật TGPL năm 2017, người thực hiện TGPL có quyền được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ TGPL. Quy định này nhằm đảm bảo người thực hiện TGPL có kỹ năng, nghiệp vụ tốt để phục vụ hoạt động TGPL nói chung và TGPL cho người nghèo nói riêng. Nếu các chủ thể này có hiểu biết pháp luật và chấp hành nghiêm các quy định này, người thực hiện TGPL có thể vừa thực hiện hoạt động TGPL, vừa có thể tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tới người dân để đối tượng này có thêm hiểu biết về các quy định của pháp luật và thực hiện một cách đúng đắn. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý, do khoản 1 Điều 17 Luật TGPL năm 2017 quy định 04 nhóm chủ thể thực hiện TGPL là: Trợ giúp viên pháp lý; Luật sư; Tư vấn viên pháp luật; Cộng tác viên pháp lý, mỗi chủ thể đều mang đặc điểm riêng của từng ngành nghề và quá trình đào tạo nghề của các nhóm chủ thể này là khác nhau. Vì vậy, giải pháp nâng cao hiểu biết pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật của từng nhóm chủ thể này cũng được thực hiện khác nhau, phù hợp với đặc thù nghề nghiệp. Trong phần này, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

Một là, với Trợ giúp viên pháp lý

Có thể thấy, một trong các tiêu chuẩn để trở thành trợ giúp viên pháp lý là đã được đào tạo nghề luật sư hoặc được miễn đào tạo nghề luật sư, đã qua thời gian tập sự hành nghề luật sư hoặc tập sự TGPL. Như vậy, đây là đối tượng đã có hiểu biết nhất định đối với hệ thống pháp luật, dẫn tới định hướng đưa ra các giải pháp nâng cao hiểu biết pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật cũng trở nên đặc thù.

- Thực hiện giáo dục, đào tạo: Trên thực tế, giáo dục là một trong các biện pháp được áp dụng phổ biến nhằm nâng cao hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật của một chủ thể nhất định nào đó. Tương tự với trợ giúp viên pháp lý, việc giáo dục để nâng cao hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật cũng là hoạt động cần quan tâm. Với nhóm chủ thể này, cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng theo hướng khơi dậy tinh thần tự giác học tập, tự giác trao đổi kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và tự làm chủ tri thức, thay vì phương pháp giảng dạy lý thuyết, thiếu thực hành, phù hợp với bối cảnh. Ngoài ra, cũng cần kết hợp đào tạo và kiểm tra định kỳ năng lực của đội ngũ trợ giúp viên pháp lý; thực hiện rà soát trợ giúp viên pháp lý để qua đó phát hiện thiếu sót, khó khăn trong quá trình thực hiện TGPL để có hướng giải quyết phù hợp.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng của trợ giúp viên pháp lý trên địa bàn các tỉnh vùng ĐBSCL để có cái nhìn toàn cảnh đối với đội ngũ này. Từ kết quả kiểm tra, đánh giá chất lượng này, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể hiểu hơn về những hạn chế trong kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ mà các trợ giúp viên pháp lý trong vùng còn gặp khó khăn khi giải quyết. Kết quả này sẽ là cơ sở để tiếp tục cải thiện quy trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng trợ giúp viên pháp lý, đảm bảo nâng cao hiểu biết pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật về TGPL của nhóm chủ thể này.

Hai là, với Luật sư

Khác với các chủ thể khác trong nhóm chủ thể thực hiện TGPL, Luật sư là chủ thể đã, đang và sẽ hành nghề luật, có kinh nghiệm trong việc giải quyết các vụ việc, vấn đề pháp lý cho khách hàng. Chính vì vậy, giải pháp liên quan tới nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật về TGPL dành cho nhóm đối tượng này không nên tập trung nhiều vào công tác giáo dục, đào tạo mà cần đầu tư vào việc tuyên truyền, phổ biến để nâng cao số lượng Luật sư thực hiện hoạt động TGPL. Để thực hiện giải pháp này, tác giả đề xuất đẩy mạnh vai trò, trách nhiệm của Đoàn Luật sư trong việc tổ chức hoạt động TGPL, huy động sự chủ động tham gia của các tổ chức hành nghề Luật sư thực hiện công tác này.

Ba là, với Tư vấn viên pháp luật

Tương tự như trợ giúp viên pháp lý, các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả và THPL về TGPL của tư vấn viên pháp luật là tương đồng với nhóm chủ thể là trợ giúp viên pháp lý. Trong đó, cần đẩy mạnh công tác đào tạo, giáo dục, bồi dưỡng để nâng cao năng lực của tư vấn viên pháp luật phù hợp với đặc thù của nhóm chủ thể này. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Luật TGPL 2017, tư vấn viên pháp luật thực hiện TGPL có 02 năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật trở lên làm việc tại tổ chức tham gia TGPL. Yêu cầu về kinh nghiệm của tư vấn viên pháp luật được đặt ra là ít nhất 02 năm kinh nghiệm. Như vậy, để đảm bảo công tác TGPL của nhóm chủ thể này, cần tích cực trau dồi, trao đổi kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ khi hành nghề luật để tư vấn viên pháp luật có thể hiểu rõ hơn về nhiều khía cạnh của pháp luật, hiểu đầy đủ sứ mệnh, vai trò, nhiệm vụ trong việc thực hiện TGPL cũng như các chính sách khuyến khích một số nhóm đối tượng trong xã hội tham gia công tác TGPL để đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước và sự phát triển của riêng địa bàn các tỉnh vùng ĐBSCL. Ngoài công tác giáo dục đào tạo, việc kiểm tra, giám sát, đánh giá cũng là yếu tố quan trọng giúp công tác giáo dục đào tạo được thực hiện một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, kết hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên internet và tại các cơ quan, tổ chức hành nghề luật để mang các nguồn thông tin liên quan tới pháp luật về TGPL tới gần hơn nhóm chủ thể là tư vấn viên pháp luật.

Bốn là, với cộng tác viên Trợ giúp pháp lý

Đây là nhóm chủ thể thực hiện TGPL khá đặc biệt do liên quan tới nhóm người đã nghỉ hưu là: trợ giúp viên pháp lý; thẩm phán, thẩm tra viên ngành Tòa án; kiểm sát viên, kiểm tra viên ngành kiểm sát; điều tra viên; chấp hành viên, thẩm tra viên thi hành án dân sự; chuyên viên làm công tác pháp luật tại các cơ quan nhà nước. Vì vậy, với nhóm chủ thể này thì việc nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật về TGPL không nên tập trung ở công tác giáo dục, đào tạo kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ mà nên chú trọng cập nhật tình hình hoạt động TGPL tại địa bàn, xu hướng cũng như bối cảnh thực hiện hoạt động này để cộng tác viên TGPL khi thực hiện TGPL có thể đưa ra các giải pháp pháp lý phù hợp với tình hình phát triển kinh tế-xã hội. Ngoài ra, đối với công tác giáo dục như đã kể trên, không nên

đặt nặng việc thực hiện công tác giáo dục, đào tạo kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ cho nhóm này. Tuy nhiên, không vì vậy mà không thực hiện hoạt động giáo dục đối với cộng tác viên TGPL bởi điều này là vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 Điều 18 về quyền của người thực hiện TGPL. Cần lưu ý thiết kế chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với đối tượng này để đảm bảo tận dụng tốt nhất các nguồn lực hiện có cho công tác TGPL.

Thứ hai, đối với tổ chức thực hiện Trợ giúp pháp lý

Theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật TGPL 2017, tổ chức thực hiện TGPL bao gồm Trung tâm TGPL nhà nước và tổ chức tham gia TGPL (bao gồm tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật ký kết hợp đồng thực hiện TGPL với Sở Tư pháp theo quy định của Luật này). Vì vậy, việc nâng cao hiểu biết pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh vùng ĐBSCL sẽ được áp dụng đối với các công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các tổ chức trên (sau đây gọi tắt là “người làm việc”).

Cũng giống như 04 nhóm chủ thể thực hiện TGPL, việc đào tạo, bồi dưỡng liên quan tới công tác TGPL là hoạt động quan trọng nhằm nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật về TGPL. Công tác này không chỉ có vai trò đối với chính nhóm người làm việc được đào tạo, bồi dưỡng mà nó còn là bước đệm quan trọng để công tác TGPL trong tương lai được thực hiện một cách dễ dàng, thuận tiện và phù hợp với từng nhóm người được TGPL, nhất là người nghèo. Cần lưu ý, pháp luật hiện hành về TGPL không quy định trách nhiệm thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cho người làm việc trong tổ chức thực hiện TGPL. Vì vậy, việc giáo dục, đào tạo này nên được thực hiện định kì theo quy định của từng cơ quan, đơn vị. Các cơ quan, tổ chức này cần có kế hoạch giáo dục, đào tạo rõ ràng, cần đặt mục tiêu nâng cao hiểu biết pháp luật và áp dụng pháp luật về TGPL cho người nghèo làm trọng tâm đào tạo để từ đó thiết kế chương trình đào tạo cho phù hợp.

4.2.2.3. Tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ Trợ giúp pháp lý của người nghèo trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và phát triển các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật

Như đã đề cập, trong thời gian qua mặc dù hoạt động TGPL cho người nghèo tại ĐBSCL có những bước tiến đáng ghi nhận, lực lượng thực hiện TGPL đã có sự tăng lên về cả số lượng và chất lượng nhưng nhiều người dân, nhất là những người nghèo vẫn chưa thực sự có cơ hội và thói quen tiếp cận với dịch vụ pháp lý, chưa có thói quen tham vấn ý kiến của những người có kiến thức chuyên sâu về pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân. Theo quan điểm của người viết, việc hạn chế trong tiếp cận thông tin về TGPL là nguyên nhân chính dẫn đến việc người dân chưa chủ động tìm đến tổ chức, cá nhân thực hiện TGPL. Vì vậy, việc tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ TGPL của người nghèo trên ĐBSCL cần gắn chặt với việc phát triển, tăng cường hoạt động tuyên truyền, truyền thông về TGPL.

Thứ nhất, để đảm bảo tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ TGPL tham gia tổ tụng cho người nghèo thì các Trung tâm TGPL Nhà nước tại các tỉnh ĐBSCL cần nghiên cứu kết hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng như công an, tòa án,... để thiết kế mô hình hỗ trợ trực tiếp TGPL tại trụ sở của các cơ quan tiến hành tố tụng. Trong quá trình làm việc với các cơ quan này, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo... sẽ được tiếp cận sớm với TGPL, được tư vấn kịp thời để hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình trong sử dụng dịch vụ TGPL. Việc áp dụng phương án này cần được cân nhắc xem xét dựa trên điều kiện đặc thù của từng địa phương, điều kiện cơ sở vật chất của các cơ quan tiến hành tố tụng và nguồn nhân lực thực hiện TGPL tại các tỉnh ĐBSCL.

Thứ hai, tổ chức đào tạo, tập huấn và nâng cao hiểu biết về TGPL cho nhóm đối tượng thường xuyên tiếp xúc với người dân như cán bộ xã, phường, đội ngũ giáo viên, công an xã, trưởng thôn... Việc kết hợp với các nhóm đối tượng này để thực hiện phổ biến kiến thức về TGPL sẽ có hiệu quả hơn do đây là những nhóm đối tượng có điều kiện sâu sát và có lòng tin của nhân dân, có uy tín trong cộng đồng dân cư, đồng thời hiểu rõ đặc điểm dân cư trong khu vực sinh sống để có những cách tiếp cận phù hợp. Ngoài ra, do một bộ phận người dân nghèo sinh sống tại các vùng sâu, vùng xa chưa có thói quen tiếp xúc với cơ quan nhà nước, dễ có tâm lý e ngại, lo lắng nên việc lồng ghép hoạt động tuyên truyền TGPL cho lực lượng thường xuyên tiếp xúc với người dân thực hiện sẽ thuận lợi, hiệu quả hơn, mở rộng phạm vi của hoạt động tuyên truyền.

Thứ ba, các hình thức tuyên truyền cần được đặc thù hóa để phù hợp với điều kiện xã hội từng địa phương, trình độ dân trí của người dân, đặc biệt là phù hợp với nhóm người nghèo còn gặp nhiều khó khăn trong việc thụ hưởng đầy đủ các dịch vụ giáo dục. Bên cạnh các phương thức truyền thống như báo, đài phát thanh, truyền hình,..., các đơn vị thực hiện hoạt động truyền thông cần quan tâm đến các phương thức dễ tiếp cận khác như vẽ tranh, kịch nói, các câu chuyện pháp luật... để đảm bảo khả năng tiếp cận và hiểu được nội dung tuyên truyền của người nghèo.

Thứ tư, xây dựng, áp dụng và duy trì ổn định đường dây nóng về TGPL để người dân có thể được trực tiếp hướng dẫn giải quyết các tranh chấp, giải đáp các vướng mắc pháp luật và được tư vấn pháp luật trong các trường hợp cần thiết. Phương án này khi được triển khai sẽ có phạm vi bao phủ rộng, giúp hỗ trợ đảm bảo khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân ở những vùng sâu, vùng xa tại các tỉnh ĐBSCL, đồng thời cũng là một phương thức tiết kiệm chi phí cho người dân, tương đối dễ dàng sử dụng mà chỉ cần một số hướng dẫn đơn giản. Bên cạnh đó, hệ thống đường dây nóng có thể kết nối với các cơ quan tiến hành tố tụng để các cơ quan này chủ động thông báo cho Trung tâm TGPL nhà nước, các cá nhân, tổ chức thực hiện TGPL về đối tượng có nhu cầu TGPL để đảm bảo không bỏ sót đối tượng được TGPL.

Bên cạnh việc tiếp tục duy trì, phát triển hoạt động tuyên truyền, các Sở Tư pháp các địa phương cần tăng cường kiểm tra, đánh giá việc thực hiện tuân thủ các quy định về trách nhiệm của các cơ quan, người tiến hành tố tụng về hướng dẫn quyền lợi của người được TGPL trong quá trình tố tụng và thông báo về các cá nhân thuộc diện TGPL đến các trung tâm TGPL Nhà nước. Có thể coi nội dung này là một nội dung rất quan trọng trong việc mở rộng khả năng tiếp cận các dịch vụ TGPL của người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL bởi việc thực hiện này giúp những đối tượng thuộc diện được TGPL có quyền được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trước Tòa án, đảm bảo khả năng tiếp cận TGPL. Theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm TGPL cho các đối tượng theo quy định của pháp luật để họ thực hiện quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trước Tòa án, Thẩm phán có nhiệm vụ giải thích, hướng dẫn cho đương sự biết để họ thực hiện

quyền được yêu cầu TGPL theo quy định của pháp luật về TGPL. Đồng thời, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Luật tố tụng hành chính năm 2015, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 đều thống nhất ghi nhận nguyên tắc bảo đảm quyền được TGPL của các nhóm đối tượng được TGPL, quy định trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải thích, hướng dẫn cho người bị tạm giữ, tạm giam, các đương sự biết để họ thực hiện quyền được yêu cầu TGPL. Quy định pháp luật trong vấn đề này đã tương đối rõ ràng, vấn đề tiếp theo đặt ra là cần có sự kiểm tra, giám sát để các trách nhiệm này của cơ quan, người tiến hành tố tụng được thực hiện đầy đủ trên thực tế, tránh tình trạng cơ quan tiến hành tố tụng không hiểu rõ về các đối tượng được TGPL dẫn đến bỏ sót người được TGPL, không phổ biến quyền cho người được TGPL khiến người dân không biết và không thực hiện được quyền của mình.

4.2.2.4. Tăng cường khả năng cung cấp dịch vụ Trợ giúp pháp lý cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, tăng cường công tác xây dựng bộ máy, đào tạo nguồn nhân lực thực hiện Trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Tăng cường khả năng cung cấp dịch vụ TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL là việc thực hiện các giải pháp nhằm tăng cường khả năng và trách nhiệm của cơ quan quản lý TGPL, người tham gia công tác TGPL và người thực hiện TGPL. Tác giả xin đưa ra một số giải pháp cụ thể với các nhóm đối tượng này như sau:

Thứ nhất, thực hiện các giải pháp để tăng cường năng lực, trách nhiệm của cơ quan quản lý TGPL ở Trung ương và địa phương

Hiện nay, việc quản lý hoạt động TGPL được thực hiện theo hai cấp là Trung ương và địa phương. Tại Trung ương, Cục TGPL là đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp QLNN về công tác TGPL trong phạm vi cả nước; thực hiện quản lý chuyên ngành về TGPL theo quy định của pháp luật [83]. Ở địa phương, Sở Tư pháp là cơ quan thuộc UBND tỉnh có chức năng, nhiệm vụ QLNN về TGPL tại địa phương. Trung tâm TGPL nhà nước là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp, có tư cách pháp nhân, có con dấu, trụ sở và tài khoản riêng. Luật TGPL 2017 đã phân tách rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý

TGPL ở Trung ương và địa phương nhằm đảm bảo việc QLNN trong lĩnh vực TGPL trên thực tế được thuận tiện và hiệu quả hơn. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng, công tác TGPL trên cả nước nói chung và trên địa bàn các tỉnh vùng ĐBSCL nói riêng có phát triển hay không, phần quan trọng là phụ thuộc vào bộ máy quản lý, điều hành của các cơ quan quản lý TGPL tại Trung ương và địa phương. Vì vậy, việc tăng cường năng lực, trách nhiệm của các cơ quan này là vấn đề cần thiết thực hiện và có thể được thực hiện trong các khía cạnh như:

Một là, thu hút nguồn lực cho công tác TGPL. Nguồn lực thực hiện công tác TGPL cho người nghèo bao gồm nguồn lực về nhân lực thực hiện TGPL và nguồn lực về mặt tài chính (huy động các nguồn kinh phí tư nhân cho việc thực hiện công tác TGPL tại địa phương). Các cơ quan quản lý TGPL trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL có thể thực hiện thu hút các nguồn lực trên bằng việc nghiên cứu, ban hành các chính sách, kế hoạch, quy định liên quan tới vấn đề ưu đãi cho các đối tượng tham gia vào hoạt động TGPL tại vùng trên cơ sở các quy định của pháp luật. Các quy định này cần chỉ ra được tiềm năng phát triển hoạt động TGPL cho người nghèo trên các địa bàn và quyền lợi mà người tham gia công tác TGPL được hưởng khi thực hiện hoạt động này. Ngoài ra, việc thu hút nguồn lực tham gia TGPL có thể được thực hiện thông qua các hình thức khác như tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tới các đối tượng tiềm năng của hoạt động này để các đối tượng này nhận thức được tầm quan trọng và trách nhiệm xã hội khi thực hiện hoạt động TGPL cho người nghèo. Muốn hoàn thành tốt các hoạt động này thì phải thường xuyên bồi dưỡng, đánh giá và đề ra kế hoạch để cơ quan quản lý TGPL thực hiện là giải pháp quan trọng giúp tăng cường năng lực và trách nhiệm cho nhóm cơ quan này.

Hai là, kiểm tra, giám sát, theo dõi và đánh giá có hiệu quả chất lượng dịch vụ TGPL. Hoạt động TGPL cho người nghèo chỉ thực sự có hiệu quả khi việc kiểm tra, giám sát được tiến hành thường xuyên, liên tục, đồng bộ và có hiệu quả nhằm phát hiện các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện TGPL trên thực tế, từ đây có thể đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả chất lượng dịch vụ. Điều này đặt ra nhu cầu tiến hành các buổi kiểm tra, giám sát tại các tổ chức thực hiện TGPL và đối với người thực hiện TGPL. Khi đó, chú trọng nâng cao năng lực, nghiệp vụ về kiểm

tra, giám sát, theo dõi, đánh giá của các cơ quan quản lý sẽ góp phần không nhỏ vào việc thúc đẩy hoạt động TGPL được tiến hành minh bạch, phù hợp.

Ba là, nghiên cứu để hoàn thiện bộ công cụ, các tiêu chí đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác TGPL và chất lượng vụ việc TGPL theo hướng dễ áp dụng và phản ánh đúng, khách quan chất lượng dịch vụ TGPL trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL, đem lại sự hành lòng và tin cậy của họ khi sử dụng TGPL.

Bốn là, tiếp tục kiện toàn, tăng cường năng lực của Trung tâm TGPL nhà nước tương xứng với vị trí là đơn vị cung cấp sự nghiệp công thiết yếu, kiện toàn các Chi nhánh đã có, thành lập Chi nhánh mới khi đáp ứng yêu cầu của Luật TGPL và đáp ứng nhu cầu thực tế tại địa phương [143]. Việc kiện toàn có thể được tiến hành trên các mặt như nhân sự, đảm bảo điều kiện làm việc, cơ sở vật chất của Trung tâm để tương ứng với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị này.

Thứ hai, chú trọng nâng cao năng lực thực hiện TGPL cho người nghèo của các chủ thể tham gia công tác TGPL, bao gồm các công chức, viên chức, chuyên viên, cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan, phối hợp thực hiện TGPL thông qua hoạt động bồi dưỡng, đào tạo.

Các cơ quan, đơn vị quản lý các chủ thể này cần ban hành các kế hoạch, quy định để tiến hành bồi dưỡng, đào tạo về TGPL cho các đối tượng này. Việc bồi dưỡng, đào tạo cần được tiến hành thường xuyên, liên tục, có chất lượng để từ đó, các cán bộ, công chức, viên chức và các cá nhân khác có liên quan có thể nhân danh đơn vị mình, thực hiện các đổi mới, cải tiến để nâng cao chất lượng của công tác TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh vùng ĐBSCL.

Thứ ba, chú trọng nâng cao năng lực cho người thực hiện TGPL thông qua hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, hội thảo hoặc các hình thức khác phù hợp với địa phương.

Đây là đội ngũ quan trọng trong công tác TGPL cho người nghèo nên cần chú trọng vào việc nâng cao năng lực cho nhóm chủ thể này. Mục đích của hoạt động này là nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cao về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL trong khi số lượng, chất lượng của người thực hiện TGPL trong vùng chưa cao so với các vùng khác trên cả nước.

Về hình thức thực hiện, hoạt động nâng cao năng lực cho người thực hiện TGPL sẽ được tiến hành thông qua các buổi đào tạo, bồi dưỡng, hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm của các diễn giả tới người nghe. Các hoạt động này cần được tiến hành theo định kỳ với nhiều chủ đề pháp luật khác nhau trong đời sống xã hội để người thực hiện TGPL có thể được tiếp cận nhiều với các lĩnh vực pháp lý, tạo điều kiện trong việc mở rộng góc nhìn pháp luật của các đối tượng này, thuận lợi trong việc cung cấp dịch vụ TGPL cho người nghèo.

Về nội dung, các buổi đào tạo, bồi dưỡng này có thể tập trung vào việc chia sẻ kỹ năng, kinh nghiệm TGPL trong quá trình tham gia tố tụng hình sự, dân sự, hành chính cho đội ngũ người thực hiện TGPL từ nhiều góc nhìn của người hành nghề luật và các cơ quan khác như Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan Công an để người thực hiện TGPL có thể tiếp cận toàn diện vấn đề để phục vụ cho quá trình TGPL của mình; tập huấn, rút kinh nghiệm về các phiên tòa tranh tụng theo tinh thần cải cách tư pháp. Đặc biệt, trong đào tạo, bồi dưỡng, cần tập trung nhiều vào các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, tiếp xúc đương sự; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ việc; kỹ năng tra cứu văn bản pháp luật; kỹ năng soạn thảo các giấy tờ, văn bản phục vụ cho hoạt động TGPL; kỹ năng lồng ghép giới trong thực hiện TGPL...

Về cách thức tổ chức tập huấn, việc tập huấn có thể diễn ra dưới hình thức trực tuyến, tập huấn trực tiếp hoặc kết hợp tập huấn trực tuyến với tập huấn trực tiếp. Có thể tổ chức dưới dạng hội nghị tập trung hoặc các buổi tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm giữa các nhóm chủ thể khác nhau.

Về định hướng tập huấn, luôn luôn đề cao định hướng lấy người học làm trung tâm, tăng cường tối đa khả năng tương tác của học viên, tăng thời lượng thực hành các tình huống cụ thể, qua đó trang bị cho học viên kỹ năng giải quyết các tình huống thực tế.

Về giảng viên thực hiện, đây là chủ thể quan trọng trong công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng năng lực cho người thực hiện TGPL. Vì vậy, cần lựa chọn những giảng viên là người có chuyên môn cao, có kỹ năng sư phạm, có kinh nghiệm thực tiễn giải quyết các vụ việc trong lĩnh vực giảng dạy.

4.2.2.5. Tăng cường lồng ghép công tác Trợ giúp pháp lý với các chính sách an sinh xã hội cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long

Sau nhiều năm hình thành và phát triển, hoạt động TGPL đã thực sự đi vào đời sống, giúp nhiều người nghèo và các đối tượng khác được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong nhiều mặt của xã hội, mang tới tín hiệu tích cực trong việc phát triển hơn nữa hoạt động này trong tương lai. Phải khẳng định rằng, tuy không phải là một trong các trụ cột chính của chính sách an sinh xã hội nhưng TGPL luôn là một trong các chính sách có ý nghĩa nhân văn, nhân đạo sâu sắc trong tổng thể các chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật [36].

Tại Việt Nam, các trụ cột trong chính sách an sinh xã hội bao gồm [98]:

- (i) Bảo hiểm xã hội nhằm bảo vệ thu nhập trước những rủi ro, biến cố gắn với lao động;
- (ii) Bảo hiểm thất nghiệp nhằm bù đắp thu nhập người lao động mất việc làm và hỗ trợ quay trở lại thị trường lao động;
- (iii) Bảo hiểm y tế nhằm chăm sóc và bảo vệ sức khỏe mọi người dân;
- (iv) Trợ giúp xã hội đối với các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt;
- (v) Ưu đãi xã hội trên các lĩnh vực của đời sống xã hội đối với đối tượng người có công;
- (vi) Các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin.

Trong các chính sách này, trợ giúp xã hội là chính sách có mối quan hệ gần gũi nhất với các chính sách liên quan tới TGPL. Đối với trợ giúp xã hội, quan hệ trợ giúp xã hội là QHXXH phát sinh giữa nhà nước, cộng đồng với các thành viên xã hội khi lâm vào hoàn cảnh bất hạnh, rủi ro, nghèo đói... không đủ khả năng đảm bảo cuộc sống của bản thân và gia đình bằng những hỗ trợ vật chất và tinh thần trên các lĩnh vực của cuộc sống. Đối tượng hưởng trợ giúp xã hội là bất kì cá nhân nào lâm vào hoàn cảnh khó khăn, trong đó bao gồm người nghèo. Trách nhiệm trợ giúp các đối tượng này thuộc về nhà nước, với chức năng quản lí xã hội và bảo vệ cho các thành viên của mình. Ngoài ra, các tổ chức và cá nhân khác ngoài Nhà nước có thể thực hiện trợ giúp trên tinh thần tự nguyện, từ thiện với tư cách chia sẻ rủi ro giữa

những người trong cùng xã hội [98]. Với cách hiểu này, trợ giúp xã hội có những điểm gần gũi với cứu tế xã hội, cứu trợ xã hội và bảo trợ xã hội và có sự tương đồng nhất định với TGPL. Điểm khác nhau cơ bản giữa chính sách về trợ giúp xã hội và TGPL thể hiện ở chỗ là nếu trợ giúp xã hội được hiểu là các khoản hỗ trợ của Nhà nước dành cho các đối tượng hưởng trợ giúp xã hội trong một số hoàn cảnh nhất định, thì TGPL là việc hỗ trợ trong lĩnh vực pháp lý bằng việc cung cấp các dịch vụ pháp lý cho các đối tượng hưởng TGPL. Tuy nhiên, nếu chỉ xét tới đối tượng được trợ giúp là người nghèo, thì trợ giúp xã hội và TGPL là hai nội dung có mối quan hệ gần gũi nhau trong hệ thống an sinh xã hội. Mối quan hệ này được thể hiện rõ nhất trong các chính sách giảm nghèo, khi mà phần lớn chính sách về TGPL cho người nghèo đều gắn với chủ trương, chính sách, kế hoạch về xóa đói giảm nghèo, giảm nghèo bền vững, đa chiều...

Do nhu cầu được giúp đỡ về mặt pháp lý của người nghèo, công tác TGPL trên cả nước nói chung và trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL nói riêng luôn được gắn cùng công tác giảm nghèo trong các chính sách an sinh xã hội, phát triển KT-XH. Nội dung về TGPL cho người nghèo đã được quy định tại nhiều văn bản khác nhau như Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị... của cơ quan có thẩm quyền, thể hiện các chiến lược về xóa đói giảm nghèo; chương trình phát triển KT-XH tại vùng đặc biệt khó khăn, chương trình hỗ trợ giảm nghèo; hay các kế hoạch về giảm nghèo bền vững, thường xuyên... Việc thực hiện các quy định này đã mang lại nhiều hiệu quả, giúp đỡ được nhiều đối tượng người nghèo trong vùng tiếp cận với pháp luật, từ đó bảo vệ được quyền lợi của họ trước các tình huống pháp lý phát sinh.

Tuy nhiên, trên thực tế thì không phải tất cả người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL đều có cơ hội tiếp cận với các chính sách giảm nghèo để biết các quyền lợi mà họ được hưởng. Đa phần các đối tượng này đều biết tới chính sách giảm nghèo, song chỉ dừng lại ở những nội dung rất cơ bản mà chưa có góc nhìn toàn cảnh về các chính sách này. Do đó, tình trạng bỏ sót, chưa tận dụng được đầy đủ các ưu đãi trong chính sách giảm nghèo cũng là thực trạng xảy ra tại các tỉnh vùng ĐBSCL trong thời gian gần đây. Vì vậy, để tránh thực trạng này, cần tích cực giới thiệu để giúp người dân có đầy đủ thông tin về các chính sách giảm nghèo mà

họ được thụ hưởng bên cạnh việc triển khai nhiều chương trình, chính sách hỗ trợ người nghèo. Cần xác định rõ, một trong những điều quan trọng nhất trong công tác giảm nghèo là phải thay đổi nhận thức về cái nghèo, thay đổi tư duy, xóa nghèo từ trong tư tưởng để người dân nghèo tự lực vươn lên thoát nghèo.

Các chính sách giảm nghèo này có thể được tiến hành dựa trên các nội dung sau:

Về mục đích, đảm bảo người nghèo có thể tiếp cận với các quy định pháp luật về giảm nghèo để có thể tự mình bảo vệ quyền lợi hợp pháp trong các trường hợp cụ thể; chú trọng tới việc lồng ghép công tác TGPL với các chính sách an sinh xã hội khác cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL.

Về hình thức, hoạt động giới thiệu này có thể thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, hoặc thông qua THPL về TGPL khi chủ thể thực hiện TGPL tiến hành cung cấp dịch vụ TGPL cho đối tượng được TGPL nói chung và người nghèo nói riêng, từ đây nâng cao nhận thức để người dân phát huy tinh thần tự lực vươn lên.

Về nội dung, công tác giảm nghèo cần tập trung vào việc giúp người dân nghèo hiểu rõ về các chủ trương của Đảng và Nhà nước, chính sách pháp luật hỗ trợ công tác giảm nghèo; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan trong công tác giảm nghèo; bổ sung kiến thức, kỹ năng cho người nghèo, tạo thuận lợi thực hiện mục tiêu giảm nghèo. Cần lưu ý khi thực hiện các nội dung này, phải lồng ghép thêm các vấn đề về THPL về TGPL như người được TGPL, các vấn đề được TGPL và trình tự, thủ tục để được nhận TGPL; kết hợp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục để người nghèo biết tới quyền được TGPL của họ.

Ngoài nội dung về giới thiệu chính sách giảm nghèo như trên, công tác TGPL có thể được lồng ghép với các chính sách hỗ trợ người dân nghèo thực hiện thủ tục hành chính để thụ hưởng chính sách giảm nghèo. Về cơ bản, Việt Nam đang trong quá trình thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính và chuyển hướng phát triển Văn phòng số, Chính phủ số nên nhiều thủ tục hành chính đã được đơn giản hóa và điện tử hóa nhằm tạo điều kiện cho người dân khi thực hiện các thủ tục một cách thuận tiện. Với sự đổi mới này, không phải ai cũng có thể bắt kịp xu thế chuyển đổi để có cách thức thích nghi và phản ứng phù hợp, đặc biệt là đối tượng nhóm người nghèo.

Sự khó khăn trong việc tiếp cận pháp luật, các nguồn thông tin liên quan tới pháp luật của nhóm người nghèo đã khiến các chủ thể này chưa kịp cập nhật và thực hiện một cách đầy đủ, hiệu quả các thủ tục hành chính liên quan tới chính sách giảm nghèo nói chung và TGPL nói riêng. Vì vậy, cần thiết phải trợ giúp, hỗ trợ người dân khi thực hiện các thủ tục để thụ hưởng chính sách giảm nghèo và các chính sách an sinh xã hội khác. Việc thực hiện này có thể được lồng ghép khi người thực hiện TGPL thực hiện TGPL cho người nghèo hoặc thông qua các hướng dẫn trên các phương tiện thông tin đại chúng... để đảm bảo người nghèo có thể tiếp cận một cách thuận tiện nhất.

4.2.2.6. Đầu tư nguồn tài chính để thu hút nguồn nhân lực phục vụ Trợ giúp pháp lý cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long

Trên cơ sở định hướng phát triển hoạt động TGPL nói chung và tại ĐBSCL nói riêng, THPL về TGPL cần phát triển theo hướng tăng cường năng lực cung cấp dịch vụ TGPL có chất lượng cho người dân, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ TGPL của người nghèo. Điều này đặt ra vấn đề thực hiện hoạt động huy động nguồn nhân lực phục vụ TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL. Bên cạnh việc duy trì, củng cố đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý tại các Trung tâm TGPL Nhà nước, vấn đề cấp thiết đặt ra là thu hút nguồn nhân lực tham gia TGPL, liên kết với đội ngũ Luật sư, Tư vấn viên giàu kinh nghiệm và kỹ năng để đáp ứng nhu cầu TGPL ngày càng tăng cao, khẩn trương và phức tạp hơn. Việc kết hợp nhiều đối tượng tham gia TGPL vừa giúp đa dạng hóa việc cung cấp dịch vụ, mở rộng phạm vi tiếp cận dịch vụ, vừa nâng cao chất lượng dịch vụ trong các vụ việc có tính chất chuyên sâu, phức tạp, nhạy cảm. Chính sách xã hội hóa, khuyến khích, thu hút nguồn nhân lực thực hiện TGPL còn là chính sách tạo điều kiện cho đội ngũ TGPL thực hiện các trách nhiệm nghề nghiệp với cộng đồng. Đối với người thực hiện TGPL, xuất phát từ sứ mệnh cao cả của nghề luật, hoạt động TGPL được coi là một trong những hoạt động thể hiện tinh thần tương trợ, trách nhiệm của người hành nghề luật đối với cộng đồng xã hội.

Hiện nay, dưới góc độ pháp lý, bên cạnh việc thành lập các Trung tâm TGPL Nhà nước tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, pháp luật còn cho phép các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật tham gia hoạt động TGPL dưới hình thức ký kết hợp đồng thực hiện TGPL với Sở Tư pháp hoặc đăng ký tham gia

TGPL, giúp tăng cường cả về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực thực hiện TGPL. Các quy định này đều cho thấy phương hướng xã hội hóa hoạt động TGPL của Nhà nước, tạo môi trường pháp lý để các Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật cùng tham gia phát triển dịch vụ TGPL.

Tại ĐBSCL, số lượng Trợ giúp viên pháp lý tại các Trung tâm TGPL nhà nước và số lượng Luật sư, Tư vấn viên, tổ chức hành nghề luật sư liên kết có xu hướng tăng theo từng năm, tuy nhiên tốc độ phát triển của nguồn nhân lực thực hiện TGPL tại ĐBSCL chưa thực sự bắt kịp với nhu cầu TGPL tổ chức tư vấn pháp luật của người dân nói chung và người nghèo nói riêng, công tác tuyển dụng Trợ giúp viên pháp lý tại nhiều địa phương còn nhiều trở ngại. Trong thời gian tới, công tác đầu tư nguồn tài chính để thu hút nguồn nhân lực phục vụ TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL cần được thúc đẩy hơn nữa thông qua một số giải pháp cụ thể:

- Chế độ lương và các quyền lợi khác của đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý cần được duy trì và đảm bảo. Có thể đánh giá rằng, trong bối cảnh nhiều địa phương tại ĐBSCL còn khó khăn, chưa tự cân đối được ngân sách, việc bố trí biên chế, kinh phí, xây dựng cơ sở vật chất để phát triển hoạt động TGPL suốt thời gian qua đã cho thấy nỗ lực rất lớn của các cấp chính quyền từ Trung ương đến cơ sở. Tuy nhiên, do hoạt động chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước cấp nên việc xây dựng chế độ, chính sách ưu đãi về thu nhập đảm bảo đời sống cho đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý, viên chức công tác tại Trung tâm TGPL Nhà nước, các chi nhánh Trung tâm còn nhiều vướng mắc. Theo quan điểm của người viết, việc đảm bảo duy trì ổn định thu nhập cho lực lượng viên chức, Trợ giúp viên pháp lý có ý nghĩa rất quan trọng để nguồn nhân lực thực hiện TGPL chuyên tâm phát triển chuyên môn, gắn bó và tâm huyết với nghề nghiệp, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ TGPL tại ĐBSCL. Bên cạnh đó, do đặc thù khu vực là nhiều địa phương, địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, việc xây dựng và áp dụng chính sách ưu đãi thêm ngoài các chế độ cơ bản cho đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý công tác tại các địa bàn khó khăn cũng là điều hợp lý và cần thiết, bởi lẽ hoạt động TGPL tại các khu vực này thường sẽ gặp nhiều khó khăn hơn, đòi hỏi người thực hiện TGPL phải đáp ứng các yêu cầu chuyên môn và sức khoẻ để công tác thường xuyên, thực hiện TGPL lưu động tại cơ sở, tư vấn pháp luật kết hợp tuyên truyền cho các nhóm đối tượng đặc thù...;

- Chú trọng hơn đến việc huy động các nguồn lực tài chính và hỗ trợ xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa công tác TGPL phù hợp điều kiện thực tế ở các địa phương. Hiện nay, theo Luật TGPL 2017 và Thông tư số 59/2020/TT-BTC hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động TGPL, Nguồn tài chính cho công tác TGPL bao gồm nguồn ngân sách nhà nước; đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác; Kinh phí ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của cơ quan thực hiện QLNN về TGPL theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đối với địa phương chưa tự cân đối được ngân sách, ưu tiên bố trí ngân sách từ số bổ sung cân đối ngân sách hằng năm để hỗ trợ cho việc thực hiện vụ việc TGPL phức tạp, điển hình. Về mặt quy định, pháp luật cũng đã đặt ra cơ chế để xã hội hoá hoạt động TGPL, tuy nhiên công tác TGPL tại ĐBSCL vẫn chủ yếu hoạt động trên cơ sở ngân sách nhà nước. Việc xây dựng chính sách để thúc đẩy, khuyến khích nguồn lực tài chính, đóng góp, tài trợ từ xã hội là điều cần thiết để phát triển, mở rộng hoạt động TGPL tại ĐBSCL;

- Đối với đội ngũ Luật sư, Tư vấn viên pháp luật là cộng tác viên của tổ chức TGPL nhà nước, việc tham gia TGPL của họ vẫn nhận được sự hỗ trợ về mặt tài chính từ tổ chức TGPL mà họ ký hợp đồng cộng tác dưới hình thức tiền bồi dưỡng thực hiện vụ việc TGPL. Mức thù lao này trên thực tế bồi dưỡng còn thấp so với mức thù lao mà các luật sư nhận được từ hoạt động nghề nghiệp chính, vì vậy việc duy trì và nâng cao dần mức thù lao này cũng là yếu tố để thu hút nhiều Luật sư, Tư vấn viên hơn tham gia vào hoạt động TGPL;

- Các Sở Tư pháp các tỉnh và các Trung tâm TGPL Nhà nước cần chủ động phối hợp với các tổ chức chính trị- xã hội, chính trị- xã hội- nghề nghiệp để có giải pháp để hợp tác, phát động, động viên thành viên, hội viên của tổ chức có đóng góp tài chính cho công tác TGPL nói chung.

4.2.2.7. Thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long cần tăng cường ứng dụng thông tin Trợ giúp pháp lý

Trong bối cảnh bùng nổ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 với xu hướng phát triển dựa trên nền tảng tích hợp cao độ của hệ thống kết nối số hóa - vật lý - sinh học với sự đột phá của Internet vạn vật và trí tuệ nhân tạo, công nghệ thông tin đã và đang đóng một vai trò quan trọng trong mọi lĩnh vực của đời sống KT-XH, bao gồm cả lĩnh vực tư pháp nói chung và TGPL nói riêng. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động TGPL là xu hướng tất yếu nhằm tăng cường hơn nữa tính hiệu quả của dịch vụ này, đồng thời hỗ trợ tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân, bảo vệ sự bình đẳng trong sử dụng các dịch vụ pháp lý, đảm bảo hoạt động TGPL phát triển theo đúng định hướng đã đặt ra. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dịch vụ TGPL không chỉ có ý nghĩa đối với việc cung cấp dịch vụ cho người nghèo tại ĐBSCL mà còn mở rộng ra đối với hoạt động TGPL trên cả nước nói chung.

Trên cơ sở chỉ đạo chung của Chính phủ thể hiện tại Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, Bộ Tư pháp đã ban hành nhiều văn bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của ngành Tư pháp trong giai đoạn 2016-2020, trong đó tập trung đến một số nội dung như Danh mục mã định danh các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Tư pháp, cấp độ an toàn hệ thống thông tin... Trong năm 2018, Bộ Tư pháp đã xây dựng, triển khai Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động TGPL. Hệ thống được triển khai cho Cục TGPL, 63 Sở Tư pháp, Trung tâm TGPL và người thực hiện TGPL trên toàn quốc với gần 2.000 tài khoản người sử dụng. Đến nay, số vụ việc được cập nhật vào hệ thống là 50.066 vụ việc và 1.5 TB hồ sơ được số hóa đáp ứng nhu cầu quản lý hồ sơ điện tử về các vụ việc TGPL [17].

Trong bối cảnh Việt Nam đang đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia và xây dựng Chính phủ điện tử, việc ứng dụng công nghệ số vào hoạt động trợ giúp pháp lý là xu hướng tất yếu nhằm nâng cao khả năng tiếp cận công lý cho người dân, đặc biệt là nhóm yếu thế trong xã hội. Hiện nay, ứng dụng định danh điện tử quốc gia VNeID do Bộ Công an phát triển đã tích hợp tài khoản an sinh xã hội gắn với số định danh cá nhân, cho phép người dân tiếp cận các chính sách trợ cấp, hỗ trợ bảo

hiểm, chăm sóc y tế và nhiều dịch vụ xã hội khác một cách nhanh chóng, thuận tiện. Theo mục tiêu đề ra, đến năm 2025, 100% người dân Việt Nam sẽ có tài khoản an sinh xã hội trên VNeID, các khoản trợ cấp lương hưu, hỗ trợ hộ nghèo, người có công sẽ được chi trả trực tiếp qua nền tảng này. Tuy nhiên, một điểm hạn chế là hệ thống VNeID hiện chưa tích hợp đầy đủ các tiện ích hỗ trợ người nghèo tiếp cận dịch vụ pháp lý miễn phí, trong khi đây là nhu cầu thiết yếu và là quyền được pháp luật ghi nhận của nhóm đối tượng này.

Xuất phát từ thực trạng trên, tác giả đề xuất giải pháp tích hợp quyền tiếp cận dịch vụ pháp lý miễn phí vào hệ thống VNeID dành cho các cá nhân được xác định là hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng thuộc diện trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. Cụ thể, khi hệ thống VNeID xác thực một cá nhân thuộc diện hộ nghèo thông qua việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và dữ liệu về hộ nghèo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cá nhân đó sẽ được tự động cấp quyền tiếp cận miễn phí vào các nền tảng tra cứu văn bản pháp luật có thu phí như Thư viện pháp luật (thuvienphapluat.vn), LuậtVietnam (luatvietnam.vn) hoặc các ứng dụng tư vấn pháp luật trực tuyến có tính phí của Nhà nước và các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ pháp lý. Bên cạnh đó, người nghèo cũng được tiếp cận miễn phí đến hệ thống AI pháp luật của Cổng pháp luật quốc gia (ai.phapluat.gov.vn), đường dây nóng trợ giúp pháp lý và ứng dụng trợ giúp pháp lý trên điện thoại di động đang được Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý triển khai thí điểm.

Về cơ chế vận hành, giải pháp này hoạt động dựa trên nguyên tắc liên thông dữ liệu và xác thực tự động. Khi người dùng đăng nhập vào các nền tảng pháp luật trực tuyến có thu phí bằng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trên VNeID, hệ thống sẽ tự động truy vấn thông tin về tình trạng kinh tế - xã hội của cá nhân đó từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Nếu kết quả xác thực cho thấy cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo hoặc các đối tượng được trợ giúp pháp lý theo Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, hệ thống sẽ tự động miễn phí toàn bộ hoặc một phần chi phí sử dụng dịch vụ. Cơ chế này đảm bảo tính chính xác, minh bạch trong việc xác định đối tượng thụ hưởng, đồng thời loại bỏ các thủ tục hành chính rườm rà như yêu cầu

xuất trình giấy xác nhận hộ nghèo, giấy chứng nhận thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Về phía nhà cung cấp dịch vụ pháp lý, Nhà nước cần xây dựng cơ chế hỗ trợ tài chính hoặc ưu đãi thuế để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia chương trình này như một hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Giải pháp ứng dụng VNeID trong bảo đảm quyền tiếp cận trợ giúp pháp lý cho người nghèo mang nhiều ý nghĩa thiết thực cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Về phương diện lý luận, giải pháp này góp phần hiện thực hóa quyền được trợ giúp pháp lý của người nghèo - một quyền con người được ghi nhận tại Điều 2 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và phù hợp với Nguyên tắc và Hướng dẫn của Liên hợp quốc về tiếp cận trợ giúp pháp lý trong hệ thống tư pháp hình sự năm 2012 (UN Principles and Guidelines on Access to Legal Aid in Criminal Justice Systems). Về phương diện thực tiễn, giải pháp mang lại giá trị trực tiếp cho người nghèo bằng cách xóa bỏ rào cản về chi phí trong việc tiếp cận thông tin pháp luật, qua đó nâng cao hiểu biết pháp luật và năng lực tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Theo nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới và Cục Trợ giúp pháp lý, hiện chỉ có khoảng 15% số người thuộc diện trợ giúp pháp lý thực sự tiếp cận được dịch vụ này, nguyên nhân chủ yếu do nhận thức của người dân về quyền được trợ giúp pháp lý còn hạn chế. Việc tích hợp quyền tiếp cận dịch vụ pháp lý miễn phí vào VNeID sẽ tạo điều kiện để người nghèo chủ động tra cứu, tìm hiểu pháp luật mọi lúc, mọi nơi, không bị phụ thuộc vào giờ làm việc hành chính hay vị trí địa lý của các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

Để triển khai giải pháp này trên thực tế, cần đảm bảo một số điều kiện tiên quyết. *Thứ nhất*, về hạ tầng kỹ thuật, cần hoàn thiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các hệ thống thông tin pháp luật theo quy định tại Nghị định số 69/2024/NĐ-CP của Chính phủ về định danh và xác thực điện tử. *Thứ hai*, về thể chế pháp lý, cần nghiên cứu bổ sung quy định về "quyền tiếp cận dịch vụ pháp lý miễn phí" cho người nghèo khi sửa đổi Luật Trợ giúp pháp lý, đồng thời ban hành cơ chế khuyến khích các nhà cung cấp dịch vụ pháp lý tư nhân tham gia chương trình. *Thứ ba*, về nguồn lực tài chính, cần bố trí ngân sách từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 để chi

trả cho các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý khi họ miễn phí cho người nghèo. *Thứ tư*, về truyền thông, cần đẩy mạnh tuyên truyền để người nghèo biết về quyền lợi mới này thông qua hệ thống thiết chế cơ sở như Ủy ban nhân dân xã, Tổ hòa giải, Hội Phụ nữ, già làng, trưởng bản. Giải pháp này cần được xem xét lồng ghép vào Đề án "Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025-2030" theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ và Đề án "Nâng cao vai trò, hiện đại hóa, phát triển trợ giúp pháp lý đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" đang được Bộ Tư pháp xây dựng.

Có thể đánh giá rằng, Chính phủ và các cơ quan QLNN trong lĩnh vực tư pháp đã có những nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực tư pháp nói chung và TGPL nói riêng, đồng thời hệ thống cơ quan, trung tâm TGPL đã nỗ lực triển khai các công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong thời gian vừa qua. Để đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động TGPL, đáp ứng nhu cầu TGPL ngày càng tăng của người dân cả nước nói chung và ĐBSCL nói riêng, tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo chủ động thực hiện các quyền được TGPL, một số các biện pháp cần xem xét triển khai bao gồm:

Thứ nhất, nhóm giải pháp về mặt nguồn nhân lực:

Một là, cử công chức, viên chức phù hợp đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin trong TGPL. Đây là một mục tiêu quan trọng bởi lẽ bản thân đội ngũ THPL về TGPL và các cán bộ quản lý tại các Trung tâm TGPL nhà nước, các tổ chức tham gia TGPL tại địa phương là nhóm đối tượng đầu tiên cần có nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin để quá trình ứng dụng được triển khai hiệu quả. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng cần được tích hợp các nội dung chuyên sâu về quản trị mạng, quản trị hệ thống, an toàn, an ninh thông tin...

Hai là, xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp thu hút, sử dụng và giữ nhân lực chất lượng cao về công nghệ thông tin làm việc trong lĩnh vực Tư pháp nói chung và THPL về TGPL nói riêng. Việc khuyến khích, thu hút nhân sự có chuyên môn công nghệ thông tin làm việc trong các đơn vị quản lý sẽ rất có giá trị trong

việc chuyên môn hóa nghiệp vụ tại các cơ quan quản lý, quá trình sử dụng, khai thác các phần mềm ứng dụng, các hệ thống thông tin cũng thuận lợi, an toàn và ít rủi ro hơn.

Thứ hai, nhóm giải pháp về mặt kỹ thuật – hệ thống:

Một là, tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống Quản lý tổ chức và hoạt động TGPL để thuận tiện cho công tác theo dõi, quản lý, thống kê, lưu trữ, tra cứu các vụ việc. Bên cạnh vai trò quản lý điện tử các hồ sơ vụ việc, để đảm bảo thuận tiện nhất cho cơ quan QLNN và người được TGPL, hệ thống này có thể được xem xét bổ sung thêm một số tính năng như tự động kiểm tra điều kiện được TGPL (đối tượng được TGPL), hướng dẫn một số thủ tục hành chính cơ bản, đính kèm một số mẫu biểu để người dân chủ động thực hiện các thủ tục... Bên cạnh đó, song song với quá trình hoàn thiện về mặt hệ thống, công tác tập huấn, hướng dẫn sử dụng hệ thống cho đội ngũ công chức, viên chức, người thực hiện TGPL, người được TGPL cũng cần được chú trọng để đảm bảo hệ thống được vận hành hiệu quả. Các góp ý của những người sử dụng hệ thống cũng là nguồn tham khảo quan trọng để điều chỉnh hệ thống cho phù hợp, dễ sử dụng, dễ tiếp cận;

Hai là, xây dựng Cổng thông tin điện tử TGPL Việt Nam trên cơ sở nâng cấp Trang thông tin điện tử TGPL Việt Nam. Hiện nay, các thông tin chung về TGPL đang chủ yếu được thể hiện trên website của Cục TGPL – Bộ Tư pháp, việc xây dựng Cổng thông tin riêng biệt cho hoạt động này sẽ đảm bảo tính thống nhất trong thông báo, công bố thông tin, tạo điều kiện cho người nghèo dễ dàng tiếp cận với các thông tin và kiến thức cơ bản về TGPL;

Ba là, nghiên cứu xây dựng phần mềm tư vấn pháp luật tự động đối với một số vướng mắc pháp luật và thủ tục hành chính đơn giản, chẳng hạn như hướng dẫn các trình tự, thủ tục vay vốn ngân hàng chính sách xã hội, chia di sản thừa kế, tra cứu văn bản pháp luật... thông qua điện thoại hoặc thực hiện trực tiếp tại các máy tính được đặt tại trụ sở của Trung tâm TGPL nhà nước, địa điểm tiếp công dân của các cơ quan hành chính nhà nước;

Dưới góc độ ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác truyền thông TGPL, trong thời gian qua, mặc dù công tác truyền thông về TGPL tại ĐBSCL đã

có một số điểm sáng đáng ghi nhận, thể hiện ở nỗ lực tuyên truyền dưới nhiều hình thức đa dạng đa dạng, sáng tạo, được biến đổi phù hợp với các đối tượng, tuy nhiên các kênh truyền thông còn chưa thật sự gần gũi, thu hút, phong phú và hiện đại. Các phương pháp tuyên truyền có tính chất “truyền thống” như bản tin, tờ rơi, tài liệu, hộp thông tin... đã có xu hướng tăng lên và được triển khai ở hầu hết các địa bàn, tuy nhiên nội dung và hình thức tuyên truyền ở nhiều địa phương còn chưa thực sự dễ tiếp cận với người dân, đặc biệt là nhóm người nghèo gặp khó khăn trong việc sử dụng tài liệu giấy, tài liệu chữ, đồng thời chưa quan tâm đến việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác tuyên truyền.

Có thể thấy rằng, bên cạnh việc duy trì các phương pháp tuyên truyền hiện tại, các địa phương tại ĐBSCL cần chủ động đánh giá đặc điểm KT-XH của địa phương mình, kết hợp với việc phân tích nhóm đối tượng được TGPL để nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động tuyên truyền, nâng cao phạm vi và hiệu quả của việc phổ biến, giáo dục pháp luật. Một số hình thức truyền thông có thể dễ tiếp cận, mang lại hiệu quả cao bao gồm chuyển tải dưới hình thức infographic, video, fanpage, màn hình Led, qua thiết bị điện tử tại các địa điểm tiếp dân... Ngoài ra, tùy điều kiện của từng địa phương, các Sở Tư pháp và các Trung tâm TGPL Nhà nước có thể xem xét triển khai việc tuyên truyền qua mạng xã hội, tin nhắn điện tử, thư điện tử... Việc tuyên truyền về TGPL khi được thực hiện thường xuyên, phối hợp linh hoạt nhiều phương thức và có ứng dụng công nghệ thông tin thì hiệu quả, phạm vi và tốc độ tuyên truyền cũng sẽ được tăng cường.

Bên cạnh đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho ứng dụng công nghệ thông tin vào THPL về TGPL và truyền thông về TGPL, vấn đề kinh phí và điều tiết ngân sách nhà nước cũng cần được quan tâm đúng mức hơn. Đặc biệt, các tỉnh ĐBSCL đa phần đang phải đối mặt với nhiều thách thức về KT-XH, nguồn thu ngân sách còn hạn chế, việc đầu tư ngân sách, kinh phí cho việc ứng dụng công nghệ vào công tác truyền thông TGPL hay phát triển hệ thống cơ sở vật chất phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin như mạng Internet, máy tính... còn gặp nhiều trở ngại.

4.2.2.8. Đảm bảo sự phối hợp toàn diện giữa các cơ quan nhà nước, các nhóm đối tượng thực hiện pháp luật về Trợ giúp pháp lý để đảm bảo khả năng tiếp cận dịch vụ Trợ giúp pháp lý của người nghèo

Trên cơ sở các quy định của Luật TGPL năm 2017 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, trong thời gian qua Bộ Tư pháp đã chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức xây dựng và triển khai nhiều văn bản phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong THPL về TGPL, trong đó bao gồm các chương trình, quy chế mở rộng trên nhiều khía cạnh của THPL về TGPL. Có thể đánh giá, công tác phối hợp trong hệ thống cơ quan nhà nước là một yếu tố then chốt tác động đến hiệu quả của hoạt động TGPL cho người nghèo và đã được Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp và các cơ quan ban ngành hết sức quan tâm. Trong thời gian tới, để tiếp tục tăng cường sự phối hợp giữa các cá nhân, tổ chức trong THPL về TGPL đồng thời đảm bảo phối hợp thường xuyên, liên tục, chặt chẽ, hiệu quả, một số mục tiêu trọng tâm cần lưu ý bao gồm:

- Trong công tác phối hợp trao đổi thông tin, cung cấp thông tin người có nhu cầu TGPL: Tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội đồng liên ngành ở Trung ương, địa phương trong việc tăng cường trao đổi thông tin, giới thiệu người thuộc diện được TGPL giữa các cơ quan tiến hành tố tụng với Trung tâm TGPL nhà nước trong các lĩnh vực pháp luật, trong đó chú trọng việc giới thiệu, chuyển gửi các vụ việc trong lĩnh vực pháp luật dân sự, hôn nhân gia đình, hành chính, các vụ việc liên quan đến các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hay cần hỗ trợ trong thời gian ngắn, bảo đảm các đối tượng thuộc diện được TGPL được kịp thời cung cấp thông tin và tiếp cận sớm với dịch vụ TGPL.

- Đối với công tác phối hợp TGPL trong lĩnh vực tố tụng: Cần tiếp tục nghiên cứu triển khai thực hiện Chương trình phối hợp số 5789/CTPH-BTP-BCA ngày 27/11/2023 giữa Bộ Tư pháp và Bộ Công an về trực TGPL trong điều tra hình sự và các chương trình có liên quan đến quá trình thực hiện hoạt động tố tụng tại tòa án nhân dân. Ngoài ra cần tập trung hơn nữa công tác phối hợp về TGPL trong tố tụng do bối cảnh TGPL trong tố tụng còn chiếm tỉ trọng thấp, đặc biệt trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ sở giam giữ và người có thẩm

quyền của các cơ quan trong công tác phối hợp; đánh giá việc tham gia tố tụng, số lượng, chất lượng vụ việc tham gia tố tụng của người thực hiện TGPL, công tác triển khai Chương trình phối hợp về người thực hiện TGPL trực tại Tòa án nhân dân; Tạo điều kiện cho các trợ giúp viên pháp lý được tham gia vụ việc ngay từ giai đoạn khởi tố vụ án, khởi tố bị can, tố giác tội phạm. Trong quá trình thực hiện vụ việc từ giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử cần đảm bảo người thực hiện TGPL được tạo điều kiện tốt nhất để bảo đảm việc bào chữa cũng như bảo vệ quyền lợi cho người được TGPL.

- Đối với công tác phối hợp huy động các nguồn lực xã hội tham gia TGPL cho người được TGPL: Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, các Trung tâm TGPL nhà nước tiếp tục tích cực phối hợp với các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt các Chương trình, kế hoạch phối hợp trong đó có các nội dung liên quan đến TGPL như phối hợp với Liên đoàn luật sư Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam... thực hiện trợ giúp pháp lý cho thành viên, hội viên của các tổ chức này; huy động đội ngũ cán bộ có kiến thức hiểu biết pháp luật tham gia các hoạt động ở cơ sở.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 4

Trên thực tế, việc THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL vẫn còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế. Vì vậy, việc đề ra các giải pháp nhằm bảo đảm THPL về TGPL cho người nghèo trong vùng là nhiệm vụ quan trọng cần được triển khai sớm, thường xuyên và liên tục. Các giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật mà tác giả đưa ra được dựa trên các quan điểm chỉ đạo sau:

Thứ nhất, THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL cần quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về TGPL.

Thứ hai, THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL cần phải tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ TGPL của người dân, đảm bảo quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Thứ ba, THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL tăng cường năng lực cung cấp dịch vụ TGPL có chất lượng cho người dân.

Thứ tư, THPL về TGPL cho người nghèo phải gắn kết chặt chẽ hơn nữa công tác TGPL với các chính sách giảm nghèo của Nhà nước để sử dụng có hiệu quả nguồn lực và giúp người dân thụ hưởng tối đa các ưu đãi.

Những định hướng này được đưa ra dựa trên các vướng mắc mà hiện tại vùng ĐBSCL đang gặp phải để đảm bảo theo sát nhất thực tế thực hiện hoạt động TGPL trên địa bàn. Với các định hướng như trên, tác giả cũng đề xuất một số giải pháp để bảo đảm THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL. Các giải pháp này tập trung vào hai nhóm chính, gồm: Nhóm giải pháp chung và Nhóm giải pháp cụ thể áp dụng trên địa bàn tỉnh ĐBSCL. Trong đó: Đối với giải pháp chung, tác giả đề xuất: Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện pháp luật về TGPL, loại bỏ những quy định trùng lặp và bổ sung thêm những quy định còn thiếu; đồng thời kết hợp với tăng cường công tác giáo dục pháp luật về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL.

Đối với nhóm giải pháp cụ thể, tác giả đưa ra một số hướng giải quyết như sau:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL; *Thứ hai*, nâng cao hiểu biết pháp

luật và ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL; *Thứ ba*, tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ TGPL của người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL; *Thứ tư*, tăng cường khả năng cung cấp dịch vụ TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL; *Thứ năm*, tăng cường lồng ghép công tác TGPL với các chính sách an sinh xã hội cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL; *Thứ sáu*, đầu tư nguồn tài chính để thu hút nguồn nhân lực phục vụ TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL; *Thứ bảy*, tăng cường ứng dụng thông tin TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL; *Thứ tám*, đảm bảo sự phối hợp toàn diện giữa các cơ quan nhà nước, các nhóm đối tượng THPL về TGPL để đảm bảo khả năng tiếp cận dịch vụ TGPL của người nghèo.

KẾT LUẬN

Xuất phát từ nhu cầu trợ giúp người nghèo, chính sách TGPL cho người nghèo luôn nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta, trở thành một phần không thể thiếu trong công cuộc xây dựng đất nước dân chủ, công bằng, văn minh. Nhiều văn bản pháp luật cũng đã được ban hành nhằm tạo hành lang pháp lý cho việc THPL về TGPL trên thực tế. Qua nhiều năm thực hiện công tác này, những kết quả đạt được trong THPL về TGPL nói chung và THPL về TGPL cho người nghèo nói riêng đã cho thấy nỗ lực không ngừng của Nhà nước ta, của các cá nhân, tổ chức, cơ quan có liên quan trong việc xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ người nghèo trong lĩnh vực pháp lý.

Trải qua nhiều năm thực hiện, THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL đã đạt được nhiều kết quả đáng mong đợi trong công tác về ban hành văn bản tổ chức thực hiện pháp luật; xây dựng bộ máy, đào tạo nguồn nhân lực thực hiện TGPL cho người nghèo; tiến hành TGPL cho người nghèo dưới các hình thức: tư vấn pháp luật, tham gia các hoạt động tố tụng, đại diện ngoài tố tụng; kiểm tra, giám sát việc THPL về TGPL cho người nghèo; công tác tuyên truyền, phổ biến về TGPL cho người nghèo. Các kết quả này thể hiện sự nỗ lực không ngừng của các cấp chính quyền địa phương, người thực hiện TGPL và các chủ thể khác có liên quan trong việc phát triển, nâng cao và tăng cường THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL. Đồng thời, đây cũng là các trụ cột chính để đánh giá sự tiến bộ hay kém phát triển của THPL về TGPL cho người nghèo tại vùng này.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn vẫn còn nhiều hạn chế, đặt ra yêu cầu cấp bách cần sửa đổi bổ sung các quy định pháp luật có liên quan cũng như có những chính sách, phương hướng phù hợp để nâng cao hơn nữa hiệu quả áp dụng pháp luật trên thực tế.

Luận án đã trình bày những vấn đề cơ bản và quan trọng nhất liên quan đến THPL về TGPL nói chung và THPL về TGPL người nghèo trên địa bàn ĐBSCL

nói chung. Đó là hệ thống các công trình nghiên cứu liên quan, các vấn đề lý luận, thực trạng pháp luật và hoàn thiện pháp luật về THPL về TGPL cho người nghèo trên địa bàn các tỉnh ĐBSCL. Với những cơ sở lý luận toàn diện kết hợp với việc phân tích, đánh giá thực trạng, luận án là một tài liệu quan trọng góp phần làm sâu sắc hơn, toàn diện hơn các quan điểm, chính sách về THPL về TGPL, từ đó ngày càng thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của THPL về TGPL cho người nghèo tại ĐBSCL, Việt Nam.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hải An (2016), “Công tác phối hợp về TGPL trong hoạt động tố tụng của ngành Toà án”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật số chuyên đề TGPL trong hoạt động tố tụng*.
2. Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII (2021) Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ;
3. Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam (2018), Quyết định số 112/QĐ-BTV ngày 18/10/2018 của Ban Thường vụ Liên đoàn Luật sư Việt Nam về việc Quy định về thực hiện nghĩa vụ trợ giúp pháp lý miễn phí của luật sư;
4. Báo Sóc Trăng (2022), *Huyện Châu Thành thực hiện tốt công tác TGPL trong hoạt động tố tụng*, <https://www.baosoctrang.org.vn/huyen-chau-thanh/huyen-chau-thanh-thuc-hien-tot-cong-tac-tro-giup-phap-ly-trong-hoat-dong-to-tung-57505.html>;
5. Báo điện tử Chính phủ (2023), *Việt Nam tham gia hầu hết các Công ước về quyền con người*, <https://baochinhphu.vn/viet-nam-tham-gia-hau-het-cac-cong-uoc-ve-quyen-con-nguoi-102152456.htm>, truy cập ngày 11/10/2023.
6. Vũ Ngọc Bình (2020), *Quyền con người trong quản lý tư pháp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Bộ Tài chính (2020), *Thông tư hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động trợ giúp pháp lý*, Số: 59/2020/TT-BTC, Hà Nội.
8. Bộ Tư pháp (1997), Quyết định 768/QĐ-BTP ngày 18/04/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Cục TGPL
9. Bộ Tư pháp (1997), Ban tổ chức cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành Quyết định số 734/TTg ngày 06/09/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập tổ chức TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách;
10. Bộ Tư pháp (1998), Thông tư 52/TTLT/TP-TC-TCCP-LĐTBXH ngày

14/01/1998 của

11. Bộ Tư pháp và Liên đoàn luật sư Việt Nam (2016), Quy chế 4617/QCPH/BTP-LĐLSVN ngày 28/12/2016 phối hợp giữa Bộ Tư pháp và Liên đoàn luật sư Việt Nam về hoạt động TGPL của luật sư;
12. Bộ Tư pháp (2017), *Con đường 20 năm hình hành và phát triển TGPL*, <https://www.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/hoat-dong-cua-cac-don-vi-thuoc-bo.aspx?ItemID=2760>, truy cập ngày 03/10/2023.
13. Bộ Tư pháp (2018), Thông tư 09/2018/TT-BTP ngày 21/06/2018 của Bộ Tư pháp quy định về tiêu chí xác định vụ việc TGPL phức tạp, điển hình;
14. Bộ Tư pháp (2018), Thông tư 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ TGPL và quản lý chất lượng vụ việc TGPL;
15. Bộ Tư pháp (2021), *Báo cáo đánh giá một số kết quả 05 năm triển khai đề án đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015-2025*, Báo cáo 5 năm đề án đổi mới.pdf (moj.gov.vn);
16. Bộ Tư pháp (2022), Thông tư 05/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 05/09/2022 quy định mã số, tiêu chuẩn và xếp lương đối với chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý;
17. Bộ Tư pháp (2023), Quyết định số 682/QĐ-BTP ngày 07/05/2021 của Bộ Tư pháp về việc Ban hành Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của Ngành Tư pháp giai đoạn 2021-2025
18. Bộ Tư pháp (2023), *Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, đề xuất hoàn thiện quy định về tổ chức bộ máy nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm*, <https://tgpl.moj.gov.vn/Pages/hoi-nhap-phat-trien.aspx?ItemID=1900&l=Nghiencuutraodoi>, truy cập ngày 10/10/2023.
19. Bộ Tư pháp (2023), Mô hình TGPL các nước trên thế giới, <https://tgpl.moj.gov.vn/ages/hoi-nhap-phat-trien.aspx?ItemID=143&l=Kinhnghiemquocte>, truy cập ngày 12/10/2023.
20. Bộ Tư pháp (2023), Một số điểm mới nổi bật Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017

và các công việc cần triển khai, <https://tgpl.moj.gov.vn/Pages/hoi-nhap-phat-trien.aspx?ItemID=96&l=NghiencuuveTGPL>, truy cập ngày 10/10/2023.

21. Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966;
22. Chính phủ (1997), Nghị quyết số 03-NQ/HNTW ngày 18/6/1997 Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII), phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam trong sạch, vững mạnh;
23. Chính phủ (2008), Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;
24. Chính phủ (2011), Nghị quyết 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;
25. Chính phủ (2017), Nghị định 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật TGPL;
26. Chính phủ (2021), Nghị định 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/01/2021 quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;
27. Chính phủ (2021), Nghị quyết 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030;
28. Chính phủ (2021), Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới;
29. Chính phủ (2023), Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023;
30. Cục TGPL (2020), *Một số kết quả 5 năm thực hiện Đề án đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015-2025*, <https://tgpl.moj.gov.vn/Pages/hoi-nhap-phat-trien.aspx?ItemID=1884&l=Nghiencuuutraodoi>;
31. Cục TGPL (2023), *Chính sách pháp luật về TGPL cho người nghèo và đối*

- tượng chính sách, nhóm yếu thế tại Việt Nam và việc tổ chức thực hiện*, [https://tgpl.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=1888&l=Nghiencuutraodoi](https://tgpl.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=1888&l=Nghiencuutraodoi;);
32. Cục TGPL (2022), *Bàn về công tác truyền thông TGPL*, <https://tgpl.moj.gov.vn/Pages/hoi-nhap-phat-trien.aspx?ItemID=1912&l=Nghiencuutraodoi>;
33. Cục TGPL (2022), Bộ Tư pháp, *Báo cáo tổng kết công tác TGPL năm 2021 và nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2022*;
34. Cục TGPL (2022), *Thực trạng chất lượng dịch vụ TGPL*, <https://tgpl.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=1910&l=Nghiencuutraodoi>;
35. Cục TGPL Việt Nam (2023), *Tình hình cập nhật vụ việc TGPL tham gia tố tụng, vụ việc TGPL tham gia tố tụng thành công Tháng 6/2023 trên Hệ thống quản lý tố chức và hoạt động TGPL*, <https://tgpl.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-thong-bao.aspx?ItemID=177>;
36. Cục TGPL (2023), *Báo cáo tổng kết công tác TGPL hàng năm*, <https://tgpl.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?l=Baocaodinhky>, truy cập ngày 14/09/2023.
37. Trương Văn Dũng (2008), “Văn hoá pháp luật và phát triển con người ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu con người* số 6 (39).
38. Lê Huỳnh Tấn Duy (2018), “Pháp luật Việt Nam về trợ giúp pháp lý trong Tố tụng hình sự”, *Tạp chí Luật học* số 11/2018.
39. Dự thảo Tờ trình về việc ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ tăng cường hoạt động TGPL cho người thuộc hộ nghèo, người được TGPL giai đoạn 2023-2030, <https://chinhphu.vn/du-thao-vbqppl/du-thao-quyet-dinh-cua-thu-tuong-chinh-phu-tang-cuong-hoat-dong-tro-giup-phap-ly-cho-nguoi-thuoc-5747>;
40. Phạm Quang Đại (2014), “Vấn đề đổi mới tổ chức và hoạt động tGPL”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật* số 11 (272).
41. Nguyễn Thị Mộng Điệp (2017), *Tổ chức và hoạt động của trung tâm trợ giúp pháp lý từ thực tiễn tỉnh Gia Lai*, Luận văn thạc sĩ luật học Học viện Khoa học

xã hội.

42. Nguyễn Minh Đoan (2006), “Ý thức pháp luật với đời sống xã hội”, *Tạp chí Luật học*, số 1.
43. Huỳnh Hải, Công Quang (2020), *Hơn 1 triệu dân Đồng bằng sông Cửu Long bỏ xứ đi lập nghiệp nơi khác*, Báo Dân trí, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, <https://dantri.com.vn/xa-hoi/hon-1-trieu-dan-dong-bang-song-cuu-long-bo-xu-di-lap-nghiep-noi-khac-20201215134937458.htm>;
44. Hồ Minh Hải (2014), *Trợ giúp pháp lý từ thực tiễn tỉnh Sóc Trăng*, Luận văn thạc sĩ luật học Học viện Khoa học xã hội.
45. Đoàn Thị Ngọc Hải (2016), *Thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách ở tỉnh Ninh Bình*, Luận văn thạc sĩ luật học Trường Đại học Luật Hà Nội.
46. Đoàn Thị Ngọc Hải (2023), *Bảo đảm quyền được TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách ở Việt Nam hiện nay*, <https://moj.gov.vn/UserControls/News/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/qt/tintuc/Lists/NghienCuuTraoDoi&ListId=75a8df79-a725-4fd5-9592-517f443c27b6&SiteId=b11f9e79-d495-439f-98e6-4bd81e36adc9&ItemID=1843&SiteRootID=b71e67e4-9250-47a7-96d6-64e9cb69ccf3>, truy cập ngày 10/09/2023.
47. Nguyễn Huy Hoàn (2013), “Vai trò của luật sư trong hoạt động TGPL”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật* số 5 (254)
48. Lê Thị Thiều Hoa (2021), “Bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quy trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp* số 17 (441), <http://lapphap.vn/Pages/TinTuc/210940/Bao-dam-tinh-cong-khai--minh-bach-trong-quy-trinh-xay-dung-va-ban-hanh-van-ban-quy-pham-phap-luat-o-Viet-Nam.html>, truy cập ngày 8/09/2023.
49. Lê Thái Hoàng (2009), “Thực hiện TGPL bằng hình thức tham gia tố tụng tại tỉnh Đồng Tháp”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật* Số chuyên đề về TGPL.

50. Hội đồng Luật sư toàn quốc (2019), Quyết định 201/QĐ-HĐLSTQ ngày 13/12/2019 của Hội đồng Luật sư toàn quốc về việc ban hành Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư;
51. Lê Hồng (2017), *Bồi dưỡng kỹ năng TGPL cho luật sư*, <https://baophapluat.vn/boi-duong-ky-nang-tro-giup-phap-ly-cho-luat-su-post263721.html>;
52. Nguyễn Thị Hồng Huệ (2014), *Vai trò của ý thức pháp luật với việc thực hiện pháp luật*, Luận văn thạc sĩ luật học Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.
53. Hoàng Tô Minh Huyền (2020), *Thực hiện pháp luật về TGPL cho đồng bào DTTS từ thực tiễn tỉnh Lạng Sơn*, Luận văn thạc sĩ luật học Trường Đại học Luật Hà Nội.
54. Nguyễn Huỳnh Huyền (2012), *Thực hiện pháp luật về TGPL trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị-Hành chính quốc gia Việt Nam.
55. Nguyễn Thị Hồng Kiên (2012), *Hoàn thiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ luật học Trường Đại học Luật Hà Nội.
56. Nguyễn Việt Khoa (2019), *Hoạt động TGPL theo pháp luật Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật học Học viện Khoa học Xã hội, tr. 60 – 62.
57. Đỗ Xuân Lân (2011), *Thực hiện pháp luật đối với người nghèo*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 19(204), <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=207657>;
58. Hà Lê (2022), *Kiểm tra công tác TGPL tại các tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh, An Giang và Cần Thơ*, <https://tgpl.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=74&l=tintaphuanhoinghiho>
59. Hoàng Thị Liên (2014), *Pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội khác*, Luận văn thạc sĩ luật học Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.
60. Nguyễn Huy Liệu (2007), “Đề nâng cao hiệu quả công tác TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách”, *Tạp chí Lao động và Xã hội* số 312.

61. Dương Quang Long (2009), “Kinh nghiệm bảo đảm chất lượng TGPL ở Vương quốc Anh”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật* Số chuyên đề về TGPL.
62. Đào Du Long (2017), “Vai trò của Nhà nước trong hoạt động TGPL của Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghề Luật*, số 04.
63. Tạ Thị Minh Lý (2008), *Điều chỉnh pháp luật về TGPL ở Việt Nam trong điều kiện đổi mới*, Luận án tiến sĩ luật học Trường Đại học Luật Hà Nội.
64. Tạ Thị Minh Lý (2019), “Bảo đảm quyền con người cho người nghèo trong lĩnh vực TGPL”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp* số 13(150), <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=211200>, truy cập ngày 26/7/2013.
65. Bảo Ngọc (2021), *Cần huy động các nguồn lực cho công tác TGPL*, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/ngghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2598>;
66. Hạnh Nguyên (2021), *Nâng cao chất lượng hoạt động tham gia tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý*, <http://pbgdpl.camau.gov.vn/nang-cao-chat-luong-hoat-dong-tham-gia-to-tung-cua-tro-giup-vien-phap-ly.655>
67. Ngô Văn Phát (2017), *Tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý từ thực tiễn tỉnh Ninh Thuận*, Luận văn thạc sĩ luật học Học viện Khoa học xã hội năm 2017.
68. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (2020), *Báo cáo kinh tế thường niên Đồng bằng sông Cửu Long 2020*, NXB Đại học Cần Thơ
69. Hoàng Thị Kim Quế (Chủ biên) (2007), *Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
70. Hoàng Thị Kim Quế (2015), “Các yếu tố tác động đến thực hiện pháp luật của công dân ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học*, Tập 31, Số 3.
71. Hoàng Thị Kim Quế và Lê Thị Phương Nga (2023), “Xã hội học thực hiện pháp luật”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học*, Tập 39, Số 2.
72. Quốc hội (2012), *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật*, Luật số: 14/2012/QH13 , Hà Nội.
73. Quốc hội (2021), Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết

- định 1705/QĐ-TTg ngày 12/10/2021, *Nghị quyết số: 24/2021/QH15*, Luật số: 20/2012/QH13, Hà Nội.
74. Quốc hội (2006), *Luật Trợ giúp pháp lý 2006*, 2017; Số: 69/2006/QH 11, Luật số: 11/2017/QH14; Hà Nội.
75. Quốc hội (2017), Luật trợ giúp pháp lý, *Luật số: 11/2017/QH14*, Số: 69/2006/QH 11, Hà Nội.
76. Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (2023), *Hiệu quả công tác TGPL ngày càng được nâng cao*,
<https://sotuphap.soctrang.gov.vn/tuphapstg/1280/30465/53746/359678/tro-giup-phap-ly/hieu-qua-cong-tac-tro-giup-phap-ly-ngay-cang-duoc-nang-cao.aspx>, truy cập ngày 09/10/2023.
77. Sở Tư pháp Thừa Thiên Huế (2023), *Trung tâm TGPL*,
<https://stp.thuathienhue.gov.vn/?gd=15&cn=120&cd=52>;
78. Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau (2021), *Tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng TGPL*,
<https://sotuphap.camau.gov.vn/wps/portal/?1dmy&page=trangchitiet&urile=wc m%3Apath%3A/sotuphaplibrary/sotuphapsite/noidungtrangrssi/tintucsukien/thoichinhtrivatintuc/tin26-01-2021>;
79. Trịnh Thị Thanh (2022), “Nâng cao chất lượng dịch vụ công TGPL đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị* số 534, tr. 113-115.
80. Kim Hồng Thanh (2013), *Thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách trong tổ tụng dân sự ở Vĩnh Phúc*, Luận văn thạc sỹ luật học Trường Đại học Luật Hà Nội.
81. Đinh Ngọc Thắng (2018), “Mô hình và thực tiễn hoạt động TGPL trên thế giới”, *Tạp chí nghiên cứu châu Âu*, số 7 (214).
82. Phạm Thị Duyên Thảo (2021), “Trách nhiệm TGPL của Nhà nước”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật* số 09 (433).

83. Thủ tướng Chính phủ (1997), Quyết định 734/TTg ngày 06/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập tổ chức TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách;
84. Thủ tướng Chính phủ (2009), Quyết định số 1581/QĐ-TTg ngày 09/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050;
85. Thủ tướng Chính phủ (2009), Quyết định số 492/QĐ-TTg ngày 16/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án thành lập Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long;
86. Thủ tướng Chính phủ (2010), Quyết định 52/2010/QĐ-TTg ngày 18/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho người nghèo, đồng bào DTTS tại các huyện nghèo giai đoạn 2011-2020;
87. Thủ tướng Chính phủ (2011) Quyết định 678/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển TGPL ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
88. Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định 939/QĐ-TTg ngày 19/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch tổng thể phát triển KT-XH vùng ĐBSCL đến năm 2020;
89. Thủ tướng Chính phủ (2015), Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 01/06/2015 về phê duyệt Đề án đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015-2025;
90. Thủ tướng Chính phủ (2016), Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/08/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chính sách TGPL cho người nghèo, đồng bào DTTS tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016-2020;
91. Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;
92. Lê Thị Thuý (2009), “TGPL với việc đảm bảo quyền con người, quyền công dân

- và tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật* Số chuyên đề về TGPL.
93. Bùi Huy Toàn (2024), *TGPL cho đồng bào DTTS khu vực Tây Bắc*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
 94. Tổng cục thống kê (2021), *Đồng bằng sông Cửu Long – phát huy lợi thế vừa lúa số một cả nước*, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/08/dong-bang-song-cuu-long-phat-huy-loi-the-vua-lua-so-mot-ca-nuoc/>
 95. Nguyễn Văn Tùng (2008), *QLNN bằng pháp luật đối với hoạt động TGPL ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ khoa học xã hội và nhân văn, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.
 96. Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền năm 1948;
 97. Trung tâm TGPL (2009), “Hoạt động TGPL lưu động ở tỉnh Lâm Đồng”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật số chuyên đề về Tư pháp Lâm Đồng*.
 98. Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), *Giáo trình Luật An sinh xã hội*, NXB Công an nhân dân;
 99. UBND tỉnh An Giang (2023), Quyết định 548/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực TGPL thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
 100. UBND tỉnh Bạc Liêu (2023), Quyết định 1219/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp (lĩnh vực TGPL);
 101. UBND tỉnh Bến Tre (2022), Kế hoạch 1067/KH-UBND ngày 28/2/2022 của UBND tỉnh Bến Tre thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025;
 102. UBND tỉnh Bến Tre (2023), Kế hoạch 93/KH-UBND ngày 14/03/2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2023-2030
 103. UBND tỉnh Cà Mau (2023), Quyết định 1064/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của UBND tỉnh Cà Mau công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ

- sung; phê duyệt quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực TGPL thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
104. UBND tỉnh Đồng Tháp (2023), Kế hoạch 223/KH-UBND ngày 13/6/2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp triển khai thực hiện nội dung TGPL tại Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ;
105. UBND thành phố Cần Thơ (2023), Quyết định 1624/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của UBND thành phố Cần Thơ phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực TGPL thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Tư pháp;
106. UBND tỉnh Sóc Trăng (2023), Quyết định 1604/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực TGPL thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
107. UBND tỉnh Tiền Giang (2023), Quyết định 683/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực TGPL thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
108. UBND tỉnh Trà Vinh (2023), Quyết định 533/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc công bố mới, bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực TGPL thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp;
109. UBND thành phố Vĩnh Long (2023), Quyết định 1668/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc công bố thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực TGPL thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
110. Đào Trí Úc (2012), “Thực hiện pháp luật và cơ chế thực hiện pháp luật ở Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 3.
111. Nguyễn Thị Tuyết Vân & Vũ Thị Lan Hương (2023), “*TGPL cho người nghèo ở Việt Nam*”, *Tạp chí Nguồn nhân lực và an sinh xã hội* số 16.
112. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 129.

113. Văn phòng quốc gia về giảm nghèo của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội (2023), Cẩm nang cơ chế, chính sách về giảm nghèo giai đoạn 2021-2025, Hà Nội.
114. Vụ phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp), *Đề cương giới thiệu Luật TGPL năm 2017*, <https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tl-pbgdpl/Lists/DeCuong/Attachments/252/DC.LUAT%20TRO%20GIUP%20PHAP%20LY.2017.doc>;

Tài liệu tham khảo Tiếng Anh

115. Access to the legal aid 1999, <https://www.legislation.gov.uk/ukpga/1999/22/notes/division/3/1#:~:text=The%20Act%20reforms%20the%20legal,legal%20aid%20scheme%20in%20Scotland> , truy cập ngày 20/02/2024.
116. Benjamin L. Liebman (1999), Legal Aid and Public Interest Law in China, Texas International Law Journal Vol. 34 Iss 2.
117. Bimal Prasad Lamichhance (2019), “*Legal aid: Existing law, policies and practices in Nepal*”, Journal of Political Science Vol. 19.
118. Breger, M. J. (1981). Legal aid for the poor: conceptual analysis. North Carolina Law Review, 60(2), 281-364.
119. Cambridge Dictionary, *Legal aid*, <https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/legal-aid>, truy cập ngày 23/09/2023.
120. Erna Ratnaningsih (2013), *National Report Legal Aid System in Indonesia.National Report: Japan*, http://www.internationallegalaiddgroup.org/images/miscdocs/ILAG_2017_National_Report_-_Japan.pdf, truy cập ngày 12/10/2023.
121. Farzana Akter (2021), *The standard of assistance from legal aid lawyers: an Indian perspective*, Indian Law Review Vol. 5 Iss.2.
122. Heriyanto Heriyanto (2022), *Aid the poor in Indonesia (Before and after the enacting of legal aid law)*, International Journal of Multicultural and multireligious understanding vol. 9 Iss.2.

123. Irwan Sapta Putra et al. (2023), *The legal aid for underprivileged people in Indonesia*, Russian Law Journal Vol.3 Issue 3, <https://doi.org/10.52783/rlj.v11i3.1933>
124. Legal Services Corporation (LSC), *The unmet need for legal aid*, <https://www.lsc.gov/about-lsc/what-legal-aid/unmet-need-legal-aid>, truy cập ngày 15/09/2023.
125. Legal assistance and barriers to accessing legal services worldwide, <https://legamart.com/articles/legal-assistance/>, truy cập ngày 15/09/2023.
126. Lincoln C. et al. (2019), *Access to Justice*, Journal of the American Academy of Arts & Sciences Vo. 148 No. 1.
127. Muhammad Irfan Faza (2021), “How do the poor for the justice they defense? Study of the legal aid law in Indonesia”, *The Indonesia Journal of International Clinical Legal Education*, <https://doi.org/10.15294/ijicle.v3i2.46169>
128. OECD (2015), *Equal access to justice*, <https://www.oecd.org/gov/Equal-Access-Justice-Roundtable-background-note.pdf>, truy cập ngày 15/09/2023.
129. Oktri Sarmita (2023), Implementation of the right to obtain legal assistance for poor citizens at the investigation stage, *Cepalo* Vo.7 Iss:1, <https://doi.org/10.25041/cepalo.v7no1.2833>.
130. The means test, <https://lab.mlaw.gov.sg/files/GuideToTheLegalAidSchemeBrochure-23Dec19.pdf>, truy cập ngày 05/10/2023.
131. The State Bar of California (2010), *Legal aid the Community*, <https://www.calbar.ca.gov/portals/0/documents/iolta/Legal-Aid-in-the-Community.pdf>, truy cập ngày 17/09/2023.
132. The State Bar of California (2019), *Making a difference: California legal aid*, https://www.calbar.ca.gov/portals/0/documents/accessjustice/final_impactreport_1.17.19.pdf, truy cập ngày 17/09/2023.
133. Tuan Anh Le, Guido Wyseure (2007), *Water Environmental Governance in the Mekong River Delta, Vietnam*, Trường Đại học Cần Thơ;
134. United Nations (2023), *Legal empowerment of the poor and eradication of poverty*,

<https://www.un.org/esa/socdev/documents/reports/Legal%20empowerment%20of%20the%20poor.pdf>, truy cập ngày 15/09/2023.

135. UNODC (2016), *Global Study on Legal Aids Global Report*, United Nations, Austria.

Tài liệu đường link web

136. <https://chinhphu.vn/du-thao-vbqpp/du-thao-quyet-dinh-cua-thu-tuong-chinh-phu-tang-cuong-hoat-dong-tro-giup-phap-ly-cho-nguoi-thuoc-5747>;
137. <https://tgpj.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?l=Huongdannghepvu>;
138. Điều 2 Luật Trợ giúp pháp lý Trung Quốc, ban hành ngày 20/08/2021, <https://www.chinalawtranslate.com/en/legal-aid-law/>
139. Tham khảo thêm tại website <https://tgpj.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?l=Huongdannghepvu>, truy cập ngày lần cuối ngày 15/8/2023.
140. Báo An Giang (2023), *Phát huy vai trò luật sư trong tư vấn pháp luật*, <https://baoangiang.com.vn/phat-huy-vai-tro-luat-su-trong-tu-van-phap-luat-a352693.html>, truy cập lần cuối ngày 08/08/2023.
141. Báo An Giang (2023), *Phát huy vai trò luật sư trong tư vấn pháp luật*, <https://baoangiang.com.vn/phat-huy-vai-tro-luat-su-trong-tu-van-phap-luat-a352693.html>, truy cập lần cuối ngày 08/08/2023.
142. Trang thông tin điện tử Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh Phú Thọ, *Tập huấn nghiệp vụ kiểm tra*, [https://danguykhoi.phutho.gov.vn/Chuyen-muc-tin/Chi-tiet-tin/tabid/92/title/363/ctitle/218/Default.aspx#:~:text=%2D%20Kh%C3%A1c%20nhau%20v%E1%BB%81%20m%E1%BB%A5c%20%C4%91%C3%ADch,x%E1%BB%AD%20l%C3%BD%20\(n%E1%BA%BFu%20c%C3%B3\)](https://danguykhoi.phutho.gov.vn/Chuyen-muc-tin/Chi-tiet-tin/tabid/92/title/363/ctitle/218/Default.aspx#:~:text=%2D%20Kh%C3%A1c%20nhau%20v%E1%BB%81%20m%E1%BB%A5c%20%C4%91%C3%ADch,x%E1%BB%AD%20l%C3%BD%20(n%E1%BA%BFu%20c%C3%B3),), truy cập lần cuối ngày 06/9/2023.
143. Khả Hân, *Thực trạng dịch vụ công TGPL và quản lý dịch vụ công TGPL ở Việt Nam*, <https://tgpj.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=1922&l=Nghienctuutraodoi>, truy cập lần cuối ngày 07/09/2023.